



tủ sách việt văn mới

văn học nghệ thuật

việt văn mới

số 5 tháng 11 năm 2013

. bảo lễ . ngô đình miên . minh nguyên . từ vũ .
phạm phú hải . vương hoài uyên . hồ thủy .
nguyễn thị dị . nguyễn khôi . phan . lăng hiền
xuân . nguyễn thị thụy khánh . vũ lưu xuân .
hoàng gia cương . khái nguyên . hồng vinh .
nguyễn văn sâm . vũ hữu trác . huyền viêm .
hà nguyên tường . tuệ chương hoàng long hải
. lại quảng nam . đặng đình túy . thái kế toại .
võ công liêm . huyền viêm .

tủ sách việt văn mới
2013

nguyệt san việt văn mới
số 5 tháng 11 năm 2013

. bảo lễ . ngô đình miên . minh nguyên . phạm phú hải .
từ vũ . vương hoài uyên . nguyên thị dị . phan . lãng hiên
xuân . nguyên thị thụy khánh . hồ thủy . nguyên khôi .
hoàng gia cương . khải nguyên . vũ lưu xuân . hồng vinh
. nguyên văn sâm . hà nguyên tường . vũ hữu trác .
tuệ chương hoàng long hải . lại quảng nam . đặng đình
túy . thái kế toại . võ công liêm . huyền viêm .

hộp thư toà soạn
newvietart@gmail.com

tổng thư ký toà soạn : Nguyễn Mai 

chủ nhiệm : Từ Vũ

nguyệt san

VIỆT VĂN MỚI
văn học nghệ thuật

số 5

15 tháng 11 năm 2013

tủ sách việt văn mới 2013

***Mất Hoàng Sa trước hoặc sau cũng có ngày lấy lại,
Đánh mất Văn Hoá thì con đường diệt chủng sẽ chẳng còn xa !***

Từ Vũ

truyện ngắn

MÙA MẶN

BẢO LỄ

Nhà tôi cách trung tâm thành phố không xa lắm. Tuy gọi là vùng ngoại ô, dân cư trong vùng còn thưa thớt nhưng hầu như nhu cầu vật chất thiết yếu đều có đủ. Nhà nào cũng có tivi, xe gắn máy, thêm lát gạch hoa, mái nhà tôn lạnh, vách quét sơn loại nhập và chuyện về siêu thị mua sắm là chuyện thường từ khi có những chuyến xe khách đón đưa trong ngày.

Tôi hay về thăm nhà mỗi cuối tuần bằng chiếc xe Honda đời bảy chín. Ở đó, tôi còn lơ dờ bức tranh đang vẽ. Mẹ tôi hay nói : “Cứ vẽ đi cho người thánh thiện”. Tôi mỉm cười tự nhận :” Khi vẽ có nghĩ được gì ngoài màu và cọ?” hay có lẽ “ trong tôi đang còn nhiều quỹ dữ trú ngụ?”. Mẹ tôi đã gần tám mươi. Bà là người

sùng Phật. Từ khi ba tôi mất, bà ít khi đi chùa hăn ngại vì sức yếu hay một điều gì đó tôi không rõ. Tôi có nhiều anh em nhưng lại không gần nhau lắm, mỗi người có cách sống riêng, họ đều có gia đình và ở rất xa, nên mỗi ngày kỵ giỗ hầu như tâm sự lúc càn càn dần với dăm ba câu chào hỏi đôi đũa như khách. Chính điều này mẹ tôi cũng nhận rõ. Bà hay than thở với tôi :”Con mỗi đứa mỗi khác. Cha mẹ sinh con, trời sinh tính!”. Mẹ tôi cảm nhận sự cô độc của tuổi già. Sự cô độc dẫn đến những nghĩ suy đến mức mọi điều sẽ xảy ra như có thật, những vô lý biến thành có lý, ngược lại. Sự hiện hữu của cái tuổi bóng xế cộng thêm nỗi mặc cảm lạng lẽ trong thời buổi chạy đua theo đồng tiền khiến mẹ tôi chi li từng đồng tiền dành dụm được từ bó xả đem bán, từ chùm mận mỗi khi có bọn trẻ đến xin mua... Thế nhưng, khi thấy tôi ngồi một mình trước hiên thì bà lẳng lẳng đi ra ngõ và mang về cho tôi ly cà phê sữa nóng hổi với điều thuốc lá ngon. Lúc đó, bà nhẹ nhàng ngồi bên tôi, bảo :” Uống đi cho đỡ buồn!” rồi vuốt tóc tôi, giọng khẻ khàng ủi an: “Tóc mày cũng bạc nhiều quá rồi! Chừng tuổi này đầu mà chưa có vợ!”. Thật ra, lúc ấy tôi không buồn chút nào vì mãi băng quơ đến từng chiếc xe lướt qua trước mặt nhưng nghe câu nói ấy của bà tự dưng tôi muốn khóc, khóc như thuở nhỏ trốn nhà đi bắt dế về bị đánh đòn và rưng rức nhìn từng con mọt bị ném tung ra ngoài cửa sổ ... Trước sân nhà tôi có cây mít – trồng lên từ khi ba tôi còn . Nó cao to và bị nghiêng một bên như tạo dáng một bon-sai khổng lồ cổ bám víu bằng những khúc rễ to trông giống các củ khoai mài dị thường lộ liễu phơi mình trên mặt đất. Thân cây mít lồm chồm từng lớp vẩy nâu đen dày cộm bị bóc giờ để lộ lớp da non hồng bên trong . Quả của nó tròn, nhỏ tựa trái dừa xiêm, nhưng múi lại rất thơm ngọt. Mỗi xế chiều, hàng ngàn con chim sẻ mùa bay ve tíu tíu đùa giỡn trong từng đám lá mít trước khi trở về nơi trú ngụ qua đêm. Mẹ tôi rất vui khi nhìn cảnh này, bà nói :” Đất lành chim đậu”. Từ khi có vài kẻ mang súng đứng bên kia đường chia vào, chúng tự động bỏ đi. Mẹ giận lắm, bà bước ra cửa hét toáng lên:” Mấy ông có thêm thịt thì mai tui đi chợ mua cho mỗi người một ký... chớ đừng ác đức như vậy!”. Nghe nói, bọn người kia bỏ đi, không hề quay lại nhưng cũng từ đó tiếng chim đã ngưng bật. Chúng chẳng bao giờ

trở lại thiên đường của chúng nữa. Hàng ngàn con chim sẽ mất cơ hội tìm cho mình một hạnh phúc dù rất nhỏ nhoi, bình thường, quá đỗi hồn nhiên.

Có lẽ đức tính chịu đựng, thức khuya dậy sớm là bản chất của người đàn bà Việt Nam. Khi tôi ngủ dậy đã thấy khoảnh sân gạch trước nhà đã được quét dọn. Ấm trà nóng đã pha từ lúc nào. Mẹ tôi đã sang nhà hàng xóm mua lại ít rau chuẩn bị cho bữa cơm trưa. Bà không bao giờ ngồi lâu một chỗ kể cả lúc xem ti-vi dù lúc ấy là một phim tình cảm khá hay hoặc một tuồng cải lương mùi mẫn- một thể loại dân ca mà bà rất thích.

*

- Bà ơi! Bán cho cháu ít mận...

Nghe giọng nói người lạ, mẹ tôi ngừng tay bằm chuối cho lủ vịt. Một cô gái độ tuổi hăm sáu – hăm bảy, người hơi gầy, nước da trắng. Cô khá tươi tắn trong bộ đồ bà ba màu lục già, tóc khá dài được cột cẩn thận thả sau lưng. Đôi mắt to đen như cười dưới vành chiếc nón lá đang ngả sang màu vàng rạ. Cô đứng bên gốc cây mận ngoài ngõ, mắt nhìn phía mẹ tôi với vẻ chờ đợi.

- Nhiều ít? Mẹ tôi hỏi gọn lỏn. Bà chỉ tay vào cây mận.

- Cứ hái bao nhiêu tùy ý nhưng đừng leo, cành giòn dễ gãy, té chết! Mẹ tôi cẩn thận.

Nói đoạn, bà nhìn về phía tôi:

- Tú! Mày ra xem. Hái giùm người ta cũng được.

Tôi đặt cộ dưới giá vẽ, bước ra ngoài sân.

Cô gái nhìn tôi bẽn lẽn và nhoẽn cười ngại ngùng.

- Cô để tôi hái. Chùm nào thích chỉ.

Thấy tôi khó chịu, cô gái nhỏ nhẹ:

- Tùy anh...

Đã một túi ny-lon khá đầy. Cô gái im lặng vẫn để tôi hái những quả tôi muốn. Tôi bực mình ra mặt:

- Nữa không? Hay tui rung cả cây, trái nào chín rớt xuống cô nhặt?

Cô cười với ánh mắt tinh nghịch, trả lời tôi như chuẩn bị sẵn:

- Cần thiết thì chặt cả cây, nếu anh muốn!

- Gì? Tôi quay lại gần giọng.

Tỏ ra không vừa, cô gái “tay đôi” với tôi:

- Cây mận của nhà anh chứ đâu phải của tôi. Anh vào hỏi má anh xem thử có chặt được không cái đã!

Tôi như một võ sĩ bị nốc-ao đo ván. Lúng túng, tôi vắt mạnh cây hái xuống đất, im lặng bước nhanh vào nhà.

- Xong rồi đó, má! Tôi nói với mẹ, cố gắng giữ sắc mặt bình thường.

Mẹ tôi cười. Hình như bà biết câu chuyện vừa giữa xảy ra giữa tôi và cô ấy thì phải.

Mẹ tôi không lấy tiền. Bà biếu. Cô gái lí nhí cảm ơn đặt túi mận vào giỏ trước chiếc xe đạp, mắt không quên lờm vui về phía tôi khi vừa bước lên xe.

Bức tranh phong cảnh đang kết thúc giai đoạn đặt màu. Tôi phát hiện hình như còn thiếu một hình ảnh nào đó dù bố cục đã được thể hiện theo phác thảo mà tôi sắp xếp cho là khá hoàn chỉnh từ trước. Hít một hơi thật sâu, khói thuốc nhiều đến độ làm cay mắt. Bức tranh trở thành một quang cảnh tĩnh mịch nhuộm màu vàng nguyên chất điểm xuyết những đốm chàm của bóng cây dừa in lên từng tấm ván của chiếc cầu xiêu vẹo bắt ngang con lạch; phía xa mái nhà tranh hé hiện sau bụi chuối um tùm mờ nhạt trong nắng đã chiều. Mẹ đứng sau lưng tôi lúc nào chẳng hay. Mắt nhắm nhắm nhìn vào bức tranh:

- Không vẽ nữa sao? Mắt tập trung rồi phải? Mẹ cười hỏi.

- Con thấy thiếu một cái gì đó... Tôi thú thật với mẹ.

Mẹ lấy tay xoa mạnh vào đầu tôi, nói gọn:

- Người!

Nói xong, bà bước vào bếp. Không gian nhường lại cho tiếng lách cách của chiếc bếp ga, tiếng nắp soong khẽ chạm vào nhau hoà văng tiếng lúc rúc của đàn vịt con tìm ăn từ phía sau nhà.

*

My, tên cô gái. Cái tên y như trong chuyện cổ tích. My là giáo viên tiểu học ở vùng này. Sở dĩ My biết nhà tôi có mận ngon vì đám học trò kháo nhau. Chúng đem tặng cô giáo những quả mận màu đỏ hạt nhỏ thịt dày và giới thiệu nơi bán.

Cứ cách dăm bữa, My lại đến nhà tôi mua mận. Nghe mẹ kể lại: cô tự hái lấy khi không có tôi nơi ấy. Mẹ tôi vẫn không lấy tiền có lẽ vì bà cần có người bầu bạn hơn là chuyện mua bán của đời thường.

Ngày cuối tuần về thăm, mẹ nói với tôi: Nó cứ gọi mày là “anh già khó chịu”. Tôi cười thầm và bất giác tự hào với danh hiệu đặt cho mình có từ “trên trời rớt xuống”.

... Mẹ mặc chiếc áo dài trơn màu lam nhạt, tay vịn chiếc xe đạp ngoài ngõ, hỏi tôi:

- Sao anh không về nơi này ở luôn với mẹ?

- Nghỉ thì dễ... nhưng về đây để làm gì? Ăn bám mẹ già chắc? Tôi vẫn giữ thái độ hờ hững khi nói chuyện với Mẹ.

- Xin chuyển chuyển không được sao? Mẹ nhìn tôi gần như năn nỉ.

- Đâu được! Công ty chưa tìm ra người thay thế. Chịu!

Tôi là một trong hai người phụ trách mảng thiết kế ngoại thất của một công ty xây dựng mà hợp đồng đến những năm năm trong khi tôi chỉ mới làm việc nơi ấy chưa đầy hai năm. Không phải đợi đến lúc Mẹ nói ra, điều này đã làm tôi trăn trở rất nhiều kể từ khi ba tôi mất.

Tôi mời Mẹ vào nhà. Mẹ tôi đem nửa trái mít cho hai đứa rồi bảo ra thêm ngồi ăn cho mát. Mẹ tự nhiên bóc lấy từng múi mít mời mẹ và tôi.

Mẹ tôi đánh tiếng, nhìn Mẹ, vẫn gọn lỏn như lần đầu gặp mặt:

- Chừng nào nghỉ hè?

- Dạ, cuối tháng này. Mẹ nhỏ nhẹ trả lời.

- Có về quê không? Mẹ tôi hỏi tiếp.

Mẹ ngập ngừng:

- Dạ... chưa biết nữa.

Mẹ không hỏi gì thêm. Bà gom những hạt mít lại rồi bỏ vào chiếc chén bên cạnh để sau này đem luộc rồi băm nhỏ ra làm thức ăn dành cho lũ vịt hấu đói đang lớn dần.

Mẹ đứng dậy, nhìn tôi và My rồi ầm ỹ:

- Mà về quê chắc cây mận ở đây buồn lắm!

My cười nhỏ, buồn buồn:

- Bác nói vậy! Cháu thấy, nhà mình đâu chỉ có một cây mận...

Tôi ngẩn người khi nghe My dùng từ “ nhà mình” trong câu nói. Tôi buột miệng:

- Ăn mận?

My gật đầu nhưng không trả lời. Cô giúp mẹ tôi dọn dẹp và lau sạch nơi ngồi. Tôi và My đứng dưới gốc mận. Mận hôm nay đầy quả chín, rụng khá nhiều. My vói tay hái trái thấp nhất chìa về phía tôi :

- Anh ăn thử đi, xem có mùi dầu thông không?

Tôi thắc mắc:

- Mận sao có mùi dầu thông?

My cười to. Tiếng cười trong sáng như trẻ con.

- Máy trái anh hái giùm trước đây, đem về, nghe chỉ toàn mùi ấy, ăn gì được...

Tôi vỡ lẽ. Hôm ấy, hái mận cho My với bàn tay bám đầy dầu thông từ những “típ” màu vẽ.

- Tôi... xin lỗi My. Tôi áp ứng.

My nhìn tôi, môi chúm chím nụ cười, trêu chọc:

- Câu nói của anh bây giờ mới có chủ ngữ!

Hôm ấy, My sao thật dễ gần.

Dưới cây mận, chúng tôi bắt đầu bằng câu chuyện băng quơ như thế. My kể cho tôi nghe những buồn vui trong nghề giáo. Tôi kể My nghe những mẫu chuyện bực dọc trong nghề làm đẹp cho cái hưởng thụ bề ngoài của vài người có tiền và địa vị. Nếu không có sự chịu đựng, chúng tôi sẽ như thế nào trong cuộc mưu sinh này? Mẹ tôi thường bảo :”Mỗi nhà mỗi cảnh- mỗi người mỗi ý”. Biết sao được!

Lưng núi phía sau nhà bốc lên những mảng sương mù dày đặc. Nắng chiều rực rỡ tràn về từ góc trời xa vẫn không che hết cái lạnh ở đâu tràn về nhuộm đầy hơi nước. My vắn vệt áo và nói nhỏ chỉ mình tôi nghe:

- Thôi, em về.

Tôi ậm ừ dắt xe ra cổng dùm My. My để yên bàn tay cho tôi nắm. Mẹ tôi đã đi sang chiếc quán nhỏ bên kia đường từ lúc nào chúng tôi chẳng hay.

My đạp xe thật nhanh trong những giọt mưa nhỏ lầy lất theo cơn gió thoảng qua. Tôi quên cả những trái mận mà tôi đã để ý sẽ hái dành tặng My.

Tôi vẽ một dáng người ngồi tựa lưng vào gốc dừa bên kia chiếc cầu ván bắt ngang qua suối. Một hình ảnh khá cận cảnh. Tôi hình dung và cố gắng vẽ My, nhưng không thể nào vừa ý. Chiếc áo màu lục già của My mà tôi thích nhất nằm giữa bố cục trông như một bức tranh dã thú. Tôi có thể nhận rõ trong ký ức của mình khuôn mặt từ mắt môi đến mái tóc của My thế mà không thể nào diễn tả được. Tôi để lại một khoảng trắng.

Ngày mai tôi lại về nơi làm việc chuẩn bị cho chuyến đi thực tế dài ngày. Có lẽ bức tranh ấy vĩnh viễn không bao giờ hoàn thành. Nó sẽ mãi nằm yên trên giá vẽ và làm bạn với cái pa-lét phết đầy màu dầu với mùi nhựa thông quánh cứng.

My đã về quê từ tháng trước. Nghe đám học trò loáng thoáng cãi cộ khi đến nhà tôi mua mận: “ Cô My lấy chồng, ở luôn ngoài ấy rồi!”

Đêm đến, mẹ tôi ngồi trên bộ ván. Bà quần cuộn lộn tóc dài trắng bạc quanh ngón tay rồi dùng lược chải suông từng ngọn để dành ra ngoài. Bà khẽ nói, giọng thật buồn:

- Thế là má phải đợi thêm một mùa mận khác.!

MÙA MÙA, 2009

BẢO LỄ

truyện ngắn

MONG MANH CÚC QÙY

MINH NGUYỄN

Qua hướng dẫn của anh lơ xe trẻ, Ngữ biết nơi làm việc sắp đến của anh, nằm trên ngọn đồi nhìn từ hướng rẽ trái. Quả nhiên sau khi dừng xe, bỏ anh xuống bên đường. Từ khoảng trống chiếc xe khách vừa lao đi, Ngữ phát hiện ra ngay trước mắt một con đường nhựa. Con đường dẫn lên dốc cao dựng đứng với hai bên mọc lên những ngôi nhà bẽ thế, treo bằng cơ quan này nọ. Nơi ấy sớm muộn gì Ngữ cũng phải đặt chân lên đó, trình diện nhiệm sở mới. Có nghĩa là chấp nhận sống cuộc sống buồn chán tỉnh lẻ. Biết làm gì hơn khi thời buổi người đông của khó, muốn tìm công việc làm đàng hoàng đâu dễ. Nhìn đồng hồ tay thấy còn sớm so với dự tính. Ngữ thở phào nhẹ nhõm, biết mình không bị lạc đường. Giờ

đây anh hoàn toàn thoải mái, đứng nhìn nơi chốn mà chỉ trong vài giờ nữa anh sẽ trở thành cư dân mới. Vì thế, Ngữ muốn tự thưởng cho mình một chuyến tháp tùng theo đám du khách, thưởng ngoạn không mất tiền nơi được xem là “cao nguyên trơ trụi gò đồi nhấp nhô”. Nơi mà mấy ông Tây ngày xưa phải bỏ ra hàng mấy năm trời, đi tới đi lui mãi mới khám phá ra nơi nghỉ dưỡng tuyệt vời này. Nghĩ sao làm vậy. Ngữ quyết định nhận lời mời đi thăm thú các nương dâu, đồi trà, đồi cà phê bạt ngàn quanh đây. Cho tới khi nghe thấy tiếng kêu đầy vẻ ngạc nhiên từ cô gái trẻ, khi phát hiện ra thứ màu vàng rực rỡ chảy tràn ra khắp mọi phía nơi triền đồi.

- Chúa ơi ! Có ai biết kia là hoa gì hay không ?

Nhìn theo hướng chỉ tay cô gái, nhiều người đã phải ngạc nhiên trước màu vàng lộng lẫy, mượt mà nhưng tơ; trải dài từ lưng đồi ra đến chân trời xa xa. Thứ màu vàng chói chang bắt gặp qua loài hoa dại mọc lên từ khắp núi đồi cao nguyên. Vàng đến nỗi, tưởng chừng không thể có màu vàng nào vàng hơn chúng. Tuy là loài hoa mộc mạc không chút kiêu sa, nhưng lại có mùi thơm hăng nồng đặc trưng; khiến cho ai một lần tình cờ hít hà chúng sẽ nhớ mãi không quên. Theo lời người hướng dẫn : “đó là cây sơn quỳ, cúc quỳ, hay văn vẻ hơn còn gọi là dã quỳ. Cây không mọc riêng lẻ mà hợp thành bụi, vươn thẳng ngọn lên cao quá đầu. Chờ mùa mưa đi qua, những hạt mầm ẩn mình trong lòng đất hồi sinh mãnh liệt, cho ra những chiếc bông vàng ươm, phải đến hết giêng-hai mới lụi tàn. Hứa hẹn mùa đông hanh khô năm sau, trở lại không kém phần hoành tráng giữa đại ngàn gió núi.”

Chứng kiến thứ màu vàng được nhiều người trầm trồ, xuýt xoa khen tặng. Ngữ chợt nhớ tới lần đi suốt chặng đường dài từ vùng biển lên Tây nguyên, tham dự lễ cưới người bạn. Hôm đó, phải thú nhận đây là lần đầu tiên, anh đã phải lòng trước màu hoa vàng hoang dã, loang loáng chạy đuổi theo hai bên đường. Nhất là khi xe vừa kịp trở tới một khúc quanh, ngoái trước nhìn sau chỉ thấy dậy lên khắp nơi một màu vàng óng mượt. Kế đến, nghe tiếng gã lái xe ngồi cạnh, buột miệng khen: “Ô ! Cúc quỳ vào mùa này đẹp đến mê hồn”. Thấy có người cùng ý tưởng với mình, Ngữ cảm thấy vui vui trong lòng nên quay sang hỏi chuyện :

- Cúc quỳ ! Sao anh không gọi chúng là dã quỳ như nhiều người vẫn hay gọi?
- Đây là loài cây mọc hoang dã.Ai thích gọi chúng bằng tên gì chẳng được.Còn ông ?
- Tôi thích gọi chúng bằng cái tên cúc quỳ hơn.
- Vì kỷ niệm ?
- Nghe nó dân dã và gần gũi biết chừng nào.
- Ông biết không ! Sau những năm bảy mươi.Từ cô sơn nữ cúc quỳ của núi rừng cao nguyên,không hiểu do đâu mấy ông bà văn nghệ sĩ đã biến chúng thành nàng công chúa dã quỳ cho có vẻ lãng mạn.
- Dựa vào đâu để khẳng định điều anh vừa nói ?
- Ồ ! Qua các sáng tác thơ-văn-nhạc-họa đăng tải đầy rẫy trên các phương tiện truyền thông thời bấy giờ.
- Anh cũng rành mảng văn học nghệ thuật ghê.
- Thời học sinh cỡ tuổi tôi,ai không bị bắt đi lính thì ăn chơi,nhảy nhót;không nhậu nhẹt,ngồi quán cà phê thì ít nhất cũng có tên trong các thi văn đoàn,bút nhóm này nọ.

Nhớ lại câu chuyện do gã lái xe kể. Ngữ cảm thấy dị ứng với cái tên dã quỳ vô cùng.Tại sao không gọi cúc quỳ với cái tên dân dã như chính bản thân nó,mà cứ phải văn chương hóa bằng cái tên dã quỳ nghe kiêu kỳ đáng ghét kia? Tự dưng,Ngữ cảm giác không còn hứng thú gì với chuyến đi ,bèn bỏ ngang cuộc rong chơi giữa chừng.Lặng lẽ vát ba lô ra xe ôm,quay về thị xã chui vào mấy quán nước nằm dọc ven đường quốc lộ.

Chưa kịp ngồi,Ngữ dừng ngay ánh mắt dịu dàng từ cô gái chưa quen,nhìn anh nửa tin nửa ngờ như đã từng gặp nhau ở đâu đó.Ai thế nhỉ ? Ngữ lục trí nhớ tìm kiếm qua từng gương mặt nữ,ít nhiều lưu lại trong anh chút tình cảm vẩn vơ:Vi,Thảo,Như ở Sài Gòn.Nụ,Yến,Xuân ở Hà Nội.Mây ở Sapa . . . vô tình,ngay lúc đó âm thanh bản thánh ca Eva Maria không lời,vang lên từ cặp loa treo trên tường.Giúp Ngữ nhớ ra khuôn mặt cô phù dâu xinh đẹp,xuất hiện trong buổi sớm mai bên đồi thông ngai ngái sương mù,trước sân nhà thờ trong buổi tiến hành hôn lễ của người bạn thân.Thảo nào,chỉ thoáng trông thấy Ngữ,cô gái sớm

nhận ra anh nên trên nét mặt hiện ra chút sững sờ. Ngử vừa mừng vừa nhớ câu nói : “ Cơ hội không đến với ai hai lần “. Liệu có nên tin hay không khi mà không thử thì làm sao biết được kết quả?

Do dự một hồi, Ngử quyết định bước tới bàn cô gái đang ngồi, hỏi như thể hai người đã từng quen nhau từ khi nào:

- Em xuống đây hồi nào ?

Cô gái hồn nhiên đáp:

- Anh có lộn ai không vậy. Từ trước đến giờ gia đình em vẫn sống trên này.

- Vậy sự có mặt của em trong buổi hôn lễ là sao ?

- À ! Lần đó em được mời làm phù dâu cho cô em họ.

- Thì ra . . .

- Anh có hẹn ai không?

- Tôi đi một mình!

- Vậy chúng ta có thể ngồi cùng bàn. Mời anh !

Ngử kéo ghế ngồi đối diện cô gái, nói:.

- Không ngờ người đầu tiên tôi quen ở thị xã này lại là em.

- Anh ghé lên đây du lịch hay có công việc gì ?

- Tôi được phân công lên đây làm việc.

Giọng cười cô gái ngân vang như tiếng chuông. Sau đó cô nói như nói với chính mình:

- Sao có sự trùng hợp kỳ lạ đến thế hử trời !

- Em nói vậy có nghĩa gì ?

Cô gái chống chế bằng một nụ cười rất xinh :

- Không ! Không có gì đâu. Mừng sự có mặt của anh ở xứ khỉ ho cò gáy này.

Qua cuộc trò chuyện vui vẻ. Lần đầu tiên Ngử nghe cô gái giới thiệu cô tên Nhã. Cô nói gia đình cô gồm : bố mẹ, cậu em trai, còn người anh lớn lập gia đình đã ra ở riêng. Sáng nào không phải chở em đến trường trên xe đạp, cô thích thả bộ đi rong chơi trên các nương trà; ngắm nhìn từng đám sương mù bay lòa xòa khắp lưng chừng đồi, hít thở hương thơm dịu dàng lan tỏa từ các hoa trà tinh khiết. Cô thú nhận, lần tình cờ gặp anh trong đám

cười,cũng là lần đầu tiên cô được gia đình cho tháp tùng theo chị dâu đi chơi xa.Không dè,suốt buổi sáng hôm đó cô bị cuốn hút hoàn toàn bởi ánh mắt chàng trai xa lạ cứ bám riết theo cô,đến nỗi chân tay luôn cảm thấy thừa thãi bên sự hảnh diện.

Tuy buồn cười trước lối suy nghĩ của Nhã về vùng đất cô đang sinh sống,nhưng qua đó Ngữ cảm nhận được sự chân thành thể hiện qua cách ăn nói giản dị nơi cô.Ngữ hỏi:

- Buổi sáng hôm ấy chắc em phải “ ghét “ anh lắm?

Ghét ! Nhã dấu sự sung sướng bên nụ cười e thẹn.Cô thừa hiểu câu nói “ ghét là thương “ đầy hàm ý qua giọng nói trầm ấm như rót mật vào lòng của Ngữ.Tự dưng,cô nghe như có luồng điện chạy từ đỉnh đầu xuống mặt,làm nóng bừng hai gò má.Để che dấu cho Ngữ không phát hiện ra đôi má đỏ hây hây nơi cô trong lúc này.Nhã vờ quay mặt sang hướng khác nói :

- Ai bảo anh nhìn chăm chăm vào em làm gì,để bà chị dâu nhìn thấy gheo em suốt buổi.

- Đâu phải chỉ có mỗi anh nhìn em ?

- Ai em không biết.Nhưng qua ánh mắt anh nhìn em đã nói lên rất nhiều điều.

- Chị dâu hay em nhận xét như vậy ?

- Chị ấy cảnh báo em phải coi chừng gã con trai,trong số những gã con trai,đang rập tâm giương cung tình yêu nhắm bắn vào em. Ngữ bật cười.Chịu thua trước sự nhận xét khá tinh đời của người chị dâu từng trải.Cuối cùng Ngữ tự bào chữa cho hành động của mình rằng:

- Em thông cảm cho cánh đàn ông bọn anh.Đứng trước bất kỳ phụ nữ xinh đẹp nào,bao giờ họ cũng trở nên yếu đuối một cách dễ thương,bằng cách ngây người ra chiêm ngưỡng tác phẩm tuyệt trần của tạo hóa ban tặng cho thế gian này.Vậy em đâu nỡ kết tội bọn đàn ông các anh phải không ?

Trước kiểu ăn nói hào nhoáng chỉ nhằm thêm mắm thêm muối làm cho câu chuyện thêm vui,khiến người nào dù khó tính đến mấy cũng phải phì cười.Nhã cũng thông cảm điều đó nên nói:

- Anh cho em uống nước đường,lấy lòng không bằng ?

Biết phụ nữ thích nghe những lời khen tặng hơn là nghe thô lỗ tình cảm riêng tư,Ngữ khôn khéo léo lái câu chuyện sang hướng kể chuyện vui.

Vừa kịp kết thúc câu chuyện phiếm,Ngữ nghe tiếng thấy kêu thảng thốt của Nhã khi nhìn đồng hồ treo trên vách ngăn phía sau quầy bán hàng:

- Chết ! Muộn mất rồi.Em phải về ngay kéo ở nhà trông - Nhã vội đứng lên,đồng thời đưa tay ra vẫy vẫy chào tạm biệt.

- Khoan đã,việc chi phải cuốn lên thế hờ em.Dù sao cũng đã muộn,muộn hơn một tí chẳng hề gì.

- Anh không biết đấy thôi ! Các cụ nhà em còn xưa lắm.

Ngữ lịch sự,đẩy ghế đứng lên theo,hỏi :

- Anh có thể tiễn chân em một đoạn chứ.Bề nào anh cũng phải lên cơ quan trình diện xếp ?

Nhã vui vẻ đồng ý cho Ngữ tháp tùng đi với cô bước nhanh ra phía cửa .

Lạ ! Suốt tuần lễ qua Ngữ luôn tỏ ra nôn nóng,không hiểu vì sao Nhã mất tâm từ nơi chốn nào.Đã nhiều hôm anh định đi tìm cô,nhưng nhớ lại lần gặp cô trên phố,anh chỉ nghe nói loáng thoáng nơi cô ở cách xa thị xã vài cây số.Muốn đi đến nơi,phải vượt qua con suối nhỏ,sau đó leo một nhĩ lên con dốc vừa cao vừa dài hình con rắn đang bò tới.Vào những sáng mùa đông lạnh buốt,chiếc cầu bắc qua con suối chìm trong màn sương mù,không còn nhìn thấy đâu.Chỉ cần mất cảnh giác một chút,có thể sẩy chân rơi xuống dòng nước lạnh giá bên dưới.Ngay cả đèn chống sương mù,đôi khi cũng chẳng hơn gì vật dụng dùng trang trí.Căn cứ vào lời Nhã kể,có lẽ cô nói thật hoặc cũng có thể nêu lên sự khó khăn vì không muốn cho người khác biết nơi sinh sống.Bởi theo suy luận của người khó tính,ta có thể hình dung ra cách từ chối khéo,không muốn làm buồn lòng người đối diện..

- Anh Ngữ chờ em với!

Nghe tiếng gọi tên mình từ phía sau,Ngữ dừng bước,xoay người lại nhận ra Nhã đang cố đi thật nhanh để đuổi cho kịp anh.Ngữ vừa có chút ngạc nhiên vừa mừng rỡ hỏi :

- Em trốn đi đâu suốt tuần nay ?

Chớp bờ mi đen trên đôi mắt có đuôi,Nhã e then nói:

- Có trốn đi đâu được.Chẳng qua em bận việc nhà thôi.
- Em làm anh lo quá.Đã mấy lần hỏi thăm về gia đình em ở nhiều nơi và đang định đi tìm . . .
- Bộ em nổi tiếng lắm nên ai cũng biết hay sao?
- Hoa hậu được không ?
- Em thích được là chính mình hơn.

Biết không thể đùa dai,Ngữ quay ra hỏi Nhã:

- Hôm nay em rảnh chưa.Sao lại xuất hiện vào giờ này?- Vì nhớ anh,em tìm mọi cách đi ngay ra đây.Không dè - Nhã bỏ lửng câu nói,nhìn Ngữ cười bẽn lễn,sau mới hỏi tiếp - Anh không từ chối đi với em chứ?

- Mình đi đâu ? Ngữ hỏi sau câu nói bỏ lửng nơi Nhã.

- Có nơi này hay lắm ! Em nghĩ anh sẽ thích.

- Hẳn phải đặc biệt?

- Cùng một lúc anh vừa được ngắm thị xã từ trên cao,vừa được chiêm ngưỡng vẻ đẹp hoàng hôn rơi xuống bên những cung đồi.

Qua lời giới thiệu hấp dẫn từ cô gái xinh đẹp,khiến Ngữ khó lòng từ chối cơ hội hiếm có,đi bên Nhã đến bất kỳ nơi đâu.Cứ thế,anh nhận lời cùng cô rời khỏi khu phố chợ đông người.Hướng về phía đồi thông xanh biết nằm ở ngoại vi thị xã.Muốn đặt chân tới được con đường mòn dẫn lên đồi thông nơi ấy,Nhã buộc phải đưa Ngữ đi vòng qua chiếc hồ bẽ thế.Nghe đâu trong suốt mùa hè,nơi đây có rất nhiều thanh niên-nam nữ trong thị xã rủ nhau ra đây vui chơi,bơi thuyền,cắm trại. . . qua đó hình thành nên vô số câu chuyện tình yêu lãng mạn.Theo Nhã “ ngày xưa ngày xưa nơi này từng là miệng của một ngọn núi lửa.Dấu vết còn sót lại được nhìn thấy gồm một mặt hồ xanh biết cùng các lớp nham thạch tích tụ lâu ngày, hình thành nên một vùng đất đỏ bazan rộng khắp.Giúp cho việc trồng trọt những loại cây công nghiệp dài ngày thêm phần tươi tốt và trù phú.

Đang bước đi chậm chậm trên lối mòn chỉ vừa đủ cho hai người chen chân.Bất ngờ Ngữ nghe có tiếng chân người chạy vụt qua bên cạnh.Chưa kịp hiểu ra chuyện gì,Ngữ đã nhìn thấy ai trông giống như Nhã đang hồn nhiên chạy nhảy tung tăng giữa màu

vàng rực rỡ của đám bông cúc quỳ. Tiếc cho Ngữ không phải là nghệ sĩ nhiếp ảnh hay họa sĩ, để có thể thao tác đúng lúc thời khắc cần có cho một tác phẩm.

Đang suy nghĩ lan man, Ngữ quên không chú ý đến sự trở lại của Nhã từ đám cây lá kia. Tới chừng trông thấy cô hớn hờ, ôm mớ hoa vàng trước ngực đến khoe, anh chực nhớ ra mọi việc, nên hỏi cô:

- Em yêu cúc quỳ đến vậy sao ?

- Vâng ! Em không chỉ yêu cái dáng vẻ mộc mạc qua loài cây hoang dã này, mà còn bị mê hoặc trước sức sống mãnh liệt làm dậy lên thứ sắc màu vàng rực đang hiển cho đời. Chính vì thứ sắc màu huyền hoặc ấy mà cúc quỳ luôn thân thiện và gần gũi trong mắt mọi người.

Từ tâm sự của Nhã, Ngữ cảm nhận ra được thông điệp về cuộc sống giản dị và chừng mực mà cô muốn gửi đến mọi người. Một quan niệm không có gì cao xa so với cuộc sống mà anh vẫn sống từ trước đến giờ. Chân thật, giản dị và yêu thương đồng loại. Chính từ suy nghĩ đó dễ dàng làm cho hiểu được sự lo lắng của Nhã để cùng chia sẻ. Bất ngờ Ngữ nắm lấy bàn tay Nhã hỏi :

- Có phải em giấu anh điều gì song chưa tiện nói ra?

Hơi ấm từ bàn tay Ngữ truyền sang Nhã tạo ra cảm giác dễ chịu. Cô sung sướng để yên tay cô trong tay anh, đi suốt quãng đường dài không biết mệt mỏi. Mãi một lúc sau, cô mới lí nhí nói bên sự e thẹn làm nóng bừng hai bên má.

- Cảm ơn anh đã cho em mượn bàn tay trong giây lát.

- Có gì đâu. Một lát hay một đời anh cũng sẵn sàng, chỉ sợ em không đón nhận.

- Thật không ! Hay anh chê con gái vùng cao quê mùa ?

Thay vì trả lời câu hỏi cho Nhã, Ngữ nhân lúc quãng đường vắng vẻ, anh hôn vội lên mái tóc thơm mùi đặc trưng hương đồng cỏ nội của cô. Một mùi thơm nhẹ nhàng lan tỏa quanh cánh mũi, gợi nhớ hình ảnh mẹ anh thường hay ngồi chải tóc bên thau nước, đun sôi với dăm ba trái bồ kết nướng chín, cộng thêm một ít lá bưởi sau vườn. Thứ nước gội đầu dân dã mà trong thời đại văn

minh, chỉ còn nghe các cụ già kể lại như kể một truyện cổ tích, con cháu khó lòng hình dung ra. Ngữ khẽ suyt soa kêu :

- Ôi ! Mùi hương bồ kết thật tuyệt vời. Ngữ kêu lên.

Nhã đầy thích thú lẫn ngạc nhiên hỏi:

- Anh cũng nhận ra cái mùi hương này ư?

Do phải cố gắng vượt qua đoạn đường khó đi, Nhã mau chóng kiệt sức trên đôi chân mỏi nhừ, loạng choạng suyt ngã mấy lần. May nhờ có Ngữ đi bên cạnh nhanh tay đỡ lấy người cô, nếu không tai nạn đã xảy ra không chừng. Thấy vậy, Ngữ vội dìu Nhã đến ngồi trên một gốc cây gần đó nghỉ mệt, tiện thể hỏi xem tình hình sức khỏe cô thế nào :

- Không sao chứ em. Hay ngồi chờ bớt mệt rồi, anh đưa em xuống lại ?

Vừa đưa tay đề lên ngực Nhã vừa nói với anh :

- Máy hôm nay em thấy trong người không được khỏe, nhưng không sao, nghỉ mệt một lát sẽ khỏi thôi.

Nhìn bao quát khắp ngọn đồi hết lượt, Ngữ hỏi :

- Em vẫn hay lên đây một mình ?

- Vâng ! Chỉ khi nào cảm thấy buồn chán.

- Ngồi ngắm phong cảnh hay làm gì ?

- Khum hai bàn tay chụm vào nhau làm thành chiếc loa, đặt lên miệng hét những tiếng thật to.

- Cảm giác thế nào ?

- Mọi sự phiền muộn như được vơi đi.

- Giống phim Hàn Quốc quá?

- Không tin anh thử xem.

Chờ đợi nhịp tim của Nhã tạm ổn. Ngữ lên tiếng hỏi :

- Nhìn trong mắt em hình như anh thấy hiện lên bao điều phiền muộn?

Nhã lặng thinh bên câu hỏi của Ngữ. Hai tay cô ôm lấy khuôn mặt, nghĩ ngợi mông lung. Biết có nài nỉ đến mấy cũng chẳng thể lay chuyển được Nhã nói lên tâm sự trong lúc này. Ngữ ngồi xuống trên đám lá thông khô, hướng tầm mắt nhìn ra khoảng trời bao la chờ đợi. Trước mắt anh ngoài thảm xanh thực vật, núi

đồi,rừng cây vây quanh;còn lại là nhà cửa,thôn xóm,khu phố chợ,những ngôi nhà hình ống,đình chùa,nhà thờ,tháp chuông mọc ken đầy bên đường quốc lộ . . . tạo nên cảnh sinh hoạt buổi chiều thật sinh động.Đúng như những gì Nhã đã mô tả.Thị xã nhìn từ trên cao không chỉ đẹp,mà còn thơ mộng biết bao.Phải là người yêu thiên nhiên và có óc thẩm mỹ mới phát hiện ra nơi chốn tuyệt vời đến vậy.

Do phải chạy đuổi theo những hình ảnh nhỏ li ti hiện ra dưới đồi,đột nhiên Ngữ nghe tiếng Nhã hỏi:

- Công việc của anh có gì lạ ?

- Tạm ổn định.

- Anh thấy nơi này thế nào ?

- Thật bình yên.

- Chắc không vui như dưới thành phố ?

- Trái lại,anh thấy thích hợp với khí hậu trong lành nơi đây;nhất là khi mở mắt ra đã thấy sương mù lãng đãng bay trên khắp các đồi cây,ngọn cỏ.Cho ta cảm giác nhẹ nhàng bay bổng trong thế giới huyền ảo.

- Anh nói gì về cúc quỳ?

- Chẳng phải người ta đã chọn cúc quỳ là biểu tượng cho vùng đất này rồi sao?

- Anh biết em vốn yêu cúc quỳ,yêu cuộc sống cực kỳ ngắn ngủi của chúng.Mới thấy tươi rói đó rồi cũng sớm héo tàn ngay sau đó.Vì thế rất ít khi thấy ai ta mang cúc quỳ về cắm vào bình chưng trong phòng khách.Riêng em lại rất thích thú nhìn sự mong manh cúc quỳ để nhớ về chuyện tình ngang trái giữa nàng H'limh và chàng K'lang.Một chuyện tình mãnh liệt của cô sơn nữ bất chấp mọi hiểm nguy,vượt suối,trèo đèo đi tìm người yêu qua khắp các bản làng.Đến khi quá mệt mỏi nàng H'limh đã ngủ thiếp đi bên cánh rừng.Trong giấc mơ nàng nghe K'lang mách bảo: “ hãy đi thêm một con suối nữa sẽ gặp chàng ở đó “.H'limh choàng thức dậy,nhắm con đường phía trước đi thẳng tới.Ngay lúc đó nàng H'limh kịp nhận ra tiếng rên xiết của ai đó rất gần.Thì ra K'lang yêu mến của nàng đang bị bọn người man rợ của bộ tộc Lasiêng,dùng gậy rừng trói chặt chân tay;đồng thời dùng cung

tên bắn lên khắp người chàng. Bất chấp mọi đòn đau, H'limh lao đến dùng thân mình che chắn cho K'Lang, tránh bớt trận đòn thù. Không nén được sự hờn ghen, vì bị người mình từng thầm yêu trộm nhớ, lại đi bênh vực cho kẻ thù. La Rihn điên cuồng như một con thú hoang, vật vã kêu rống lên trước khi buông ra mũi tên hận tình giết chết K'lang. Nhưng mũi tên oan nghiệt kia không bắn trúng K'Lang mà vô tình giết chết nàng H'limh tội nghiệp. Từ đó cứ sau mỗi mùa mưa đi qua. Tại chỗ H'limh gục chết lại nở ra loài hoa dại có màu vàng rực rỡ để chứng tỏ cho một tình yêu chung thủy.

Nghe qua chuyện tình lãng mạn mang đậm chất sử thi núi rừng cao nguyên do Nhã kể, Ngữ cảm thấy có gì đó chưa ổn. Theo nhiều người : cúc quỳ, sơn quỳ, dã quỳ, cúc Nitobe đều là một, chỉ khác nhau qua tên gọi. Cây thuộc dạng bụi, cao đến hai-ba mét, thân mọc thẳng đôi khi hóa gỗ, cho ra hoa màu vàng, dùng làm phân xanh rất tốt. Cây do người Pháp đưa vào Việt Nam trồng tại các đồn điền trên Lâm Đồng. Nhờ hạt phát tán và dễ trồng bằng cách dâm cành, dần dần cúc quỳ chiếm lĩnh khắp các nơi hoang dã Tây Nguyên (*).

Tuy biết rõ lịch sử cúc quỳ như vậy song Ngữ không muốn làm thất vọng niềm tin nơi Nhã. Dù sao câu chuyện tình của H'limh và K'lang cũng đã để lại cho đời bài học về tình yêu chung thủy. Càng nghĩ càng thấy tội nghiệp và thương cho người con gái bất hạnh kia.

- Hay quá ! Chuyện tình này rất đáng được ghi lại trong sổ tay, viết thành tiểu thuyết dành tặng cho quý cô miền xuôi.

Tưởng Ngữ cố ý trêu chọc mình, Nhã làm ra vẻ hờn dỗi :

- Anh điệu cợt em phải không ?

- Thật mà, anh lấy danh dự ra thề, đây là lần đầu tiên anh biết tới chuyện tình liên quan tới loài cúc quỳ này đó.

- Kệ anh, em mà phát hiện ra anh giả dối thì coi chừng đó.

- Thôi ! Mình ra về kéo muộn.

- Anh không định chờ xem màu chiều sao ?

- Mình có thể ngắm trên đường đi xuống.

Nhã đứng lên.Cô dùng dằng tỏ ý không hài lòng trước sự thay đổi nơi Ngữ.Cô làm mặt giận rồi quay lưng bước đi về phía con đường mòn.Vừa đi cô vừa hỏi Ngữ đang bước kề ngay sau lưng:

- Anh không sợ em giận sao?

- Cứ giận thử xem.Nghe nói con gái giận đẹp lắm.Ngữ trêu.

- Anh giả bộ ngây thơ hay đã từng bị biết bao cô gái bắt năn nỉ không nhớ hết ?

Bên con đường mòn,Ngữ lặng lẽ bước đi theo Nhã xuống dưới đồi.Buổi chiều đang nhuộm vàng lên khắp nơi màu nắng hanh vàng.Thứ nắng kỳ quái,tuy không gây ra cho người ta cái cảm giác nóng rát mùa đông,mà còn trải rộng màu vàng lên đám cúc quỳ vốn đã vàng,lại thêm vàng qua từng cơn gió lạnh làm ngả nghiêng.

Thảo nào ! Nhã chẳng dễ dàng bị lôi cuốn vào thứ màu vàng huyền ảo,đầy ma lực và quyến rũ kia đến vậy.

Sau nhiều giờ làm việc mệt nhoài trên máy tính,Ngữ thường kết thúc công việc bằng cách bước tới đứng bên cửa sổ,nhìn xuống khoảng sân dưới nhà thư giãn.Nơi ấy,ngoài khu vườn được tỉa tót cẩn thận từ bàn tay người thợ làm vườn chuyên nghiệp ra;còn thấy cả những liếp trà xếp thành chồng quanh các triền đồi xanh mướt,gọi nhớ hình ảnh” ngàn bước lên trời với ruộng bậc thang “ trên vùng tây Bắc. Khác chẳng,một nơi toàn màu vàng của lúa,một nơi xanh biếc cây trà.

Tít ! Tít ! Có tín hiệu tin nhắn từ Nhã gửi qua mạng điện thoại,báo cho Ngữ biết cô đang có chuyện buồn,cần sớm gặp anh để được chia sẻ.Không chút do dự,Ngữ vội thu xếp công việc để đi ra gặp cô.

Trên đường đi từ cơ quan ra điểm hẹn,đầu óc Ngữ bị quay cuồng với bao nghi vấn.Anh nhầm tính,kể từ ngày lên đây công tác đã gần một năm trời.Thời gian quen biết với Nhã tuy ngắn ngủi,song tình cảm giữa anh với cô ngày một sâu đậm,không có lý do nào lại xảy ra chuyện buồn phiền.

- Anh Ngữ ! Em ở đây.

Nhìn sang bên kia đường Ngữ trông thấy Nhã đang vẫy tay làm hiệu,báo cho anh biết sự có mặt của cô.Anh lấy làm lạ,không hiểu

sao cô không ngồi chờ anh ở chỗ hẹn,mà phải đi ra tận đây đón anh. Nhìn trước ngó sau thấy quảng đường vắng tanh, không một bóng xe di chuyển qua lại,Ngũ tiến tới bên Nhã hỏi :

- Sao em không chờ anh ở trong quán mà phải ra tận đây ?
- Trong đó sặc mùi khói thuốc,em không chịu nổi.
- Tưởng gặp chuyện gì làm anh lo muốn chết ! Hay mình ra bờ hồ ngồi cho thoáng,lại không sợ bị ai quấy rầy?

Nghe theo lời Ngũ,Nhã bước đi bên anh trên đoạn đường dốc thoai thoải,dẫn tới chiếc hồ nằm cách đó không xa.Qua lời kể của một số người, chiếc hồ ngoài việc cung cấp nước sinh hoạt cho thị xã ra;còn là nơi gặp gỡ hẹn hò của từng đôi trai gái mỗi lúc đêm về.Lợi dụng phong cảnh thơ mộng hữu tình quanh bờ hồ.Người dân cho bày ra những chiếc ghế cao quá đầu người,buôn bán thức ăn nước uống. Hàng đêm,sau khi thị xã lên đèn,từng đôi thanh niên-nam nữ kéo nhau đến đây tâm sự,ăn uống,vui chơi cho tới tận khuya.

Để chọn cho ra chỗ ngồi vừa ý,Ngũ đưa Nhã tới ngồi dưới bóng cây pơ-mu rộng tàn.Từ nơi đó có thể dễ dàng quan sát hết mọi sinh hoạt diễn ra quanh bờ hồ.

Khác với những lần gặp gỡ trước đây.Lần này,Ngũ vừa kịp ngồi xuống ghế đã thấy đôi bàn tay ấm áp của Nhã,ôm lấy cánh tay trần nơi anh đang tì trên thành ghế nói:

- Xin lỗi ! Em đã làm phiền anh trong giờ làm việc ?
- Không có chi ! Được ở bên em,anh thấy mọi thứ đều không quan trọng.
- Kể cả khi bị mất việc?
- Làm gì có chuyện mất việc.Giả sử,có mất việc này thì đi tìm việc khác.Còn hơn mất em

Thực ra,trong sâu thẳm nơi tâm hồn Nhã,cô cảm nhận được thứ tình cảm thiêng liêng nằm sau ánh mắt dịu dàng mà Ngũ sớm trao cho cô trong buổi sáng hôm nào trước sân nhà thờ.Từ ánh mắt tình tứ ấy đã làm trái tim cô xao xuyến,rung lên nhịp đập tình yêu đầu đời.Chính vì nỗi lo sợ bởi sự cảm đoán quyết liệt từ phía gia đình,về mối quan hệ tình cảm giữa cô và anh,buộc cô phải giữ im lặng trong sự đau khổ.Cho nên vừa bị tủi thân vừa phải tuyệt

vọng khi nghĩ tới mối tình trái ngang của mình, Nhã vút ôm lấy mặt khóc òa trước sự ngỡ ngàng của Ngữ. Tội nghiệp ! Nhìn phụ nữ rơi lệ, anh tỏ ra lúng túng không biết xử sự sao cho phải, ngoài trừ việc cố gắng dỗ dành, an ủi Nhã:

- Bình tĩnh nào em. Có thể nói cho anh biết chuyện gì khiến em phải xúc động?

Gục đầu vào vai Ngữ khóc rầm rức, giọng Nhã thều thào:

- Chắc em không sống nổi.

Vuốt nhẹ lên mái tóc thơm mùi bồ kết nơi Nhã, Ngữ vỗ về:

- Đừng quá bi quan chứ em. Em cứ khóc, khóc để những giọt nước mắt làm trôi đi bao nỗi phiền muộn trong lòng.

- Dù biết vậy nhưng em cứ luôn phải sống trong nỗi tuyệt vọng từng ngày.

Chứng kiến những giọt nước mắt đau khổ của Nhã, Ngữ không khỏi chạnh lòng nhớ lại mỗi lần ra phố gặp nhau. Anh để ý thấy cô hay tỏ ra lo lắng và thường dấu đi những tiếng thở dài. Hỏi cô có gặp chuyện buồn phiền gì không? Nhã một mực chối phăng cho rằng: do anh khéo tưởng tượng thôi. Đến nay việc âm thầm ôm lấy nỗi đau riêng mình, xem ra không thể chịu đựng hơn nữa, buột cô đánh rơi từng giọt nước mắt.

- Có chuyện gì quan trọng, sao em cứ muốn dấu anh, không chịu nói ra để cùng chia sẻ?

- Anh biết cũng chẳng thể làm gì hơn được.

- Nhưng nhờ đó mà lương tâm anh không bị cắn rứt.

- Có thực là anh muốn biết?

- Anh đợi nghe đây.

Vừa khóc Nhã vừa ngẹn ngào nói:

- Em nghĩ sớm muộn gì anh cũng biết thôi.

Áp chặt bàn tay Nhã lên phần ngực, nơi có trái tim đang đập loạn xạ, Ngữ khuyến khích cô nói lên tâm sự của cô.

- Đã yêu nhau, anh nghĩ chẳng có gì làm em phải ngại ngùng cả.

Ngẩn khuôn mặt ràn rụa đầy nước mắt lên, nhìn thẳng vào mắt Ngữ, Nhã hỏi:

- Ngữ ơi ! Nếu như mai này chúng ta không còn ở bên nhau, liệu anh có tha thứ cho sự phản bội của em?

Linh tính cho Ngữ biết có chuyện chẳng lành xảy ra, buột anh phải cố gắng tìm cách hỏi Nhã:

- Hãy nói ra sự thật, cho dù nó có tệ hại đến mấy anh cũng chịu đựng được.

Cảm thấy e ngại cho Ngữ vô cùng, Nhã muốn nhân cơ hội này kể cho anh nghe một lần rồi thôi, về nỗi thống khổ của cô gái trót yêu chàng trai say đắm, bị gia đình từ chối với lý do “ chàng là người ngoại đạo “. Không hiểu, sau khi nghe kể lại chuyện đau buồn, Ngữ có cảm thông cho sự yếu đuối mà người con gái chỉ có quyền chọn lựa, một bên là gia đình một bên là cái chết. Chỉ nghĩ tới bấy nhiêu cũng đủ làm cho Nhã sợ hãi không còn can đảm nói lên nỗi lòng mình bên vòng tay ân cần chăm sóc nơi Ngữ. Chúa ơi ! Xin người hãy mở cho con, một con đường có thể đến với tình yêu mà không bị coi là bất hiếu hay phản bội ?

Phản bội ! Trước câu hỏi bất ngờ của Nhã làm cho Ngữ thực sự trở nên lúng túng. Anh nhớ kể từ khi quen cô đến nay, anh chưa hề có cử chỉ nào làm xúc phạm đến cô. Có sao bỗng dưng hôm nay Nhã lại hỏi anh điều không vui ấy. Phải chăng cô nghi ngờ anh điều chi nên muốn thử lòng ? Dẫu sao câu hỏi đó dùng để hỏi anh xem ra cũng bằng thừa. Bởi tình yêu trong anh đâu có chút suy xiển, kể cả khi cô nói không còn yêu anh.

- Em không tin vào tình yêu của anh hay sao ? Ngữ thắc mắc.

- Tin ! Em hoàn toàn tin tưởng anh.

- Vậy sao lại nói đến chuyện tha thứ?

- Anh hãy trả lời câu hỏi của em trước đã.

Để chứng minh cho Nhã thấy sự chân thành trong tình yêu nơi anh, Ngữ sẵn sàng làm bất cứ điều gì cho cô thấy. Anh nói :

- Nếu em nói vậy, anh chỉ còn cách nhờ cơ quan đứng ra làm đại diện phía chàng trai, đến gặp gia đình em, xin cho chúng ta được tổ chức đám cưới ?

Nhã thực sự giật mình trước lời đề nghị táo bạo của Ngữ. Lỗi tại cô. Lỗi do cô không sớm nói ra sự thật đau buồn để anh có thể cảm thông chia sẻ. Vì lẽ đó, cô thật sự hoang mang lo sợ, không

biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu Ngữ xuất hiện trước cửa nhà cô.Nghĩ tới điều xảy ra Nhã thẳng thốt kêu :

- Không ! Anh không thể xuất hiện trước cửa nhà em.

- Tại sao - cảm giác thấy việc gì không ổn,Ngữ vặn hỏi - Có phải gia đình em có vấn đề gì không?

Suýt chút nữa sự nghi ngờ của Ngữ đã làm cho Nhã mềm lòng,kể với anh việc gia đình cô không chấp nhận cho hai người đi lại với nhau.Cho dù cô đã hết sức bênh vực anh là một thanh niên đứng đắn và có vị trí xứng đáng trong xã hội.Tuy nhiên,những lời van nài,cầu xin nơi cô không đủ sức thuyết phục mọi người thay đổi thái độ khác nhau về tôn giáo.Chính sự đố kỵ cùng với sự cố chấp đã gây ra không ít đau khổ nơi cô từ nhiều ngày qua.

Tuyệt vọng.Nhã chỉ biết dẫu đi từng giọt nước mắt đau khổ chảy ngược vào lòng hàng đêm,để chỉ mong với đi phần nào nỗi niềm phiền muộn.Cô thầm oán trách thượng đế sao không nghe thấy tiếng kêu thống thiết của người con gái bất hạnh,mang trả cho cô tình yêu đầu đời thiếu nữ.

Nhìn nét mặt đăm chiêu nơi Ngữ mà lòng cô thêm quặn đau.Nhã muốn nói lên lời an ủi cùng anh nhưng không sao thốt nên lời.Cứ thế cô gối đầu trên vai anh khóc cho đến khi thiếp đi trong giấc ngủ lúc nào.Tới khi chợt nghe văng vẳng bên tai từng hồi chuông nhà thờ,báo hiệu buổi lễ cầu nguyện cuối ngày bắt đầu muộn màng làm cô choàng tỉnh.

Không ai nói với ai lời nào.Cả Ngữ và Nhã cùng đứng lên,bước đi bên nhau trên đoạn đường ngắn,trước khi chia tay ở một ngã ba.

Chủ nhật.

Sáng ra,thay vì tập bài tập thể dục ở công viên như thường khi,Ngữ đã đi một mạch từ khu tập thể lên đồi.Khí hậu buổi sáng trên đường lên đây lạnh và có nhiều sương mù,nhưng không vì thế mà dẫu được những giọt mồ hôi rịn ra trên trán Ngữ.Trái lại,càng cố bước nhanh chừng nào,nơi sống lưng anh càng thấy mồ hôi đổ nhiều hơn chừng ấy.Chưa kịp dừng lại lấy hơi thở.Từ

xa Ngữ trông thấy màu vàng những bông cúc quỳ, do ai đó mang đến đặt dưới gốc thông. Ai thế nhỉ ! Ai có thể làm việc này ngoài Nhã, bởi nơi đây là điểm hẹn trong sáng nay của hai người ? Sự trùng hợp đến bất ngờ cho Nhữ liên tưởng tới sự vắng mặt của Nhã. Anh lên tiếng gọi với hy vọng trông thấy cô xuất hiện.

- Nhã ơi ! Em đang ở đâu. Mau trở ra đây với anh?

Bốn bề lặng yên. Chỉ nghe tiếng gió run phần phật trên từng nhánh thông đáp lại. Lạ ! Nhã có thể trốn đi đâu được giữa một đồi thông trơ trụi, không một bóng nhà? Có chút lo lắng thoáng hiện sau ánh mắt Ngữ. Anh đứng tựa người bên một thân cây, bồi hồi nhớ lại

.....
Theo sự thỏa thuận giữa Ngữ và Nhã, mỗi tuần hai người sẽ lên đây gặp nhau một lần. Với điều kiện, ai đến trước phải chờ người đến sau, dù có chậm trễ. Thường Ngữ là người chủ động tìm đến chỗ hẹn sớm hơn vài phút. Sở dĩ anh làm vậy vì vừa muốn chứng tỏ sự lịch thiệp, vừa muốn có cơ hội nhìn thấy bóng Nhã xuất hiện bên lối đi dưới lá, nơi con đường mòn bạc màu đất đỏ bazan. Theo phỏng đoán của Ngữ, có thể buổi sáng nay Nhã sẽ đến đây trong trang phục quần jean, áo sơ-mi kẻ sọc ca-rô màu xanh da trời. Chiếc áo cô từng khoe là “ mốt ” thịnh hành trong giới trẻ hiện giờ. Với hai vạt áo cột chéo trước bụng làm nổi bật chiếc lưng ong thon nhỏ đầy sự gợi cảm. Ngữ thích nhìn phong cách ăn mặc đơn giản nơi Nhã. Không màu mè nặng phần trình diễn kiểu các cô gái thị thành sực nức mùi nước hoa trộn lẫn mùi acéton khó chịu.

Vô tình, khi nhắc lại mùi nước hoa, Ngữ chợt nhớ ra những bông cúc quỳ mà Nhã yêu thích. Anh chợt bừng tỉnh ngay cơn mộng mị giữa ban ngày, thực sự thấy mình cô đơn hơn bao giờ. Nhã ! Em đã mất tăm từ nơi chốn nào?

Buồn ! Ngữ cúi nhặt bó hoa cầm trên tay. Nhìn những giọt sương mai lấp lánh còn đọng trên đám cúc quỳ tươi rói, anh đoán chừng Nhã vừa mới rời khỏi nơi đây chưa lâu. Tội nghiệp ! Có lẽ cô đã phải thức dậy từ rất sớm để kịp đi lên đây. Vội vã đặt bó hoa vào

đúng chỗ cô cần đặt,rồi quày quả ra đi. Ngữ tự hỏi,anh đã gây nên lỗi lầm gì khiến cho Nhã phải giận dữ đến nỗi phải tránh gặp anh? Cảm thấy chán nản,Ngữ ngồi nán lại trên đôi gậm nhấm từng nỗi buồn thoáng qua.Bất ngờ,khi Ngữ vừa chạm tay đến lớp giấy bọc bên ngoài bó hoa,tức thì rơi ra một phong thư màu đỏ.Loại bao thư dày cộp dùng cho việc báo hỷ.Anh thoáng nghĩ,có lý nào đây lại là thiệp cưới của Nhã.Anh không thể tin vào điều này,bởi chỉ mới có mấy ngày không gặp nhau,cô đã vội quay lưng đi lấy chồng một cách dễ dàng vậy sao ? Nghi ngờ,Ngữ cầm chiếc bì thư lên xem.Từng nét chữ quen thuộc của Nhã hiện ra trước mắt.Đến lúc này Ngữ mới tin điều bất trắc xảy ra qua câu nói hôm nào của Nhã: “ lẽ mai này chúng ta không còn ở bên nhau,liệu anh có tha thứ cho sự phản bội của em ? “

Đã muộn mất rồi ! Ngữ đau đớn ghì chặt những bông cúc quỳ vào ngực,mắt ngược nhìn từng phiến mây trắng buồn bay ngang bầu trời,nhớ thương về cuộc tình mong manh.Xin cảm ơn đời ! Cảm ơn người ! Cảm ơn cuộc tình đã bay xa,bỏ ta lại mình ta.

Trước khi quay đi.Ngữ mạnh tay ngắt lấy những bông cúc quỳ,xé chúng ra làm thành nhiều cánh hoa phét-ty xinh xắn;thả tung lên khoảng trời cao lấp lánh nắng mai,tạo nên một thứ cảnh sắc huy hoàng trong mùa lễ hội./.

(*) Theo Wikipedia

MINH NGUYỄN

bút ký

TRÊN GIÒNG SÔNG THỦY TRIỀU

NGÔ ĐÌNH MIÊN

Tôi là người từng sống đủ lâu với sông Cà Ty, cứ tưởng rằng đã biết rõ dòng sông mềm mại chảy ngang giữa lòng thành phố Phan Thiết yêu thương gắn bó tình cảm hơn năm mươi năm nay với mình rồi. Nhưng không, khi đọc bài “*Dòng sông thủy triều*” của Y Nhiên, một cây viết nữ ở Bình Thuận trên trang blog nhimcon.blogtiengviet.net, một bài viết ngắn, nhưng ý tưởng thì đẹp và không ngắn chút nào; nó gợi mở nhiều suy tưởng cho người đọc. Y Nhiên đã phát hiện Cà Ty là một *dòng sông thủy triều* khiến tôi sửng sò... Y Nhiên viết rằng: “*Sông Cà Ty dài 7,2 km, nhưng có tới 5 km nhận nước thủy triều lên xuống, nên gần như quanh năm là nước lợ hoặc nước mặn. Thông thường, bao hàm trong khái niệm sông là dòng chảy nước ngọt. Không ai nghĩ*”

đến có dòng sông nước mặn hoặc nước lợ bao giờ. Thỉnh thoảng ngồi với bạn bè bên bờ sông Cà Ty, tôi hay thắc mắc hỏi người bên cạnh, sông chảy nước ngọt hay nước mặn? Ai cũng cười cho rằng tôi lẩn thẩn. Nhưng khi tôi giải thích và lấy sông Cà Ty để minh họa, thì mọi người mới ngó ra, công nhận một điều lạ có thật ngay nơi mình sống mà không để ý. Có thể gọi Cà Ty là “dòng sông thủy triều” cũng không ngoa chút nào”...

Hoá ra, có những cái quanh ta, gần gũi da thịt với ta, nhưng ta vẫn chưa hiểu hết được. Vì vậy, lúc nào cũng cần phải coi lại mình, nhìn ngắm lại những đối tượng yêu thương của mình với cái nhìn “tương kiến như tân” thuở ban đầu. Có như vậy, ta sẽ có nhiều cơ hội để hiểu biết, để nắm bắt, thấu tóm nhiều hơn bản chất của đối tượng gần gũi, gần bó với ta. Từ đó mà ta biết cách ứng xử phù hợp nhất. Tất nhiên, phần nhiều ai cũng muốn những phát hiện mới về bản chất của đối tượng của mình phải là những nét đẹp, nét tốt...

Ý tưởng về *dòng sông thủy triều* đó đã dẫn tôi đến quán “Hoa viên hội ngộ” nằm nép mình sát bờ sông Cà Ty vào một buổi sáng. Quán được mở chừng một năm nay, là kết quả của những lời “xúi giục” của bạn bè (trong đó có tôi) với Minh, người bạn cùng học thời phổ thông thân thiết. Trải qua nhiều khúc quanh cuộc đời, nếm trải nỗi niềm sướng khổ đủ điều đã hằn những vết lo toan và làm sạm đi gương mặt nhiều bụi đời của Minh. Đã từng làm thầy giáo dạy trường Bưu điện ở phía Nam; trong giai đoạn khó khăn đã vượt biển tìm lối thoát cho cuộc sống, nhưng không thoát, bị bắt lại và đưa đi cải tạo một thời gian rồi trở về làm đủ nghề kiếm tiền nuôi con. Về lại Phan Thiết làm nghề hải sản, có lúc dưới tay Minh có cả ngàn công nhân. Nhưng rồi chuyện làm ăn lại bị thất bại. May mắn là tâm lí Minh khá vô tư, nên khi sướng không lấy làm điều, lúc khổ tâm trạng cũng không nặng nề lắm. Tôi thấy nhiều lần, cứ nằm xuống nhắm mắt, một phút sau là nghe tiếng ngáy ro ro của Minh rồi. Đã vậy, Minh còn thuộc dạng người “bao đồng” theo nghĩa đẹp nhất. Minh rất quan tâm đến chuyện hiếu hỉ của cả nhóm bạn thân, một sự quan tâm hết sức

tự nhiên, xuất phát từ tình cảm đơn thuần, nên chúng tôi đã tặng luôn cho Minh biệt danh “chủ tịch công đoàn” của nhóm. Chuyển nghề làm ăn khi đã sáu mươi tuổi là vạn bất đắc dĩ. Tâm trạng Minh vẫn thoải mái như thường. Một người bạn là tu sĩ đi tu Phật cách nay ba năm, khi đã vào tuổi sau mươi, thỉnh thoảng ghé quán ngồi chơi với bạn bè, có ý động viên Minh. Minh nói vô tư:

- Chuyện bình thường mà, như nước thủy triều, có lên có xuống.

Tôi nghe thấy hay hay nên tham gia:

- Thăng Minh còn đặc ngộ hơn nhà sư!

Nơi trung tâm Phan Thiết, suốt dọc tả ngạn sông Cà Ty từ bãi biển Thương Chánh đến đầu cầu Trần Hưng Đạo dài khoảng một cây số, có đến vài chục quán nhậu mở ra quay mặt hướng sông, nhưng phải chịu ngăn cách với sông bởi con đường Bà Triệu chạy cặp bờ kè sông. Vì vậy, giữa trưa nóng gắt, gió mát từ sông thổi lên, trước hết phải làm nguội bớt mặt đường bê tông nhựa đang nóng rẫy, đến khi thổi vào tới quán, không còn là gió sông mát rượi nữa... Ngược lại, trước khi mở quán, Minh làm bờ kè bằng đá và xi măng, rồi dựng một số nhà nhỏ xinh xắn ngay trên bờ kè sát bờ sông. Những ngôi nhà lợp lá dừa nước, nền tôn cao, lán xi măng, trống bốn bề, mặt cho gió lộng. Vào mùa hè, những hôm trời nắng gắt, có lúc nhiệt độ lên 37- 38 độ C, tôi thường rủ thêm một hai người bạn trốn nóng lên quán của Minh ngồi uống bia ướp lạnh hưởng thụ không khí mát mẻ và không gian thoáng đãng trời cho này. Phòng máy lạnh chỉ là chẳng đáng dừng, còn lâu mới có thể sánh bằng...

- Chào bạn già, đi đâu mấy ngày nay không thấy, quán khai trương thuyền du lịch trên sông mà tao điện cho mà hoài không được.

- Ờ, tao mắc đi chơi núi. Sao, du thuyền đâu?

Hoá ra, Minh cũng có thêm sáng kiến để “dụ” khách. Thường khách đến quán “Hoa viên hội ngộ” là để có không gian riêng, tìm sự mát mẻ thoải mái. Giờ có thêm thuyền trên sông nữa thì thật

thú vị, chắc sẽ nhiều người tìm đến quán để được ngồi thuyền ra sông mặc sức mát mẻ...

- Sáng nay, tao có chương trình đi thuyền ngược sông tới chừng nào thuyền hết đi được thì thôi. Mà xuống thuyền đi với tao, đã chuẩn bị mồi và rượu vang mà mày thích.

- Ừ, thì đi, phần tao một chai vang Đà Lạt là đủ rồi!

Sông Cà Ty những ngày cuối đông không còn bao nhiêu nước ngọt từ nguồn chảy về mà hầu như chỉ có nước theo thủy triều ngày đêm lên xuống. Dòng sông xanh một màu nước biển, lững lờ chảy không rõ rệt chiều hướng, mặt nước cứ phẳng lặng như gương soi bóng những tàu thuyền nằm nghỉ ngơi nơi bến đậu, in hình xuống mặt nước những ngôi nhà, những rặng cây ven sông. Nước trong veo, nhìn thấy cả những con sứa đang lượn lờ bơi theo kiểu phản lực...

Vào những đêm hạ tuần, tầm nửa đêm, khi ánh đèn điện phản chiếu xuống mặt sông sáng lên đủ màu sắc đã tắt bớt, thì trắng như vừa mọc lên từ đáy sông lung linh huyền ảo "long lanh đáy nước in trời". Có những lúc tôi ngồi tại quán của Minh tới khuya để chờ đến thời khắc đẹp nhất của dòng sông này...

Vừa xuống thuyền đã thấy hai chai vang đỏ vui trong xô đá. Trên chiếc bàn kê trên sàn, Minh đã dọn một đĩa cá cơm khô chiên giòn chấm với tương ớt và một đĩa bắp xào tôm. Mỗi nhậu mà tôi thích nhất ở quán của Minh là cá bò giấy dòn dốt (phơi chưa khô) nướng trên lửa than. Uống một hợp bia lạnh, xé miếng cá khô bò chấm với nước mắm me cay phỏng miệng, thiệt hết sảy! Tôi có thói quen uống bia theo cách riêng của mình, nên có người cho là lập dị. Tôi lấy lon bia, loại hợp khẩu vị, đã được ướp lạnh, mở nắp rồi đặt vào trong ly uống bia có sẵn cục đá lạnh lót đáy. Cục đá đó có nhiệm vụ giữ lạnh cho lon bia, đá tan thì thay cục đá mới. Người Bắc thường uống bia không cần lạnh, nên có thể uống trực tiếp khỏi cần đá, nhưng dân nhậu miền Nam uống bia phải có đá (hoặc ướp lạnh) mới uống được. Vừa rồi, một anh cán bộ trung ương hàm vụ trưởng về công tác ở Bình Thuận. Anh cùng đoàn công tác tới Phan Thiết trước hẹn làm việc một ngày.

Anh tách đoàn, điện thoại cho tôi chạy honda tới khách sạn chờ anh đi nhậu. Anh là cấp trên của tôi trước khi tôi về nghỉ hưu sớm, lớn hơn tôi vài tuổi. Tôi hỏi anh:

- Tỉnh mời cơm anh lúc nào?

- Mặc, tao thích đi nhậu nói chuyện “phía ngược” với mày hơn.

Hôm đó, tôi đưa anh lên “Hoa Viên”. Uống bia với tôi trong gió tươi mát rượi của sông, anh thích quá, cười ha hả. Anh bắt chước cách uống bia của tôi và khen rất ngon. Chiều đó, tỉnh tiếp cơm đoàn công tác, anh đem cách uống bia của tôi ra xài, các “đồng chí” ở tỉnh ngạc nhiên hỏi. Anh trả lời, đó là kiểu uống bia “phía ngược”. Chỉ cần nhắc tới “phía ngược”, các “bác” biết là có liên quan với tôi, thôi không nói gì. Khá thân với tôi khi tôi còn tại chức. Anh khoái tôi ở chỗ hay suy luận theo kiểu đem vấn đề đã được coi là chân lý đặt lên tư duy khách quan không bị ảnh hưởng bởi quán tính tư duy bị bao cấp lâu nay để phân tích. Khi chọn thể đứng tách riêng ra một bên để nhìn lại và suy nghĩ những gì đã thuộc về tri thức và kinh nghiệm của mình, lúc đó, chính ta đã tự làm mới ta và cảm giác mới mẻ đối với hiện thực quanh mình cũng xuất hiện đồng thời. Anh gọi kiểu suy luận này là suy luận “phía ngược”, theo tên của một tập thơ của tôi đã xuất bản. Nhờ cách nhìn đó, khi đứng trước sông Cà Ty đã quá quen thuộc, Y Nhiên phát hiện ra *dòng sông thủy triều*...

Chiếc du thuyền của Minh, mới nghe cứ ngỡ là một chiếc thuyền to bự và sang trọng. Thực ra, đó chỉ là một chiếc thuyền đánh cá nhỏ, Minh mua lại của ngư dân đi biển thất bát mấy mùa, rồi cho sửa chữa lại, lắp máy mới, ốp composite vỏ thuyền, sơn phết, trang trí bên trong cho sạch sẽ. Thuyền không có dáng vẻ của một du thuyền mà nó toát lên vẻ dân dã, khá hợp với cảnh sông nước Cà Ty, gần với thiên nhiên của quán và hợp với cái “phong” chất phác, giản đơn đến lười xùi của chủ quán nữa. Có lẽ nên gọi nôm na “thuyền chơi” là phù hợp. Thuyền có chỗ ngồi dọc be thuyền cho hai mươi người vừa ngắm cảnh vừa lai rai trong khi thuyền cứ chầm chậm chạy dọc trên *dòng sông thủy triều* êm ả, mát mẻ hết biết. Minh cho biết, thuyền vừa mới khai

trương đã có mấy chàng “Tây ba lô” khách quen của quán đòi thuê để đi câu ngoài biển. Minh chưa dám, vì hơi ngán cái khoản bảo hiểm cho mấy chú Tây, lỡ ra...

Thuyền dê- pa vẽ một đường cong ra giữa dòng. Mùa này nước thủy triều cứ lững lờ, mực nước lên và xuống cách biệt nhau không nhiều. Máy tàu chạy ổn định, ít tiếng ồn. Minh khai chai vang, bỏ một viên xí muối (ngoài Bắc kêu là ô mai) vào ly cao cảnh, rót rượu. Không biết ai là người trước tiên đã nghĩ ra cách bỏ xí muối vào rượu vang đỏ. Phải đồng tình với kiểu pha rượu này, vì khi bỏ xí muối vào ly sẽ khiến cho rượu dậy mùi thơm đặc trưng của vang đỏ. Nhưng chỉ nên bỏ một viên xí muối nhỏ và không khuấy lên, vì sẽ làm cho xí muối tan ra nhiều làm mất hương vị của rượu. Màu tím than của rượu vang có vẻ gì đó là lạ thú vị không giải thích được trong không gian và màu sắc chưa quen thuộc trên con “thuyền chơi” giữa sông này. Cầm ly lắc nhẹ cho không khí hoà tan vào rượu giúp cho rượu bốc thêm mùi hương, tôi hít một hơi thơm của vang và uống một ngụm đầy, nghe thơm từ mũi miệng lên cả đầu, thật sảng khoái. Tôi biết uống và thích uống rượu vang mấy chục năm rồi. Bạn bè biết sở thích của tôi, chiều bạn, nên hay cùng uống với tôi cho vui; nhưng nào ngờ chính vì vậy mà một số bạn của tôi, lúc đầu uống lấy lệ, sau ghiền luôn.

Thuyền lướt nhẹ trên sông không chút sóng. Đã nhiều lần đi thuyền nhỏ trên sông nước Nam bộ, tôi sợ nhất là khi những tàu, xuồng máy chạy với tốc độ vài chục hải lí/giờ lướt ngang qua như chớp, đẩy sóng duềnh lên cao, ngồi trên thuyền chạy sông mà bị nhồi lắc còn hơn đi trên biển. Nhưng đi thuyền trên *dòng sông thủy triều* này thật êm ả như trên “dòng sông phẳng lặng” (tên một cuốn tiểu thuyết của nhà văn Tô Nhuận Vỹ). Hai ly rượu như được đặt trên bàn ở nhà, thẳng băng không chút chao nghiêng...

Khúc rộng nhất của sông Cà Ty chừng hai trăm mét, khúc hẹp chừng một trăm mét. Một con sông rất ngắn, chỉ hơn 7 km, nhưng dòng chảy cứ uốn lượn ngoằn ngoèo, nhiều đoạn cong tới sáu bảy mươi độ. Đây cũng là một điểm khác nữa của *dòng sông*

thủy triều. Những con sông khác, khi ra gần tới biển, thường chảy theo một đường thẳng.

Đoạn sông từ quán “Hoa viên” ngược lên đầu nguồn còn một chút hoang sơ. Hai bên bờ, những rừng mắm, bần vẫn đang bám rễ nửa trên bờ nửa dầm chân trong nước. Thỉnh thoảng rục lên những tàn lá đỏ và những chùm hoa màu vàng tươi nổi rõ giữa rừng cây xanh. Nhớ những con sông mùa đông tôi đã đi qua, hoa lau nở trắng hai bờ, nên tiếc rằng dòng sông nhận nước thủy triều này không bao giờ lau lách có thể mọc được, để đến mùa nắng, mùa lau trắng nở sẽ pha thêm một gam màu sáng cho bức tranh thiên nhiên với màu xanh ngọc của nước, màu xanh nhẹ của lá non, thỉnh thoảng chen vào màu đỏ sậm của những đám lá mùa đông và hoa dại ven sông đủ sắc màu. “*Chiều hôm thức dậy, ngồi ôm tóc dài, chập chờn lau trắng trong tay...*” Bâng quơ chợt hát “Chiếc lá thu phai” của Trịnh Công Sơn. Mấy chú cò trắng, cò xám, cò lửa còn nhớn nhoe, tha thẩn kiếm mồi dọc bờ sông; thỉnh thoảng dừng cánh nghỉ ngơi trên một nhánh cây khô trôi lên ven bờ, vẻ trầm tư như nhà hiền triết đang đắm chìm vào chuỗi tư duy luận lí miên man bất tận. Thấy thuyền chạy tới gần, cánh cò chợp lên, giang rộng nhẹ nhàng bay ngang qua thuyền sang bờ bên kia, như không cần đập cánh. Gió sông buổi sáng chỉ thoáng thoáng nhưng mát rượi, nghe cả mùi nồng nồng của biển, mùi hăng hắc của hoa lá ven bờ. Những đàn sứa trắng bơi đầy mặt sông, có con màu hơi sậm vàng, người lái tàu nói đó là sứa lửa, đụng vào da bỏng rát như bị phỏng lửa. Tôi lấy máy hình ra chụp đàn sứa, tưởng không thấy được ảnh, nhưng nhờ nước trong, coi lại vẫn thấy khá rõ hình dáng của sứa đang mở rộng phần đầu ra như cái dù trước khi cụp lại tạo ra luồng thủy lực bắn ra sau để đẩy cả thân sứa lướt về phía trước. Cá dưới sông có vẻ không còn nhiều nữa. Thuyền chạy khá lâu nhưng tôi không hề thấy có chú cá nào bị động hoảng hốt nhảy lên khỏi mặt nước như thường thấy ở vùng có nhiều cá. Cũng không có chiếc xuồng nào dừng lại giữa dòng quăng lưới hoặc thả câu.

Hai bên bờ, thỉnh thoảng nhô lên một cái rổ (như cái vó ngoài Bắc, nhưng mặt lưới rộng mấy trăm mét vuông) đang kéo từ dưới

nước lên, một chiếc thúng bơi ra, người trên thúng túm lấy đáy rổ mở ra trút hết những gì thu hoạch được vào thúng. Sản phẩm thu được quá ít ỏi, chỉ vài con cá đối nhỏ, cá chỉ, con cua, con mực bằng ngón tay... Phải buông rổ năm bảy lượt mới đủ cho một bữa ăn gia đình đông người. Tôi còn nhớ, cách nay chừng ba mươi năm, một lượt kéo rổ như vậy thu được cả thúng hải sản đủ loại, nhiều nhất là cá đối. Những con cá đối mập dài, vẩy bóng loáng, chỉ cần bỏ ruột, thả vào nồi nước đang sôi trên bếp cùng với vài trái cà chua, thêm hành ngò, ớt, nêm vào chút nước mắm ngon, là ta có một nồi canh chua “nấu phở” (tên gọi của món canh này) tuyệt ngon. Nhưng tôi vẫn thích nhất là cá đối kho keo, ăn với cơm gạo thơm thật nóng, cắn một miếng ớt hiểm nồng cay thơm... Ôi, nước miếng ứa ra đầy miệng rồi. Bây giờ, cá đối sông Cà Ty, cũng như nhiều sông khác, vì sống gần cửa biển, bị nhiễm dầu xả ra từ những chiếc tàu neo đậu nơi bến, nên có mùi hơi khó ăn...

Tôi gặp một người quen đang chèo thúng thả lưới ống bắt cua, ghẹ giữa dòng. Người ta làm những lưới hình ống đường kính chừng ba mươi phân, cách nửa thước là một cái khung để căng lưới ra. Chiếc lưới ống này rất dài, từ vài trăm mét đến cả cây số được thả dọc sông sát đáy. Hùng, tên người thả lưới ống, sống bằng nghề biển mấy đời cha truyền con nối. Trước kia làm ăn khấm khá nhờ biển già còn hào phóng với con người. Nay, lớp con cháu như Hùng, phần nhiều kiếm nghề khác làm ăn. Hùng từng là một tay “bạn” (tên gọi thủy thủ thuyền đánh cá) khá ngầu, nhưng giờ, sức khỏe giảm sút nên chỉ còn thủ một tay rổ và kiên trì thả lưới ống dọc bờ sông để đấu tranh sinh tồn với dòng sông thủy triều này mà thôi. Có một lần, Hùng đãi tôi một món nhậu “tuyệt cú mèo” đến nhớ đời. Hùng gom một mớ ghẹ và cua biển con con bằng ngón chân cái còn sống, tách mu lấy gạch, bỏ càng và chân, bẻ đôi mình cua- ghẹ, trộn vào hỗn hợp bột chiên giòn đã được đánh chung với trứng gà và gia vị có nhiều hành tỏi, nêm nếm vừa ăn. Đặt một bếp ga mini giữa bàn nhậu, bắc một chảo nhiều dầu phi tỏi cho thơm, dầu sôi thật nóng, vặn vừa lửa, múc từng muỗng bột chiên có nửa con cua- ghẹ thả nhẹ vào

chảo dầu, nghe tiếng “xèo...oo” đặc trưng của món lăn bột thật náo nức, mùi cua- ghẹ dậy lên thơm lừng khi bột chín nở ra vàng rươm, vớt ra cho ráo dầu, để vào chén. Không biết có nên gấp một miếng bỏ vào miệng nhai giòn rụm hay cứ để trong chén mà ngấm mà ngửi... rồi uống một li rượu trăm phần trăm? Khả thi thật đã!

- Hùng ơi, có nhiều cua nhỏ để lăn bột không?

-Dạo này khó rồi anh Mười ơi, để em kiếm mồi khác nghe?

Thuyền chạy qua, Hùng giơ một bàn tay vẫy vẫy, bàn tay kia giữ một đoạn lưới ống đang thả dờ chừng, miệng cười tươi trên gương mặt tuy đen xạm, hốc hác, nhưng đáng vẻ nhàn nhã như người đi chơi, không giống một người đang lao động cực nhọc kiếm miếng ăn. Tôi thấy vui với cái vui lao động của Hùng. Bữa nào phải rủ Hùng làm lại món nhậu cũ...

Đứng ở vị trí giữa dòng sông phẳng lặng để quan sát và suy ngẫm về những hình ảnh và hoạt động diễn ra hai bên bờ sông có nét riêng của nó. Có lẽ do đang trong sự bông bênh trên mặt nước, chân không đụng tới đất, đã khiến cho cách nhìn và cách suy nghĩ cũng có khác bình thường. Hai bàn chân đặt trên đất từ khi sinh ra làm con người cho đến nay, là một sự hiển nhiên. Chính vì vậy, tư thế đứng truyền kiếp kia cũng đã trở thành sự trói buộc quán tính cho mọi suy nghĩ và hành động của con người - suy nghĩ và hành động trong tư thế hai chân đứng vững vàng trên mặt đất. Đến khi đột ngột rời khỏi đất, đứng trên dòng sông, một tư thế làm cho con người bị động, mất thăng bằng, cả về mặt phản ứng sinh học lẫn tâm lí. Vì vậy, tôi quan sát sự vật chung quanh mình trong tư thế bị động, như đang trong trạng thái rỗng không, vô thức. Nhờ sự rỗng không này, nên những hình ảnh và hoạt động kia được chủ thể tiếp nhận một cách trọn vẹn, không bị ảnh hưởng bởi định kiến có sẵn, như những tấm ảnh được chụp với khẩu độ rộng, không bị máy resize đi. Cho đến khi nhìn thấy phía sau rặng cây bần, cây mắm hoang sơ bên tả ngạn sông sừng sững một công trình cao ốc đang xây dựng cao sáu tầng, tôi mới giật mình, hơi bị bất ngờ. Dễ dàng nhận ra đó là một

riverside hotel, một cách đặt tên cho “khách sạn ven sông” quen thuộc gặp nhiều ở Việt Nam. Minh nói cho tôi biết, ông chủ khách sạn này là một nhà doanh nghiệp chuyên kinh doanh hải sản đông lạnh giàu có ở huyện đảo Phú Quý (cách Phan Thiết về phía biển Đông chừng 50 hải lí). Minh đánh giá đối tượng:

- Nhìn cách xây dựng khách sạn ven sông trong khi chưa có đường giao thông mở dọc bờ sông mới thấy ông chủ này là người biết “đi tắt đón đầu”, lại cũng là người thích gần gũi với thiên nhiên.

- Nếu đứng nơi cửa sổ phòng ở tầng cao nhất của khách sạn, nhìn về hướng sông, thì thật tuyệt! Tôi đồng tình.

Phía tả ngạn là bờ Bắc của dòng sông, nên quanh năm từ hạ sang đông đều được hưởng gió mát từ sông thổi lên. Ông bà ta đã nói không sai: “*cưới vợ hiền hoà, xây nhà hướng Nam*” hay “*nhà hướng Nam chưa năm đã ngáy*”. Hơn nữa, sông Cà Ty vốn là dòng sông phẳng lặng, dòng sông thuỷ triều, dòng chảy không xiết, không hung dữ mà cứ hiền hoà êm ả như tánh tình của một người phụ nữ dịu hiền. Có lần, chúng tôi ngồi nhậu ở quán “*Hoa viên hội ngộ*” của Minh, lúc nước nguồn đang đổ về sau những cơn mưa lớn triền miên mấy ngày liền. Nước nguồn xuống gặp lúc thuỷ triều lên nên sông cứ linh phình dưng dăng mà dâng càng lúc càng cao lên. Nước tràn vào sân, chúng tôi vẫn ung dung ngồi nhậu như thi gan với sức mạnh của thiên nhiên. Đến khi nước mấp mé sàn căn nhà nhỏ chúng tôi đang ngồi thì đứng lại rồi từ từ rút xuống. Nhớ lại ngay sau ngày Phan Thiết giải phóng, một cơn lũ lớn chưa từng thấy trong mấy mươi năm đổ về theo sông Cà Ty gặp thuỷ triều lớn nên nước ngưng lại tràn vào thành phố. Lúc đó, tôi ở căn nhà ven sông, trên đường Bà Triệu nổi dài (giờ là đường Lê Thị Hồng Gấm), nước ngập quá nửa tủ chứa sách mà trước đó tôi rất quý. Tôi không hề có hành động nào để cứu đồng sách ấy. Vì trong lúc này, tôi còn đang lừng khừng chưa dứt khoát có nên giao tủ sách của tôi (thời điểm đó được đánh đồng là sách “đồi trụy và độc hại”) cho cán bộ văn hoá để “hoá” nó không. Nước lũ về đã quyết định “giải phóng” cả tủ sách giùm tôi. Sau này nghĩ lại, tôi cứ tiếc hùi hụi về số sách ấy.

Có những cuốn sách trở thành của hiếm, không còn có thể tìm thấy lại được nữa...

Lâu nay, chuyện lở bồi của dòng sông không là vấn đề quan tâm của dân cư sống hai bên bờ. Mặc dù nhà nước đã giải toả phần lớn nhà chồ (nhà ló ra mặt sông) khu vực gần cửa biển. Những hộ này đã được cấp đất tái định cư ở một nơi khác đàng hoàng hơn, chỉ tiếc rằng nhà nước không tạo được điều kiện cho họ có thể sinh sống bằng chính nghề của họ: nghề biển. Do vậy, ban đầu là một vài hộ, sau đó nhiều hơn; họ bán đất được cấp rồi quay về sống tạm bợ sát bờ sông để tiếp tục làm nghề có dính dáng với hải sản lâu nay của họ. Từ đó, những căn nhà chồ nối nhau mọc lên ngược về hướng thượng nguồn. Những căn nhà chồ này, tuy về mặt chất liệu xây dựng đã kiên cố hơn trước, nhưng vẫn cứ nằm ló ra dòng sông, sàn nhà thấp là là sát mặt nước. Chủ nhân của những căn nhà này hầu như không hề sợ dòng chảy của sông gây bất lợi cho họ.

Những người làm nhà chồ này rất khôn ngoan. Họ chọn một vị trí sát mép sông, nơi khúc sông chưa làm bờ kè bằng bê tông, để làm chỗ cạy sò (tách bỏ vỏ sò lấy thịt sò). Chỉ cần vài ba người cùng với đồng sò tươi rói đó, ngồi cạy ngày này qua ngày khác, vỏ sò đổ sát mép nước ngày một cao lên, rộng ra, không bao lâu sau, số lượng vỏ sò đó chiếm của sông một diện tích vài chục mét vuông đủ cho một căn nhà chồ mới nửa bờ nửa sông mọc lên, con cái dựng vợ gả chồng có chỗ mà ra ở riêng. Chính quyền kiểm tra đe nẹt miết cũng không ngăn được hiện tượng “sò lấn sông” nên có vẻ muốn chào thua. Dòng chảy của sông ngày càng bị thu hẹp. Có lẽ phải chờ đến lúc thực hiện dự án kè bê tông hoá hoàn toàn hai bờ sông Cà Ty mới có thể chấm dứt hiện tượng này.

Tôi thử hình dung khung cảnh và tình cảm của mình khi hai bên bờ sông được bê tông hoá hoàn toàn. Lúc đó, bờ sông sẽ sạch hơn, người ta đặt những ghế đá dọc hai bên bờ sông cho những người thích dòng sông về đêm ra ngồi ngắm hoặc là nơi tránh nóng cho cư dân thành phố, là nơi cho các cụ già (chắc trong đó có tôi) ra bờ sông nhìn dòng chảy mà suy ngẫm về cuộc đời,

không khỏi tiếc nuối về những hình ảnh đẹp trong kí ức một thời đã không còn nữa.

...Ta về phố cũ thành Phan

Lối quen thả bước chân lang thang buồn

Lầu cao dài bóng hoàng hôn

Bao hoài niệm cũ bồn chồn mặt sông

(...)

Soi gương tìm đếm ngón tay

Ra sông nhìn bóng ta gầy mà thương

Cái tình ngấm cũng vô thường

Dài bao năm ấy vẫn đường chiêm bao...

(“Nhớ Phan Thiết”- Yên Ba)

Khi ấy, dòng sông thủy triều chảy qua thành phố Phan Thiết chỉ còn lại bê tông và nước, những cây bần, cây mắm sẽ biến mất hoàn toàn. Tôm, cua, ốc, cá và các thủy sinh vật khác không còn chỗ trú ngụ và sinh trưởng sẽ đi về đâu, sống ở đâu?... Nhưng, tiến trình đô thị hoá là phải như vậy, được cái này, mất cái khác, không bao giờ có chuyện “được anh được ả, được cả đôi đường”. Đó là quy luật sống khắc nghiệt mà con người buộc phải chấp nhận. Chỉ mong rằng, những thế hệ sau sống nơi thành phố này, dù sẽ giàu có về vật chất hơn, dù tình yêu có nhuộm màu thực dụng nhiều hơn, nhưng nếu vẫn còn biết yêu dòng sông thủy triều này (tình yêu đó không tổn đồng xu nào), thì chỉ cần “bi nhiêu” đó cũng là phúc đức nhiều lắm rồi...

Thuyền chạy ngược dòng đến gần tới đập Phú Hội thì lòng sông cạn dần, có thể nhìn thấy cả cát vàng dưới lòng sông, thuyền không đi tới được nữa. Đập Phú Hội cách cửa sông Cà Ty chừng 5 km. Đập vừa có tác dụng lấy nước ngọt cung cấp cho nông nghiệp và cho nhà máy nước Phan Thiết, lại vừa có tác dụng ngăn nước mặn đi sâu hơn nữa vào đất liền. Dòng thủy triều lưu thông trên sông Cà Ty bị đập Phú Hội như một thanh ba-ri-e chặn

lại. Mùa này nước cạn, nên người dân hai bên bờ sông dễ dàng băng ngang qua trên con đập mà không sợ bị nước cuốn trôi. Đây là lối đi tắt mà người dân ở đây thường dùng. Thỉnh thoảng, vào mùa nước lớn, có người đi qua chưa được nửa con đập thì bị nước cuốn trôi, mấy ngày sau mới vớt xác được. Nhân dân và chính quyền địa phương kiến nghị với nhà nước hàng chục năm nay, xin được xây chiếc cầu bắc ngang qua sông tại khu vực này để thuận tiện cho việc đi lại của dân chúng bên hữu ngạn thuộc xã Hàm Mỹ (huyện Hàm Thuận Nam) và bên tả ngạn thuộc xã Hàm Hiệp (huyện Hàm Thuận Bắc). Mơ ước trên vẫn còn nằm đâu đó trong những tập kỉ yếu của Hội đồng nhân dân tỉnh nhiều khoá liền mà chưa có phép tiên nào để biến thành hiện thực. Có mấy người từ thành phố mê câu tôm càng xanh, đầu đội mũ rộng vành, mang kính đen vẫn ngày ngày ngồi trên chiếc ghế xếp cơ động chuyên dụng của dân câu hạng sang, mơ màng trước dòng nước trôi xuôi qua đập và lơ đãng nhìn những người qua lại trên “con đường đập nước” này. Biết đâu họ có thể sẽ nghĩ rằng, khi bắc cầu, xe cộ ầm ào qua lại, con tôm càng xanh không còn thích nơi trú ngụ này nữa. Dân câu phải đi ngược dòng xa hơn để tìm nơi ở mới của tôm càng xanh và phải chọn chỗ mới phù hợp với tâm cảnh của mình nữa, để rồi, người thì ngồi câu mơ ước, lại cũng có người chỉ ngồi câu kí ức mà thôi...

Khi thuyền quay trở về, đi xuôi dòng. Mặt trời đã lên cao, gió thổi nhẹ làm cho ánh nắng phản chiếu càng lấp lánh hơn trên những lớp sóng lăn tăn trên mặt sông. Qua khỏi quán “Hoa viên”, càng về gần cửa biển, số tàu thuyền đánh cá sau chuyến hải trình về nằm gác mũi vào bờ nghỉ ngơi càng đông hơn. Thỉnh thoảng có chiếc tàu đánh cá khá lớn bỏ neo ở giữa dòng sông. Với người tinh ý, khi nhìn trên những chiếc tàu thuyền này sẽ biết được vào thời điểm này, thu hoạch của những người đánh cá như thế nào. Nếu vào mùa cá khắm khá, những tàu thuyền kia có thể đã bán hết cá cho chủ vừa từ ngoài khơi, hoặc chờ về bến mới bán. Sau đó, chỉ có thuyền được nghỉ ngơi, còn chủ thuyền và bạn lại tiếp tục chuẩn bị các điều kiện cho chuyến ra khơi tiếp theo. Nào là sửa lại máy móc, rồi hút rửa sàn, lòng thuyền, chỉnh

lại các giàn đèn câu, vá lại những mắt lưới bị thủng... Trên đa số thuyền đang neo đậu, nếu như ta thấy có chung một không khí im ắng, thì điều đó có nghĩa là dạo này tàu không thể ra khơi được, có thể vì sóng to gió lớn hoặc dù sóng có yên biển có lặng mà càng ra khơi càng lỗ, thì cũng đành cho thuyền nằm im chờ đợi thời cơ. Còn nếu tình trạng lỗ lỗ cứ kéo dài, thì chủ thuyền chỉ còn có nước bán thuyền lên bờ tìm kế sinh nhai khác. Thực tế, có người bán thuyền không được, không còn vốn để đổi nghề, họ đành phải làm chuyện dối trá, đánh đắm thuyền ngoài cửa biển để nhận được tiền bảo hiểm tàu thuyền... Ở thành phố biển này, tôi chưa từng thấy có người nào sống lâu với nghề đánh bắt hải sản mà chỉ với thu nhập từ nghề này, làm cho gia đình họ giàu lên và kéo dài sự sung túc đó quá một đời người. Người xưa nói: “không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời”. Nhưng với nghề biển, một đời làm giàu là đã khó lắm rồi. Người làm nghề biển ở Phan Thiết hiện tại giống như những người đi ngang qua trên con đập Phú Hội vào mùa nước lớn, dù luôn tin rằng mình có thể an toàn sang bờ bên kia, nhưng có một khoảnh khắc nào đó không phụ thuộc vào ý chí của mình, chẳng may trượt chân rơi xuống chân đập và bị nước cuốn trôi theo dòng Cà Ty như trên dòng sông không ước định của số phận. Xưa nay, chỉ có những người ở trên bờ chuyên mua bán hải sản hoặc làm nghề nước mắm mới là những người giàu có. Tiếng địa phương gọi người chuyên mua bán hải sản là “đầu nậu”, nhà làm nghề chế biến nước mắm có quy mô lớn là “hàm hộ”. Nghề đầu nậu lương tâm càng ít càng mau làm giàu. Họ còn kiêm cả nghề cho vay nặng lãi. Ngư dân nghèo thường phải nhận tiền ứng trước của đầu nậu để chuẩn bị cho chuyến ra khơi với một thoả thuận là sẽ chỉ bán hải sản đánh bắt được cho đầu nậu của mình mà thôi, tất nhiên là với giá rẻ hơn bình thường, cũng tương tự như nông dân bán lúa non cho chủ vựa lúa vậy. Nhiều gia đình ngư dân làm quần quật cả đời cũng không đủ tiền để trả nợ cho đầu nậu. Có điều là người dân Phan Thiết thường tôn trọng nhà hàm hộ, nhưng lại có vẻ coi khinh người làm nghề đầu nậu. Nhưng càng bị khinh khi chừng nào, những nhà đầu nậu càng giàu hơn chừng nấy... Từ hơn chục năm qua, nghề biển đã trở thành nghề không dễ sống. Biển

không còn bao dung và hào phóng với con người như trước nữa, cũng như rừng vậy. Rừng đã hết vàng và biển đã không còn bạc nữa. Ngoài đại dương kia, chỉ có sâu dưới thềm lục địa là còn “vàng đen” mà thôi, nhưng chỉ đủ khai thác vài mươi năm nữa rồi cũng cạn kiệt. Với biển, không biết những triết gia dân gian có câu răn dạy nào giống như đối với rừng: “*ăn của rừng rừng rừng nước mắt*” không? Chỉ có câu thành ngữ “*phá sơn lâm, đâm hà bá*” để chỉ những kẻ không sợ quỷ thần, không sợ những điều cấm kị thiêng liêng mà thôi. Tuy vậy, dọc theo bờ sông, tôi vẫn nhìn thấy những con thuyền đang được đóng mới. Phải gọi là tàu mới đúng, vì công suất máy của tàu thường là trên 200 sức ngựa. Cái thì đang hoàn thành phần khung gỗ, cái thì đã sang công đoạn hoàn chỉnh, đang sơn vỏ thuyền. Tàu thuyền ở Phan Thiết thường được sơn theo hai nhóm màu: trắng- xanh- đỏ hay vàng- nâu- đen điểm thêm màu đỏ ở mũi hay nóc thuyền hoặc phối các màu trên với nhau. Kiểu dáng thuyền cũng có đặc điểm riêng. Vì vậy, khi hoạt động trên biển, nhìn từ xa, có thể biết là thuyền cùng xứ Phan Thiết với mình hoặc thuyền của xứ Bình Định, Phú Yên hay Vũng Tàu, Cà Mau...

Thuyền nhẹ lướt ngang qua khu di tích trường Dục Thanh và Bảo tàng Hồ Chí Minh- Chi nhánh Bình Thuận, lòng bỗng nhớ cụ Nguyễn Thông: “*Đình hạ lâm Phan Giang kiêm đắc kê sơn chi thắng hải, triều bình nguyệt thượng thừa hưng phiếm chu chi du, hưng tận nhi phản, dữ nhất nhị hữu hảo ngâm vịnh tự thích... Đình kí thành, mệnh chi viết “Ngoạ Du Sào”, tác thi dĩ lạc chi*” (Trích “Ngoạ Du sào”- Nguyễn Thông). Dịch Nôm: “*Đình kê sông Phan, lại gồm được cả cảnh bể đẹp nơi núi khe, khi sông lặng trắng lên, nhân hứng bơi thuyền dạo chơi, hết hứng lại về, cùng một vài người bạn thân ngâm vịnh làm vui... Đình làm xong, đặt tên “Ngoạ du sào”, nhân làm thơ lạc thành*”.

Tôi đọc đoạn văn trên cho Minh nghe. Nghe xong, Minh cảm thán:

- Tuyệt quá, hậu sinh như tụi mình, cũng thuyền, cũng rượu, cũng thơ..., thú chơi có thua gì cổ nhân đâu.

Minh cười khà rồi rót rượu, nâng ly bằng hai tay hướng về Ngoạ Du Sào tưởng tượng:

- Hậu bối xin kính cụ Bô Chánh kiêm Đốc học Nguyễn Thông một li!

Ngoạ Du Sào được làm vào năm 1881, tính đến lúc tôi viết bài này đã gần 130 năm. Nếu căn cứ vào nội dung Nguyễn Thông viết trên đây, thì Ngoạ Du Sào đúng ngay vị trí Bảo tàng Hồ Chí Minh hiện nay. Như vậy, có lẽ lúc đó cửa biển gần hơn bây giờ, nên từ vị trí Ngoạ Du Sào không cao lắm, mà vẫn có thể “*gồm được cả cảnh bể đẹp*”. Hiện nay, tại chỗ này, nếu muốn nhìn biển, thì phải đứng ở tầng lầu thứ bảy, thứ tám trên một Ngoạ Du Sào hiện đại mới thấy được.

Tôi thử hình dung vào năm 1910, vừa tới Phan Thiết, người thanh niên Nguyễn Tất Thành dáng dong dỏng, mặc bộ áo dài vải màu trắng ngà đang đứng trên Ngoạ Du Sào đêm chiều nhìn xuống dòng sông Cà Ty, mà cụ Nguyễn Thông gọi tên là Phan Giang. Lúc ấy, dòng sông như thế nào và tâm trạng của người ngắm sông ra sao? Đến nay, không thấy bút tích gì của Nguyễn Tất Thành (hoặc của người cùng thời) nói về quãng thời gian mình về sống và dạy học ở đây. Kể cả khi trở thành Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh cũng không hề nhắc lại. Đây là điều thật đáng tiếc. Hồ Chí Minh là một con người bình dị nhưng thật vĩ đại. Không nhắc lại nhưng ai ai cũng biết, cũng nhớ, trong lòng luôn khâm phục và kính trọng. Nói ra điều này, xin ai đó đừng cố tình xuyên tạc. Tỉnh Bình Thuận vừa tổ chức kỉ niệm 100 năm, ngày Nguyễn Tất Thành về dạy học tại trường Dục Thanh, Phan Thiết. Không biết những nhà nghiên cứu về thân thế và sự nghiệp của Hồ Chí Minh có phát hiện được điều gì mới mẻ không, hay cũng chỉ là những câu chữ sáo mòn bóng bẩy của “đồng chí Vũ Như Cẩn” như một quán tính “khó dời” bấy lâu nay. Tôi vốn là con người lãng mạn nên hay suy nghĩ vẩn vơ. Tôi nghĩ, nếu lịch sử và cuộc sống chỉ có anh hùng không thôi mà thiếu mỹ nhân thì sẽ buồn chán và tẻ nhạt xiết bao...

Trước Bảo tàng có đặt một bức tượng Hồ Chí Minh, tôi không biết ai là tác giả tượng. Tượng được sơn màu đất, thật là một chủ ý có ý nghĩa. Bởi vì, có gì rộng hơn đất, cao hơn trời. Con người dù có vang danh thời đại, đóng đinh trong lịch sử, thì cuối cùng cũng trở về hoà một màu nâu của đất, miên trường vĩnh hằng với đất. Phần trung tâm của tượng là chân dung Hồ Chí Minh. Ôm quanh ông lão trán cao, râu dài, nét mặt hiền từ kia là ba cháu bé cao thấp khác nhau, quần quít đầy tình cảm yêu thương, nét mặt tươi cười hướng nhìn về phía trước như thấy được tương lai của mình. Bức tượng biểu hiện rõ ràng, chân phương ý tưởng Bác Hồ với trẻ em. Tuy nhiên, bức tượng này có thể dựng tại bất kì một nơi trang trọng nào khác, ý nghĩa của nó đều không có gì thay đổi. Chính vì vậy, tôi thấy hơi tiếc, nếu ngay tại nơi đây, di tích Trường Dục Thanh nổi tiếng này, thay vì dựng bức tượng có ý nghĩa phổ biến kia, ta dựng một cụm tượng khác với chủ đề "*Nguyễn Tất Thành và học trò của mình*" hoặc bức tượng khắc hoạ chàng trai trẻ Nguyễn Tất Thành đang đắm chiêu nhìn xuống dòng sông để tìm câu trả lời cho câu hỏi cốt tử: "*làm sao giành được độc lập cho dân tộc*"; được như vậy thì hay biết mấy. Cụm tượng này biểu đạt được nhiều ý nghĩa nhất chỉ khi ở ngay tại vị trí đặc địa này, nếu đem dựng ở một nơi nào khác sẽ làm giảm ý nghĩa. Tôi nói suy nghĩ của mình cho Minh nghe. Minh cười hiền:

- Mà đúng là nhiều sự, cho tao xin, về làm "bán thường dân" rồi thì đi nhậu, làm thơ và trả nợ tình là đủ rồi...

Thấy tôi cứ đắm chiêu không tỏ thái độ gì, Minh nói thêm một câu như đinh đóng cột:

- Thiên hạ này đâu phải của mình...

Ngay trong sân vườn của Bảo tàng Hồ Chí Minh, trước kia có ngôi nhà gỗ của gia đình bạn tôi, mà một phần ngôi nhà có chân trụ cắm vững chắc xuống mép sông. Tôi thường ghé nhà chơi, vào buổi trưa, trải chiếu nằm xuống sàn gỗ, hơi nước từ sông bốc lên mát lạnh cả lưng. Lúc đó chưa có cây cầu bắc ngang qua đây. Thời kì Mỹ ồ ạt đổ quân vào miền Nam, căn cứ

quân sự nằm phía Nam Phan Thiết được mở rộng, có cả sân bay quân sự và nhiều xe tăng hạng nặng. Muốn hành quân lên phía Bắc, xe tăng không thể qua cây cầu Quan ở trung tâm thị xã được, nên Mỹ cho làm cây cầu dã chiến bắc qua sông nằm phía Tây cầu Quan. Trụ cầu hoàn toàn bằng gỗ. Những khúc gỗ dài có đường kính trên 50cm được tẩm dầu đóng thẳng xuống lòng sông làm trụ đỡ cho phần trên là những súc gỗ tròn ghép sát với nhau, trên cùng lót vỉ sắt. Cầu này chủ yếu dành cho xe quân sự lưu thông. Từ đó, dân gọi tên là cầu Mỹ. Sau 1975, cầu Mỹ được dỡ bỏ, thay vào đó là chiếc cầu đúc bê tông, đặt tên là Dục Thanh. Qua cầu Dục Thanh là tới di tích trường Dục Thanh. Cầu Mỹ rất thấp, sát mặt sông. Hai đầu cầu có chốt lính gác. Ngày còn nhỏ, tan học, tôi với các bạn cùng lớp, có cả con gái, thỉnh thoảng leo lên cầu Mỹ nhảy ùm xuống sông tắm mát. Bỗng nhớ chuyện vui cũ, tôi tủm tỉm cười một mình.

- Nhớ kỉ niệm vui hả? Minh hỏi

Tôi vừa cười vừa trả lời:

- Hồi nhỏ, nhớ có lần nhảy cầu Mỹ tắm, một đứa trong lớp tao, lúc nhảy xuống không biết bị vướng cái gì níu lại mà người thì xuống sông còn quần tà lỏn thì dính lại trên cầu.

Đang cười vui, chợt băng khuâng. Ngay dưới chân cầu Mỹ và hai bên bờ sông này đã diễn ra những trận chiến ác liệt hồi tết Mậu Thân (1968). Dòng sông thủy triều Cà Ty hiền hoà đã từng nhiều lần phải ôm vào lòng thân xác những người lính của cả hai bên, kể cả xác lính Mỹ, rồi đưa họ ra cửa sông trở về với lòng mẹ biển. Chắc là sông cũng đau lòng lắm! Chợt nhớ câu thơ xúc động lòng người của Lê Bá Dương:

Đò xuôi Thạch Hãn xin chèo nhẹ

Đáy sông còn đó bạn tôi nằm...

Những tàu thuyền xuôi ngược trên dòng Cà Ty, không biết có ai đó nghĩ và nhớ về những gì đã trải qua trên sông này không?

Hè rồi... Phan Thiết đổ hoa vông,

tôi ở xa xôi nhớ quá chừng!
Nhớ chỗ mình sinh, mình được lớn,
một thời thơ dại vượt con sông.
Con sông đầy xác hoa vông rụng
quấn quện chân cầu không muốn trôi...
(“Mùa vông Phan Thiết cũ”- Trần Văn Lệ)

Nhà thơ Trần Văn Lệ đang sống ở nước ngoài, lòng da diết nhớ quê, nhớ những kỉ niệm, nhớ dòng sông. Anh viết thư cho tôi bằng một bài thơ, có những câu:

“Ngô Đình Miên nhắc tôi Phan Thiết,
nhắc nhớ vườn bông hoa vông xưa...
nhắc nhớ Cà Ty từng lượn nước
qua cầu ống ẹo giống như Thơ!
Ngô Đình Miên nhắc tôi Phan Thiết,
nhắc nhớ ngôi trường Phan Bội Châu
đi học tôi hay mang guốc mộc
nện trên nền gạch đỏ mù u...”

Mỗi con sông, một cái cầu... đều là chứng nhân thầm lặng của lịch sử. Nếu chúng ta tìm hiểu sâu một chút về lai lịch của dòng sông, cây cầu..., có thể sẽ cảm nhận thêm được cái phần sâu lắng nằm ở phía sau của lịch sử, luôn không được ghi nhận trong sử sách...

Ngọn đồi nhỏ bên tả ngạn sông, nằm giữa hai cầu Lê Hồng Phong (cầu Quan xưa) và cầu Dục Thanh, một vị trí thật đẹp mà ngày xưa người Pháp có lúc đặt toà hành chính tỉnh tại đây. Cùng trên ngọn đồi này, ngày trước còn có một ngôi trường tiểu học chỉ dành cho con gái, có tên là Trường Nữ. Xa về phía hữu ngạn sông cũng có một trường tiểu học khác dành cho con trai, tên là Trường Nam. Cứ ngỡ khi thành lập trường cũng phải tính “nam

tả, nữ hữu”, nhưng ở đây thì ngược lại. Trường Nữ đã tan tành sau trận bom Mỹ ném xuống hồi Tết Mậu Thân. Từ đó tên Trường Nữ cũng biến mất theo. Trên đồi chỉ còn lại một ngôi nhà khá lớn hai tầng xây dựng theo kiến trúc Pháp như một toà biệt điện, tuổi cũng gần trăm, vẫn còn đang được sử dụng làm nhà làm việc. Dưới chân đồi, dọc bờ sông là đường Bà Triệu. Thường những ngôi nhà dọc đường Bà Triệu đều quay mặt hướng ra sông, hướng chính Nam, nhưng ngôi biệt điện này lại khác, hướng nhà không theo trục Bắc- Nam, đối diện với sông, mà hơi xéo về hướng Đông một chút. Ở kinh thành Huế, tôi thấy mọi kiến trúc đều quay về hướng Nam theo chỉ dẫn của Kinh Dịch: “Thánh nhân Nam diện nhi thính thiên hạ” (bậc thánh nhân quay mặt về hướng Nam để cai trị thiên hạ). Ngay cả Toà hành chính tỉnh, cơ quan cai trị, nằm trên một ngọn đồi khác gần đó cũng quay mặt về hướng Đông. Tôi không rành về phong thủy cho lắm, nên cũng không rõ vì sao lại có sự khác nhau như vậy? Trong sân biệt điện, mấy cây me cổ thụ còn toả bóng mát và thả những chiếc lá li ti bay theo gió bắc ra tới mặt sông. Cạnh đó, còn một cây me trên trăm tuổi đã bị bứng gốc chuyển sang chỗ khác để nhường chỗ làm cái sân nhỏ trồng cây xanh. Sân này có nhiệm vụ chính là vừa làm vật cảnh trước mặt nhà Trung tâm hội nghị tỉnh, vừa làm vật ngăn cách với dòng sông. Qua lại nơi đây, tôi thường thấy một, hai cụ ông thần thờ nhìn cây me cụt ngọn, khô vỏ dần dần rồi chết... đứng. Chắc các cụ nhìn cổ thụ me rồi ngẫm lại bản thân mình, già rồi, biết đâu con cháu cũng sẽ “bứng” mình dời đi chỗ khác như thân phận cây me kia. Cũng là một đời sống như nhau, cây và người. Không biết sao, đã mấy năm qua rồi, cây me cổ thụ kia vẫn còn nguyên vị “chết đứng” tại chỗ, không bị di dời đi đâu nữa. Có lẽ, cái chết là sự giải thoát cho chính bản thân mình, đồng thời cũng vừa giải thoát luôn về mặt tâm lí cho nhiều người khác nữa... Những ngôi nhà cổ hiện nay ở Phan Thiết còn rất hiếm. Tôi thấy mừng vì mấy đời bí thư tỉnh uỷ vẫn ngồi làm việc trong ngôi biệt điện cổ này. Việc làm đó chứng tỏ ý thức bảo tồn văn hoá chưa bị nhạt phai trong các vị đứng đầu tỉnh. Chỉ hơi tiếc, một ngôi nhà cổ khác gần đó, trước đây người Pháp và chính quyền cũ dùng làm ngân khố (kho bạc), sau 1975, làm

Ngân hàng nhà nước; nay, đã bị phá huỷ để xây dựng nhà làm việc mới của Ngân hàng nhà nước tỉnh.

Cầm chai rượu vang cạn đáy, tôi hỏi Minh:

- Còn chai vang nào không?

- Để tao neo thuyền lại rồi lên mua thêm vang.

Nơi neo thuyền là một bậc cấp lên xuống sông trước khách sạn Cà Ty. Chỗ này trước kia là tổng đại lí bia BGI từ thời Pháp cho mãi đến năm 1975. Tỉnh bán khu vực này cho tư nhân xây khách sạn. Chuyện đó, một dạo dư luận xôn xao bàn tán, vì bán không qua đấu thầu và giá bán thì rất rẻ. Sau này, có một vị nguyên chủ tịch tỉnh khi nghỉ hưu đã tham gia quản lí và kinh doanh khách sạn này... Bên dưới chỗ neo thuyền một chút, có một ngôi nhà nhỏ sơn màu xanh trời quay lưng ra sông. Xuôi theo bờ, cách ngôi nhà nhỏ kia chừng bốn trăm thước cũng mọc lên một ngôi nhà song sinh với nó. Trước đây, tôi không để ý đến chúng. Nhưng một người bạn xa quê, trở về thăm lại Phan Thiết, anh đã phát hiện ra một chuyện gây cho tôi và bạn bè ở đây sự bất ngờ về hai ngôi nhà nhỏ này. Chúng không có gì đáng chú ý, nếu như nó được đặt ở một nơi nào khác. Vì vị trí tọa lạc của nó hiện nay đối xứng từng đôi một qua dòng sông bên tả ngạn với hai cụm nhà lớn, là hai cơ quan đầu não của tỉnh. Hai ngôi nhà nhỏ song sinh cả gan đứng không đúng chỗ kia có cùng chung một chức năng. Đó là hai nhà... vệ sinh công cộng duy nhất ở thành phố này. Tất nhiên, ở hai bên bờ sông, những ngôi nhà, cụm nhà trên đây, dù lớn dù nhỏ, tuy công năng có khác nhau, nhưng đều cực kì quan trọng, không thể thiếu trong đời sống xã hội. Nhưng khi nhìn hình ảnh đối xứng kia, cứ thấy có vẻ trái khoáy thế nào đó, hơi buồn cười. Trong quy hoạch xây dựng và kiến trúc, người ta rất quan tâm đến tính đối xứng. Vì vậy, tôi không khỏi phân vân về người chủ trương xây hai ngôi nhà nhỏ kia có ý tứ gì không bình thường chẳng? Một anh bạn của tôi, cách nay mấy năm, có lần báo cáo nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề môi trường trước đông đảo cán bộ chủ chốt của tỉnh, anh đem chuyện trái khoáy trên đây ra làm minh chứng cho sự thiếu nhận thức về môi

trường. Nhiều người lo sợ cho báo cáo viên. Về sau, anh bạn báo cáo viên của tôi không bị làm sao cả và nhất là hai ngôi nhà nhỏ song sinh sơn màu xanh da trời kia cũng bình yên vô sự... Tôi kể chuyện này cho Minh nghe, khi Minh xách một thùng rượu vang xuống thuyền. Nghe xong, Minh ôm bụng cười quá sá:

- Ông bạn báo cáo viên của mày thiệt ngông, trào lộng quá chừng!

Những người đi đường và khách từ khách sạn Cà Ty bước ra nhìn thấy “du thuyền” của Minh có hàng chữ lớn “Hoa viên Hội Ngộ” chạy dọc lườn thuyền đều tò mò nhìn ngó. Đến nay, thuyền của Minh là thuyền duy nhất làm dịch vụ chở khách đi chơi trên sông Cà Ty. Tôi nói với Minh:

- Mày nên tiếp thị với khách sạn Cà Ty và các khách sạn dọc hai bờ sông để họ giới thiệu khách đi chơi thuyền. Bến đón trả khách cũng chọn vài điểm dọc bờ kè sông.

- Tao sẽ làm ngay, khuyến mãi giảm giá luôn. Minh có vẻ rất hào hứng với gợi ý này.

Tôi và Minh tiếp tục uống rượu và nhìn đời trôi theo dòng sông. Thuyền tiếp tục xuôi dòng, chui qua cầu Lê Hồng Phong. Đây là chiếc cầu treo mới làm được vài năm nay. Lúc khánh thành cầu, bảng ghi tên cầu là “Cầu treo Lê Hồng Phong”. Các cụ hưu trí hỏi các có: “Đồng chí Lê Hồng Phong bị Pháp bắn chết, chớ bị treo cổ hồi nào?” Bảng tên cầu sau đó phải sửa lại như bây giờ: “Cầu Lê Hồng Phong”.

- Mày thấy chiếc cầu này thế nào? Tôi hỏi Minh.

- Bình thường thôi. Còn mày thấy sao?

- Theo con mắt chủ quan của tao, thì đây là chiếc cầu làm... xấu thành phố!

Tôi phân tích cho Minh thấy, kiến trúc của thành phố được mở ra từ hai bên bờ sông, đều ở tầm thấp, mà điểm nhấn là Tháp nước và hai điểm cao là khu nhà Tỉnh uỷ và Uỷ ban tỉnh. Đỉnh của những điểm cao này không vượt quá bốn mươi mét, trong khi

chiếc cầu treo lại quá cao. Đứng ở bờ bên này nhìn sang bờ bên kia chỉ thấy chiếc cầu choáng hết không gian. Mặt khác, nếu sông thật rộng, cần phải làm cầu treo thì không có gì phải bàn; nhưng sông Cà Ty lại hẹp, nên khi nhìn cầu treo chỉ thấy chiều cao mà không thấy chiều dài. Tôi mấy lần chọn thế đứng để chụp hình Vườn Bông- Tháp nước bên kia sông, muốn lấy được cả Vườn Bông và mặt nước sông, nhưng kiểu gì thì cầu treo vẫn lọt vào ống kính; đành phải chấp nhận lấy hình Tháp nước đơn độc mà thôi.

Càng xuống gần cửa biển, nhà cửa hai bên bờ càng cao hơn, đẹp hơn, tàu thuyền neo đậu dày đặc trên sông. Tuy nhiên, nước sông đã không còn mùi thiên nhiên nữa mà càng lúc càng nặng mùi hôi của dầu chạy máy nổ hoà lẫn với mùi xú uế của cả thành phố theo các đường cống xả thẳng ra sông, nhất là khi nước thủy triều rút xuống. Phan Thiết vừa được chính phủ công nhận là đô thị loại hai, nhưng vẫn chưa có hệ thống xử lí nước thải tập trung, trước khi xả ra sông. Có lần, cùng đứng bên cửa sổ trên tầng cao của nhà họp Tỉnh uỷ nhìn xuống sông, tôi hỏi một vị lãnh đạo tỉnh:

- Nước thủy triều đang xuống, anh thấy có điểm gì đáng chú ý không?
- Nước xuống thì bùn rác nổi lên. Anh trả lời tôi.

Tôi xác nhận điều đó là đúng, rồi chỉ cho anh thấy những cửa cống đổ ra sông đều trôi lên khỏi mặt nước và những dòng nước đen đặc từ đó đang chảy xuống dòng sông. Đã lâu lắm rồi, khúc sông Cà Ty chảy qua thành phố Phan Thiết chưa được nạo vét, lòng sông càng lúc càng cạn dần, chẳng những tàu thuyền đi lại khó khăn, mà bùn rác ứ đọng lại làm cho khúc sông ngay trung tâm thành phố ô nhiễm nặng thêm.

Những lúc triều cường, Cà Ty vẫn xanh xanh một dòng, tàu thuyền đánh cá chạy theo luồng giữa sông, tạo nên những đợt sóng làm chao nhẹ những tàu thuyền đậu san sát ven hai bên bờ đang lim dim mơ màng nửa thức nửa ngủ. Những lá cờ đuôi nheo đủ màu sắc cắm dày trên mũi những tàu thuyền tung bay rợp trời tạo thành những âm thanh như tiếng ru của biển cả cho

những đứa con – những tàu thuyền kia dễ đi vào giấc ngủ say sau chuyến ra khơi trở về mệt mỏi...

Khi cho thuyền quay mũi trở về quán “Hoa Viên Hội ngộ”, thấy Minh có vẻ đang lo nghĩ điều gì, tôi nói:

- Dòng sông thủy triều vẫn còn đây mà, dù có bao nhiêu dơ bẩn xấu xa của con người thải xuống sông, thì lòng mẹ biển vẫn bao dung đưa thủy triều lên nhận lấy hết thảy.

Minh cười:

- Có mấy câu “thơ hoá” tư tưởng của mày đó:

*Chỉ thương cho biển kia không được phép tin
Như người mẹ bao dung nhận về mình tất thảy
Cả giọt mưa trong và dòng sông ô nhiễm vào lòng*
(“Tin”- Y Nhiên)

Tôi nói với Minh như đang tự nhủ với mình:

- Cái đáng lo nhất là cái tâm của con người hiện nay ngày càng bị ô nhiễm nặng thêm!

NGÔ ĐÌNH MIÊN

THI SĨ

Có bàn chân dài hơn con đường
Nên chân trời là những đốt xương
Của ai bỏ lại ngàn năm trước
Sửng sốt kêu lên tiếng dị thường.

Ngủ cũng có đôi khi mở mắt
Chiêm bao thấy được vạt màu xanh
Giận quá giận đất trời vô loại
Nhắm tâm xô chết những bình minh.

Đi một mình đứng lại một mình
Dài hai bên thạch đỉnh chênh vênh
Thở buông tay thả người lơ lửng
Ở giữa thình không lại ngủ quên.

Trắng cho thi sĩ màu du tử
Đứng lại để nhìn vũ trụ đi
Cất bước mà xem khôn kiền chặt
Bỏ bước về thanh khí tương tri.

Nhận gọi én xa mùa bước biệt
Có mây già lụm cụm đi theo
Du tử cuối đời về góc núi
Bỏ lại trên sông một tiếng chèo.

PHẠM PHÚ HẢI

TỜ DI CHÚC

TỪ VỮ

Tình cờ vào buổi tối hôm đó tôi được quen với một thanh niên người cao lớn tên là René de Bourval. Lần gặp gỡ đó tuy có đôi phần lạnh nhạt, miễn cưỡng một chút nhưng cách cư xử của anh rất dễ thương.

Trong những trao đổi chuyện trò mỗi khi gặp nhau anh thường tỏ ra ngờ vực mọi điều, sự ngờ vực vừa rõ rệt mà cũng vừa có phần mỉa mai. Trong nhóm bạn bè thì anh là người khéo léo nhất trong việc giải thích một ngôn từ có tính cách đạo đức giả trong thú ăn chơi giao du của giới thượng lưu. Người thanh niên này cũng hay nhắc đi nhắc lại câu : "Chẳng có một tên đàn ông nào là lương thiện : hoặc giỏi lắm là chỉ có những kẻ ít bất lương hơn một chút thôi !".

René có một người anh em mà anh ta rất ít khi gặp gỡ thăm hỏi, MM.de Courcils. Tôi đoán là người này không phải là anh em ruột với René vì René mang tên họ khác. Nhiều người cũng thuật lại với tôi rằng trong gia đình De Courcils có rất nhiều sự kiện lạ lùng xảy ra, tuy thế tôi cũng không được biết thêm một chi tiết nào khác nữa.

René de Bourval rất hợp với tôi nên chẳng bao lâu sau tôi và René đã trở nên hai người bạn thân.

Một buổi tối tại nhà anh trong bữa ăn chỉ có hai người mà tôi được anh mời, tôi hỏi anh :

- " Anh là người con của lần hôn nhân thứ nhất hay thứ nhì của thân mẫu anh ?".

Ngay sau khi nghe tôi hỏi, gương mặt René tái hẳn đi sau đó đỏ ửng; im lặng một lúc vì hình như anh rất lúng túng sau đó anh, vừa với một nụ cười buồn bã nhưng cũng thật nhẹ nhàng đặc biệt chỉ có ở nơi anh, vừa nói với tôi :

- " Anh bạn tôi ơi, nếu việc tôi kể này sẽ không làm anh buồn ngủ, tôi sẽ thuật lại với anh về nguồn gốc của tôi với nhiều chi tiết đặc biệt. Tôi biết anh là một người thông minh vì thế tôi chẳng e ngại tình cảm bằng hữu của anh và tôi sẽ bị tổn thương, mà nếu có bị chẳng đi nữa thì cũng lắm là tôi sẽ mất đi một người bạn như anh."



- " Thân mẫu của tôi, bà De Courcils, là một người đàn bà khôn khổ nhỏ bé và yếu ớt rụt rè , mà người ta lấy làm vợ chỉ vì cái gia sản của cải mà cha mẹ để lại cho bà. Suốt cuộc đời bà thân tôi là một chuỗi thống khổ triền miên .

Với tâm hồn nhân hậu, rụt rè , tế nhị, bà đã bị đối xử một cách rất thô bạo và thường trực bởi một kẻ lẽ ra là cha tôi, một trong số những kẻ cục cằn mà người ta thường gọi là những vị trưởng giả thượng lưu bất nhân bất nghĩa .

Chỉ ngay sau ngày cưới một tháng thôi, người đàn ông chồng bà ngủ với một cô gái giúp việc trong nhà mới chỉ được 14, 15 tuổi . Ông liên tục ăn nằm với rất nhiều người đàn bà có chồng và nhiều cô gái khác nữa; tuy nhiên không vì thế mà ông ta không có được hai đứa con trai , đáng lẽ ra thì phải kể là ba trong đó có tôi, với vợ chính thức của ông ta, mẹ tôi .

Vì bản tánh của bà nên mẹ tôi chẳng dám hé răng than thở hơn nữa than thở với ai được. Trong ngôi nhà đầy tiếng ồn ào mẹ tôi đã sống hết như những con chuột nhắt đang sống dưới khe những bộ bàn ghế tủ i đã lâu đời. Mờ nhạt, biến mất khỏi đời sống thường nhật trong nhà, run rẩy, mẹ tôi nhìn mọi người qua cặp mắt e dè và thật trong, luôn di động, đôi mắt mà sự hãi sợ không bao giờ rời bỏ.

Thực ra thì mẹ tôi đẹp, phải nói là rất đẹp với mái tóc bạch kim xám, màu bạch kim của sự rụt rè e ngại ; nhìn mái tóc bà người ta tưởng tượng rằng mái tóc bạch kim đó đã bị bay màu với những sự sợ sệt thường trực.

" Trong số những bạn bè của Ông De Courcils luôn tụ tập tại lâu đài, có một viên sĩ quan kỵ binh cấp cao, góa vợ, một người đàn ông rất bản lĩnh, mềm mỏng nhưng cũng hung bạo, có khả năng giải quyết mãnh liệt trong những trường hợp cực kỳ căng thẳng, tên là De Bourval, cái tên mà tôi đang mang hiện nay. Đó là một người đàn ông mảnh mai nhưng cao khỏe với bộ râu mép rậm rạp đen nhánh . Tôi cũng hơi giống giống như ông ấy. Ông De Bourneval đọc sách rất nhiều và không có chung tư tưởng như những người cùng giai cấp của mình. Ngày xưa, bà cố nội của ông ta là một người bạn của J.J. Rousseau (*) , và người ta cũng kể lại rằng ông De Courcils thừa hưởng một chút gì đó trong máu mình với bà cố của ông. Ông thuộc nằm lòng *Le Contrat social*, *La Nouvelle Héloïse* và nhiều tác phẩm triết lý ngày trước đã làm đảo lộn những tục lệ cổ hủ, những thành kiến, những luật lệ lỗi thời, những thứ đạo đức giả ... trong đời sống vào thời đó.

" Ông ấy yêu mẹ tôi, và cũng được mẹ tôi đền đáp lại. Sự quan hệ của hai người kín đáo tới độ mà không một ai có thể nghi ngờ được. Người đàn bà đau khổ, bị ruồng bỏ, buồn thảm, đã bám víu vào ông một cách tuyệt vọng, và sống với tình yêu này bằng tất cả tinh thần, lý thuyết tự do tình cảm, tất cả táo bạo cho một cuộc yêu độc lập; tuy nhiên; vì bà vốn đã có bản chất rụt rè e sợ nên không hề hé răng nói lại với bất kỳ một người nào và vì vậy tất cả đã bị dồn nén, xô đẩy, tập trung lại trong tâm hồn bà mà không bao giờ được thổ lộ".

" Hai người anh em khác của tôi cũng cực kỳ tàn nhẫn với mẹ mình, hết như cha của họ, họ chẳng hề bao giờ biết vuốt ve an ủi mẹ, cả hai đều có thói quen xem mẹ như một kẻ hầu đầy tớ trong nhà".

"Tôi chính là kẻ duy nhất thương yêu bà và được bà thương yêu lại".

" Rồi mẹ tôi qua đời vào lúc tôi được 18 tuổi. Tôi cần phải nói thêm rằng, để anh có thể hiểu những gì sẽ xảy ra tiếp theo, chồng bà có một cố vấn pháp luật thân tín, nhưng may mắn nhờ

vào sự thông minh của một vị chương kế và các điều lệ đã quy định trong bản luật hôn phối nên mẹ tôi đã giữ được quyền để lại chúc thư như ý mình ấy muốn.

" Sau khi đã an táng mẹ tôi, tất cả mọi người trong gia đình tôi, trong đó có vài người bạn thân của ông chồng mẹ tôi tháp tùng, được vị chương kế mời đến văn phòng ông ta để nghe ông đọc chúc thư mẹ tôi đã viết để lại".

" Tôi còn nhớ lại rất rõ cái ngày mùa đông hôm đó. Một cảnh tượng vừa trang nghiêm nhưng cũng đầy kịch tính, khô hàn, sừng sốt, được đưa tới bởi sự nổi dậy đòi hỏi tự do của kẻ xấu số sau khi đã qua đời, yêu sách này đã bật ra từ tận đáy mồm của một người đàn bà " tử đạo " bị nghiền nát trong lúc sinh tiền bởi những tập tục đã đặt ra nay bật lên từ lòng chiếc quan tài đóng kín lời kêu gọi tuyệt vọng cho một sự độc lập".

"Kẻ nghi là cha tôi, một người đàn ông mập thù lù lại thường hay nóng nảy làm tôi liên tưởng tới một tên đồ tể, và những người anh em của tôi, hai thanh niên khoẻ mạnh 20, 23 tuổi, ngồi chững chạc trên ghế . Ông De Bourneval bước vào , đứng ở mé sau lưng tôi, trong chiếc áo măng tô màu đen bó sát mình, mặt xanh nhợt , nhay nhay hàm râu mép hình như cũng đã đổi từ màu đen sang màu xám bạc. Bây giờ thì tôi mới nghĩ ra được rằng ông đang chờ đợi những gì sẽ xảy ra.

"Vị chương kế cho khoá cửa lại hai lần sau đó khởi sự mở phong thư, có niêm mộc bằng si màu đỏ lấy ra một tờ giấy, mà chính ông cũng không biết có gì viết trên tờ giấy , đọc ."

Nói tới đây, bất thành người bạn tôi ngưng lại, đứng phắt dậy, tiến lại bàn giấy của anh, lôi chiếc ngăn kéo lấy ra một tờ giấy ngả màu vàng vì đã cũ, mở ra, đưa lên môi hôn một lúc thật lâu, và tiến lại gần tôi nói tiếp : " Đây chính là tờ di chúc của người mẹ thân yêu của tôi. Để tôi đọc cho anh nghe ":

"Tôi ký tên dưới đây là , Anne-Catherine-Geneviève-Mathilde de Croixluce, vợ co hôn thú của Jean-Léopold-Joseph-Gontran de Courcils, khoẻ mạnh và minh mẫn cả từ thể xác cho đến tinh

thần, xin được biểu lộ ra đây những lời trời trắng sau cùng của tôi".

" Trước hết tôi xin Trời Đất và sau đó là René đưa con trai thân yêu của tôi, tha thứ cho hành động mà tôi sẽ thực hiện. Tôi tin chắc rằng con tôi có một tấm lòng rộng lượng để hiểu và tha thứ cho tôi. Suốt đời tôi tôi đã bị đau khổ. Cuộc hôn nhân của tôi trước hết chỉ là một sự tính toán sau đó là sự khinh thị, đè ép, gian dối thường trực bởi chồng tôi.

"Tôi tha thứ cho ông ta, nhưng tôi không nợ nần gì ông ta cả".

"Những đứa con lớn của tôi chẳng một đứa nào yêu thương tôi, chẳng một chút gì xem tôi là mẹ đẻ ra chúng".

"Trong suốt thời gian tôi còn sống, tôi đã đối xử với chúng bằng tất cả tình thương của một người mẹ vì thế nên sau khi tôi chết tôi cũng chẳng còn chút nợ nần nào với chúng nữa. Tình liên hệ máu mủ không thể tồn tại nếu không có được tình yêu mẹ con thiêng liêng, liên tục, ổn định mỗi một ngày. Một đứa con bất nghĩa còn ít có giá trị hơn là một người dưng; nó là một thủ phạm bởi vì nó không có quyền dưng dưng với chính người đàn bà đã mang nặng đẻ đau ra nó".

"Suốt đời tôi đã run rẩy trước bọn người đàn ông, trước những luật lệ bất công, những thói quen bất nhân, những thành kiến bỉ ổi của họ. Trước Thượng Đế, tôi không còn gì để sợ hãi nữa. Chết đi, tôi gột bỏ được từ trong tôi sự xấu hổ của cái đạo đức giả; tôi dám nói những gì tôi nghĩ, thú thực và ký nhận sự bí mật ẩn kín trong thâm tâm tôi".

"Vì thế, tôi để lại tất cả tài sản của tôi theo đúng luật lệ đã quy định, uỷ nhiệm cho người tôi yêu thương nhất đó là Pierre-Germer-Simon de Bourneval, và ngay sau đó tài sản này sẽ truyền lại tiếp cho con trai tôi, René".

" Với Toà án tối cao tôi xin nói rõ rệt rằng : tôi sẽ nguyên rửa ông Trời và sự hiện hữu nếu tôi đã không gặp được một sự triu mến thực sự, tận tình, dịu dàng, không tài nào lay chuyển được từ người tình của tôi, nếu tôi đã không hiểu được trong vòng tay của

ông ta rằng đáng Tạo Hoá đã tạo ra con người để yêu thương nhau, để trợ giúp nhau, để an ủi nhau và cũng để khóc thương cho nhau trong những giờ đắng cay nhất".

"Hai đứa con trai lớn của tôi cha của chúng là M. de Courcils. René là đứa bé duy nhất do chính ông M. de Bourneval tạo ra. Tôi khẩn cầu vị thầy tối cao của con người và của số mệnh hãy đặt hai cha, con họ vượt ngoài những thành kiến xã hội, và làm cho cả hai thương yêu nhau cho tới khi họ nhắm mắt cũng như yêu thương tôi ngay cả khi tôi nằm trong quan tài".

" Trên đây là ý nghĩ cuối cùng và cũng là ước muốn cuối cùng của tôi"

"MATHILDE DE CROIXLUCE."

Khi chuông khẽ dứt lời thì ông M. de Courcils đứng phắt dậy, la lớn : " Đó là một chúc thư của một người điên !"

Ngay tức khắc M. de Bourneval bước tới , lớn tiếng đáp lại một cách quả quyết :

- " Tôi, Simon de Bourneval, tuyên bố rằng những gì đã được ghi rõ rệt trong chúc thư hoàn toàn là sự thực. Tôi sẵn sàng đứng ra để minh chứng với bất kỳ ai, còn nữa trong dịp này tôi sẽ công bố những lá thư mà tôi hiện đang giữ."

Thế là M. de Courcils chồm về phía ông Bourval. Tôi đã tưởng rằng họ sẽ đánh nhau. Cả hai đều to con, chỉ có khác là một người thì mập, một người thì dong dỏng. Ông chồng của mẹ tôi lập bập : " Ông là một kẻ tồi tàn!" Đối thủ đáp lại bằng một giọng khô sắng: " Thừa ông, chúng ta cứ hẹn sẽ gặp lại nhau đi. Lẽ ra thì tôi đã phải khinh bỉ mà thách thức ông từ lâu rồi nếu không vì ý muốn của người đàn bà đã suốt đời đau khổ vì ông. "

Dứt lời ông quay phắt lại nói với tôi : " Con là con của ta. Con có muốn theo ba hay không ? Ta không có quyền mang con đi, nhưng ba sẽ làm nếu con bằng lòng theo ba."

"Tôi nắm lấy bàn tay của ông không đáp lại và cả hai chúng tôi cùng bước ra khỏi văn phòng vị chương kế.

Thú thực thì khi đó tôi choáng váng cả người với những sự kiện vừa diễn ra.

Hai ngày sau thì M. de Courcils qua đời sau một cuộc đấu vũ khí tay đôi với ông M. de Bourneval. Một người anh cùng mẹ khác cha với tôi dấu kín chuyện này vì sợ bị tai tiếng. Tôi chiều theo ý họ và quyết định nhường lại cho cả hai một nửa tài sản mà mẹ tôi đã để lại cho tôi theo tờ chúc thư.

"Tôi đổi tên họ chính thức theo tên họ của người đàn ông đã tạo ra tôi , cũng theo đó tôi khước từ tất cả những gì mà luật pháp đã dành cho tôi sau khi ông M. de Courcils chết , nhưng đúng ra thì cũng chẳng phải là của tôi vì ông ta đâu có phải là cha ruột của tôi đâu.

" M. de Bourneval, cha ruột của tôi , cách đây 5 năm đã qua đời và cho tới ngày hôm nay tôi vẫn không tài nào khuây khoả được nỗi buồn thương khi nghĩ tới ông."



Đến đây, người bạn tôi đứng lên, bước vài bước, rồi , đến trước mặt tôi :

- "Như vậy đó! Tôi phải nói rằng lá chúc thư của mẹ tôi là một trong những việc đẹp đẽ nhất, trung thực nhất, lớn lao nhất mà một người đàn bà có thể thực hiện được. Có phải vậy không ông bạn ?"

Tôi vô cùng xúc động đưa cả hai bàn tay nắm lấy hai tay anh ta , nhìn thẳng vào đôi mắt anh và nói :

- " Quả thật đúng như vậy, thật đúng như vậy, bạn của tôi ời. "

TỪ VỮ

chuyển ngữ

truyện ngắn

LÊNH ĐÊNHI GIÔNG ĐƠI

VƯƠNG HOÀI UYÊN

Có lẽ nhiều năm sau này tôi vẫn không quên mảnh vườn ấy. Một mảnh vườn chẳng có gì đặc biệt, cũng không rộng lớn lắm. Cây cối thưa thớt, chỉ có một cây mít già xơ xác và một cây khế sau nhà. Ngoài ra cỏ dại mọc tràn đầy. Một ngôi nhà tranh vách đất nhỏ, cũng hoang phế như mảnh vườn. Khi tôi còn nhỏ gia đình bác Năm sống ở đó. Hai vợ chồng già, hai cô con gái lớn, một cậu con trai út. Bác Năm cũng thuộc loại người có chút chữ nghĩa nhưng thất nghiệp. Cả nhà sống nhờ hai cô con gái lớn ế chồng. Cô chị mặt đầy mụn, cô em có hai gò cao, khắc khổ. Hai cô phụ may cho một tiệm may áo dài. Anh Nguyễn – con út – còn đi học, và có tiếng là học giỏi.

Nếu chỉ có như thế thì cũng chả có gì đáng nhớ. Nhưng đối với tuổi thơ tôi, mảnh vườn ấy quả thật có một cái gì đó rất ấn tượng. Vườn nhà tôi cách vườn của bác Năm một mảnh vườn nữa của bác Giáo. Thuở ấy tôi thường nhìn qua vườn bác Năm, ngạc nhiên thấy cây cối bên ấy đung bầu trời. Trời ở ngay trên ngọn cây. Tôi băng qua vườn bác Năm ngoảnh lại thì lại thấy trời ở ngay trên đọt chuối vườn nhà mình. Đúng là tuổi thơ có nhiều ảo giác.

Sau đó ít lâu, vợ chồng bác Năm lần lượt qua đời. Vì mưu sinh, hai cô con gái lớn vào Sài Gòn làm ăn. Nhà chỉ còn mỗi mình anh Nguyễn. Khu vườn càng thêm hoang vắng tiêu điều. Thói thường nơi nào hoang vắng quá thì thường là đầu đề cho những câu chuyện ma quái. Cả xóm truyền miệng nhau nhiều nguồn tin không biết phát xuất từ đâu. Có người quả quyết một lần đi chơi về lúc nửa đêm đã thấy con quỷ một giò đứng dưới cây mít nhà anh Nguyễn, hú lên từng hồi dài. Có người nói rằng đêm đêm vẫn thấy một đốm lửa đỏ rực từ trên trời bay xuống đậu vào cây mít. Có người còn nói rằng chính anh Nguyễn kể lại có lần anh thấy tận mắt một dòng chữ Nho thành linh xuất hiện trên tấm bảng đen treo trong nhà anh – nơi anh vẫn thường giải toán hình học – mà anh thì không biết đọc chữ Nho, nên không biết dòng chữ kia nói gì.

Đại khái những chuyện ma quái như vậy cứ truyền tụng ngày một nhiều thêm. Và tôi thì đêm đêm cứ nằm co chân trùm chăn kín mít vì sợ. Mùa đông thì không nói gì, nhưng mùa hè mà cứ phải trùm chăn thì đúng là một cực hình. Đã vậy ban ngày vẫn cứ dỏng tai lên mà nghe truyện ma nhà anh Nguyễn. Cứ thế mảnh vườn ấy đã huyền hoặc lại càng thêm huyền hoặc trong suốt tuổi thơ tôi.

Đến năm tôi mười tuổi thì khu vườn ấy bị bỏ hoang. Anh Nguyễn dọn xuống ở chung với hai bà cô già không chồng. Những người ngồi lê đôi mách trong xóm lại thì thảo : “ Ma nó phá thế ở thế nào được, không chết là may ”. Sự kiện anh

Nguyễn dọn nhà đi càng làm cho khu vườn thêm khó bán. Không ai hỏi mua mặc dầu với giá rẻ mạt.

Băng đi một thời gian khoảng gần mười năm. Bao nhiêu là biến cố đổi dời, Tôi cũng xa quê hương nhiều năm vì việc học. Mảnh vườn tuổi thơ đầy ám ảnh đó cũng lãng quên dần. Mỗi lần về thăm nhà, tôi cũng chỉ nhìn qua mảnh vườn cũ của anh Nguyễn, vẫn thấy cảnh vật hoang phế buồn vắng, nhưng không cảm thấy sợ nữa. Có điều lạ là ngôi nhà vẫn chưa sập, vẫn đứng âm thầm, lụp xụp, tối tăm ở giữa vườn.

Rồi cuộc sống cuốn tôi đi. Tôi quay cuồng trong vòng quay nghiệt ngã của nó, đâu còn thì giờ nghĩ về mảnh vườn tuổi nhỏ. Băng đi một thời gian sau, tôi lại có dịp về quê. Buổi tối ra ngoài sân ngồi hóng mát, tình cờ thấy mảnh vườn nhà anh Nguyễn sáng đèn, tôi ngỡ mình trông nhầm. Nhưng không, đúng là có ánh đèn trong ngôi nhà lụp sụp ấy. Mẹ tôi cho biết mấy mẹ con chị An và bà mẹ chồng chị thuê gian nhà này ở mấy năm nay.

Cái tin làm tôi ngỡ ngàng. Chị An là bạn học cùng lớp với chị Chinh - chị tôi - hồi phổ thông. Chị An đẹp nổi tiếng ở một trường trung học. Theo gia đình vào Nam từ khi còn bé, nhưng ở chị vẫn mang dáng vẻ của một cô gái Hà nội. Chị đẹp thật đấy, là con gái như tôi mà còn mê, hướng chi ... Những lần chị An tới nhà chơi với chị Chinh, tôi vẫn thường thập thò ở một chỗ khuất để ngắm chị. Thấy chị An hay tới chơi với chị Chinh, tôi cứ tưởng hai người thân nhau, sau này tôi mới biết còn một nguyên nhân khác nữa: chị An và anh Hải – hàng xóm nhà tôi – yêu nhau. Họ thường gặp nhau ở nhà tôi, có khi cả hai cùng ngồi nói chuyện với chị Chinh. Về sau họ tách ra khỏi chị Chinh, thường đứng nói chuyện bên hàng rào dâm bụt. Vừa nói chuyện, họ vừa bứt lá dâm bụt xé nhỏ ra, vắt tươi tả dưới chân. Không biết họ nói với nhau những gì mà lâu thế. Tôi bèn co chân chạy qua chạy lại chỗ họ nói chuyện. Nhưng vì chạy quá nhanh nên cũng chẳng nghe được gì. Cuối cùng tan buổi nói chuyện, chỉ còn một đồng lá xanh

bị xé vụn tơi tả dưới đất - những “ nạn nhân ” tội nghiệp của tình yêu!

Bẵng đi một thời gian không thấy chị An tới chơi với chị Chinh nữa. Một buổi chiều gần chập choạng tối lại thấy chị tới. Hai người kéo nhau vào buồng. Không biết họ nói với nhau những gì, chỉ thấy lúc ra về hai mắt chị An đỏ hoe. Ra đến đầu ngõ nhà tôi, anh Hải đã đứng đợi sẵn ở đấy. Tôi nghe tiếng anh Hải gọi chị nhiều lần , nhưng chị vẫn cúi đầu bước đi. Anh Hải ngơ ngẩn nhìn theo, tôi cũng nhìn theo chị An và chợt thấy lòng mình nao nao. Sao tình yêu lại buồn quá vậy?

Sau này khi nghe tin chị An lấy chồng, tôi mới biết đó là buổi chiều chị đến tâm sự cùng chị Chinh về việc phải cắt đứt tình yêu với anh Hải để đi lấy chồng theo sự sắp đặt của gia đình. Gia đình chị An vỡ nợ, bố thất nghiệp, một đàn em nheo nhóc. Chị phải lấy một người chồng già gần bằng tuổi bố, chỉ vì ông ta có nhiều tiền và nhiều quyền lực, có thể cứu vãn gia đình chị An trong cơn nguy biến. Sau khi chị An lấy chồng ít lâu anh Hải cũng bỏ đi đâu mất. Tôi muốn hỏi chị Chinh, nhưng lần nào cũng bị mắng: “ Trẻ con biết gì !.”

Những thắc mắc của trẻ con hay bị người lớn khước từ, nhưng người lớn cũng ít để ý rằng trẻ con hay nghe lõm chuyện của họ. Có lần tôi nghe chị Chinh kể với mẹ là chị An bây giờ giàu có lắm. Chị tiêu tiền như nước, và không bao giờ quan tâm đến chuyện tiền còn hay hết, ông chồng là nguồn cung cấp vô tận của chị. Chị tiêu pha như để trả thù cái thời con gái khốn khó ngày xưa, và cũng để trả thù ông chồng không tương xứng với chị. Đó cũng là cái giá phải trả khi ông cưới một cô vợ trẻ đẹp như chị An. Mặc dù không yêu chồng nhưng chị An vẫn sinh cho chồng ba đứa con, hai trai, một gái. Tưởng rằng như thế cũng yên phận. Nhưng dòng đời nào cũng lắm thác ghềnh. Chiến tranh chấm dứt, chồng chị An đi cải tạo. Kinh tế gia đình suy sụp rất nhanh, điều đó cũng chẳng có gì lạ đối với một người tiêu tiền rộng rãi như chị An. Chị bán ngôi nhà cũ trang trải nợ nần, và cùng mẹ chồng mang ba

con nhỏ đến thuê căn nhà lụp xụp của anh Nguyễn. Đó là những năm sau chiến tranh, cuộc sống còn trăm ngàn khốn khó. Chị An lại không có nghề nghiệp gì, nên chỉ biết trồng rau , chuối nuôi heo. Những khi có cơ hội về nhà, tôi thường sang nhà chị An chơi. Lần nào sang cũng thấy chị ngồi thái cả cây chuối to dài. Thấy tôi sang chị hay nghỉ tay một lát, vừa ôm con vừa nói chuyện. Trông chị âu yếm con, tôi vẫn chạnh lòng nghĩ tại sao một người phụ nữ không yêu chồng lại có thể yêu con đến thế. Điều đó thì sau này tôi mới hiểu khi đã làm vợ, làm mẹ. Có lần đi phố chơi, tôi gặp chị An từ chợ về, mặc một bộ đồ bà ba cũ tang, đi chân đất, đầu đội một bó rau khoai to sùm sụp. Tôi ngỡ ngàng không tin vào mắt mình nữa. Trong tôi hình ảnh người con gái xinh đẹp năm xưa lại hiện về bên cạnh người đàn bà lam lũ trong hiện tại. Mắt tôi cay cay vừa thương chị, vừa ngỡ ngàng nhận ra tính cách con người ấy thật đa dạng: thì ra chị An không chỉ là người đàn bà tiêu tiền như nước khi giàu sang phú quý, mà khi sa cơ thất thế chị vẫn vui vẻ bươn chải với đời để kiếm tiền nuôi con, nuôi mẹ chồng. Có điều trong cuộc sống lam lũ ấy, nét đẹp của chị vẫn không chịu tàn phai. Nếu đem so sánh chị An thời con gái và chị An bây giờ có lẽ cũng không khác nhau là mấy. Nếu có khác chẳng lẽ ở chỗ thời xưa cái nhan sắc ấy là một viên ngọc được trau chuốt đặt trong tủ kính, còn bây giờ thì nó bị phủ lên một lớp bụi mờ.

Và cứ như thế chị An sống buông xuôi theo dòng đời, cặm cuội tất bật nuôi con . Có dịp về nhà tôi vẫn thường qua chơi với chị, làm giúp chị một số việc lặt vặt. Nhìn mảnh vườn hoang phế, tự nhiên tôi nhớ lại những chuyện ma hồi nhỏ. Có lần tôi hỏi chị An: “Hồi xưa ở đây ma nhiều lắm, chị An có thấy ma bao giờ chưa? “. Chị An cười: “ Cô mà cũng tin vào những tin đồn vớ vẩn ấy ư ? . Chị chỉ sợ ma sống thôi “. Tôi phân vân không hiểu chị An muốn ám chỉ ai đây, nhưng thấy không tiện hỏi. Đạo ấy tôi thấy chị có vẻ gì khang khác, ít nói hơn, dáng tư lự có vẻ nghĩ ngợi, mắt thâm quầng nhiều hơn vì mất ngủ. Sau đó ít lâu, một buổi sáng thức dậy tôi nghe có tiếng người xôn xao bên nhà chị An lẫn tiếng trẻ con khóc. Mẹ tôi nói: “ Con An bỏ nhà trốn đi với một người tài

xế, anh ta cũng là người chủ chiếc xe ấy, nghe đâu giàu có lắm ". Tôi lao qua nhà chị An. Ngoài sân những người hàng xóm tụ lại bàn tán. Trên thềm nhà một bà cụ già tóc bạc phơ và ba đứa trẻ đang ngồi khóc. Sao lại thế này nhỉ? Sự thật tàn nhẫn đến ngỡ ngàng. Hình ảnh chị An lam lũ hiện về trong tôi với bộ quần áo cũ tang, chân đi đất, đầu đội một mớ rau khoai sùm sụp ... với bao nhiêu mền thương lẫn khâm phục trong tôi. Nghe những người hàng xóm bàn tán thì ra lâu nay anh Hải có về liên lạc với chị An. Có người bắt gặp họ hẹn hò nhau trong đêm hôm khuya khoắc. Nghe đâu anh Hải bỏ vào Nam lập nghiệp sau khi chị An đi lấy chồng, bây giờ khá giả lắm, có xe tải lái đi chở hàng từ Nam ra Bắc, và vẫn chưa có vợ. Nhớ lại lời chị An nói hôm nào, tôi đã hiểu con ma sống của chị là ai rồi . Đáng vẻ trầm tư của chị những ngày gần đây đã nói lên cái điều chị đã đấu tranh với chính mình như thế nào khi phải chọn lựa giữa bốn phận và tình yêu. Cuối cùng tiếng gọi của tình yêu đã thắng. Nó như cơn lũ mạnh mẽ và tàn khốc cuốn trôi bãi bờ của bốn phận đã giữ chị An lại suốt mấy năm nay sống nghiêm túc đức hạnh như một nữ tu, và chịu đựng tất cả sự nghèo khó như một người đàn bà sinh ra để chịu lam lũ . Cái gì đã giữ chân người đàn bà đó lại trong chùng ấy năm? Có lẽ là những đứa trẻ kia. Tôi đã biết chị thương con như thế nào. Nhưng tôi lại không biết trong chị vẫn bùng cháy một tình yêu thuở đầu đời. Tôi nhìn con ngõ cũ có hai hàng dâm bụt như nhìn lại tuổi thơ của chính mình. Cái con bé ngày nào đã từng co chân chạy qua chạy lại chỗ anh Hải, chị An đứng nói chuyện để nghe lỏm họ nói gì. Cũng chính cái con bé ấy từng biết buồn khi nghe tiếng anh Hải gọi chị An trong buổi chiều chập choạng năm xưa, khi chị An cắt đứt tình yêu với anh để đi lấy chồng. Bây giờ khi cuộc tình tan vỡ ngày xưa vừa được hàn gắn, thì lại có một sự tan vỡ khác còn lớn hơn, đau xót hơn nhiều. Không biết giờ này trong lòng người đàn bà ra đi có hình dung được cảnh tượng mấy bà cháu nheo nhóc đang vật vã khóc bên thềm nhà? Mảnh vườn hoang phế ngày xưa tưởng đã ám lại trong tình người, bây giờ lại càng thêm hoang phế. Cây khế già nua xơ xác sau vườn nhà đã đi suốt chiều dài từ tuổi thơ tôi cho đến khi trưởng thành, bây giờ vẫn hoài xơ xác, cần cỗi. Một nông

dưa món phơi dờ ngoài sân nhắc tôi nhớ cái tết đã gần kề, đồng thời cũng gợi lên một vẻ tương phản lạc lõng trong khu vườn không hề có dấu hiệu của mùa xuân.

Hai chục năm sau tôi gặp lại chị An giữa thành phố Sài gòn. Tôi dường như không thể tin vào mắt mình nữa khi chứng kiến sự thay đổi của một con người: Người phụ nữ lam lũ nuôi con, từng đi chân đất với một rổ rau khoai sùm sụp trên đầu ngày xưa không còn nữa. Trước mắt tôi là mụ đàn bà mập mạp, hút thuốc lá luôn miệng, nói tục luôn miệng. Cũng phải thôi, hai mươi năm rồi còn gì, biết bao nhiêu là đổi dời. Cuộc sống đô hội đã có đủ thời gian để nhào nặn, biến chất một con người. Nghe đâu sau khi chị An bỏ đi, mấy bà cháu dắt díu nhau về quê sống. Không biết số phận mấy đứa con chị An bây giờ ra sao. Tôi muốn hỏi nhưng thấy không tiện nên thôi. Nghe chị Chinh nói chị An cũng không còn sống chung với anh Hải nữa. Chị cũng đã từng trải qua nhiều đời chồng và bây giờ là bà chủ bia ôm. Ai đó đã từng nói dòng đời như nước cuốn, nếu đúng như vậy thì dòng đời của chị An chính là một con thác lũ đã cuốn trôi một thân phận con người.

VƯƠNG HOÀI UYÊN

XỨ LẠ QUÊ NGƯỜI

NGUYỄN THỊ DỊ

Xe lửa Troyes ngưng tại Gare de l'Est - quận 10, tôi theo bảng hướng dẫn các trạm xe điện ngầm, lấy métro số 4 đi sang Gare du Nord, đón xe Rer B chạy suốt từ sân bay Charle de Gaulle đến Orsay, tới Gare du Nord nhìn màn truyền hình chạy hàng chữ thông báo Rer B trễ 20 phút, những gương mặt nhiều góc tích khác nhau, nhưng hình như cùng chung một tâm trạng bất mãn, bức bối. Vài người đàn ông da đen tức giận la lớn "merde". Tôi lách trong đám đông tìm vào góc tường. Một cô gái á châu có rúm người trong chiếc áo parka, tuổi chừng 27,28 gương mặt tự nhiên không son phấn hơi tái chắt vì lạnh, đứng tránh sang một bên rồi nhìn tôi với nụ cười hồn nhiên, hỏi tôi bằng tiếng Việt:

- Bác là người Việt nam ?

Tôi bước tới đứng cạnh cô gái mỉm cười nói nhỏ:

- Cám ơn cháu.

Ánh mắt cô gái rạng niềm vui:

- Hơn một tháng cháu mới được nói chuyện với một người lớn tuổi như bác!

Tôi cau mày hỏi lại:

- Ý cháu muốn nói gì?

Cô gái ngập ngừng :

- Dạ ! cháu sang Pháp được hơn hai tháng , cháu nhớ ba mẹ cháu quá , mỗi lần gặp người á châu cháu chào, họ nhìn cháu không trả lời, sao kỳ vậy bác ?

Tôi từ tốn giải thích :

- Cháu à họ có biết cháu là ai ? và biết nói gì với cháu ? Ở xứ mình ra đường cháu chào hỏi người quen biết , bên này cũng vậy , có dịp ngồi gần nhau trên métro , rer như cháu và bác thì hỏi vài câu như sang đây bao lâu ? sống ở thành phố nào ? có về Việt Nam lần nào chưa ? ...

Cô gái thở dài :

- Mỗi lần nhớ ba má cháu , cháu đến Paris 13 , nhìn những người á châu và nghe tiếng người Việt nói chuyện với nhau mà cháu muốn khóc !

Tôi tò mò :

- Cháu sang đây du học hả ?

Cô gái cúi mặt , nói nhỏ:

- Dạ không , chồng cháu bảo lãnh ! Ảnh.....cô gái ngập ngừng giây lát rồi tiếp :

- Ảnh là một người Hồi giáo

Tôi hỏi thêm :

- Thế anh ấy có cử ăn thịt heo không ?

Cô gái thành thật :

- Dạ có !

Tôi đi sâu vào câu chuyện :

- Cháu lấy chồng do người quen giới thiệu hay là ...
Tôi định nói hay là cháu *chat* nhau trên internet , nhưng tôi bỏ
lửng câu nói vì Rer B vừa trò tới, đám đông chen lấn người đang
xuống để được lên trước có chỗ ngồi , cô gái nhanh nhẹn , lách
người vào đám đông, tôi đứng yên chờ hành khách bước hết
xuống rồi lên, tiếng cô gái gọi :

- Bác ơi , tới đây ngồi với cháu .

Cô gái đang ngồi cách chỗ tôi đang đứng ba hàng ghế , tôi xin lỗi
những người đứng chung quanh , tiến tới , ngồi bên cạnh cô ta :

- Cảm ơn cháu !

Xe chuyển bánh , tôi nhìn cô ta nói :

- Kể tiếp chuyện cháu gặp chồng cháu cho bác nghe đi !.

- Ba má cháu sang Miên làm ăn từ năm 1990, có 3 chiếc xe 20
chỗ chở khách du lịch do mấy anh lớn của cháu lái , còn cháu thì
quản lý cửa hàng bán quà kỷ niệm, những đặc sản của xứ Miên ,
chồng cháu là khách du lịch , anh ta tới cửa hàng của cháu , ..
ảnh nhờ cháu chọn lựa dùm ảnh ... tuần lễ cuối cùng trước khi rời
xứ Miên, mỗi tối ảnh mời cháu hướng dẫn các quán ăn ngon rồi
sau khi về tới Pháp cháu với ảnh gặp nhau thường xuyên qua
internet 4 tháng sau ảnh ngỏ ý cưới cháu ...cháu chấp nhận ,
ảnh bay sang làm thủ tục hành chánh...ba mẹ cháu không vui
khi biết cháu quyết định sang Pháp ...vì cháu nói được tiếng Anh ,
còn tiếng Pháp cháu bắt đầu học khi nhận lời lấy ảnh ! tiếng Pháp
khó quá hả bác ?.

Tôi gật đầu :

- Ờ ! ngôn ngữ Pháp rất cầu kỳ ! cháu có tìm được nơi nào học tiếng Pháp chưa ?

- Dạ có , cháu đang học trong một hội do người bản xứ ảnh quản lý ! một khoá 3 tháng phải trả 300 euros đó bác !

Tôi ngạc nhiên:

- Thế à !

Cô gái lại thở ra , rồi tiếp :

- Bác biết hôn?...những ngày đầu tới Pháp , nhớ ba má , anh chị , thèm cơm , thịt kho , cá kho , mắm kho ... ảnh đưa cháu ra Paris 13 vào siêu thị Á châu , cái gì cháu cũng muốn mua , khi qua quầy trả tiền ,145 euros, cháu thấy ảnh nhăn mặt , về tới nhà ảnh bảo với cháu tiền chợ 400 mỗi tháng ...cháu tủi thân quá, bên nhà cháu sống thoải mái , muốn mua sắm cái gì cháu thích

Bàn tay tôi vỗ nhẹ cánh tay cô gái :

- Cháu à ! chồng cháu nói như vậy là đúng đấy , tiền lương hàng tháng của ảnh có ngần ấy , phải chi trả nhiều thứ như tiền mượn nhà , tiền điện , tiền bảo hiểm xe , bảo hiểm nhà, tiền nước , tiền thuế nhà , thuế đất , thuế lợi tức mỗi nước có đời sống của nước đó ! Phải chấp nhận cháu à, cháu có biết câu : ở bầu thì tròn ,ở ống thì dài không ? chồng cháu đóng tiền cho cháu học tiếng Pháp ,ảnh lo cho tương lai cháu , bác khuyên cháu nên để hết tâm trí vào việc học này , khi nào khá thông thạo ghi tên học một khoá học nghề cấp tốc 6 tháng hoặc một năm ..

Tôi nhìn thẳng vào đôi tròng mắt đang đỏ sẫm khốc của cô gái rồi nói như nói với một người thân trong gia đình :

- Cháu khoan có con trong giai đoạn này, chờ khi nào cuộc sống khá quen thuộc !.

- Anh ấy muốn có con ngay bác à ! Ảnh bảo ảnh lớn tuổi .
- Cậu ấy được bao nhiêu tuổi ?
- Dạ 34 , hơn cháu 5 tuổi ...
- 34 còn trẻ chán .

Cô gái ghen ngào :

- Hồi quen ảnh cháu đâu biết ảnh là người Hồi giáo , ảnh cũng trắng như Tây vậy bác . Sang tới Pháp , gặp ba má ảnh cháu mới biết , cháu lo quá bác ạ ... nếu cháu không có con , ảnh lấy người khác ! Người hồi giáo được quyền có 2,3 vợ phải không bác ?

Tôi lắc đầu :

- Luật xứ Pháp không ai có quyền làm hai tờ hôn thú , cháu cứ yên tâm .

Tôi an ủi tiếp :

- Theo lời cháu, cậu ấy lo cho cháu học tiếng Pháp ... tức là ảnh lo cho tương lai cháu . Cậu ấy không đến nỗi nào đâu .

Cô gái than thở :

- Sang đây vào mùa thu trời lạnh lại xa cha mẹ , anh chị em , không bạn bè , không nói được gì với gia đình chồng ... cháu tủi thân quá ! biết như vậy con không lấy ảnh !

Tôi đặt bàn tay mình trên bàn tay nhỏ bé của cô gái , vỗ về :

- Bác nghĩ trước khi theo chồng sang xứ lạ quê người , cháu cũng biết trước mình không cùng ngôn ngữ , không cùng tập quán , không cùng xã hội ... cháu nên chấp nhận hiện tại và tìm

mọi cách sống hoà đồng , người mình có câu : nhập gia tuỳ tục ... cháu còn trẻ đừng vội nản lòng , đã là vợ chồng thì phải có duyên có nợ đây cháu , cháu nghĩ xem bao nhiêu thanh niên bên quê nhà sao cháu không lấy mà cháu lại ưng một người xa lạ ? Con người ai cũng mơ được hạnh phúc , được sung sướng ...nhưng định mệnh đôi khi không như mình mơ ước ...

Cô vừa lau nước mắt đang sắp sửa trào ra vừa đáp :

- Dạ bác , cháu cảm ơn bác đã khuyên dạy cháu , còn hai trạm nữa cháu xuống, bác cho cháu xin số điện thoại được không bác ?

Tôi lấy cây viết , tìm mảnh giấy nhỏ ghi vội những con số và đưa cho cô gái :

- Gọi bác là bác Tám vì bác thứ Tám , khi nào cháu có chuyện gì buồn cứ a - lô cho bác . À, còn cháu tên gì ?

- Dạ cháu tên Duyên !

Xe Rer ngưng ở trạm Massy Palaiseau , cô gái đứng lên :

- Cháu chào bác !

- Chào cháu , nhờ lời bác nhen .

Cô gái mỉm cười dạ nhỏ rồi theo hành khách vội vã xuống xe ! Rer chuyển bánh, nhìn dáng đi co ro của Duyên trong chiếc áo parka dày, tôi mang mang buồn cho thân phận mười hai bến nước nơi xứ lạ quê người.

Orsay 12/12 /2009

NGUYỄN THỊ DI

truyện ngắn

NHỮNG ĐÓA HỒNG MONG MANH

PHAN

Một hôm tôi thấy người chị đứng giàn giụa nước mắt dưới căn bếp giọt mưa, hứng bằng cái nón sắt méo mòn thương thảm, nhưng hai tay chị lật tĩa những cành hồng đã hết xinh tươi từ một bình hoa cũ mà theo trí nhớ rất mơ hồ của tôi ngày ấy, bình hoa có từ bó hoa bạn trai của chị đưa đến tặng. Ngay khi anh ấy ra về, chị tôi đã cắm hoa trong nước mắt vì anh đến từ già trước khi đi vượt biên. Ba ngày hai đêm sau đã nhìn chị khác xa trước đó; hay chỉ tại thiếu nụ cười luôn nở trên môi người chị vui tính, hiền lành mà trông quá héo hon; hay tại tôi ưa nghĩ ngợi mà ra chuyện. Thật ra là chị của người bạn, nhưng tôi ưa ở nhà bạn hơn ở nhà mình, cũng không rõ nguyên do trong thời tuổi trẻ, nhưng đã thành kỷ niệm xuôi theo dòng đời từ độ ánh trăng tan. Chị thôi ca hát và đánh đàn thùng từ dạo ấy, thôi huýt sáo ngân nga khi ngồi xắt cây chuối cho heo ăn hay nấu cơm dọn cho cả nhà vây quanh rửa cây chuối non chấm nước tương pha loãng, le hoe vài lá quế ngắt vặt ngoài vườn. Tuy không phải chị ruột nhưng tôi quý mến chị của người bạn vì tôi chỉ có những anh trai, toàn những người mang giày saut của lính nên nói tiếng trước không có tiếng sau; sút cho mày một đá là đâu ra đó. Có lẽ vậy

nên hình ảnh người chị in đậm trong tôi đến bây giờ. Có một thời như thế ở quê tôi, bình hoa không vứt bỏ khi đã héo tàn mà tĩa tốt lại để có một bình hoa hết khả năng tĩa tốt; hay người ta chỉ chưa quen với những mát mát quá lớn trong đời người miền nam nên cố lượm nhặt lại những mảnh vụn ngày tháng; những dấu tích đau buồn của nước mất nhà tan...

Sáng nay trời đẹp sau mùa tuyết tan, đường bạch dương sương trắng nắng tràn là có thật, có tiếng xe chạy ngoài đường George Bush Highway chứ không có tiếng người xưa vọng/ một điệu Chopin với giọng đàn như thơ Tố Hữu mà thời đó phải học. Lòng riêng không hiểu nổi con người ông lấy đâu ra nhân tính để viết những câu thơ không tẻ. Hình như nguyên văn là, *em ơi Ba Lan mùa tuyết tan/ đường bạch dương sương trắng nắng tràn/ anh đi nghe tiếng người xưa vọng/ một điệu Chopin với giọng đàn...* mà hơi đâu bận tâm tới những tội đồ, thơ đẹp trong dòng thơ nước nhà thì không có sức mà nhớ: *Em lùa gió biếc vào trong tóc/ thổi lại phòng anh cả núi non...* câu thơ thuộc lòng thời đi học của Huy Cận. Ông không đi Ba Lan nên thơ không có tuyết mà có hồn. Còn bao nhiêu là thơ tình diễm lệ, *Có phải em mang trong áo bay/ hai phần gió thổi một phần mây/ hay là em gói mây trong áo/ rồi thả cho làn áo trắng bay...* thơ Nguyễn Sa không ra hải ngoại cũng diễm tuyết đời này qua đời khác, *nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát/ bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông/ anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng/ thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng...* Sau đó, Ngô Thụy Miên phổ nhạc để cho mình Duy Trác hát bản Áo Lụa Hà Đông, nghe Duy Trác cất giọng một lần là tĩa tái trăm năm, nỗi đau dịu dàng thấm vào phế phủ, chết trong chai sầu đông không hối tiếc; chết thật thà khi nghe tình yêu trên cây sầu đông hé nụ mà ngậm ngùi... *Em ở đâu hồi mùa thu tóc ngắn/ giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông...* những mùa thu miên viễn đi qua không gian, thời gian, như em đi qua đời anh, như ta đi qua đời nhau ngẩn ngui nhưng nỗi nhớ muôn đời những dấu chân. Không biết tình yêu từ đâu đến đất nước tôi, đất nước của chiến tranh và chia xa, *Anh sẽ cầm lấy đôi bàn tay/ tóc em anh sẽ gọi là mây/ ngày sau hai đứa mình xa cách/ anh vẫn được nhìn mây trắng bay...* trường

liên tưởng sáng nay sức nức mùi hoa hồng mãi khai trong căn nhà ty nạn, bỗng lần về không gian ngột thở của lịch sử quê nhà, bỗng đi tìm chiếc lá diêu bông của một thời đã qua, hay chỉ đơn giản nhớ người chị trong khắt khe gia giáo của một gia đình nho giáo. Nhớ nụ hôn vội vàng của những người lính trận khi trở ra biên cương, người con gái bơ vơ trong khói bụi trực thăng đã cất cánh thì tuổi thơ hạ tiện đã từng chứng kiến; thấy luôn cảnh trở về trên đôi nạng gỗ; thấy người thiếu phụ hoá thạch bên hòm gỗ cài hoa; thấy, anh trở về làm dang dở đời em... sau nhiều năm đi tù cải tạo của những người anh vui tính bỗng trầm ngâm khi sống sót trở về. Sao lại thấy quá nhiều từ khi tuổi đời bằng hạt gạo, để khắc cốt ghi tâm những bi thương to như hạt bắp. Có dân tộc nào đi hết cuộc chiến này qua cuộc chiến khác, để trẻ con nhớ lại thời trẻ con không có trẻ con; chỉ có những người già chưa mọc răng khôn đã chứng kiến nụ hôn thì thầm của người bỏ lại sau lưng một cuộc tình, có thể là nụ hôn đầu tiên của cuộc tình đã chết, nên, *lần đầu ta ghé môi hôn/ mấy con chim nhỏ hoảng hồn kêu... xui* chứ không phải kêu vang như thơ Trần Dạ Từ dạo nọ. Không biết giờ này ông anh đó có nhìn mây trắng bay ở Paris, Hamburg, Vancouver mà nhớ một chuyện tình. Sao tôi mãi nhớ một đoạn đời... theo vạt nắng sớm long lanh đã leo qua bờ giậu, lòng thật bình an mà không buồn mấy với những bầm giập thuở nhỏ làm cho người ta xem nhẹ những cú ngã về sau.

Sáng nay là ngày Lễ Tình Yêu theo tây phương, nghe nói trong nước bây giờ giới trẻ cũng hưởng ứng ngày này dữ lắm. Ai cười chê, bĩu môi mặc kệ. Tôi hoan nghênh những người bạn trẻ trong nước - dù trong thâm tâm tôi cũng thấy chướng mắt với những cách thể của họ trong ngày này; nhưng thời gian sẽ gọt dũa lại những quá trớn và quá đáng về hình thức để lắng đọng nội dung, ý nghĩa. Vì tôi có đi ra nước ngoài mới biết, một đứa bé tây phương đã từng đi ăn nhà hàng với cha mẹ nhiều lần trong ngày Valentine's nên khi trưởng thành, cu cậu đi mua bó hoa, đưa bạn gái đi nhà hàng trong ngày này; hay cô bé đã đến lúc nhận bó hoa và một lời mời ăn tối ở nhà hàng nào đó, họ không quá phấn khích như các bạn trẻ trong nước mới tiếp xúc với văn minh tây

phương. Cái gì cũng phải có thời gian để hội nhập; sự quá khích thực sự lại hàm chứa trong những lời trách khứ không tìm hiểu nguyên nhân; những quở trách không bị lên án, nhưng đem về, người viết có ăn năn!

Ly cà phê sáng buồn vương màu nắng, sáng Valentine's trời trong nắng đẹp; một chút gió xuân lờ lển về sau những lộn gió đông khắc nghiệt đã suy đồi. Sáng xuân về nghe lại tiếng chim ca sau mùa giông bão, trút bỏ được cái áo ấm nặng nề suốt mùa đông phong ba. Sáng tháng hai ngồi nhìn lại mình đời đã xanh rêu trong tiếng điện thoại từ cựu lục địa. "Ông ơi, đang làm gì đó, happy Valentine's..."

"You too. Happy Valentine's..."

"... nói cho tôi nghe: Ông đang làm gì?"

"Ngoài nỗi nhớ nhau trong ngày này thì tôi biết làm gì hơn nhớ bà!"

"Trời đánh người ta chết thấy thương; sao ông còn hoài?"

"Hi hi hi..."

"Tôi biết ông đang nhớ mấy con... xấu ỉn xấu ẹt, từ thời đồ đá cũn cợn của ông. Tôi gọi chúc ông Valentine's vui vẻ cả nhà. Nhớ mua hoa tặng vợ nha ông; chiều dẫn vợ con đi ăn bữa tối, rồi về đốt đèn cây mà gấu ó với nhau... hi hi... Già rồi, đừng ồn quá nha. Sáng mai còn phải đi học đi làm đó nha... Thôi, tôi muốn nói chuyện với vợ ông. Những gì phải nói với ông đã hết. Tôi thề, chưa bao giờ yêu ông."

"Nếu tôi còn hai mươi, mà phải cưới bà thì tôi tự tử!"

"Tôi không tin! Vợ ông đâu, cho tôi nói chuyện."

“Không có ở nhà.”

“... buồn quá, nên tôi nói vớ với ông cho đỡ buồn. Đang làm gì vậy?”

“Đang design một bình bông - không đụng hàng!”

“Tôi thuộc loại người đẹp, ông nói rõ ra đi cho tôi hiểu.”

“Valentine’s năm ngoái, tôi ưng bông nôm mua bình bông không kể giá. Rất tiếc không ưng cái bình sến quá. Tôi có hứa với lòng là sẽ design ra cái bình không đụng hàng, nhưng không có thời giờ. Năm nay tôi đang làm cái bình... rồi sẽ tự cắm hoa.”

“Ông tính cắm hoa gì?”

“Bà biết, nhà tôi ăn tết mừng năm. Cái ngày tên lường gạt Sài thành lừa được người con gái hứa yêu hấn dài lâu! Cái ngày quan trọng suốt đời hấn; quan trọng hơn ngày hợp thức hoá theo phong tục. Nhà tôi ăn tết mừng năm là vậy! Còn bà?”

“Buồn chết tôi, ông ơi! Hôn thứ Sáu, tôi tự đi mua cho tôi một bình bông bự nhất nước Đức; đi mua chung với những thứ về nấu bún bò huế. Tôi đang nấu đây, bữa bún gia đình sẽ rùm beng tối nay...”

“Hạnh phúc trong tay, chúc bà toại nguyện. Tôi không biết nói chuyện lâu. Sorry. Bye. Có thể cho tôi nói thêm một lời! Cảm ơn đoá hồng còn lại xa xôi...”

Điện thoại lại reo, “Alô, ông đang làm gì đó? Tôi chỉ muốn chúc ông Valentine’s vui vẻ. Không cần chúc lại đâu ông cam. Tôi tính hôm nay không phải đi làm, tôi muốn làm bữa tiệc gia đình để đãi vợ chồng ông. Ông muốn nấu món gì thì nói đi, tôi đi chợ, rồi về nhà ông, ông nấu. Hi hi...”

“Cảm ơn lời chúc thân tình cho hết tử tế mà tôi có được. Bà làm ơn xỏ chân vô đôi dép dưới giường bà đó, đánh răng rửa mặt cũng đừng hát nữa vì mặt trời đã cao khỏi ngọn tre, đem cái xe bà lên đây cho tôi tuneup, mọi thứ đã mua và sắp mục hết rồi. Hôm nay tôi rảnh chứ từ mai là báo vật tôi tới cuối tuần không thở...”

“Ô-kê, nhưng nấu món gì hôm nay, ông không nói làm sao tôi đi chợ?”

“Tùy lòng hảo tâm.”

“Ô-kê, để tôi gọi qua Đức, rồi lên ông. Bye.”

Cảm ơn những đoá hồng còn lại giữa đời thường, cảm ơn bạn bè... quen biết đã xui nên trù ẻo nhau hết đời. Tôi vừa tuneup xe, vừa cưa xẻ gỗ theo design ra cái bình bông không đựng hàng, để cảm ơn em đời này vị nghĩa; vừa nấu lẩu Thái với cá kho tộ; vừa tĩa tót lại tá bông hồng mua từ mừng năm tết; nhờ thời tiết lạnh nên nay mới ra dáng liêu trai; vừa viết vội mấy dòng mừng chị tôi trong ký ức không quên. Những đoá hồng mong manh - xin tạ ơn ban bố đời này.

PHAN



TÔI, EM VÀ LÃO

LÃNG HIỀN XUÂN

Thế là đã gần một trăm ngày sau cái chết của lão, một cái chết khá đột ngột. Khi lão chết, có người vui, có người mừng và cũng có nhiều người buồn. Riêng đối với tôi, lão chết đã gây nên trong tôi một cái gì đó chống chọi thật khó tả. Bởi giữa lão và tôi có những mối duyên nợ rất sâu đậm ở thì quá khứ mà không thể...Không thể...?!

Sân ga. Chạng vạng, tiếng còi tàu hú lên câu tạm biệt một cách hối hả. Em nhìn tôi xa vắng, tôi nhìn em lặng buồn. Giờ đây mọi ngôn ngữ đều trở nên vô nghĩa. Con tàu nặng nề hực lên và chuyển động. Khuôn mặt em đã nhạt nhòa lại càng nhạt nhòa mờ ảo hơn khi hần lên sau tấm lưới sắt bảo hiểm với những ô vuông như một bức tranh của trường phái ấn tượng. Chợt phía sau một tiếng gọi thất thanh vang lên: Mai Lê! Tôi ngoái lại theo hướng mắt em nhìn. Lại là lão! Vẫn bộ quần áo nhàu nát bẩn thỉu quen thuộc, vẫn khuôn mặt nhàu nhĩ râu tóc lồm nhồm. Chỉ có bông hồng đỏ trên tay lão là sáng rực lên trên nền phong của thân hình lão. Lão lao đến ô cửa sổ của con tàu và lập bập đưa em bông hồng. Con tàu chuyển động nhanh dần, lão lập bập chạy theo... Ôi tấm lưới sắt, tấm lưới tránh cho hành khách khỏi rủi ro khi đi tàu và cũng rủi ro thay cho những kẻ đang chia tay nhau...! Em cũng lập bập để nâng tấm lưới sắt lên nhưng dường như là không thể được, tấm lưới đã bị khoá. Con tàu đang lúc càng chạy nhanh hơn và lão vẫn chạy theo một cách cực nhọc. Với một thân thể nhàu nhò từ bao nhiêu năm nay vì rượu, lão đã không còn đủ sức để chạy đua với mọi sự chuyển động. Sau một cú chúi người, lão đã

dừng lại lấy thăng bằng và giờ bông hồng lên vầy vầy. Giọng lão lạc đi: Hẹn... hẹn gặp lại!...

Tôi đứng lặng người chẳng giúp được gì cho lão và em. Con tàu khuất dần vào chỗ đường vòng, nhưng tấm bảng “ngược chiều” gắn sau đít toa cuối cùng cứ lắc lư, lắc lư mãi trong mắt tôi đến tận bây giờ... Tôi đã không giữ được em và có lẽ mãi mãi chẳng bao giờ giữ được. Em như là một cái gì đó, có thể là sương, là khói, là một bức tranh, là ảo ảnh nhưng luôn hiện hữu và đặc biệt, trái tim em đã có lúc đập cùng với trái tim tôi một nhịp...

Còn sáu tháng nữa thôi là em đã thành một họa sĩ thực thụ và tấm bảng cử nhân Mỹ thuật không còn là mơ ước của em nữa. Nhưng tại vì sao... tại sao...!? Từ lâu tôi đã quên đi những dấu hỏi ở trong đời, lúc này đây, với địa vị là một giảng viên dạy đại học, dù chưa là “phờ tờ sờ” hay “tờ sờ giê et” như một số người khác thì tôi cũng đã có một vị trí đáng để tự hào. Chỉ đợi em tốt nghiệp xong là chúng tôi sẽ thành một gia đình có cùng nghề nghiệp... Vậy mà...!

Em vốn là một cô bé ngờ nghệch từ quê ra, bằng những nét vẽ ngây ngô nhưng đầy cá tính sáng tạo rất hồn nhiên, em đã trở thành một sinh viên Trung cấp Mỹ thuật mà chẳng mấy khó khăn gì. Khi em mới vào trường thì tôi đã học đến năm thứ ba Đại học. Học xong Trung cấp, với niềm đam mê, em lại thi tiếp vào Đại học. Còn tôi sau khi học xong thì được trường giữ lại làm giảng viên, quả là may mắn. Phải chăng vì những thuận lợi và may mắn ấy đã dần làm tôi quên đi những dấu hỏi lớn ở trong đầu rồi chẳng!

Quả thật, tôi lớn lên chỉ biết học và học. Mọi việc cứ như là được sắp đặt từ trước. Những nhu cầu về sách vở, quần áo, ăn uống sinh hoạt, rồi đến khi vào Đại học, cần xe có xe, cần vật tư màu vẽ là có vật tư màu vẽ, tất tật mọi thứ tôi đều được đáp ứng một cách đầy đủ. Bởi tôi là niềm tự hào của gia đình và của cả dòng họ chứ có phải củ khoai củ ráy gì đâu. Nhưng dù sao bản thân tôi

cũng vẫn phải nỗ lực hết sức mình mới có được vị trí như ngày hôm nay. Không phải như một vài đứa bạn khác cũng có điều kiện như tôi, ăn rồi chỉ lo làm dáng cho giống “hoạ sĩ”!

Thực lòng tôi chưa bao giờ bằng lòng với chính mình và cả với những gì mình đang có. Đã học Nghệ thuật ai mà chẳng có những tham vọng chính đáng, làm cái gì lại chẳng mong có ngày thành công. Tôi yêu em cũng vậy, cũng mong có ngày em vĩnh viễn là của tôi, của riêng tôi như là một điều tất yếu.

Đã có lần em nói: “Nghệ sĩ là những con người ích kỷ nhất trong những người ích kỷ!”. Giờ đây khi em đã ra đi một cách quyết đoán, tôi ngẫm lại: Hình như là em Đúng! Có danh nhân đã nói: “Tôi tư duy và tôi tồn tại!” Nhưng với tôi, khi tôi đang tư duy là lúc tôi đang mất em, và chỉ khi còn lại tôi tư duy là chỉ còn tôi tồn tại với chính tôi một cách cô độc mà thôi. Con người ta thường hay nghĩ, nhưng nghĩ nhiều quá đâm ra lẫn lộn. Em cũng thế, tôi cũng thế và cả lão nữa cũng thế! Tôi yêu em ai cũng biết, cả trường Mỹ thuật đều biết. Gia đình tôi, gia đình em cũng biết và cả lão nữa, cũng biết! Thế mà giờ đây em về đâu tôi cũng không biết. Lão thì đã..., chỉ còn tôi ngồi đây đối diện với tấm “toan” trắng khổ rộng 1,2mx1,2m mà tôi cảm giác như là cả một vũ trụ bao la bất tận. Hơn thế nữa đó còn là một “pháp trường trắng” để tôi đối diện với thực tại...

Một quầng khói thuốc toả ra lấp đầy tấm “toan” trắng trước mặt tôi. Dường như có một lực nào đó hút quầng khói thuốc ấy vào thật sâu, thật sâu trong tấm “toan” nén một chút rồi nhả ra một cô bé mảnh mai như một cánh hoa Phượng, ánh mắt em thật ngỡ ngàng:

- Anh nói vậy thật hay đùa đấy!
- Đùa là thế nào. Anh muốn em phải nghiêm túc!
- Thì em vẫn nghiêm túc đấy thôi!
- Cả trường người ta đồn ầm lên rồi kia kìa!
- Anh tin vào lời đồn ấy à?

- Lời đồn là lời đồn. Nhưng sáng qua tôi thấy lão từ phòng cô ra rất sớm. Việc ấy là sao?

- Là sao, anh nghĩ gì mà ghê vậy. Em thì cho là rất bình thường.

- Bình thường! Trời ơi, tôi thật không ngờ!

... Một quàng khói thuốc nữa lại loang ra. Tấm “toan” trắng lại hút tất cả vào trong nó, cả em và cả những lời nói vừa rồi ...

Tôi lặng buồn, ném điếu thuốc vào góc nhà và đứng dậy đi pha bình trà. Chợt nhìn ra cửa sổ, tôi giật mình, một cái gì giống bàn tay của ai đó đang chìa vào phòng tôi qua song cửa sổ. Định thần nhìn lại, thì ra đó chỉ là một cành cây hoa Quỳnh ngày nào tôi và em trồng để ghi nhớ ngày chúng tôi mới yêu nhau. Chẳng hiểu sao lúc này hay vì cơn gió, gió lại đẩy một nhánh của nó vào cửa sổ phòng tôi như vẫy gọi, như mời mọc tôi cuốn vào trong thời gian của nó, thời gian của ngày hôm qua. Trong cuộc sống, ngày hôm qua và ngày mai đều đẹp như nhau cả. Ngày hôm qua đẹp vì nó là cụ thể, còn ngày mai đẹp vì nó rất trừu tượng. Chỉ có ngày hôm nay là không đẹp vì nó đang phải chuyển động, phải dằn vặt, phải suy tư để dành tất cả cho ngày hôm qua và để cho cả ngày mai nữa...

Chiu...chiu...chiu, chiu...chiu...chiu! Tiếng một con chim Tử quy đêm bỗng cất lên nghe thật hoang vắng. Từ đâu đó rất xa, một con khác cất tiếng đáp vọng lại, nhưng những tiếng cuối, giọng của nó nghe như bị đuổi đi thê thiết. Ngừng một lúc rất lâu chúng mới kêu lên lại cũng với chất giọng vẫn như thế.

Tiếng chim đêm làm tôi chợt nhớ đến con khướu em đem từ quê ra tặng tôi dạo nào. Nó vẫn còn đây, trong chiếc lồng khá đẹp mà tôi mua tận Đà Lạt đem về cho nó. Đã mấy bữa nay tôi quên hẳn nó bởi bao chuyện dồn dập trong đầu. Tôi vội vã đứng dậy để đi làm bồn phận của một ông chủ, bỏ cho nó một chút thức ăn, một cốc nước uống. Nó ngơ ngác nhìn tôi, tôi huýt gió, nó nhảy lên nhảy xuống rồi lại đứng nhìn tôi ngơ ngác. Chắc nó chẳng thể hiểu được vì sao đang giữa đêm ông chủ lại thức nó dậy, cho nó ăn và chào mời nó hót...

Tôi đã chẳng giữ được em, tưởng còn lão, nhưng mà giờ đây lão đã ra đi đột ngột làm tôi chơi vơi như tiếng những con chim Tử quy kia vừa rơi vào trong đêm thanh vắng.

Vâng, lão là một người bạn vong niên của tôi. Một nhà thơ, đúng hơn là một thi sĩ lang thang. Lão có nhà mà như không có nhà, có vợ mà như không có vợ, có bạn bè mà như không có bạn bè và lão sống mà như không sống. Tôi nói vậy chẳng phải là ngoa ngôn bởi vì lão là như vậy, lúc nào cũng bình bình trong men rượu! Sợi dây neo duy nhất của lão với cuộc đời này là tấm thẻ hội viên Hội văn học nghệ thuật của tỉnh nhà. Nhưng mà lão không ra đi đột ngột thì tấm thẻ đó cũng sẽ bị tước nốt bởi vì cách sống của lão.

Tôi quen với lão từ cái hồi tôi mới vào năm thứ nhất Đại học cho tới bây giờ. Khi ấy lão đang làm người mẫu cho chúng tôi học vẽ. Nhưng rồi vì rượu nên lão mới bị “trúat quyền thi đấu”. Lúc tôi chưa biết gì về nghệ thuật thì lão đã có thơ đăng khắp các báo chí trên cả nước. Phải nói rằng thơ của lão rất hay, nhất là những bài viết theo thể lục bát. Tôi không biết gì về thơ nên không dám bàn về thơ của lão. Chỉ biết rằng, vì thơ nên vợ lão bỏ lão, vì thơ nên lão phải lang thang để sống, bởi mấy ai kiếm sống được bằng thơ! Và cũng chỉ có rượu là chung thủy và không bao giờ bỏ lão mà thôi. Hồi lão còn làm người mẫu trong trường, mỗi lần có nhuận bút về một bài thơ nào đó là thế nào lũ chúng tôi cũng được lão khao cho một chén lúy túy. Khi đó bọn chúng tôi đâu có biết uống rượu, chỉ cần nhuận bút một bài thơ của lão thôi cũng đã đủ xô ngã mấy thằng sinh viên bọn tôi. Lão thân với tôi bởi vì tôi đã ký họa lão một bức chân dung thật ấn tượng. Lão thích lắm, mặc dù trong bức chân dung ấy tôi chỉ vẽ lão có một con mắt. Thấy lão nâng niu bức ký họa như một bảo vật làm tôi cũng lấy làm hãnh diện.

Kể ra thì cuộc sống của lão cũng khá bầm dập. Nhưng với lão, lão cho đó là bình thường và còn vui vì được sống như thế. Từ khi vợ lão bỏ lão, lão lang thang khắp chốn, bạ đâu tạt đấy. Bạn bè lão tuy rất nhiều nhưng chẳng mấy ai cứu mang lão mãi được. Đôi ngày, vài bữa rồi cái gì đến cũng đều mang tính tất yếu của

nó. Không làm người mẩu lão mất hẳn phương tiện để sinh sống. Tuy sức dài vai rộng nhưng không có nghề nghề gì thì làm sao để mà kiếm ra tiền được. Đó cũng là hậu quả của cái danh xưng mà lão mang trên người lão, ai dám thuê một Nhà thơ đi làm một công việc lao động phổ thông nào đó! Vậy là lão cứ phải lang thang, làm được một bài thơ là lão gởi đi bốn năm toà soạn báo chí. Mà có phải bài nào cũng được đăng và tác giả nào cũng được đăng mãi. Ăn uống thất thường, sức khỏe lão ngày càng xuống cấp. Cuối cùng lão cũng tìm ra được một giải pháp là gặp ai quen lão liền chặn lại, chào hỏi xong là xin vài ngàn, xin mãi cũng thành quen, lão không còn thấy ngại ngùng gì nữa. Lâu rồi thì người quen lão cũng chán lão. Chính bọn tôi đôi lúc cũng mệt vì sự quấy rầy đó của lão.

Phố phường chán lão thì lão lại đi đâu đó hoặc lên chùa một thời gian. Nhờ có thơ mà các nhà sư trên chùa cũng quý lão, thậm chí còn động viên lão ở lại chùa, xuống tóc vừa đi tu vừa làm thơ chẳng vướng bận gì với mấy miếng ăn hớp uống, đỡ nhọc cho cái thân. Vậy mà chỉ được vài ba ngày là lão lại lò dò đi về phố. Dường như phố phường mới là nơi chốn đi về náu thân của lão. Chỉ có ở đó lão mới được hít thở hơi thở của lão, được ăn những gì người ta cho và được “hót” lên những lời thơ của lão. Bởi lão nghiện đọc thơ giống như nghiện rượu. Tôi có cảm tưởng lão không được đọc thơ là lão sẽ chết, ở lão được làm thơ và được đọc thơ như là niềm hạnh phúc duy nhất của lão.(Chắc là còn có thêm cả rượu nữa!). Ở trên chùa có lẽ không có ai chịu nghe thơ của lão nên lão mới phải về phố, (e có khi vì thiếu rượu). Phải chăng chỉ trong môi trường quen thuộc con người ta mới được là mình, cho dù môi trường ấy chỉ như là một chiếc lồng. Vì xét cho cùng trái đất này cũng chỉ như là một chiếc lồng vĩ đại nhưng lại quá chật hẹp đối với một con người có tâm hồn bồng bềnh bay bổng như lão. Có một chuyện kể ra chẳng biết là nên vui hay nên buồn. Trong một đêm sau khi đã lang thang khắp phố đọc thơ chỗ này chỗ khác rất nhiều rồi mà dường như lão vẫn thấy chưa đã cơn “nghiện”. Thế là lão đến một cây cầu sắt bắc qua một con sông đào, nhìn lên thấy trời mây mênh mông

quá, lão liền cất tiếng đọc thơ một cách thật hào sảng. Cứ như vậy lão đọc to lên những bài thơ lão viết về cuộc đời và thân phận của lão. Bất chấp trên trời dưới nước có ai nghe được hay không lão không cần biết. Nhưng xui cho lão, đêm đó có mấy tay vạ đồ neo thuyền dưới gầm cầu để nhậu nhẹt mà lão không hề biết. Bị lão quấy rầy, mấy tay vạ đồ đó đã mò lên cầu túm lấy lão, dần cho lão một trận bầm tím hết cả người. Thế mới biết, không phải lúc nào thơ cũng có thể cứu rỗi được tâm hồn con người như mấy tay vạ đồ đó...!

Thực ra lão cũng có một gia đình đầy đủ tất cả. Một gia đình là dân nghèo thành thị đông con, chỉ mình lão được ưu tiên học hành nên mới có một chút học vấn. Chính vì thế, trong gia đình, những bài thơ của lão chỉ là một trò giải trí vô bổ. Để khỏi phải mang tiếng là ăn bám nên lão mới phải lang thang, cho dù trong gia đình chẳng ai đuổi lão. Vì lão lang thang, đôi khi trong bụng chẳng có một hột cơm, vậy mà có ai đó mời ly rượu là lão uống liền, uống vào là say và có thể lăn ra bất cứ đâu để ngủ cũng được. Vì thế cho nên áo quần của lão lúc nào cũng bê bết xộc xệch. Có một lần lão đến phòng tôi chơi, gặp lúc chúng tôi đang liên hoan nhân dịp năm cuối, chúng tôi mời lão vào trong chiếu để cùng uống cho vui. Khi lão cởi đôi dày rách của lão ra thì... ôi thôi!... Bọn tôi ngại lão không dám nói. Đến lúc có đĩa chiu không nổi vừa bịt mũi vừa uống rượu, khi đó lão mới phát hiện. Lão tự giác xin phép ra ngoài, đến lúc lão trở vào, bọn tôi nghe sột soạt nhìn ra thì thấy hai chân lão đã được bọc trong hai bì nilông to dùng trông rất khủng bố... Ở đời là vậy, sướng khổ cũng thành quen, khổ quá thì sẽ không còn thấy khổ nữa, sướng rồi thì lại muốn sướng nữa để mà sướng hơn. Có người bảo, lão ăn một quả trứng gà là no được bốn ngày, ăn hai quả là nhịn được một tuần. Chẳng biết có đúng vậy không mà tôi chưa bao giờ thấy lão ăn một bữa nào cho ra ăn cả. Chơi với lão gần ấy năm, gặp nhau chỉ vài ba cốc rượu, năm bảy miếng thuốc, có gọi mời ra thì lão cũng chẳng nhảm. Có lẽ mời của lão là thơ, vì mỗi lúc như thế lão cứ đọc thơ ầm cả lên, ai nghe hay không nghe lão cũng mặc. Sau rồi bọn tôi phải đặt ra một điều luật để ngăn chặn, cứ người

nào có nhu cầu đọc thơ thì phải bỏ ra một đĩa mỗi mới được đọc. Cũng vì cái luật ấy mà có lần thấy chúng tôi đang nhậu ở bãi cỏ trước sân trường, lão lò dò đi đến, tay xách ba túi nilông nhỏ bỏ vào giữa rồi ngồi xuống ngang nhiên đọc luôn ba bài thơ, uống luôn một lúc ba cốc rượu rồi bỏ đi. Lão đi rồi chúng tôi mới mở ba gói nilông ra xem, thì vẫn đúng, mỗi gói đựng một dùm cái món hến xào, có lẽ lão mua ở quán nào đó với giá vài ngàn rồi chia nhỏ ra, tính thành ba đĩa bằng bàn tay...!? Mà thực ra cũng rất nhiều người thích thơ của lão, bởi những bài thơ ấy nó có cái gì đó rất là đời thường dễ cảm nhận. Nhưng cũng thật lạ cho người ta, thích thơ đấy, thế mà cứ thấy lão là hay đuổi khéo lão như né tránh xua đuổi một thứ tà ma hắc ám nào đó. Cũng phải thôi, thơ hay mà người bản có ai mà chịu được!....

... Chợt nhiên con khướu của tôi lại cất tiếng kêu “khè...khè” như ai đó đang cười làm tôi giật nảy cả người. Tôi quay sang nhìn con khướu, rồi tự cười mình, một nụ cười buồn. Dẫu là ở giữa lòng phố, hàng ngày con khướu của tôi vẫn hót lên mỗi sớm mai như là một bản phận. Và kỷ niệm của tôi cũng ngân lên mỗi ngày như thế. Công việc, bản phận thường nhật...Giờ đây khi em đã ra đi thì những điều đó trở thành tẻ nhạt. Đêm nay con khướu của tôi lại kêu lên những tiếng kêu thật lạ, không biết ngày mai nó có hót lên như thường khi tôi huýt gió mời nó! Tôi tuy không đủ tài thẩm âm để phân biệt tiếng con khướu hót ở trên núi rừng khác với ở trong phố như thế nào, nhưng tôi cũng phải công bằng mà nói rằng con khướu của tôi nó hót rất hay, mỗi lần nó cất tiếng là cả dãy phố đều rung lên khiến mọi người phải ngẩng nhìn nó một cách thích thú. Cũng vì giọng hót đó mà nó đã sập bẫy người em trai của em và trở thành tên tù binh kiêu hãnh của tôi. Hồi đầu năm, niềm kiêu hãnh của tôi đã đem về cho tôi một tấm bằng khi nó đạt giải A trong hội thi chim của thành phố, một tấm bằng danh dự cho tôi nhưng không biết nó có hiểu được điều đó để mà tự hào hay không nữa. Nhưng đã nói về nó thì không thể không nói thêm, đã rất nhiều lần trước khi đi dạy, tôi thả nó ra khỏi lồng cho nó tự do đến trưa, lúc trở về tôi đã thấy nó lú lo ở trong lồng, quả

là một con chim quý. Thế mà khi tôi khoe với em về điều đó thì em lại bĩu môi và khẳng định: “Một ngày nào đó nó sẽ bay đi. Nếu không bay đi thì nó sẽ chết!”....

Chết! Khủng khiếp quá, một dự cảm! Con khướu còn kia, em đã bay đi và lão...! Mới quên cho con khướu ăn vài bữa mà nó đã “khè khè” vào mặt tôi, huống chi...! Phải chăng tôi đã quá nhấn tâm đối với em, với lão và cả với chính tôi?! Tôi đã không vượt qua được mình, tôi đã là nghệ sĩ kiêu như em nói rồi ư?!...

...Một quầng khói thuốc nữa vừa được nhả ra, tấm “toan” trước mặt tôi lại hút quầng khói ấy vào gương mặt em... Bây giờ thì em lại hiện ra như một đoá hoa Quỳnh. Một đoá hoa có cái cuống thật bậm, trông rất cứng cỏi nhưng không kém vẻ nhu mì bởi những cánh hoa mỏng manh của nó. Em nhìn tôi run run:

- Anh có nhà, em cũng có một căn phòng để trọ, còn anh ấy có gì ngoài thơ và hè phố!

- Nhưng đây là lão muốn thế. Thảo nào mấy bữa nay báo nào cũng đăng thơ của lão tặng cô, thật không thể tưởng tượng nổi cô nữa!

- Anh ...anh...anh không thấy từ bữa đó đến giờ anh ấy sạch sẽ hẳn lên à!

- Anh...!Anh...! Tôi không thấy!...

...

Vâng, đúng là tôi đã không thấy bởi tôi nhìn lão đã quen mắt từ trước em. Tôi không thấy vì tôi là một giảng viên dạy đại học.... Tôi không thấy vì tôi đang yêu em!... Hay, tại vì.... vì tôi đang bị định kiến gì với lão chẳng!?

Đã có lần tôi nói rõ với em: “ Thơ chỉ là thơ, là mộng mơ mộng mị mà thôi, không thể đồng nghĩa với thực tại được. Em có thấy gương của ông Lê-Vi-Tan hoạ sĩ người Nga không. Chỉ vì một cô gái còn bé dại đã ngỏ lời yêu ông ta, một ông già, mà ông ta đã tự lấy súng bắn vào đầu để tự sát. Đúng là thiếu nữ chỉ hay ngộ

nhận về thơ nên dễ mùi lòng vì thơ!". Nghe tôi nói xong em lại bĩu môi và nói: "Thiếu nữ như em chỉ mùi lòng vì ... Vì ba chấm...!"

Cho nên bây giờ "ba chấm" ấy của em vẫn còn thách thức tôi, đúng ra là đang hành hạ và dày vò tôi một cách thậm vô lý, để rồi mỗi khi tôi nhắm mắt lại, ba chấm ấy như ba con mắt thô lỗ nhìn tôi một cách vô cảm. Và, cho dù tôi có điền vào đó câu gì, từ gì thì em cũng đã bay đi và.... Trong đời sống, có những lúc ta tưởng như là ta đã sáng suốt bởi vì cái vị trí ta đang đứng, nhưng chính lúc đó lại là lúc ta dễ bị ngộ nhận về ta nhất.

Tôi nhớ có lần tôi với lão trò chuyện suốt một đêm khi lão đã không còn có rượu trong người, chỉ có trà và vài ba chiếc bánh ngọt tôi đem ra mời lão. Hết chuyện về thơ, về hội họa, về lễ sống tôi mới hỏi lão về chuyện riêng tư của lão và cả những chuyện về đàn ông với nhau, nhưng lão chỉ cười hề hề rồi nói lảng sang chuyện khác. Biết lão không muốn nói tôi cũng chẳng tra vấn gì thêm. Đến khi chuẩn bị ra về, lão mới buông ra một câu lòng thông mang đầy hàm ý và có vẻ triết lí: "Nguyên tắc chung, cái cây đơm hoa kết trái nuôi hạt là để duy trì nòi giống, nhưng... nhưng riêng cây Quỳnh thì không làm như vậy. Hoa Quỳnh nở chỉ để mà nở vậy mà thôi, ông biết không, nếu khoe đẹp thì mắc chi nó lại nở về đêm. Nhưng... nhưng dù chỉ là trong khoảnh khắc của đêm nó cũng ghi được dấu ấn của nó vào trong không gian này bằng mùi hương tuyệt vời của nó. Chứng tỏ là Quỳnh rất khôn. Ông công nhận không, nở ban ngày với bao sự hỗn tạp làm sao nó chứng tỏ được mình!"

Nghe lão nói xong, trong tôi lại dấy lên một sự liên tưởng khác và từ sự liên tưởng đó đã đẩy tôi đến vực thẳm của trí tuệ để chôn đi mối tình của mình. Ở đó tôi đã thấy em không còn là của tôi nữa và một sự thật khác cứ trắng phớt ra đến lạnh người mà không còn nghi ngờ gì nữa. Chỉ nghĩ đến đó thôi tôi đã không còn là tôi nữa. Mà cho dù tôi là ai đi chăng nữa thì khi lòng ích kỷ đã trào lên nó sẽ là đám mây phủ mờ trí não khiến cho con người ta không còn nhận thức đúng sai phải trái gì nữa. Dẫu tôi có là một trí thức hay là cái ông gì đi nữa thì cũng chỉ là như vậy thôi....

Bây giờ nhìn lại tôi vẫn không thể biết được ai đã bị ngộ nhận. Em ngộ nhận về thơ, về tôi hay về lão! Hay tôi ngộ nhận về em, về mối quan hệ giữa em và lão! Còn lão có ngộ nhận về tình yêu, về những gì em dành cho lão!? Nhưng có điều chắc chắn mà ai cũng thấy, đó là những bài thơ tình lão làm tặng em vẫn còn đấy. Vẫn hiển hiện trên những trang báo và tạp chí như là một ấn tích cho những gì mà mọi người đánh giá về em. Và... em đã ra đi chỉ vì những điều sàm tiếu đó. Và tôi đang ngồi đây để đối diện với tấm “toan” của chính mình....

Đêm lặng ngắt, hương vị của ly trà Thái đẳng chất cứ tê trên đầu lưỡi. Thỉnh thoảng tiếng đôi chim Tử quy vẫn kêu lên những tiếng kêu hoang lạnh...

Có lẽ đến lúc này, ở vị trí của tôi, sự thách thức lớn nhất vẫn là làm sao để lý giải được những hành động của em trong thời gian qua. Không chỉ tôi mà cả những đứa bạn học cùng khoá với em cũng vậy. Chúng cũng bắt gặp lão ở lại đêm trong phòng trọ của em và rồi khi lên lớp chúng lại nhìn em với con mắt khinh thị. Những lời đàm tiếu xung quanh cứ làm tôi sôi lên như có ai đó đang đốt lửa dưới trái tim mình. Nhưng có cái lý nào có thể giải thích được sự thật khi mà một người đàn ông ngủ chung trong phòng với một người con gái qua đêm, không chỉ là một đêm như thế mà có đêm lão còn say rượu nữa mới đáng để nói. Hơn nữa lão còn là một nhà thơ, nhà thơ thì... Ai biết ma ăn cổ...!

Vẫn biết cuộc đời lão gặp nhiều bất hạnh. Vợ lão bỏ lão đã mười lăm năm có hơn và cũng chừng ấy năm lão sống trôi nổi như một chiếc lá trôi giữa dòng đời, chẳng lẽ với một thân thể đàn ông khoẻ mạnh, lão lại không có ham muốn. Bạn bè lão cũng không thấy người đàn bà nào khác đi qua phần đời đó của lão, bởi lão cũng chỉ là một con người mà thôi. Mà thực ra, lão sống vạ vật vậy thì không có người đàn bà nào đủ can đảm để chung sống với lão qua một đêm chứ đừng nói đến chuyện gắn bó với lão...

Vậy mà em...!?

Đã đôi lần lão có nói với tôi về những quy luật của thiên nhiên, của cuộc sống và của con người. Lão nói để mà nói bởi vì tôi thấy lão sống chẳng theo một quy luật nào cả. Ăn uống thì thất thường, ngủ nghỉ lung tung, chỉ có điều tôi không thể hiểu lão làm thơ vào lúc nào nữa. Gặp lão lúc nào cũng thấy bê bối, vậy mà có lần lão còn nói rằng mấy người đi tu là những người sống trái với quy luật tự nhiên nên cũng khó mà an lạc. Chẳng biết lão nói thế đúng hay sai nhưng tôi lại nghĩ khác, chính cái suy nghĩ này đã dẫn tôi đi đến những sai lầm tai hại. Cuộc đời lão đã chọn thơ làm cứu cánh, vậy thì thiếu gì đối tượng mà lão lại chọn em khi đã biết em là người yêu của tôi, một người bạn của lão, để rồi bây giờ...

Còn em, điều đáng trách hơn không phải là việc em bỏ tôi mà đi. Đáng trách hơn cả là việc em bỏ học, bỏ một cách dứt khoát mà không thể níu lại được. Thì thôi, tôi nhỏ mọn, tôi ích kỷ em bỏ tôi. Nhưng còn học là sự nghiệp của một đời người. Nào có còn lâu nữa đâu, chỉ sáu tháng nữa thôi! Vậy mà em...!

Một quãng khói thuốc nữa lại toả ra. Tiếng chim Tử quy đã ngưng bật từ bao giờ, có lẽ trời đã sắp sáng. Con người ta sống ở trên đời dường như chỉ để làm một cái việc duy nhất, đó là ân hận, ân hận và ân hận. Trẻ ân hận theo kiểu trẻ, già ân hận theo kiểu già. Nhưng theo kiểu gì thì cũng không thể kéo lại được quá khứ. Biết vậy mà mấy ai tránh được để không xảy ra điều đó. Âu đó cũng là cách để hoàn thiện mình. Cuộc sống luôn đầy rẫy những sự phi lý mà ta vẫn có thể lý giải được nhưng có những điều không bao giờ lý giải được. Dù có lý giải được hay không lý giải được thì sự thật bao giờ cũng cứ là sự thật và cứ trắng phớ ra trước mắt ta làm ta phải day dứt, phải nghĩ suy trong mọi biến cố của cuộc đời. Em ra đi đã để lại trong tôi những mất mát không thể dùng một cái gì đó để mà lấp đi được, đó là một sự thật. Dù là tôi đang cố tìm cách để lý giải về hành động đó của em, thấu đáo hay không có lẽ phải đợi đến thời gian trả lời, nhưng có một điều mà em đã bỏ lại cho tôi đó là bài học về sự dấn thân, dám làm và dám chịu. Một bài học mà từ khi ra trường đến giờ tôi

mới được học và sự học này đã phải trả bằng một thứ học phí quá đắt đối với cuộc đời tôi...

Để khép lại câu chuyện này của tôi, như mọi câu chuyện, tôi sẽ nói về cái chết của lão, một cái chết như muôn vàn cái chết, nhưng cái chết của lão thật sự chẳng thể nào tin nổi. Một con người chẳng mấy khi được tắm lại chết trong sạch sẽ đến bất ngờ...

Từ ngày em ra đi lão cũng ít khi đến chỗ tôi chơi nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn bắt gặp lão lang thang trên phố với một bông hồng trên tay, một bông hồng tuy đã khô nhưng những cánh hoa vẫn còn nguyên si như đang lúc sắp nở, dấu sắc đỏ của nó đã chuyển sang màu nâu nhạt.

Rồi một hôm, khi trong người lão đã được ướp bằng men rượu, lão lang thang ra bờ một con sông, thấy một đám trẻ con đang nô đùa dưới nước rất vui, lão đã cởi quần áo nhảy xuống tắm và vui đùa cùng bọn chúng. Ham vui, lão đã xỉa chân ra chỗ sâu, tưởng lão đùa nên tội trẻ đã không kêu người đến cứu, đã vậy bọn chúng còn khen bác ấy lặn tài quá. Và thế là lão đã “lặn” luôn không thể quay lại được nữa... Chính vì thế mà có rất nhiều người đã buồn, đã vui và cả mừng cho lão. Lão chết như là một sự giải phóng lão ra khỏi thân xác lão. Nhưng cũng có người còn cho rằng lão chết bởi vì lão lười nhác lao động, vì thực sự ra thì lão cũng biết bơi nhưng vì lười lão không thêm bơi nên mới thế! Khi lão chết, lão chưa biết rằng có bài thơ mới nhất của lão làm tặng em vừa được đăng trên một tờ Văn nghệ của một địa phương ở trên Tây Nguyên. Bài thơ có tựa đề: VƯỢT. Xin mạn phép lão được chép nguyên bài thơ đó ra đây như là để tưởng nhớ và để chuộc lỗi. Bởi vì mãi cho đến lúc chết lão không hề biết rằng em ra đi là vì tôi, vì những ý nghĩ ghen tuông ích kỷ của tôi đối với mối quan hệ của em và lão. Và đây là nội dung của bài thơ đó:

VƯỢT

Tặng em!
Vượt lên em là Hoa
Vượt lên thu
Chiếc lá già
Vượt lên nhau
Là Phật
Vượt lên mình là Ta./.
Vào Hạ 200...

Trước khi gởi câu chuyện này đi tôi đã làm một công việc mà tôi cho rằng, chỉ có thể tôi mới thoát ra được sự ám ảnh của lỗi lầm trong quá khứ và mở ra một hy vọng mong manh... Em sẽ quay trở về, bởi vì sự ghen tuông ích kỷ của tôi chỉ như là một tia chớp loé lên trong một cơn mưa bất chợt. Sự nghiệp mà em đam mê theo đuổi từ tám năm qua mới là vĩnh cửu. còn tôi và lão chỉ như là sân ga vắng nằm bên đường tàu thời gian mà em phải đi qua mà thôi.

Ba ngày, đó là khoảng thời gian để tôi làm cái công việc tôi cho là có ý nghĩa nhất mà tôi được làm trong đời của mình; Thả con chim khướu, niềm kiêu hãnh của tôi, về với núi rừng của nó. Một công việc thật sự vất vả khó nhọc.

Một ngày để chọn một vùng núi bình yên nhất, khá xa nơi những con người như tôi sống.

Một ngày cho nó làm quen với không gian môi trường mới.

Và một ngày để tôi phá huỷ chiếc lồng xinh đẹp mà tôi đã dành cho nó để nó không còn có cơ hội mà quay trở lại.

Huế Thu

LÃNG HIỀN XUÂN

Tho

MƯA BUỒN

Cơn mưa mùa hạ về rồi
Cô đơn bóng nhỏ lệ trời ướt vai
Mang sầu theo kẽ ngón tay
Nhìn xa mù thắm đường dài chơ vơ
Tương lai sao thấy mịt mờ

Tìm trong kỷ niệm ngàn đời nhớ thương
Tối dầm mưa suốt đêm trường
Sao không thấm lạnh bằng nguồn lệ loi
Hàng cây xanh đó bồi hồi

Đèn đêm phố nhỏ mờ hơi lạnh lòng
Tìm đâu một kẻ thủy chung
Cho mưa ngưng đổ tim ngưng bão giông
Trời mưa bong bóng phập phồng

Em đi lấy chồng tôi ngóng trông theo
Buồn như cơn gió lưng đèo
Bờ môi mằn mằn vẫn nghèo tình thương
Tương lai sao thấy xa mờ

NGUYỄN THỊ THỤY KHÁNH

truyện ngắn

HÔM NAY TRỜI SE LẠNH...

HỒ THỦY

Tờ báo chỉ đọc mới được nửa vời thôi vì toàn là những tin tức rất thường ngày không có gì mới lạ: về thế giới là sự suy thoái kinh tế, thiên tai bão lụt, chiến tranh các nước với nhau, rồi thì nội chiến; phe nọ chống đối phe kia...v...v...còn trong nước cũng đầy dẫy tin lũ lụt; một nửa là do con người phá hoại, nửa kia là do tầng Ôzôn bị thủng bởi cái gọi là bị “hiệu ứng nhà kính”, nhưng cái “hiệu ứng nhà kính” thì cũng do bị sự phá hoại của con người đối với môi trường mà ra, nói chung thì bàn tay con người làm nên sự tàn phá cũng kinh khủng ghê gớm. Xem qua tin trong nước thấy sao mà người ta giàu quá, bị lừa tiền hàng chục, hàng trăm, hàng ngàn tỷ đồng cứ gọi là dễ ợt như con nít xé giấy làm

tiền chơi nhà chòi... Chương trình ti vi cũng chán ngắt, thời sự với phóng sự toàn là nói nhiều và nói hay quá trời luôn, còn làm thì cũng như trò chơi con nít. Tìm đài có phim VN để đỡ phải đọc chữ phụ đề chạy nhanh như gió; nhưng mà phim nào cũng thấy nữ diễn viên diễn thì dở mà chỉ ưa khoe ngực khoe đùi, nam diễn viên thì tóc tai lúc nào cũng sùm sụp che hết vàng trán cần phải đưa ra, nhà nào trong phim cũng giàu quá xá giàu...rỗng tuếch, chán ngắt...

Không cái gì cho xong cái gì...nằm trên sofa nghiên qua ngả lại, nhồm dầy đi ra ban công đứng nhìn trời, quay vào bàn rót nước uống, hộp bánh Ritz hết sạch...chán quá đi; Toàn rên nho nhỏ cho một mình Toàn nghe. Chuông điện thoại với khúc nhạc sầu vang lên, anh nhanh tay mở máy nghe đầu dây bên kia có tiếng kêu:

- Alo, ông Toàn ời, rảnh không?

- Ủa, rảnh lắm, có gì không Minh?

- Tôi đang ngồi uống cà phê ở vỉa hè Hồ Con Rùa, ông ra đây với tôi nhé, nhanh nhanh lên.

- Ủa, chờ nghen.

Sáng nay trời hơi lạnh, mặc áo nào cho hợp với cái lạnh đến bất chợt với thành phố Sài Gòn đầy bụi khói của đủ mọi thứ xe máy, à có đây; cái áo thun tay dài hơi dày một tí của thằng em ở bên Mỹ gửi về cho, lâu rồi mà chưa có dịp nào được diện vào vì Sài Gòn thường nóng như đổ lửa, hôm nay trời hơi lạnh mà mặc nó thì quả là thích hợp...chà, vừa quá, đẹp quá, kéo tay áo cao lên tới cùi chỏ trông mình còn sang hơn cả Việt Kiều và còn trẻ hơn tuổi mình đang có. Già rồi mà chạy xe nhí nhảnh như con trai mới lớn, vèo một cái đã có mặt , dựng xe cũng nhí nhảnh không kém.

- Ông uống gì?

Toàn vuốt vuốt mái tóc hơi có vẻ điệu dàng một chút, đây là trung tâm thành phố mà, phải làm duyên làm dáng một chút dù mình là đàn ông và tuổi cũng đang xế chiều, nhưng nơi đây thiếu gì người đi qua kẻ đi lại kia chứ, khối con mắt nhìn vào.

- Cà phê sữa nóng. Hôm nay trời hơi lạnh...

Minh cầm muống quậy đều ly cà phê, than thở:

- Sao hôm nay tôi buồn quá ông à, tôi cần có ai đó rảnh rang ngồi với tôi...ông là thích hợp nhất.

Toàn cười; vẽ măn nguyện:

- Tôi thì lúc nào cũng rảnh, tự mình cho mình về hưu non mà... có gì cần tâm sự chẳng?

Minh nhìn những người đi qua trước mặt mình, sáng nay mọi người đua nhau mặc thêm áo ấm, đủ màu đủ kiểu; đàn ông, đàn bà, con trai, con gái dập dìu khoe sắc. Nếu đi một mình thì hơi co ro một tí cho có vẻ “trời sao mà lạnh quá”. Đi hai mình thì ôm sát nhau hơn để cho ấm. Không gì thích bằng khi trời SG bỗng nhiên lạnh, hiếm hoi họa hoàn lắm mới được một ngày như hôm nay, không tận dụng để làm duyên, làm cho mình đẹp hơn những ngày nắng nóng thì thật là phí phạm “món quà” trời ban tặng.

Toàn hỏi lần nữa:

- Nói đi chứ, có gì mà kêu tôi ra đây?

Minh trầm ngâm một chút:

- Hôm nay Sài Gòn hơi lạnh, tôi muốn ngồi ngoài trời để thưởng thức cái lạnh tự nhiên này, bỗng dưng buồn quá, muốn tâm sự với ông.

- Ủ, dễ gì có được một ngày lạnh như thế này, tôi cũng muốn tâm sự với ông đây, ở nhà chán quá trời, định đi ra đường thì ông gọi cho tôi đó chứ, cũng may.

Minh hớp một ngụm cà phê:

- Toàn nè, lúc này... tôi làm sao ấy ông à, cũng đã một tháng nay rồi, lòng tôi nó cứ lửng lơ con cá vàng, buồn vu vơ, xao xuyến ngẩn ngơ...

Toàn cười ra tiếng, nói đùa:

- Ông đang...dậy thì chẳng?

Minh cau mày:

- Bậy nào, ông và tôi hai đứa có hai thứ tóc trên đầu rồi, râu rể đầy đủ dậy thì cái nỗi gì chứ. Ông nghe tôi nói thật lòng đây; lúc này tâm hồn tôi sao mà kỳ quá ông à, nhìn người phụ nữ nào cũng thấy lòng xao xuyến bâng khuâng...nhất là những người đàn bà phải đưa con đi học, hay xách giỏ đi chợ, thậm chí cầm

chối quét nhà, chỉ cần thấy họ đang làm một công việc gì đó cho chồng, cho con cho gia đình họ là lòng tôi rưng rưng, tâm hồn tôi xao xuyến lắm, rồi đêm về lại nghỉ ngơi lung tung.

Toàn lại cười lớn:

- Bộ vợ ông không làm những công việc nội trợ đó sao?

- Ngày xưa còn trẻ tôi phải chạy theo cơm áo gạo tiền, vợ tôi cũng thế, mấy khi tôi thấy vợ làm những công việc nội trợ, cứ giao hết cho mẹ tôi, ừ nhỉ, tại sao hồi đó lòng tôi không xao xuyến khi thấy mẹ đi chợ nấu ăn, cầm chổi quét nhà, mà tôi cho đó là một điều tất nhiên, bây giờ thì...

- Ông bị căn bệnh xao xuyến này đã một tháng rồi phải không? Có biết nguyên nhân không?

Minh không trả lời Toàn ngay mà trầm ngâm nghỉ ngơi, anh chợt nhớ ra một điều và nói:

- Ông à, lạ một điều là lâu lắm rồi tôi không có sự xao xuyến đối với vợ mặc dù tôi cố tìm đủ mọi cách, nhiều khi tôi nhờ vợ nấu cho tôi gói mỳ tôm, đơm cho tôi hột nút áo...thế nhưng tôi không có cảm giác gì cả, vậy mà chỉ cần nhìn chị láng giềng nhà bên tay phải xách giỏ đi chợ hay bà hàng xóm bên tay trái quét nhà, cô ở nhà đối diện ngồi mua mớ rau...là lòng tôi nôn nao xao xuyến, là tôi băng khuôn cả buổi. Tôi thích nhìn và tôi lén nhìn họ làm một việc gì đó rồi tôi tưởng tượng...ông Toàn à...

- Chà...bệnh này căng quá nhỉ. Nhưng vợ ông làm sao mà ông không xao xuyến nổi?

Lại suy nghĩ một lúc rồi mới trả lời:

- Thời gian sau này vợ tôi ưa theo mấy bà bạn đi thẩm mỹ viện sửa sắc đẹp tùm lum, sáng sáng đến trung tâm thể dục thể thao để tập thể hình cho eo thon ngực nở, lại còn chiều chiều tập tễnh đi học đánh Tennis. Cứ thấy đôi lông mày của bà xâm đen thui cong vồng, đôi môi bà bơm phòng đồ chót, chiều chiều bà mặc quần sọt áo thun sát nách xách vợt đi chơi tennis, cặp đùi của bà ấy nổi gân, nổi gò, còn tay thì có ngón có bắp mà tôi ớn lạnh. Ngày xưa mình không có thời gian dành cho bà ấy vì phải lo cho cuộc sống của gia đình, bây giờ thì bà ấy lại không có thời gian

cho mình vì bà phải dành hết chút thì giờ còn sót lại cho tuổi về chiều của bà ta...tôi buồn quá ông à.

Toàn hớp ngậm cả phê cuối cùng còn trong ly, hôm nay trời đầy mây mù nên không có nắng, nhờ vậy Sg dù là ban trưa nhưng vẫn còn hơi lành lạnh, anh lơ đãng nhìn người đi qua kẻ đi lại, hôm nay nhờ trời lạnh nên người ta không có vẻ gì là bận rộn hối hả, những điều Minh nói làm anh nghĩ đến một nghịch lý đầy mâu thuẫn, anh nói suy nghĩ của mình cho bạn nghe:

- Ông này, tại sao phụ nữ họ ưa đi sửa sắc đẹp quá nhỉ? Họ bơm môi cho phồng lên để được có đôi môi mọng đỏ nhưng nhiều khi đôi môi họ cứ thừ lừ trong ghê quá, đôi mắt cắt hai mí cứ bùm bụp như con đĩa nhỏ màu trắng nằm trên mí mắt, rồi đôi lông mày xâm đen thui cong vòng, một mai khi già thật là già, tóc bạc phơ lơ thơ còn vài sợi, lưng còng chân run mà đôi chân mày vẫn đen thui, cong vút...trông kỳ cục. Tôi không thích phụ nữ sửa sắc đẹp quá nhiều, ông trời đã dành sẵn cho mỗi người phụ nữ một nét duyên ngầm, một vẻ hài hòa riêng, cứ để tự nhiên mà lại hay...

- Ủ, thì mấy bà cứ đổ thừa là đi sửa sắc đẹp để cho mấy ông nhìn, nhưng từ ngày vợ tôi đi sửa sắc đẹp về, tôi ngại nhìn bà ấy lắm ông à, ngày xưa khi tôi cưới bà ấy vì bà ấy đẹp một cách tự nhiên với những gì trời cho có, bây giờ tôi cảm thấy mất đi hình ảnh của cô vợ thừa nào, buồn lắm ông ơi.

Hai người đàn ông tuổi hơn năm mươi ngồi tâm sự trong một sáng trời hơi lạnh, nhờ trời hơi lạnh mới có hứng thú để ngồi nói chuyện bên ly cà phê nóng vỉa hè, cũng nhờ trời hơi hơi lạnh nên mới bật bạch cho nhau nghe nỗi lòng mình.

Minh rót trà ra ly, kể tiếp:

- Hôm qua tôi thấy bà hàng xóm nhà phía bên tay phải xách giỏ đi chợ, tôi lẻo đẻo theo sau, cũng già vờ đi chợ, nhìn bà ngồi lựa mấy con cá rồi trả giá, mặt mũi đơ sơ không son phấn dưới chiếc nón lá, lòng tôi nôn nao xao xuyến, tôi cũng ngồi xuống nhờ bà ấy lựa dùm mấy con cá, rồi buổi chiều thấy bà khác ở nhà đối diện đang cầm chổi quét sân, tôi tưởng tượng bên trong nhà ấy là sự ảm cúng ngăn nắp, tôi cũng xao xuyến...ông Toàn này, tôi

không có ý đồ gì xấu xa cả, sự xao xuyến của tôi nó hoàn toàn thanh cao, chỉ là tôi mong muốn được như người đàn ông của họ, thế thôi. Ông có thể phân tích, giải thích dùm tôi: tại sao tôi lại bị như vậy không? Và làm sao để tôi không bị như vậy nữa.

- Bị cái sự xao xuyến không đúng chỗ ấy à? Bây giờ ông về nhà và cố gắng làm quen với bộ mặt và con người mới của vợ ông, thế nào ông chẳng có được những sự xao xuyến đúng người, đúng chỗ.

- Ông không cho là tôi bị biến thái chứ?

- Bậy nà, làm gì có, tôi nghĩ là ông đang muốn tìm lại hình ảnh đơn thuần của vợ ông qua những người đàn bà khác, những người mà chưa một lần sửa sắc đẹp.

- Có lẽ là như thế.

Toàn nói đùa:

- Cũng có thể là ông đang hồi xuân muộn đó ghen.

Minh la lên:

- Trời đất, ông giỡn chơi sao.

- Nói cho vui vậy thôi chứ ở tuổi này thì còn hồi xuân cái gì nữa. Từ từ rồi ông cũng sẽ quen mắt với sự tân trang đổi mới của vợ, biết đâu lúc đó ông lại thấy bà ấy đẹp quá chừng và ông tha hồ mà xao xuyến.

Minh thở hắt ra:

- Đành vậy và cũng mong được như vậy. Cảm ơn ông đã ra đây nghe tôi tâm sự, à...mà bà xã ông có thay đổi... nghĩa là có sửa sang tân trang đổi mới gì không?

Toàn cười sảng khoái:

- Cũng may vợ tôi là người rất nhát gan, bà ấy sợ bị đau lắm, đến nỗi con kiến cắn mà cũng sợ...nên vợ tôi "vủ như cần".

Minh cảm thán:

- Cũng may cho ông và cho vợ ông nữa. Còn tôi thì...buồn quá. Hai người chào nhau và ra về hai ngã, trưa lắm rồi, nắng vẫn chưa ló dạng vì mây vẫn còn dày đặc ở trên cao.

Toàn về đến nhà thì đã thấy mâm cơm bày sẵn trên bàn, nhớ đến lời tâm sự của Minh sáng nay, anh cảm thấy lòng hơi nao nao khi

nhìn vợ lui cui lau bếp. Người đàn ông bình thường không khao khát điều gì cao xa lắm đâu, chỉ cần đôi bàn tay ân cần chăm sóc của người vợ là đủ cho lòng mình “xao xuyến” rồi.

Toàn nghĩ để hôm nào thuận tiện sẽ rủ Minh đi câu cá với mình, ngồi buông cần đợi cá may ra bắt đi những xao xuyến “ngoài luồng”, rất dễ bị con cháu chúng nó hiểu lầm.

Ý định rủ Minh đi câu cá chưa thực hiện được vì đủ thứ lý do không đâu vào đâu, hẹn lần hẹn lứa mãi và rồi quên luôn. Cho đến một buổi chiều chuông điện thoại reo lên bằng một khúc nhạc sầu, Toàn bấm máy:

- Alô, tôi...Toàn nghe đây.

Tiếng Minh ở bên kia đầu dây buồn rười rượi như muốn khóc:

- Ông Toàn ơi, vợ tôi nó đòi ly hôn, mình gặp nhau ở quán cà phê vỉa hè Hồ Con Rùa nhé.

Chiều hôm nay trời Sài Gòn nóng nực quá mà...

HỒ THỦY

NGHE TIẾNG CHIM TU HÚ

(Tặng : Đồng Thị Chúc)

Nghe tiếng chim Tu Hú
biết VẢI đã vào mùa
Sông Thương trào nước lũ
Ai là người tiễn đưa ?

Bao giờ đến ngày xưa?
Áo nâu non em mặc
đi dưới tán vườn quê
Hoa Dẻ cài mái tóc

Chao, cái mùi thơm nức
mùi con gái quê tôi
Gánh những thúng VẢI đỏ
Nắng mai ánh miệng cười...

Ôi, bây giờ xa xôi
ở chân trời tôi nhớ :
-cái con đường đất đỏ
tiếng Tu Hú khời vơi...
-sông Thương soi bóng nhỏ
chảy hoài ở trong tôi...

Quê 19-5-2013

NGUYỄN KHÔI

EM CÓ VỀ HÀ NỘI ?

HOÀNG GIA CƯỜNG

Tôi hồi hải giữa chiều thu Hà Nội
Qua Chương Dương mát rượi gió sông Hồng
Những phố cổ rêu phong viền mái ngói
Đón tôi về với hàng Bạc hàng Bông ...

Hà Nội dẫu thăng trầm bao biến đổi
Hồ Gươm xanh - xanh mãi liễu buông xanh
Người náo nức cùng thu đi rất vội
Tôi tìm em - bông cúc trắng riêng mình!

Em có đón thu về - thu Hà Nội?
Sao chiều nay em chẳng tới Hồ Tây!
Trời xanh biếc, mặt hồ xanh vời vời
Những toà cao soi bóng giữa mây bay!

Con thuyền nhỏ tay ai chèo bồi rồi
Để lòng tôi với Hà Nội xốn xang!
Thu chậm lại cho tôi chờ em tới
Em có về Hà Nội với thu không?

10/1992

* Nhạc sĩ Thuận Yến phổ thành ca khúc "Giữa chiều thu Hà Nội"

- Nhạc sĩ Thúy Nga: "Em! Chiều thu Hà Nội"

- Nhạc sĩ Hải Anh: "Em có về Hà Nội"

HOÀNG GIA CƯỜNG

PHẬN

KHAI NGUYỄN

Ta chẳng ngờ lại gặp ông ta tại bến sông này. Con sông trong ánh sáng âm u dường như không có bờ bên kia. Dòng nước đen ngòm nhưng vục tay xuống thì thấy rõ từng ngón. Ta rất khát mà chẳng dám uống. Nghe nói uống nước này sẽ đâm lú. Trước đây, mình đã uống nước này đâu mà có lúc cũng lú. Có lẽ tại mình hay gặp may. Một thằng bạn vốn thân nói: "Mày từ bùn lầy ngoi lên được cái số". Cái giọng có mùi đồ kị. Chẳng "cái số" nào tự đến tay cả. Ta từng lặn độn chẳng riêng vì quá ỷ vào sự ban phát của Nàng Thơ. Đất đồng chiêm lầy thụt bám chặt thân phận cha mẹ ta, tưởng rồi ra lại níu kéo bước chân ta. Những ai đó từng viết rằng ta có số đỏ vừa bước vào trường tiểu học đã gặp được một thầy giáo mộ văn chương và có lòng ươm tài năng; lại cũng vận đỏ mà được nhà thơ lớn nâng đỡ, dắt dìu. Ờ, hồi đó nói thế chẳng hề chi; ta đọc, ta nghe cảm thấy vừa biết ơn, vừa tự hào. Về sau, ngẫm lại thấy sai quá! Thiên tài cũng phải có điều kiện. Người ta tán tụng thiên tài, chẳng ai tung hô điều kiện, càng không để điều kiện phủ bóng mờ lên thiên tài. Ta chẳng thích câu của tay nhà văn nào đó: "Trong mỗi con người Việt Nam chồm hồm một kẻ nông dân". Người ta thường chấp làm một "nông dân" với "nhà quê". Ta làm gì còn cái lốt nhà quê. Những cậu bé sớm rời nông thôn ra tỉnh học rồi bay luôn mấy ai như ta! Anh nông dân nào ban đầu cũng rất khiêm tốn, cái chính là do tự ti. Nhưng khi đã có một "chỗ ngồi" nào đó rồi thì... (Thật ra thì anh thành phần khác cũng rứa, song họ "khéo" hơn). Ta không thể. Ta giữ lâu, giữ mãi cái dáng vẻ khiêm tốn, song không nhà quê. Phong thái đã đành, cả cách nghĩ nữa. Ai bảo tư duy nông dân

đều nhà quê? Lối trao chuyện quảng giao, cách lập ngôn từng từng của ta chẳng ai học nổi chính là thắng hoa từ sau lũy tre làng qua đầu óc thơ thiên bẩm của ta. Thắng bạn không đủ tầm để hiểu ta. Ta xởi lời với hắn, sẵn sàng khen; mà hắn thì luôn luôn phục ta. Có lúc tình bạn nhạt nhòa. Có tình bạn thật không? Câu hỏi đến dở, dở hơn hỏi tình yêu có thật không. Tình yêu! Một khái niệm mê hoặc. Ta quen biết rộng, lại nhiều người biết tiếng, nhiều người chìa tay ra, nhiều người chạy đến, vậy mà một mảnh tình vắt vai đúng nghĩa lại khó. "Ái nhi viễn chi" thì có cơ... Biết bao cô nàng đọc thơ ta rồi viết cho ta tưởng chừng sẵn sàng đặt trái tim lên đĩa hiến dâng, nói lóng kiêu hiện đại là "sẵn sàng chết".

Chẳng thấy phà hay đò gì cả. Không có gió, - chồn này chẳng hề có gió-, mà lạnh heo heo. Lần đầu tiên ta thật sự cảm thấy bơ vơ. Chỉ mới đây quanh ta quá sẵn người. Không kể những người đỡ nâng, người khích lệ ngày bé. Lớn lên, thêm lắm người tăng bốc, chèo kéo. Lúc này đây, chẳng còn móng nào. À, còn ông ta, nhưng...

Con người chưa già mà chẳng còn trẻ kia, ông ta, im lìm ngồi dựa gốc cây cách mười bước chân, không ngừng lên, không hé mắt. Chẳng lẽ lão lại chết nữa! Có nên đến đánh thức ông ta dậy để "bầu bạn" tạm thời không? Đây cũng kể như đang là tha hương.

Ta gặp lão -nói lão gặp ta thì phải hơn- ở nước ngoài, chỗ cô em họ lão. Lão nghe tên ta thì "à" lên: "Chào nhà thơ!" Ta chẳng thích cái giọng thân tình "bằng vai" kia, nhưng được cái âm sắc ngưỡng mộ chuộc lại. Ta biết lão có "thơ thần" nhì nhằng. "Em có đọc mấy bài của anh. Anh viết được lắm, có bản sắc". Lão chỉ hơi mუმ mუმ cười, nhưng chắc là sướng mê, cái mũi cứ muốn ngo nguậy. Được nhà thơ tiếng tăm khen thì khỏi phải bàn. Cái cô em họ của ông ta cũng dễ thương, hơi cứng một chút. Định nói chuyện văn chương, rốt cục lại là chuyện hàng họ. Ông ta có vẻ muốn ta và cô em... Chán một nỗi, cô nàng dường như coi ta

thuộc "giống trung". Ta cũng rất "hồn nhiên" với cô nàng. Người thông minh, bất thiệp vẫn có thể hồn nhiên chứ! Thơ ta già đi, ấy không! già dặn lên, mà tình ta còn hồn nhiên lắm lắm. Với cô em, ta hồn nhiên theo nghĩa khác. Chẳng phải ta không biết có những tay nhà văn, nhà thơ xấn tay "nhiệt tình" hướng dẫn, dìu dắt những "em" viết truyện, làm thơ, rồi dìu cả cách "xâm nhập tình cảm" và thực hành luôn. Hấn nọ, nổi danh hơn ta về hậu vận, lại tỏ ra "tự nhiên" một cách trơ tráo, thường khi rủ các em hâm mộ mình đi nhậu bia rồi mượn hơi men đề con người ta ra hôn, và còn nữa... Có lần, được mời về một trường Trung học nói chuyện thơ, tôi đến đang ngồi trong phòng khách "buồn tình" ngó ra thấy một chị đang dọn dẹp trong sân trường bèn tới gạ. May mà chị kia không làm toáng lên. Cái nổi tiếng, hấn dùng làm cái khiên cho cái bê tha của hấn. May mà ta chưa đủ lọc lõi và lì lợm như hấn, mà cũng không bao giờ muốn theo chân hấn. Tình cảm trong thơ ta chẳng phải bao giờ cũng là thứ thiệt, song tình yêu trong đời ta cần thứ thiệt -hấn đi rồi! Cô bạn của cô em họ lão ta lại khó "nắm bắt" ở dạng khác. Cô du học để làm cái "phó Nghè" tâm lí học mà chẳng tâm lí mấy nổi hoặc quá tâm lí, ta chẳng biết nữa. Bạn cô chưa kịp giới thiệu cô ta đã nói như reo: "Em đọc thơ anh từ trong nước. Đã được xem anh diễn thuyết. Nhà thơ nhiều người biết, em út được nhờ đây". Ta hơi bị bất ngờ, đang "giao đãi" thì cô ta đã chun môi: "Gớm! Chưa chi đã từ nan rồi". Lại thật! một câu dung tục được nói ra cách nào đó khiến ta như bị lật áo. Ta đành cười vô tư: "Nào đã nhờ gì đâu mà trách nhau từ nan", bụng nghĩ: nhờ gì nhỉ? hấn là học tiếng. Tưởng vậy, nhưng cô ta đâu cần vậy. Cái mà dân xuất ngoại mình cần đầu tiên khi đặt chân lên đất khách là "mối". Mặt này thì bạn cô ta là chúa rồi. Chẳng nhẽ mình là con bài dự trữ? Có lần cô ta bảo: "Anh làm thơ về bọn con gái li hương đi!" Đã có lúc đêm khuya ta mơ hồ cảm nhận Nàng Thơ chấp chới trong hình bóng cô ta, rồi lại bạn cô ta... Làm thơ, tứ thơ nào chợt hiện là ta chộp (cái từ nghe chẳng thơ tí nào mà gọi đúng tên chuyện "bếp núc" của ta). Với các cô nàng thì...Cho tới lúc ta gói ghém mọi thứ để về nước, hành trang tinh thần lẫn vật chất về phái đẹp xuất ngoại vẫn chỉ là những tứ thơ "ương". Chẳng có nàng nào cặp với ta về. Chẳng

có nàng họ "Lưu" nào quyến ta ở lại. Thắng bạn chí cốt ở bên nhà viết thư sang: "về dễ, đi khó". Ta hiểu ý hẩn (thời đó là vậy, chẳng như sau này), nhưng ta phải về thôi. Về với hào quang của ta, về làm sống dậy "vang bóng" cho to hơn, cho cao hơn. Nơi xứ người, kiếm đâu ra công chúng ngưỡng mộ, dù chỉ ở tầm lão kia, trong cộng đồng dân lưu vong, nói chi trong dân bản xứ.

Chẳng ai xui, chẳng ai dẫn mà tôi lạc bước đến bến này. Ngần ngơ trước cảnh sông nước đượm màu thê lương, tôi mệt mỏi ngồi xuống. Trong phút tọa thiền, tôi bỗng mơ hồ nghe có tiếng mách bảo hãy quay gót. Toan đứng lên thì hẩn đến; không mở mắt mình cũng biết hẩn đến. Chẳng phải do mình có "công năng đặc dị" gì đâu mà có lẽ do cái mùi "nhà thơ đặc hiệu". Dầu sao thì ấn tượng buổi đầu về hẩn vẫn khó phai. Không vì hẩn đã có mấy lời khen mình dù mới sơ ngộ. Hẩn khen, giọng không hay, hơi lè phè, nhưng lời lẽ vừa hung dị, vừa có cánh làm cho khuôn mặt vuông, hơi thô tháp, trở nên nhẹ nhõm, và cái thân hình thấp bè dường như dọn bớt bề ngang tăng thêm bề cao. Cái đám đàn bà con gái "siêu thị" đến là quá quắt. Bữa ấy, mấy cô vừa lưu học sinh, vừa dân "lao động xuất khẩu" đang ngồi tán chuyện, có mặt nhà thơ, cô phó Nghè tương lai chợt nẩy ra sáng kiến: Đố thi sĩ làm xong một bài thơ tình trong hai phút. Chỉ hơn một phút, nhà thơ đã cho ra sáu câu lục bát hoàn chỉnh một tứ thơ. Có tiếng la lên: "Giỏi cực! Người đố phải thưởng đi!". "Thưởng gì nào?". "Nụ hôn" -nhiều tiếng nói ào lên. "Không được! -Tiếng cô em họ tôi át đi- Phải để người thắng cuộc hôn người đố". Tiếng vỗ tay lấp đóp. Một cô đứng lên hoa tay: "Tôi dám chắc thi sĩ lừng danh của chúng ta tuy viết những câu thơ tình nóng sốt nhưng chưa hề biết hôn là thế nào đâu". "Xạo!". "Cực nào! Một châu đặc sản ở chung cư số Năm nhà. Có nhà thơ đang ngồi đây, anh hãy nói thật đi!" Họ đồn một hồi, nhà thơ lúng túng cười xòa: "Gì mà chẳng biết". "Thế thì anh thực hành luôn xem nào! Lấy thưởng. Mà thôi! Với đứa nào ở đây cũng được". Anh ta mặt đỏ rần. Cô đặt cược ra bộ giải cứu: "Chúng mày như bà la-sát cả, anh ấy

thèm đụng vào à. Anh cứ thử hôn cô gái trên tờ lịch kia kia! Cho chúng nó trắng mắt ra". Nhà thơ cười trừ cổ lẳng. Cả bọn nhao nhao: "Đúng là không biết thật", "Quê quá!" cô "giải cứu" lại tức mình hộ, đẩy anh ta đến trước cô gái trên tường: "Anh hãy tỏ ra cao thủ đi! Đừng để em bị thua cược". Nhà thơ chẳng làm thế nào được, kiễng chân chụm môn áp vào đôi môi đỏ chót trên tờ lịch. Các nữ quái cười phá lên: "Cộc mũi nhau rồi, ông anh ạ. Lại chẳng kêu gì cả. Hôn môi là khó ghê! Phải học thôi!" Tôi đâm ghét mấy người kia, bực luôn với cô em họ. Bọn này không biết quý người chân chất. Văn nghệ sĩ là chúa phóng túng, được người hiếm hoi vậy lại coi rẻ. Một người nổi danh mà vẫn giữ được nét đôn phác, mà vẫn xởi lởi, mà vẫn thấy được cái hay của người khác, ... Cô em họ bảo tôi: "Em nói thật nhé: Nghe anh ta, anh đừng vội sượng". Còn cô bạn của cô thì: "Cái tay ấy chẳng biết xuất khẩu thành thơ có ra gì không chứ xuất khẩu thành lời khen thì chúa. Với bất cứ ai, dù thân dù sơ". Các cô cứ bi quan hóa tình người! Anh ta được cuộc đời ưu đãi nên lòng không chật. Để cho thơ bay cao và tỏa rộng chứ! Nhà thơ đích thực là phải vậy. Có đâu như ai nổi máu thiên tài, "khiêm tốn" đấy mà "mắt xanh, mắt trắng" đấy.

Gặp nhau lần đầu, tôi đang ăn cơm cùng cô em họ, mời, anh ta chẳng chút màu mè: "Em vừa mới ăn xong, nhưng xin ngồi tiếp anh cho vui". Anh ta ung dung đưa tay cầm cái nem rán lên cắn, nhau rau rầu: "Thứ này dùng dưa thì giảm ngon". Khẩu khí nhà thơ đích thực quả có khác. Nữa, đúng là một con người giản dị, xuề xòa một cách vĩ đại hoặc vĩ đại một cách xuề xòa. Cô em họ của mình từng ốm người vì thức chép thơ và mơ được diện kiến nhà thơ, nay đã hơi quá lứa còn đòi gì nữa cơ chứ. Cô mãi mê chạy hàng xách hơn là lo học. Cô bạn "sắp sửa phó Nghè" của cô, thường đi đi về về cái thành phố cách hàng nghìn ki-lô-mét, một tối tôi gặp đang lúc nhón từng tùm đồng hồ đeo tay điện tử loại rẻ tiền làm giả một nước kề cận cho vào một cái túi du lịch ngoại cỡ chuẩn bị ra ga nhảy tàu khuya, -"bất cứ lúc nào" vì đã "nắm" các tay lái tàu-, miệng ơ hờ: "Cái lí tưởng biết nó hình thù ra sao mà xây dựng với bảo vệ! Bây giờ đồng đô-la có giá vượt

xa đồng tiền tại đây thì rõ ràng". Ở, nhà thơ ta không buôn bán gì thì phải. Nghỉ thì ngủ vui, chín mười giờ sáng mới dậy; hoặc đến la cà, tán gẫu nơi các khu lưu trú có bạn bè. Người mình có dịp ra nước ngoài mà không xoay xở kiếm chác thì thật là một "sự cố"! Cô em họ tôi khịt mũi: "Chưa biết thế nào. Cái vẻ ngoài ươn lười, xuê xoa có khi nấu những toan tính khó lường". Lại thôi đời!

Ta biết chắc lão rất phục ta, -điều này chẳng làm vinh dự thêm cho ta mấy nổi. Về nước, ta đã quên ông ta như đã quên bao nhiêu kẻ từng hăm mộ ta, loại cỏ rả, xin lỗi, ta nói lại, loại "triển vọng mơ hồ". Gặp lại lão là một tội nợ. Lần nợ, ta đang được mấy người vai vế tiếp trang trọng, ta chuẩn bị ra hội trường đăng đàn nói chuyện văn thơ, lão đến chào ta một cách quá gần gũi. Ta mà ngang tầm lão ư, trong con mắt những người đang đàm đạo cùng ta! Ở nước ngoài ta đái lão với tư cách người đồng bang trong cái xô bồ nơi xứ người. Thế mà lão quên ta là ai, lão là ai. Lão chẳng hiểu gì cả. Có một thứ đẳng cấp mà những người như lão "mãi mãi là một anh nhà quê" không thể nào "giác ngộ" được. Ta chưa hề nhà quê! Thời bé tí chẳng cần nói. Vào độ tuổi thiên thần này, với tạng loại người hơi bị hiếm, không khí nông thôn chỉ có nâng tâm hồn thanh sạch bay bổng mà thôi. Cái hơi nhà quê chẳng thể làm ô nhiễm. Lớn dần lên ta đi nhiều, khí vị đường trường vương hồn thơ làm cho cốt cách thơ trở nên hào sảng. Ta cố tránh nhiễm phong thái "thượng lưu hiện đại". Ta ung dung, đĩnh đạc mà vẫn mang vẻ khiêm nhường khi lên bục diễn giảng, khi thượng sân khấu, khi tiếp xúc công chúng độc giả, nhất là với các giới nữ sinh, nữ nghệ sĩ, kể cả nữ doanh nhân. Ta chẳng cần xuất khẩu thành thơ, một kiểu dùng thơ dọn đường hoặc một cách giải tỏa tâm lí, ta xuất khẩu thành những câu dí dỏm mà uyên bác, những ý ngộ, thậm chí tếu táo, được nâng lên tầm triết lí hàm ý phán truyền, cho khoác vỏ ngôn từ cách riêng. Người đời khó tính, song chẳng khó dặt mũi lắm đâu. Chỉ một chút khác lẽ thói đã có thể nên chuyện, tuy thực ra vẫn là lẽ thói đấy thôi. Ăn may, có thể làm một "hiện tượng". Nói thơ ta hết thời

đã đành là nhãn quan kém, mà nói ta dùng lợi khẩu ("lợi bút" chứ!) để chinh phục cũng là ý thức non. Chuyện chinh phục lúc này ta chỉ quan tâm "một" mà thôi. Song, đây là chuyện khó nói, và khó... rành rẽ. Bởi "tình" hay bởi "danh" đây? Hay bởi "tài"? Trong làng văn nghệ, "thu nhập" của ta giờ chỉ kém các "sao hát" thôi.

Có những sự ngưỡng mộ làm phiền người ta. Khốn khổ! Khen cũng không biết đường khen. Như hạng ông ta kia. Chỉ biết tán tụng mấy bài thơ thuộc thời trẻ dại của ta, cái thời ta lên hương song thơ ta chưa vào "trường cách tân", nó vương hơi bản năng mà không là vô thức, nó mang mùi tự phát chứ không phải thăng hoa. Tầm thẩm thơ của họ chỉ đến vậy. Thơ ta, như bất cứ thơ thứ thiệt nào, ngày càng kén độc giả. Thế giới này, đời sống càng bộn bề, cuộc sống càng bon chen, càng năng viện đến tâm linh. Mà trong chuyện tâm linh, ai cũng có cái thơ của mình. E rằng rồi ra mỗi thi sĩ chỉ có mỗi độc giả là chính hần. Ngày nay nhan nhản câu-lạc-bộ thơ, định kì người ta đến đọc thơ cho nhau nghe, vỗ tay rôm rả; tan cuộc, hầu như mỗi người chẳng còn nhớ gì ngoài bài thơ mình đọc. Dù sao, nhen và giữ lửa được cho không khí thơ cũng là tốt; nhu cầu làm thơ chưa bao giờ cao như lúc này! Thơ ta có quyền đòi có công chúng! Nhưng là công chúng tự đến như trước kia. Không phải vì tiếng tăm cũ! Không phải vì xảo thuật văn chương mới!

Thơ Việt đã được mời đi đọc ở Mỹ, ở Tây Âu. Một công chúng có chọn lựa. Họ đến, ít nhiều có sự đẩy đưa chính trị, văn hóa, có cả sự tò mò. Thường thức thơ qua chuyển ngữ thì cũng tựa như hôn qua làn vải. Được cái tiếng Việt có cung bậc thanh âm (Nghe nói ngày trước có một nhạc sĩ Pháp qua Việt Nam gặp lúc hai người đàn bà đang chửi nhau; anh ta chẳng hiểu gì nhưng nghe có vắn có điệu bèn kí âm và được một khúc nhạc độc đáo). Người nước ngoài nghe người Việt đọc thơ, ngâm thơ ít nhất cũng thích vì lạ. Nhưng chẳng nhẽ nhà thơ sáng giá lại chỉ trông mong vào loại công chúng xối này ư!

Sau cái lần nhà-thơ-quen-biết của tôi bị các nữ quái chọc-quê-hội-đồng, tôi cứ nghĩ anh ta "đụt gái" (chứ không phải đại gái). Song tôi nhầm to. Nhà thơ dày dạn của chúng ta đâu có dễ để cho bị vào xiếc. Về sau, trong các trường hợp tương tự, anh ta dễ dàng giành thế chủ động bằng các câu phủ đầu hoặc phản công sắc cạnh, hóm hỉnh. Tôi mơ hồ cảm thấy một "chất người" khác đằng sau cái vẻ xuê xoa gần như dân dã.

Tôi về nước sau nhà thơ. Một hôm ghé vào một quán bia vỉa hè, tôi nghe mấy tay có vẻ là dân buôn nước bọt hoặc dân văn nghệ đang kháo nhau về nhà thơ ái mộ của tôi cùng cuốn tản văn "kì tài" đang làm chũnh choáng sân chơi văn chương. Tôi hỏi hỏi tìm đọc. Có gì ghê gớm đâu! Khen chê cũng chuyện thường tình. Đọc thú ra phết, nhất là sau bữa cơm. Nhưng rồi một tay nhà văn chính hiệu bảo tôi: "Ông thật thà quá! Trong bài viết, hấn kể như không những mẩu hay hay, những câu lạ lạ, có khi dí dỏm, lúc với ông này, lúc về bà kia, toàn những người tiếng tăm, chen vào giữa những câu bình luận cũng vui vui, hóm hóm. Toàn là những chuyện rất thân tình có thật và những cảm nghĩ bạn bè thôi mà! Người đọc biết đâu những gai nhọn cài tinh vi. Các vị đàn anh từng o bế hấn bị hấn chích đau mà khó nói. Bây giờ hấn đã bằng vai hoặc hơn vai mà vẫn "bác bác, em em" rất chi là nhũn nhặn. Trong những mẩu chuyện tưởng chừng chỉ để điểm xuyết trang văn, có những ý, những từ ngữ, thậm chí một chữ, được thêm hoặc bớt một cách dễ thương, đương sự mà moi ra thì chẳng là nhỏ nhen lắm ư! Chỉ chừng nấy thôi, thằng cha đã đáng là sư tổ của những tay phát văn chương rồi! Trong mắt một số độc giả, trước hết là lớp trẻ, hấn là bậc anh hùng đã dám phạm húy, đã dám sờ râu mấy vị từ lâu đã an tọa ngôi cao trong đình văn. Thơ ông giờ mà nhờ được hấn ban cho mấy đường bình, từng từng theo lối của hấn càng tốt nhưng hấn phải có thiện ý, nếu không thì ông ăn cám đấy. Thơ bây giờ như nắm sau mưa. Người ta ngại đọc. Vậy nên mới cần những bài "lăng xê". Không dễ mà nhờ được hấn đâu". Tôi nghe không thủng. Chẳng có nhẽ! Tôi

cám cảnh cho nhà thơ và canh cánh hận thay cho anh ta. Tôi chẳng có ý định nhờ nhà thơ có tiếng "thôi" thơ mình, song vẫn mong một lần được gặp lại.

Tôi được gặp lại thật. Tôi thì vô vậ, còn anh ta thì... cái nhìn hơi "trống". Chẳng phải vì cô em họ tôi đã lấy chồng và có ý định làm Việt kiều. Dẫu vậy, tôi vẫn giữ những ấn tượng tốt. Mình không chú ý câu anh ta "giới thiệu" mình ngày nọ với mấy vị quan chức đang ngồi với anh ta khi mình vừa quay đi: "Người tôi gặp ở...". Người tôi gặp chứ chẳng phải quen, càng không phải là thân. Bẵng đi một thời gian. Một tối họp long trọng cỡ quốc gia, nhà thơ là khách mời. Tôi may mà có mặt theo suất dự thính. Nhà thơ được chào đón, gần như là tung hô. Tôi cố len đến gần, lòng hơn hớn một niềm vui "ăn theo". Trước mặt là một dáng quen. Người đó nghiêng nhìn: đúng là... ánh mắt mình mừng rỡ nhưng miệng mình chưa kịp hé thì nhà thơ mền mợ đã quay ngoắt đi, mình chỉ kịp nhận ra cái ánh mắt bạc ác lóe lên trong chừng một phần trăm giây. Mình ôm ngực gục xuống như bị một trùy vào mỏ ác, đúng điệu nhồi máu cơ tim...

Tôi lang thang bất định hầu lạc phương hướng. Còn anh ta sao lại đến đây? Nhà thơ đi rung tiếng chuông thơ nơi bến bờ mới hay đi tìm công chúng cho thơ mình nơi thế giới khác? Hoặc giả vương quốc thơ quá chật rồi, vương quốc "bình" thì xác, hơn người là biết thích nghi mà hơn người cũng là biết ra đi!

Nhà thơ bất ưng đứng trong hiên một thứ nhà tựa điểm chờ xe. Cảnh huống này đáng có thơ lắm. Khốn một nỗi, tứ thơ chẳng chịu ló ra. Nàng Thơ của mình thành mệnh phụ mất rồi. Sang được bên kia hẳn sẽ đổi đời thơ. Cao cao một chút phía xa, phía đoán chừng là bờ bên đó, ưng ửng một màu sáng lúc rõ, lúc mờ, như thôi thúc, như ơ hờ. Một con thuyền đột ngột hiện ra không tiếng động trên mặt sông sương mù giăng lằng dằng, thấp thoáng vài bóng người lòa nhòa. Ánh sáng mù mờ vẫn cho phép

nhận ra thuyền có dạng như loại kết bằng bẹ chuối người ta vẫn thả trôi sông dịp lễ "cầu yên" hàng năm. Một giọng nói dấp dĩnh, chẳng ra nam, chẳng ra nữ, cất lên: "Còn trùng trình gì nữa hỡi thi gia! Cái chân thi bá chẳng dành riêng ai mà cũng chẳng dễ giành giật. Ở cõi kia, mọi 'thông lệ' xứ người đều phá cách hết. Cái mong đợi nhiều nhất là cái ít rõ ràng nhất". Chiếc thuyền vẫn lững lờ xa bờ. Chàng nhà thơ lần chần cũng phải. Lội xuống sông bơi ra... "Người chờ thuyền ghé ư? Nước sông này có thể tẩy chất trần lụy và thói tự huyễn hoặc đấy!" Nhà thơ do dự giây lát rồi ra đứng bên mép sông cúi xuống khum hai bàn tay mức nước đưa lên miệng. Cái người vốn im lìm dựa gốc cây như ngủ hoặc như đã chết rồi bỗng bật dậy chạy tới đánh mạnh vào cánh tay anh ta. Nước tung tóe vãi hết. Nhà thơ quay ngoắt lại nhảy xổ vào người kia. Anh ta vốn nổi tiếng không hay dùng vũ lực. Cơn hung dữ bộc phát, hay trong mỗi con người vẫn náu một con quỷ, vấn đề là có dịp cho nó sổ lồng hay không mà thôi? Bàn tay nhà thơ giương ra hai gọng kìm ngón tay mỗi bên khuỷp lại thành một thứ thông lọng chụp vào cổ người kia bóp cật lực. Bàn tay nhà thơ không hề chạm tới da cổ đối tượng bị tấn công vậy mà anh ta vẫn cảm nhận được tay mình đang xiết vào một vật có sức cưỡng lại, và người kia thì cảm thấy cổ y đang bị thít chặt. Y vùng vẫy, lưỡi thè ra, sắp ngạt đến nơi. Y bèn liều huých mạnh đầu gối vào hạ bộ đối phương. Anh ta buông cổ địch-thủ-bất-đắc-dĩ, gập người, chơi vơi rồi rơi tòm xuống sông, chìm ngấm. Người kia kinh hãi, đứng chết trân mấy giây. Y sực tỉnh, đang loay hoay chưa biết cứu cách nào thì nhà thơ đã nổi lên. Anh ta chân đạp, tay đập loạn xạ. Nước sông dường không chảy, anh ta cứ quấy tại chỗ. Chỉ chốc lát nhà thơ đuối sức, buông xuôi cả tay lẫn chân, để mặc cả người chìm đứng trong nước thò cái đầu lên, nước mấp mé miệng, hết một thứ phù kế mà người ta vẫn dùng để đo nồng độ một loại dung dịch nào đó. Người kia lúng túng. Quái! đầu hấn ta như cái phao. Cái gì rỗng mới bênh lên chứ! Tiếng giữa sông ồn lên nhưng âm âm như tiếng vọng: "Vỡ bài bản rồi. Thôi! Cứ để sự vật xoay vần theo qui luật của sự ngẫu nhiên". Người kia vẫn lo cứu nạn. Y nghĩ phải tìm cái gậy dài để kéo. Lội xuống vớt thì mạo hiểm. Nước sông này chưa biết thế

nào. Y lại chẳng thạo bơi. Nhìn quanh, y thấy trong quán treo rất nhiều sách, lủng lẳng chỗ này chỗ nọ toàn sách văn chương. Một cuốn dày cộp đập vào mắt y. Một tuyển tập mang tên nhà thơ đang neo chơi vơi trong nước sông kia. Nom như cái phao gổi. Y cầm lên xem, lôi theo sợi dây nhợ lằng nhằng. Y cảm thấy đang cầm một vật xốp, nhẹ bồng. Hà! đúng là phao. Y thận trọng mang cả phao cả dây ra đứng sát bên sông. Tay trái y nắm chắc đầu dây. Này! Tóm lấy cái này! Tay phải y tung cái phao cho nhà thơ. Lập tức, bao nhiêu tờ giấy vụn ra lả tả như tàn tro hàng mã bay chấp chới trên không xoay tròn rồi rơi xuống. Trong chốc lát chẳng thể nom thấy đầu nhà thơ. Đám tàn giấy dần hạ xuống kết thành cái bè nhỏ, một đầu chạm bờ, đầu kia nhô lên tựa cái ngai. Nhà thơ ngọ nguậy song cứ lùng nhùng trong nước. Người kia bước lên bè. Chiếc bè chẳng hề lúng liếng. Y đưa tay tóm lấy cổ nhà thơ. Anh ta trợn to mắt, cổ giãy giụa, nhưng tay chân hầu như bị tê liệt. Người kia dồn sức nhấc nhà thơ ra khỏi nước đặt nằm trên bè rồi ngồi thỉ đi. Khi y định thần lại thì nhà thơ đã bò đến ngồi lên ngai, ẻo lả dựa vào lưng ngai, nhưng đầu ngừng cao, miệng há. Người kia nhòm dậy, đến gần nhà thơ định dìu anh ta rời bè. Nhà thơ ho khan một phát, người kia tự nhiên bị bắn bật lại ngã ngồi lên bờ. Cái bè-ngai như bị phản lực đẩy ra, xoay vòng và từ từ xa dần.

Người kia giờ hai tay ra trước như thể muốn níu kéo, như thể muốn bươn theo. "Hãy đọc trên quán đơi kia!", một tiếng trầm đục phán truyền. Y quay đầu ngược nhìn. Một tấm biển ngang mà trước đó y chưa thấy đập vào mắt với dòng chữ viết phóng bút, y chỉ đọc được mỗi chữ "**Phận**". Y chớp mắt một cái, bỗng thấy trơ lại một mình, chung quanh chẳng có gì hết, trên sông không thuyền, trên bờ không quán.

Hải Phòng, 1999 - 2003

KHẢI NGUYỄN

truyện ngắn

NGHÌN THU NHỚ NGƯỜI

VŨ LƯU XUÂN

Hai hàng cây dầu cao vút, cắt bầu trời xám xịt thành những mảnh vụn. Con đường Pasteur đêm chưa xuống đã ít người qua lại, có lẽ vì cơn mưa trái mùa. Đi gần tới ngã ba cuối phố, tôi ghé vào một quán cà phê nhỏ. Quán vắng ngắt. Cô chủ ngồi ở cuối phòng, vẫn cái dáng lơ mơ quen thuộc, nhìn mà chẳng thấy, nghe mà chẳng hiểu. Tôi rũ áo mưa bước vào, cô quán giật mình, đưa vội ngón tay lên miệng, khẽ sụt. Theo hướng mắt của cô, tôi thấy một gã đang lặng lẽ hí hoáy viết ở góc quán, gần bên cửa sổ. Tôi nói khẽ:

-Cái thằng mặt dày sao còn vác xác về đây?

-Lạ lắm! Hơn ba năm gặp lại, anh ấy chỉ ảm ớ mấy câu, rồi ngồi trơ như phỗng.

-Chắc cu cậu đang bận mần thơ, không viết nhanh chữ nghĩa bay mẹ nó hết.

-Nhưng trông có vẻ rất đau.

-Thì cô lại an ủi nó đi.

Nhìn dáng tiều tụy của gã, tôi chợt nhớ lại quang cảnh ba năm trước, cũng trong quán này, cả bọn năm đứa quay quần vào một chiều cuối năm, không khí có vẻ nặng nề.

Gã họ Nguyễn thở dài:

-Đám thần tượng đất sét của bọn mình, lúc này gặp mưa, nhão nhoét thành bùn...

Tôi hình dung ra ba khuôn mặt: một ông linh mục, một ông giảng sư, một ông học giả. Buổi học đầu tiên sau ngày đảo chánh, ông linh mục lấp bắp thanh minh về mối quan hệ của mình với nhà họ Ngô. Ông giảng sư bên ngoài xấp tài liệu cấp nách, bao giờ cũng có tờ báo Đuốc Tuệ to tướng, làm như thiên hạ chỉ có ông là Phật tử thuần thành. Còn ông học giả không ngớt bi bô: Nếu bà Nhu được gặp tôi sớm hơn, thì đâu có đến nỗi này.

Giọng gã họ Nguyễn rất khinh bỉ:

-Tao chẳng còn gì để học ở các ông ấy. Ngày mai tao đi.

Họ Hoàng cự lại:

-Mày chỉ được cái trò vợ dũa cả nắm. Nhà Nho còn có cụ Quỳnh, cụ Giác. Linh mục còn có cha Nghiêm, cha Định. Học giả còn có thầy Cầm, thầy Chi. Các nhà mô phạm chân chính như

thầy Toàn, thầy Bào. Lại còn thêm thầy Trụ cười lên đi cho răng vàng sáng chói. Một đời âm thầm, tận tụy nghiên cứu, nhiều ông tuy học vị không cao, nhưng há chẳng đáng cho mày học hỏi sao?

Gã họ Nguyễn vẫn cố chấp:

-Bầu không khí nhiễm độc rồi. Mùi chuột chết bốc lên từ chính giữa đám sinh viên. Tao tởm.

Rồi gã bỏ đi một mạch ba năm.

Hết nhìn gã gục đầu bên cửa sổ, tôi lại nhìn sang Thủy. Cô quán vẫn là cô quán xưa, nhưng ánh mắt tinh quái thời nào đã thêm phần điệu vợi. Thủy trách nhẹ:

-Anh cũng tệ, cả tháng mới ghé một lần.

Tôi nói nhỏ vào tai cô:

-Chỉ sợ ghé hoài quen nết, sẽ lạc mất lối về. Thế nào, khá không?

Thủy đưa mắt nhìn khắp gian phòng nhỏ chừng chục mét vuông:

-Anh xem đó.

Tôi cũng biết, cô chủ mở quán, có lẽ chỉ để vui với đời, chứ bán chác gì. Khách khứa được vài ông đứng tuổi, với dăm bảy gã sinh viên kiết xác, lâu lâu lại đòi lấy sổ à la ghi.

Gạch gạch, xóa xóa chừng năm mươi phút, gã quăng bút thở dài, tay mân mê tờ giấy. Tôi chỉ:

-Đẻ xong rồi, không khéo lại đẻ ra quái thai thì vất vả to.

Tôi tiến về phía gã, túm chặt lấy vai:

-Thằng khốn.

Gã giật mình như tỉnh cơn mộng du. Nhận ra tôi, gã toét miệng cười, nhưng ánh mắt phía sau cặp kính vẫn đờ đẫn, vô hồn. Gã hỏi băng quơ:

-Thế nào? Tốt chứ?

-Đồ vô duyên.

-Ý tao hỏi tình hình thế nào?

-Vẫn cảnh bát nháo kinh niên. Phật giáo, Công giáo vẫn lên đường, xuống đường. Các đảng lãnh tụ vẫn nhi nhô. Có đảng để râu, cắt râu đến dăm lượt, rồi nhảy phốc lên mũi xe đấm ngực, tự đả đảo chính mình. Thứ trò hề muôn thuở, nói ra bản miệng.

Gã nhìn khắp phòng, hất hàm:

-Thằng Uông, thằng Hoàng đâu?

-Bộ chúng ông ngày nào cũng phải túc trực ở đây để đợi mày chắc. Nói vậy chứ tháng trước tao gặp thằng Hoàng ở Gò Dầu Hạ, nó phát phơ ngoạu cảnh chợ trời biên giới. Thằng Uông đi Thủ Đức, nghe đâu bây giờ đóng ở Khe Sanh. Bọn mình năm đứa, may mà còn ba.

Gã nhìn tôi có vẻ diều cọt:

-Còn mày, liệu nên cơm cháo gì không?

-Vẫn giương mắt ếch lên mà nhìn đời. Việc chính của tao bây giờ là đến đây trồng cây si. Tiếc rằng đất cứng quá, rễ không bén được.

Thủy dấm nhẹ vào vai tôi, nguyệt dài:

-Đốt ông đi.

Tôi làm bộ mắng:

Liệu hồn cô, giọng con gái sao mà chua thế?

Rồi quay sang gã:

-Bây giờ tới phiên tao lục vắn mày. Ba năm trôi sông, lạc chợ, mày sống ở đâu?

-Tao đi tứ xứ. Ngủ đò ở sông Hương một tuần. Tới chợ Hàn mua đồ hộp phế thải của lính Mỹ. Về Bến Đá gửi mùi nước mắm. Ghé lều Ông Hoàng đọc hết sạch mấy bài thơ dấm dớ đề kín mặt tường. Đi tác ráng xuôi ngược sông nước miền Tây. Ăn bò nướng ngói ở Sa Đéc, ăn mắm bồ hóc ở Cao Lãnh, rồi say chết ở bến Ninh Kiều.

Đột nhiên gã dừng hẳn lại, thần thờ. Tôi tiếp:

-Cuối cùng vác cái xác sống dở, chết dở về Sài Gòn, sau khi đã để lại nửa hồn ở... ở đâu? Khai ra, đồ chết tiệt.

Giọng gã rất nhẹ:

-Ở Đà Lạt.

Gã đưa tôi bài thơ mới làm. Tôi đọc nhanh rồi trao cho Thủy:

-Thủy này, cô ngâm nhá.

Thủy cười:

-Trong mấy năm các anh tứ tán, cũng có mấy ông thi sĩ ầm ường tới đây bắt em ngâm thơ con cóc, thét rồi lòng hóa đá và tiếng bị rè, chả biết còn ngâm nổi nữa không?

Ngày trước, tôi thích nhất những đêm cuối thu, ngoài trời mưa rơi rả rích, gió se se lạnh. Trong quán đèn tắt hết, dưới ánh nến lung linh, bốn đứa quay quẩn nghe Thủy ngâm thơ, cùng với tiếng tiêu của tôi phụ họa. Giọng ngâm lãnh đãng, không trong vắt mà trầm đục nỗi buồn. Khi Thủy ngâm bài Màu Thời gian của Đoàn Phú Tứ, tôi bắt gặp trong ánh mắt cô một chút gì luyến tiếc, một chút gì cay đắng, bẽ bàng, một chút gì vời vợi nhớ nhung Hương thời gian thanh thanh, có lẽ không bao giờ trở lại. Ngâm hết câu cuối, đôi mắt chìm ngập bóng tối từ từ nhắm lại, khép kín một khung trời. Tôi nhớ vô cùng đôi mắt trong đêm hôm ấy.

Thủy đọc bài thơ hai ba lượt, như muốn nuốt kỹ từng lời, rồi bắt đầu cất giọng:

Bút khai xuân nét chữ gầy,

Mong manh tình ý, thoáng đầy hồn ta.

Nắng lên thơm bước lụa là,

Gió lên phơi phới hài hoa đầu thềm.

Phấn nào hồng rục má em?

Son nào tô thắm môi mềm chiêm bao?

Mắt trong như ý ngọt ngào,

Ngập ngừng em đến, lời trao môi cười.

Gió bay tóc xỏa tơ trời,

Xuôi bờ vai nhỏ chơi vui nắng hồng.

Cuối đường, áo trắng mênh mông.

Hồn ta phút cũng bênh bồng cuốn trôi.

Giấc La Phù mộng giữa đời

Mà ta lãng tử lạc loài lối tiên.

Trong ta, tình đã ngủ yên,

Phút như gió thoảng, triền miên chợt đầy.

Rượu nồng hay mắt em say?

Giây tương tư buộc gót giày lãng du.

Hồn ta lạc bến sông mù,

Vọng về lối cũ, nghìn thu nhớ người!

Bút khai xuân nét hao gầy,

Mà buồn theo bút tháng ngày thoảng qua.

Vẫn dáng mộng du, gã đắm đắm nhìn ly cà phê nhỏ từng giọt một. Cái thằng vốn coi trời bằng vung, bây giờ ngồi đó, dáng mệt mỏi, răng cắn chặt cán tẩu, miệng cười như mếu. Tôi vỗ vai đánh thức gã:

-Tao hiểu rồi, cóc chết ba năm quay đầu về núi, tưởng nên vương tướng gì, ai ngờ vất va, vất vưởng, ngồi gặm từng chút cô đơn giữa biển người điên loạn, để vọng về lối cũ nghìn thu nhớ người. Này thằng khốn, lòng bạc như vôi, xưa kia mày mà biết nhớ ai, bây giờ đúng là quả báo. Đời tịch rồi em ạ!

Gã vẫn lầm lầm như tượng gỗ. Tôi xuống nước:

-Bọn mình bốn đứa, với Thủy là năm, ngày xưa còn bé, có gì cũng tâm sự với nhau. Bây giờ bộ tưởng mày lớn lắm rồi sao?

Thủy cũng giục:

-Phải đấy, nói hết ra đi cho vơi cái bầu tâm sự.

Gã quay sang Thủy.

-Cô còn nhớ anh Hiền không? Chết rồi.

Buổi chiều Sài Gòn còn nồng hơi nắng. Xa cái giá buốt trùng trùng của miền cao nguyên đất đỏ, thể xác tôi trở lại bình thường, nhưng hồn lại như đóng kín một lớp băng. Tôi còn nhớ ba năm trước, trong cơn bốc đồng, từ giã bạn bè nổi khổ, tôi đã sống trôi nổi, lang bạt khắp nơi, từ giải đất miền Trung còm cõi, tới đồng bằng màu mỡ miền Nam, nhưng tất cả đều không thể níu chân tôi lại. Cùng với tháng ngày trôi nổi, tôi đã để lại sau lưng những cuộc tình dối gạt, có lẽ cả những cặp mắt tuyệt vọng, đợi chờ hay uất hận. Ba năm ấy, tôi được mất những gì? Được những cảm giác nặng nề xác thịt, nhưng mất trắng sự thanh thản tâm hồn. Nổi nhọc nhằn đè nặng lên đôi chân đã bắt đầu thấm mỏi. Vừa lúc ấy, một bậc đàn anh làm hiệu trưởng trường tư ở Đà Lạt kéo tôi về.

Buổi học đầu tiên bước vào một lớp nữ sinh, tôi bắt gặp một ánh mắt mở to, bang hoàng mừng rỡ. Tôi vội bước xuống:

-Xuân phải không?

Cô bé lí nhí:

-Chú Nguyễn.

Niềm vui bất ngờ làm tôi mất tập trung. Đi cùng trời cuối đất, lúc dừng chân lại gặp được đứa cháu năm xưa. Buổi học tan, Xuân đón tôi ở cổng trường, dắt tôi về nhà bằng bước chân chim sẻ tíu tít. Sự mừng rỡ bỗng bật hiện rõ trong từng câu nói huyên thuyên, nhiều lúc không đầu, không đuôi. Con bé vẫn như ngày nào, cho dù tuổi mười bảy không còn là tuổi mười hai. Điều ấy làm tôi thâm vui, vì thấy cháu mình chưa vội đánh mất tuổi hồn nhiên, Vừa tới cổng, chị Hiền đã nhận ra tôi, chị reo lên:

-Chú Nguyễn hả? Trời ơi! Đi đâu mà biệt tăm biệt tích, chú tẻ thật.

-Thì bây giờ em đã dẫn xác tới tạ tội rồi mà.

Bước qua cửa, tôi chột khựng lại, kinh ngạc đến sửng người:

-Anh mất rồi sao?

Khung hình trắng đen của anh đặt trên bàn thờ, phía trước có một bát nhang.

-Phải vậy không?

Nét mặt chị chùng xuống:

-Anh mất hơn hai năm rồi. Trước khi mất, anh vẫn thường nhắc đến chú, tiếc rằng không được gặp. Chị có viết mấy lá thư báo tin, họ đều trả lại.

-Xin lỗi chị, thời gian qua em đi tứ xứ, không nhận được là phải.

-Mà chú cũng tẻ thật, biệt mấy năm, không có lấy một chữ.

-Dạ anh cũng rõ thói xấu của em, ngày xưa viết thư về nhà chỉ vồn vện: còn sống, cần tiền.

-Gớm, đẹp chú đi, giá viết thư cho gái thì khỏi phải dục

Tôi nó đùa:

-Ai bảo chị vậy, viết thư cho gái chỉ cần hai chữ: còn yêu.

Rồi cười xòa, lãng sang chuyện khác:

- Vì sao anh mất hờ chị?

-Mấy năm sau này anh yếu lắm, anh mất vì bệnh lao.

Tôi ngạc nhiên:

-Ngày nay lao đâu có phải là chứng nan y.

Giọng chị đượm vẻ ngao ngán, mệt mỏi:

-Chị biết thế mà đành bất lực. Sau này chị mới rõ, bệnh lao không làm anh chết, nhưng chứng trầm uất có thể tiếp sức cho bất cứ bệnh gì vật ngã một người đàn ông. Chú hiểu rõ anh mà. Bây giờ chị rất sợ, sợ chứng trầm uất và sợ nhất là bệnh phổi.

Tôi bước đến bàn thờ anh, thắp ba cây nhang, đầu óc miên man suy nghĩ.

Cả bốn chúng tôi cùng gặp anh ở quán cô Thủy sáu bảy năm về trước. Buổi tối hôm ấy, Thủy ngâm một bài thơ anh làm. Bài thơ phác lại cuộc hành trình của một tay lãng tử, tuổi bốn mươi, tuy rất tài hoa mà chung thân thất bại. Có bốn câu làm tôi xúc động:

Ta thêm say cho đất trời đổ sụp,

Chén đắng không làm vị đời ngọt thêm!

Ta muốn quên trong trận cười nghiêng ngửa,

Hồng phấn, yên chi, lòng lạnh như tiền.

Tôi mơ hồ cảm thấy giữa đời phù du, không còn nơi nào để anh có thể tìm được niềm vui.

Anh kết bằng hai câu:

Gió loạn trời Nam, mắt người vẫn bụi,

Xin nhận tiếng cười chàng Tiếp Dư điên.

Câu thơ xác định vị thế của con người lạc lõng giữa cảnh nhiều nhường. Tự nhiên tôi thấy thông cảm và gần gũi anh. Không hiểu sao trong bốn đứa, tôi có vẻ hợp với anh hơn cả. Từ đó chiều thứ bảy, chúng tôi rong chơi phố phường, rồi ghé về nhà anh ăn tối. Tôi vốn là đứa bé mồ côi từ nhỏ, nên đã lấy gia đình anh chị làm những người thân, và anh chị cũng coi tôi như đứa em ruột thịt của mình. Năm ấy Xuân mới lên tám. Buổi tối, tôi thay anh dạy cháu học bài, cho tới năm nó được mười hai. Tôi đã chứng kiến con bé từ lúc lên tám vùi vãnh chú từng gói kẹo, cho tới tuổi mười hai, sớm biết giúp mẹ vun vén việc nhà. Cháu của chú bây giờ đã lớn, nhưng tôi ao ước nó vẫn cứ bé bỏng như xưa, để có thể ôm chặt vào lòng. Ngày tháng ấy chan hòa vẻ đẹp thanh bình rất hiếm.

Tuổi trẻ anh khá sôi động. Bị cuốn hút vào vòng xoáy thời cuộc, đã có lúc anh tham gia đảng phái. Cuối cùng chợt nhận ra: anh chỉ là kẻ ngây thơ giữa sinh hoạt chính trị phản trắc, đầy mưu ma, chước quỷ. Mọi diễn biến chung quanh, hầu như đều trái ngược với lý tưởng, lại thêm thất bại kéo theo thất bại, từ đó, anh rơi vào trạng thái trầm uất, suốt ngày làm lì đọc và viết, nhưng viết chỉ để mà nhìn, kể cả thị trường chữ nghĩa cũng không dành chỗ đứng

cho kẻ thẳng lưng. Hai năm sau chị đưa anh lên Đà Lạt trồng hoa, ngắm cảnh. Người đàn bà đó âm thầm theo dõi từng bước chân chồng, bước chân lún dần trong bãi cát đời vô định, chị xót xa mà không hề thốt một lời than.

Bình thường trong lúc oằn vai gánh vác nỗi nhọc nhằn của cuộc sống, con người thường có thói quen đến với Tôn giáo, để tìm nguồn an ủi cuối cùng, nhưng tôi còn nhớ có lần anh đã bảo:

-Từ khi trưởng thành anh không bao giờ cầu nguyện, vì Chúa và Phật chẳng thể ban phát những điều mình không đáng hưởng. Còn nếu cầu nguyện là một hình thức tỏ bày tình cảm của mình với đấng Thiêng liêng, thì thú thật, thứ tình cảm ấy anh không hề có.

Như vậy còn lại những gì cho anh, con người chơ vơ giữa vòng trời đất?

Quay lại với gia đình, anh mang thêm mặc cảm bất lực, vì không thể chia sẻ gánh nặng áo cơm. Lòng yêu vợ, thương con, phút chốc biến thành nỗi ám ảnh dày vò. Thế đó, hình như chỉ còn một con đường dành cho anh đi: con đường về với cái chết. Bản chất con người khác nhau, nên chẳng thể trách anh sao không thử đứng lên làm lại từ đầu. Nhưng tôi vẫn trách anh một điều: một gia đình như thế chưa đủ với anh sao? Anh có người vợ suốt đời thương yêu và đủ tinh tế để thưởng thức tài hoa của chồng. Anh có đứa con gái dịu dàng, luôn nhìn cha bằng đôi mắt kính phục xen lẫn thương yêu. Như vậy chưa đủ với anh sao? Cái chết chấm dứt bốn mươi năm tuổi đời phiền muộn, nhưng lại khởi đầu chuỗi ngày dài đau đớn, xót xa cho người còn sống. Nhìn lên bàn thờ, tôi thấy anh cũng đang nhìn tôi, mắt buồn rười rượi như muốn bảo:

-Cả chú cũng trách anh sao?

Cái khắc nghiệt trong thân phận làm người là chúng ta thường xuyên bị đặt trước những cảnh ngộ không phải lúc nào cũng rạch ròi trắng, đen.

Không biết tôi đứng lặng trước bàn thờ anh bao lâu, tiếng nói của Xuân làm tôi giật mình.

-Mẹ ơi! Con dọn cơm nhá.

Xuân quay sang tôi:

-Chú tâm sự gì với bố cháu mà lâu dữ vậy?

-Chú chả nói gì cả. Giữa bố cháu và chú không cần phải nói vẫn hiểu rõ nhau.

Chị Hiền nói như ra lệnh:

-Hôm nay chú phải ở lại ăn cơm với chị, rau dưa thôi.

Trong bữa cơm, câu chuyện tuy cởi mở nhưng vẫn có vẻ nặng nề. Chỉ có Xuân còn vui vẻ, nhưng câu nói hồn nhiên đôi lúc làm chúng tôi ngơ ngai. Xuân hỏi tôi:

-Chắc chú có đôi rồi phải không?

-Có rồi, chú có đôi đứa cháu vừa mới đưa.

Chị cười hiền hòa:

-Chị hỏi thật, nếu chưa có chỗ nào để chị chỉ cho một đám.

-Dạ em vẫn chiếc bóng phòng không.

-Rõ khéo, lớn tướng rồi còn gì.

-Không phải đâu, già rồi mới đúng.

Xuân chen vào:

-Cô Nhung phải không mẹ? Cháu dám cá cô ấy gặp chú là mê tít thò lò.

Tôi bật cười:

-Con bé này, cứ tưởng chú của mình ghê gớm lắm, chẳng sợ người ta cười vào mặt cả lũ. Nói vậy chứ xin chị, em khẩn đồng trinh.

-Có mà đồng xu, chị đi guốc trong bụng anh em nhà chú.

Tuy vẫn cười cười nói nói, nhưng khuôn mặt xanh xao của chị vắng hẳn nét mãn nguyện ngày nào. Điều ấy làm tôi cảm thấy xót xa.

Cơm nước xong, Xuân liếc mẹ, cười cầu tài:

-Mẹ ơi! Để chiều về con rửa chén bát, bây giờ con phải đi theo chú cho biết nhà.

Chị mắng yêu:

-Con bé này, lúc nào cũng nóng nóng, sốt sốt, để chú nghỉ ngơi chốc đã.

Căn nhà tôi thuê bề ngoài trông cũng thơm mát, nhưng vừa bước vào, Xuân đã chun mũi:

-Eo ơi! Chú bê bối kinh khủng, thế này mà chịu được à? Thôi để mai cháu bảo cô Nhung sang dọn dẹp hộ.

-Chả dám đâu.

Nói vậy chứ Xuân bắt đầu ra tay. Trước hết gom mớ quần áo bẩn vứt lung tung, dồn vào trong thau, quét sạch trong nhà, dưới bếp, sắp gọn lại chồng sách vở, rồi lau tủ, bàn. Chẳng mấy chốc căn phòng khác hẳn. Bàn tay phụ nữ quả là khéo léo.

Nhìn quanh quất một hồi, Xuân chọc:

-Tạm ổn, có thể làm tổ uyên ương cho chú được rồi.

-Có mà cái tổ tu hú.

Ra tới cửa, Xuân vênh mặt, mặc cả:

-Hôm nay cháu lao động cật lực, không có thì giờ học bài đâu nhà, mai chú đừng gọi cháu lên, quê lắm.

Kể từ đó, mỗi chủ nhật tôi tới ăn cơm với chị, còn hằng ngày Xuân vác sách sang tôi học bài. Chị hoàn toàn tin tưởng nơi tôi, vì chị vốn tin ở đôi mắt nhìn người của anh ngày trước. Điều ấy khiến tôi càng phải giữ gìn. Sau khi bài vở đã xong, Xuân thường giúp tôi những việc vặt vãnh. Thấy tôi ủi quần áo qua loa, Xuân giựt lấy bàn ủi:

-Để cháu làm dáng cho chú, mai còn đi gặp cô Nhung.

Cách ba ngày Xuân thay cho tôi một bình hoa hái trong vườn. Thỉnh thoảng Xuân cũng khâu cho tôi mớ quần áo đứt nút, sổ chỉ. Trong lúc vá may, con bé giống y như mẹ, cũng cần cù, cẩn thận từng ly, từng tí. Buổi chiều sau khi Xuân về, tôi thường nằm dài trên giường nệm trắng tinh, tận hưởng sự thoải mái được sống trong căn phòng ấm cúng, gọn gàng. Chính lúc ấy một câu hỏi lần đầu hiện ra:

-Phía sau tất cả những vật lộn, bon chen, người đàn ông thật sự cần gì?

Thời gian cứ thế trôi đi. Một hôm Xuân chợt hỏi:

-Chú có thích thơ không?

-Rất thích, nhưng điều kiện tiên quyết thơ phải chân thành. Những rung cảm xuất phát từ đáy lòng không bao giờ đồng hành với thứ ngôn ngữ phô trương, làm dáng.

Cô bé chợt cười bằng ánh mắt ranh ma:

- Để cháu đọc bài này, chú nghe thử xem có chân thành không nhé. Cháu không biết ngâm đâu.

Ta đốt đời mình trong men rượu đắng.

Còn gì để tiếc ngày xanh qua mau.

Hồn ta bải trổng, hoang hôn tắt nắng,

U ám mây trời, trong đáy mắt sâu.

Thôi nhé! Ngậm ngùi bên nhau lần cuối.

Em khóc làm gì thêm xót xa nhau.

Em biết ta chẳng, nửa đời phiêu bạt,

Đã chín lâu rồi những vết thương đau.

Tính sổ thời gian, đời như canh bạc,

Ta đã trắng tay, đành xin cúi đầu.

Còn ân tình này dành cho em đó,

Rồi cũng tan đi trong khói thuốc sầu

*Ta nhận đắng cay và cam bỏ cuộc,
Đâu dám mơ gì hạnh phúc dài lâu.
Em hãy coi ta như làn mưa mỏng,
Thấm ướt hồn em trong cuộc tình đầu.
Liều thuốc thời gian xóa mờ kỷ niệm,
Giúp em quên dần vui cuộc tình sau.*

Tôi nói nhanh:

-Bài thơ tồi tệ, làm trong hoàn cảnh tồi tệ: rượu say viết càn. Mà hình như cháu đọc thơ của chú, lếu láo thật.

-Hôm nọ đẹp phòng, cháu vớ được bài thơ vương vãi dưới gầm bàn, đọc thấy hay hay, ai dè dễ thuộc hơn mấy bài học ở trường.

Xuân chọt rụt rè:

- Thời gian có thật là liều thuốc không hờ chú? Chắc nó đắng lắm.

Cùng với ánh mắt thao thức, đằng sau câu hỏi ấy, tôi mơ hồ thấy xuất hiện một con người khác, không còn là đứa bé ưa vùi vãnh chú ngày nào. Trước mặt con người ấy, bắt đầu mở ra một chân trời mới, đầy những thắc mắc, băn khoăn, pha lẫn tò mò, lo lắng. Và lần đầu tiên, tôi chú ý tới vẻ đẹp thanh khiết, thấp thoáng nẩy nở dưới màu áo lụa bạch đơn sơ. Hình như có một khoảng cách vừa nẩy sinh, hình như trong cách đối xử có điều cần phải dè chừng.

Xuân chọt ngẩng lên nhìn tôi bằng đôi mắt ướt, giọng ngập ngừng rất nhẹ:

-Tình yêu là gì hở chú?

-Tình yêu là sự hòa hợp trọn vẹn giữa hai tâm hồn, phải trải qua mới hiểu. Thật ra cũng có thứ tình yêu đơn phương. Nhưng thôi, cháu hỏi làm gì?

Giọng Xuân có vẻ hờn dỗi:

-Bộ chú nghĩ cháu còn bé lắm sao? Mười bảy tuổi rồi.

Tôi cố giữ vẻ chế giễu:

-Cháu chẳng bé thì lớn với ai?

Đột nhiên tôi nhận ra trong đôi mắt đỏ hoe có ánh nhìn rất khác, vừa tha thiết, vừa trách móc, giận hờn. Lúc này tôi mới ý thức sự bất ổn đang lớn dần. Tôi vội đứng lên:

-Quên mất, chiều nay chú phải đi gặp hiệu trưởng có việc cần bàn.

Hành động này là một hình thức trốn chạy, vì tôi chưa kịp chuẩn bị đối phó. Nếu ở lại, có thể tôi sẽ yếu lòng. Nhưng trốn chạy được bao lâu?

Có những thực tế ta phải đàng hoàng đối mặt. Có những nhu cầu ta không tài nào cấm cản: quyền yêu thương dành cho người con gái đang từng bước trưởng thành. Chỉ mong sao cháu đặt tình yêu đúng chỗ.

Đêm ấy tôi trần trọc đến khuya, ôn lại từng chặng đường suốt ba mươi năm làm người. Có chặng được đánh dấu bằng những cuộc tình bèo bọt, trong đó từng lời giả dối được nói trơn tru, trở thành công thức. Nhưng hồi ôi! Tất cả đã góp phần làm chai đá tâm hồn. Tôi chợt nhớ đến câu kệ thầy Thiện Minh đọc trong giờ triết Đông: Khi chưa có ta, ai là ta? Giờ có ta rồi, ta là ai? Tôi là

ai? Tôi là ai? Giữa cõi vô minh chợt hiển hiện bóng dáng một tay đang tử trên dưới ba mươi, những hạt sạn trong đầu nhiều hơn hạt giống, nên hạt giống thối rữa từ từ. Như thế còn lại gì cho tôi? Tôi thiếp dần, thiếp dần trong giấc ngủ chập chờn.

Hôm sau Xuân không đến, hôm sau nữa cũng không đến. Tôi ghé lại thăm. Chị Hiền cười:

-Chả biết mệt hay lại làm nũng. Con gái thời nay đến là rắc rối.

Tôi bước vào phòng. Xuân nằm úp mặt xuống gối. Chị bảo:

-Chú mặc xác nó. Con gái lớn rồi.

-Đúng, Xuân đã lớn rồi.

Ba hôm sau Xuân mới tới. Dáng điệu vẫn rụt rè, nhưng giọng nói cố làm ra vẻ mạnh dạn:

-Hôm nọ chú còn nợ cháu một câu trả lời.

-Câu gì?

Vẻ bẽn lẽn hiện trên nét mặt:

-Tình yêu là gì hở chú?

-Cháu thực sự đã đến tuổi cần biết hay sao?

Xuân cúi đầu, đôi má rục hồng,

-Cháu lớn rồi.

-Ai bảo cháu thế?

-Trái tim mách cho Xuân biết.

Lần đầu tiên nói chuyện với tôi, Xuân tự xưng tên. Dấu hiệu gì đây? Tôi cố trả lời lạnh nhạt:

-Trái tim đại khờ là thứ dễ mắc sai lầm nhất. Nó có thói quen nhìn đời toàn màu hồng, hoặc toàn màu đen. Thật ra không phải vậy đâu, cuộc đời muôn màu ngàn vẻ.

Nét mặt Xuân lộ vẻ xúc động, đôi mắt tha thiết mở to, tuy dịu dàng, nhưng vẫn đủ sức thiêu cháy một thời bình yên. Đôi mắt ấy làm tôi bàng hoàng.

-Tình yêu đến cùng với những rung động rất kỳ lạ ở tận đáy tâm hồn, làm se thắt trái tim, nhất là đối với tuổi mới lớn, lần đầu tiên khao khát được nếm hương vị ngọt ngào, nhưng hãy coi chừng, nhiều khi lại rất đắng cay. Tình yêu có thể nâng ta lên thật cao, mà cũng có thể vùi cả xác lẫn hồn ta xuống vũng bùn. Cái nghiệt ngã đối với người con gái là mỗi tình đầu thường leo đèo đuổi theo, ám ảnh suốt cuộc hành trình. Nó đặt ta trước một ngã rẽ mới: hạnh phúc hay đau khổ. Bởi thế dù trái tim ít khi tỉnh táo, nó vốn mù lòa, nhưng tối thiểu cũng phải biết phân biệt sự giả trá và chân thật. Tình yêu chân thật đòi hỏi sự tôn trọng lẫn nhau và lòng độ lượng. Người con gái mới lớn thường phải trả giá rất đắt cho sự hối hả, bông bột của mình.

-Tình yêu thật là phức tạp, nhưng con người hình như muốn trốn cũng không chạy thoát.

-Vì nó là bước khởi đầu của vòng truyền sinh, giúp con người tồn tại

Giọng Xuân ướm sững:

-Chú ơi! Hãy chỉ cho cháu, chỉ cho cháu con đường đúng để đi. Cháu thấy mình nhỏ nhoi, hoang mang, run sợ.

Về yếu đuối của Xuân làm tôi mềm lòng, tôi muốn dang tay che chở. Nhìn ánh mắt tha thiết và đôi môi run rẩy, lòng tôi bỗng dâng lên một niềm khao khát rất chân thật, rất thanh khiết, thánh thiện. Tôi vẫn biết một nụ hôn phớt nhẹ qua môi, chẳng đủ làm hoen ố tâm hồn trong trắng, cũng không phải là tội lỗi đáng khinh, nhưng nó sẽ để lại dấu ấn thật sâu, in đậm suốt một đời người, nhất là khi người con gái ấy có một tâm hồn mong manh, dễ vỡ. Từ đó đặt ra vấn đề trách nhiệm, trách nhiệm về dấu ấn của mình. Tôi là người trần tục, sống giữa vòng trần tục, tuy đã trót lỗi xuống vũng bùn, nhưng vẫn còn chút tình người sót lại. Khổ thay, đó lại chính là khởi điểm của bi kịch, bi kịch của sự giằng co giữa hai đối cực. Tôi cố lấy giọng bình tĩnh giảng giải:

-Có một tiêu chuẩn để phân biệt: Tình yêu ích kỷ, giả dối là thứ tình chỉ muốn lấy mà không muốn cho. Tình yêu chân chính là thứ tình chỉ muốn cho mà không cần nhận lại.

Bản thân chú, chú biết mình đã quá cần cỗi, để có thể đáp lại thứ tình yêu thần thánh. Chú không còn gì để cho, nên cũng không dám nhận. Đó là án phạt dành cho kẻ trong quá khứ đã trót dại, coi tình yêu như một cuộc vui.

Câu nói này tôi muốn dành cho Xuân, mà cũng là lời cảnh tỉnh, giúp tôi dừng lại trước một ranh giới quá đổi mong manh.

Đêm hôm đó, trời Đà Lạt bỗng dưng trở lạnh, cái lạnh cắt da xẻ thịt vây bủa bốn bề. Tôi chợt cảm thấy dường như có bàn tay xiết chặt lấy cổ. Hơi thở bắt đầu nặng nề, kèm theo tiếng rít khò khè. Tôi giật mình sợ toát mồ hôi: cơn suyễn. Cơn suyễn kéo đến thật mau, như một trận lũ không hề báo trước. Hằng chục năm qua, căn bệnh quái ác tưởng đã buông tha không hành hạ tôi. Vùng khí nóng Sài Gòn giúp thể xác giữ mực bình thường. Bệnh suyễn kỳ nhất hơi men, chỉ cần một hớp nhỏ đủ làm bệnh nhân nghẹt thở trong vòng một giây. Tôi đã uống thứ rượu trong vắt được gọi là nước mắt quê hương ở Long An, tôi đã say gục ở bến Ninh Kiều, vậy mà cơ thể không hề phản ứng lại. Sự chủ quan đã phải

trả giá. Chỉ cần một mũi Théophile hay vài viên Asthma, cơn bệnh quái ác sẽ từ từ hạ xuống. Bằng chút sức lực cuối cùng, tôi lục thật kỹ dưới đáy vali. Vô ích, đã từ lâu lắm, tôi không để phòng dự trữ thuốc men. Cơn suyễn không cho tôi nằm, cơn suyễn không cho tôi ngủ. Phổi nóng rát, hai tay phải chống thẳng, ghì chặt lấy thành giường, để đỡ cho lồng ngực đủ sức căng ra. Toàn thân lạnh ngắt mà vẫn nhom nhớp mồ hôi. Tôi vịn tường, men từng bước nhỏ xuống bếp tìm chút nước nóng. Tấm gương treo tường phản chiếu một khuôn mặt, già không ra già, trẻ không ra trẻ. Hai mắt thâm, lõm vào, lờ đờ như mắt cá chết. Má hóp, tóc mai dính bết vào thái dương. Ai vậy? Đôi môi khô nứt, miệng há hốc. Ai vậy? Ông thầy ngày ngày vẫn tươi cười trên bục giảng đó ư? Cổ rút lại, hai vai nhô lên thụt xuống, lồng ngực phập phồng hết cỡ, cho hơi thở khò khè từng sợi thoát ra. Ai vậy? Con người đã rong chơi giữa đời bằng nụ cười ngạo mạn đó ư? Phút chốc tôi nhận ra con người thật của mình, rất nhầy nhụa.

Tôi bỗng nhớ tới lúc ngồi bên bàn thờ anh. Tôi đã đọc được ý nghĩ trong đôi mắt đầy dấu chân chim của chị. Đôi mắt ấy nói với tôi một điều: không gì cay đắng, xót xa cho bằng nỗi lòng thiếu phụ rất yêu chồng, mà phải nửa đời goá bụa. Cảnh ngộ ấy có nên để tái diễn lại không? Lại vẫn một người con gái rất mong manh, dễ vỡ, lại vẫn một người đàn ông tâm hồn tràn đầy mặc cảm và thể xác bệnh hoạn mỗi mòn. Tôi cũng nhớ câu chị nói: bây giờ chị rất sợ... sợ nhất là chứng bệnh phổi.

Suyễn không phải ho lao, nhưng cũng là bệnh phổi, một chứng bệnh không bao giờ chữa dứt được. Vậy thì. thử ngồi tính sổ lại coi: đậu tú tài hạng bình, tốt nghiệp đại học hạng bình. Ba mươi tuổi đầu mới chột hiểu ra: bằng cấp không đủ làm nên con người. Sức khỏe là con số không. Tiền bạc trong tay ước độ vài nghìn. Sau lưng có những mối tình vụng về đánh mất, trước mắt có một cuộc tình đung nhẹ sẽ tan. Thử ngồi tính sổ lại coi... còn gì để tính.

Cái khổ của bệnh suyễn là thể xác tuy kiệt quệ, nhưng tinh thần hoàn toàn tỉnh táo. Cứ thế, dĩ vãng quay vòng.

Hôm sau bệnh tuy bớt, nhưng tôi phải nghỉ dạy.

Buổi trưa có tiếng bước chân ngập ngừng dừng trước cửa phòng, rồi tiếng gõ rụt rè. Tôi cố giữ mình không ra mở cửa. Không thể gặp Xuân lúc này. Căn suyễn làm bệnh nhân thay đổi hoàn toàn, dù phong độ cách mấy, chỉ cần một đêm cũng trở thành bệ rạc.

Tiếng gõ mạnh hơn, rồi một giọng lạc lõng:

-Chú ơi! Chú ở đâu rồi?

Tôi ở đâu rồi? Tôi ở một thế giới khác, thế giới ấy không dành cho những tâm hồn mong manh, thanh khiết như Xuân.

Tiếng gõ lại vang lên, dồn dập. Tiếng gọi đứt quãng, nghẹn ngào:

-Chú ơi! Mở cửa.

Tôi không thể mở. Đây là giờ phút định mệnh, lưỡi gươm đã chém xuống và tôi là tội nhân thụ hình.

Rất lâu, không biết khoảng bao nhiêu phút, tiếng chân rất quen lại vang lên, bối rối, xa dần, xa dần. Tiếng chân bước trên lối sỏi, trên lớp lá khô, xào xạc, xa dần... xa dần đời tôi. Tôi muốn tung cửa chạy ra.

Buổi chiều, tôi ngồi vào bàn, viết vội lá đơn xin nghỉ việc, một lá thư xin lỗi anh hiệu trưởng, thêm ít điều dặn dò nhờ Xuân chuyển lá đơn, vì tôi có việc rất gấp phải đi. Sau đó tôi chép lại bài thơ Xuân đọc hôm nào, lấy thước kẻ chặn tất cả trên bàn. Cuối cùng, suy đi nghĩ lại, tôi xé vụn bài thơ vứt vào sọt rác. Còn gì trống tuếch cho bằng:

Liều thuốc thời gian xoá mờ kỷ niệm.

Tôi khép hờ cửa phòng, rồi xách hành lý ra đi.

Con đường có nắng hoàng hôn mà vẫn lạnh. Giờ này chắc đã hết xe về Sài Gòn. Tôi ghé vào tiệm thuốc Tây rồi tìm phòng trọ. Căn phòng lạnh lẽo, trơ trẽn, vắng tiếng cười và thiếu hẳn hơi thở ấm. Giữa không gian trống rỗng, hoang vu, tôi mừng tượng tiếng bước chân rất quen, bối rối, lạc lõng, xa dần, xa dần. Bước chân mang đi tất cả, xa dần, xa dần...

Gã họ Nguyễn gục xuống bàn từ lúc nào, tôi hình dung ra chiếc bóng dĩ vãng quái ác đè nặng trên đôi vai gã, dìm đầu gã xuống. Tôi nói băng quơ:

-Canh bạc đã cuốn chiếu rồi, còn ngồi mà tiếc của, đứng dậy thôi.

Gã ngẩng phắt lên vặc:

-Mày là thằng ngu, biết cóc gì mà nói. Tình yêu không bao giờ giống như canh bạc.

VŨ LƯU XUÂN

ĐIỆU RU TÌNH

HỒNG VINH

**Phải chăng nghệ sĩ mãi là người tình lỡ, đa đoan một chút ưu
phiền dịu ngọt. Để từ tận cùng sâu thẳm bỗng rục lên sức màu
sáng tạo.**

**Ngôn ngữ được nặn thành hình hài diễm tuyệt bằng đam mê
tưởng tượng, có đôi tay áp ủ đủ bốn mùa xuân hạ... đọng đưa
ngày tháng như một điệu ru tình bất tuyệt.**

**Điệu ru tình mẹ bao la từ thuở chào đời
Điệu ru tình mộng mơ khi bờ ngõ yêu người
Điệu ru con à ơ cầu tre lắt lẻo...**

**Phải chăng là lời nhắn nhủ vào đời đầy niềm tin yêu nhưng vẫn
nặng lòng ngờ vực. Những bước gập ghềnh cầu nước cheo leo.**

**Xin nương hồn vào thơ để được phút yên hàn. Xin đưa tâm tình
lên một khoảng xa xanh để đón chút rục rở của sắc nắng hồng
sau những lác đác cơn mưa. Xin một khoảnh khắc vô tư của
những cánh chim chiều theo nhau về tổ.**

**Chỉ có thiên nhiên mới không hẹp lòng. Chỉ có thiên thu mới biết
ơn ta đã đến nơi đây tặng cho đời hồn thơ thấm thiết. Tặng cho
người lòng yêu thương chân thực.**

**Nhưng mãi mãi trong hồn vẫn róc rách một dòng sông khát
vọng.**

HỒNG VINH

truyện ngắn

BÓNG MÁT CUỘC TÌNH

NGUYỄN VĂN SÂM

Buổi trưa trời trong vắt, cao thẳm, rọi những cụm sáng chập chờn qua kẽ lá, giao động theo từng hơi thở của không gian. Mấy gốc cao su ồm ồm, gẻ lở, tìm chút nắng ấm cuối xuân, cố vươn mình lên khỏi đám cỏ dại, cóc kèn, mắc cỡ thấp lè tè yên phận. Xa xa những cái mả phẳng đắp vôi vàng của người bản xứ nằm chênh vênh ma quái với miếng vải trắng quấn trên đầu tấm mộ bia bằng gỗ lung linh trong gió. Vài chiếc võng nylon đủ màu đong đưa theo nhịp chân đưa của người nằm trên đang ở trạng thái mơ hồ thức ngủ. Mấy cô bé mới lớn tùm nặm ba trên tấm carton nhỏ hí gằn bìa rừng vui vẻ bàn tán về những câu chuyện vừa mới xảy ra trong trại. Nhộn nhịp và thanh bình. H. đưa mắt theo dõi mấy tàu dừa lá ngọn khuất sau dãy nhà trong xóm. Tháng này qua tháng khác, ăn không ngồi rồi, bị giam lỏng trong khung cảnh buồn nản, với những chuyện chửi bới về tiền nong ồn ào từng bữa một. Vô lý. Như cuộc đời đột ngột. Như mình bây giờ chỉ còn một thân dật dờ trên hải đảo xứ người. Căn bệnh độc quyền yêu nước của những tên già mọng du chỉ chữa một lỗi

thoát nhỏ cho người khác: Hoặc thin thít sợ hãi co rút lại trong chuyện cơm áo, hoặc bỏ nước trốn đi với hy vọng mong manh làm được cái gì đó ích lợi hơn. Rồi hy vọng mỗi mòn theo ngày tháng đợi chờ. Rồi nhiệt huyết lắng dần như chảo mỡ sôi để cách đêm. Thư từ bạn bè bốn phương đồng ca một bản than vãn về sự bất lực trước hoàn cảnh mới. *Xứ này cuốn hút thời gian, quái quắc như con bạch tuộc trăm vòi quấn máy lại, tới chừng được nhả ra máy chỉ còn là một ông già hom hem bước lảo đảo xuống huyết mộ qua ngã nursing-home.* Lời cảnh cáo của người sắp vô tròng, hay tiếng kêu cứu tuyệt vọng của người trong bẫy sập? Giọng than thở của câu ca dao “*cái vòng danh lợi cong cong*” hay điệu chán chường của câu sáo ngữ “*con nợ, vợ oan gia*”?

H. nhìn lại lòng mình. Gần một năm qua, hằng đêm tự hứa không đi vào bước sai lầm của người trước, sẽ đem kiến thức và quyết tâm chuyển lại cuộc cờ. Phải chăng đó là một hình thái của sự tự dối vì lòng nôn nóng muốn thoát khỏi cảnh đời ảm đạm? H. xoay mình trần trụi. Cô đơn trong vô dụng là cô đơn bậc hai. Tại tui nó hết. Đôi mắt xót xa oán trách pha lẫn chút hân hoan của người xưa hiện lên. Lấn quẩn đâu đây. Đôi mắt ngày đêm xoáy vô tim, bào mòn, thắt chặt, hằn lên những vết thương nhức nhối, ứa máu. Đôi mắt biểu lộ tình cảm mâu thuẫn khó phân tách. Giống như nụ cười thơ thới lúc gặp nhau đầu buổi hẹn hò. Giống như cái nhìn oán trách của con chó nhỏ đang tung tăng bỗng bị vòng dây oan nghiệt tròng vô cớ lôi đi. H. mỉm cười liên tưởng đến một chuyện Tết lúc nhỏ. Thằng H. mặc áo mới chạy ra đường vừa hân hoan vừa tự hào về cái áo trắng có những lần xọc nhỏ xanh xanh. Và rồi lúc chơi đốt pháo một đứa bạn nghịch ngợm vùng tay ném que diêm vào. Nó đã khóc mùi mẫn cho cái áo mới. Trong vòng tay người chị cả, nó đã sung sướng được dỗ dành sẽ có một cái áo khác đẹp hơn. Trạng thái lúc đó vừa thích thú vừa thống trách.

Sự mất mát giờ đây lớn hơn. Nỗi đau đớn trọng đại hơn. Nhỏ H. cũng đã trưởng thành để biết nguyên nhân gần và nguyên nhân căn bản, cũng đã đủ trí phán đoán để biết hy vọng giải quyết vẫn

đề trở thành một chuyện *thiên nan vạn nan*. Lòng H. chai lại trong cảm hờn. Lốp băng giá trong một lúc nào đó đặc biệt của địa cực đã phủ lên ngọn núi lửa từng bừng sôi bỏng. Dừng dưng trước những sinh hoạt nhỏ nhẽ có tính cách bù gở của trại, vắng mặt trong cuộc sống ồn ào vô lý của thời gian đợi chờ.

Em, tại sao anh không hòa mình được với đám đông? Không quên được đôi mắt em mấy phút trước khi anh mím môi, thắt lòng đẩy cái hình hài quá nhiều thân thiết kia vào lòng biển? Bao năm quán quýt, bao năm nghĩa tình. Những giọt nước mắt khóc cho nhau khi người kia lao lý hay sương gió tủi nhục cho miếng ăn bị thắt chặt, tức tưởi ...

Tiếng kéo kẹt nhẹ nhẹ lảng đãng trong gió phía sau. H. quay lại. Ở đây từ lâu đã có một cái vũng khác. Cũng có người muốn tránh đám đông. Bộ quần áo điểm những chấm nhỏ ly ty tím tím mới may ở trại. Một tờ báo Việt Ngữ xuất bản ở Hoa Kỳ trên ngực. Một quyển sách Anh Văn vỡ lòng trên mặt. Bước chân trên cỏ dàu dàu đánh thức đôi mắt nai u sầu, nơi khoé còn long lanh ngấn nước. Đôi mắt đẹp buồn hao hao giống người xưa.

“Cô không sợ ma?”

“Tôi chỉ sợ ma sống. Người chết đáng thương hơn đáng sợ”.

Câu nói lạnh lùng nhưng mở lối về những nẻo đường mòn đầy máu của quá khứ.

“Nơi đây dễ sống lại những kỷ niệm về cuộc hải trình. Sống với người chết trước khi sống lại với người sống thú vị như vô tình bắt gặp một ánh trăng xuyên qua kẽ lá.”

“Chắc người yêu của ông đẹp lắm?”

“Cũng có đôi mắt nai như cô vậy.”

Một nụ cười tươi cố tạo, che giấu nét bối rối. H. thoáng thấy trong đó một loé sáng thích thú.

“Tôi chúa ghét bị gán giống người này người nọ. Tôi chỉ muốn tôi là tôi”.

“Đó không phải là sự gán ghép. Đó là một sự thực.”

Th., sao em không còn, để anh khỏi nói dối? Từ một sự hao hao đến cái giống như đã là một bước xa. Lại thêm tâm tình và kỷ niệm. Anh không muốn bắt đầu lại cuộc tình mới. Có những lời chỉ thốt ra được một lần trong đời. Lập lại lần nữa, trở thành xảo trá, trơ trẽn. Người ta chỉ có thể rung động chân thành một lần. Những lần khác sự thần thánh đã không còn phù hợp với ngôn ngữ. Chỉ còn là một cái vỏ mang tính chất gọt găm, vị kỷ? ... Mà tại sao anh lại làm điều đó? Vì yêu em nên quý trọng cái đã mất, nên cố thay thế bằng cái hao hao hay vì yêu mình nên cố gắng bắt đầu sống lại cuộc đời riêng?

Anh đâu có sự lâng lâng bên cạnh người tình như lúc chân ướt chân ráo ngày xưa vào cổng trường Đại Học. Rồi chỉ là một cuộc hành trình ngược về thời gian. Một sự không song phẳng với người sau qua tình cảm đã khắc ấn trong tim với người trước. Như vậy có phải là anh vẫn yêu em?.

Gió hắt hơi nóng vào mặt. Những cây cỏ đại lao xao. Máy lớp không khí dao động lượn lờ hình phản chiếu trong ảo ảnh. Những ngôi mộ xa vẫn nằm đó, yên phận, xè xè dưới gốc cao su điểm tô thêm sự tẻ nhạt cho khung cảnh. Buổi trưa bình thường và có thực như cuộc đời. Cô gái vẫn trong dáng đợi chờ một câu giải thích, hững hờ lật từ trang sách. Mắt thoáng nghi ngờ ...

“Nếu hân hạnh gặp cô trước, tôi đã nói người kia giống cô”

“Nếu vậy tôi đã phiêu lãng nơi khung trời nào rồi. Đâu còn được ở đây hầu chuyện ông.”

Một nụ cười tinh quái và tha thứ tiếp theo câu nói.

Th., em thấy đó. Không ai muốn chết hết. *Dầu đến sau trong cuộc tình, dầu khổ sở trong cuộc đời, chính sự có mặt đã là một chiến thắng. Vậy tại sao đời lại không cho em có mặt?*

Đôi mắt hao hao giờ đây bắt đầu biến thành đôi mắt Th. trong lòng mình rồi. Mới mấy ngày xa vắng đã nhớ nhung. Không dè hình ảnh Th. lại mạnh như vậy. Nôn nao, bồi hồi chờ đợi một người con gái mới trao đổi vài câu phải chăng là triệu chứng của tình yêu? Mình yêu đôi mắt? Thể hiện lại một cách khác tình yêu với Th.? Khó phân tích. Nhưng ít ra đôi mắt nửa như mẫn nguyện nửa như trách trời không còn xoáy tim anh nữa ... Thỉnh thoảng anh bắt gặp em mỉm cười độ lượng như vui với hoàn cảnh mới của anh. Gần một năm ở trại, có lúc nào quên được em đâu? Có yêu ai, giờ đây cũng chỉ là thể hiện cách khác tình yêu đối với em. Một sự đi tìm quá khứ, quá khứ nồng nàn bị đồng loại phũ phàng gạt bỏ ...

Bước chân giao động những ngọn cỏ thấp, một con châu chấu nhảy vọt nhanh ẩn trốn. Trên trời vài cụm mây xanh hững hờ, chậm rãi:

“Sao tới bữa nay cô mới tới? Mấy hôm nay trời lê thê ghê”

“Ông biết đó, kỷ niệm nào bị khơi động cũng đau lòng. Nhưng”

Người đàn bà nhìn xuống cái vũng dây nylon được quán gọn cầm trên tay như gián tiếp thú nhận lòng.

“Ai ra đi cũng mang theo quá khứ. Trên biển còn thêm những phút không thể quên. Ai nấy đều bị kỷ niệm ràng buộc quẩn nặng tâm hồn, dè xuống bẹp dí không cựa quậy được. Chỉ có hai thái độ cực đoan hoặc sống chết với dĩ vãng, hoặc quên để trực diện cuộc đời. Không có cái lửng lơ, nửa chừng”

“Bất cứ bắt đầu nào cũng khơi dậy vết thương ngày cũ. ”

“Thế cô không biết rằng “*mình*” đang tạo những kỷ niệm mới thêm vào kho tàng cũ, lớp đầu tiên trong nhiều tầng của quá khứ?”

Người con gái hát mái tóc ra phía sau, ranh mãnh:

“Ông quá chủ quan, ông làm tôi hoài nghi chính tình cảm của mình.”

Th., em thấy đó. Giống như lúc mình mới gặp nhau. Em bướng bỉnh, trả miếng anh từng câu nói. Như muốn dùng lá chắn ngôn ngữ để bảo vệ, để chứng tỏ cứng cỏi, trưởng thành. Nhưng em thấy đó. Rồi em ngoan như bất cứ người tình nhỏ nào. Sự cứng cỏi, trưởng thành không nằm ở ngôn ngữ cũng không có ở những lời đối thoại, mà nằm ở hành động. Và em chỉ trưởng thành sau những năm dài chúng mình vấy vùng trong ngục tù bao la của đất nước. Đã len lỏi trong sự sợ hãi của địch để kiếm sống và thực hiện những công tác mà bất cứ một ai có ý thức đều không thể chối từ. Đã cười mũi tụi nó khi chúng chia ra những cái bánh vẽ anh hùng, tiên tiến, đối tượng ... Đã kịch liệt đấu khẩu với những thằng trâu xanh, bò vàng mỗi khi có dịp. Nhưng chúng mình cũng thấy rằng đấu tranh tiêu cực không hữu hiệu. Em đã đề nghị mình ra đi để hoạt động trong một mô thức rộng lớn hơn. Em biết đó, em đã trưởng thành trong niềm đau đớn vô biên và độc nhất trong lịch sử dân tộc, nhưng em đã đi vào lòng biển để lại đôi mắt em trong lòng anh và một vết thương nhức nhối về sự xuống dốc thể thảm của tình nhân loại. Những con người hiền hòa một sớm một chiều trở về thú tính trước bạc vàng và xác thịt. Những con người khát quyền đến nỗi mang lá chắn mắt ngựa nhưng vẫn tưởng mình ôm được chân lý nên cố gắng thay đổi dòng lịch sử bằng những phạm trù. Anh không tin dị đoan để tự dối bằng câu mười phần chết bảy còn ba, nhưng anh tin tưởng bây giờ em đang hoá thân thành người trước mặt. Bóng mát vườn cao su này trước kia là chỗ anh tìm cô đơn để được tự do tưởng nhớ về em.

Giờ đây là chỗ anh nhìn lại đôi mắt sáng ẩn chút u buồn của em. Em đồng ý? Em không ghen?.

Trời về chiều, bóng mát lẩn chiếm nhiều hơn. Không khí đem theo một chút muối mặn rin rít của biển cả. Dưới vài gốc cao su mấy cặp trẻ sỗ sàng trũng giỡn. H. nhìn như nhìn vào cõi trống không. Một người con trai đang cố gắng vớt vát một cái hôn vội vàng trước khi buông người tình.

Mắt người con gái lăm lét trong tình quái khi nhận ra H. ở sạp kế bên mình. Anh đánh trống lảng:

“Chắc họ ngỡ mình đang ở giai đoạn mào đầu của tình yêu”

“Ông ngỡ thì có, vũ trụ của họ đâu còn hiện hữu mà chắc với không?”

“Cô có còn ai thân thuộc ở trại này?”

“Chỉ còn kỷ niệm và một sự đau đớn khôn cùng.”

“Tối nay hứa hẹn một bữa mát trời ... Xin phép được mời cô ăn chén chè sen. Không khí trong tiệm cũng dễ thương nhẹ nhàng, không ồn ào như mấy quán cà phê trẻ.

“Tại sao không là một ly nước ngọt bình thường?”

H. nhìn sâu vào mắt người đối thoại để đo lường sự thông minh và ranh mãnh.

“Danh từ nào rồi cũng bị phóng thể đi. Từ tiếng chè bình thường mà cô không ưa đó đến danh từ cao hơn như Độc Lập, Tự Do ... Lỗi không ở ngôn ngữ, lỗi ở người bóp méo nó, mặc cho nó một ý nghĩa khác.”

“Rung động qua hình ảnh nào đó đã mất cũng là hình thức bịp bợm ...”

???

“Không, tôi muốn đề cập đến trường hợp chung. Như tôi chẳng hạn ... Chúng tôi lấy nhau rồi, chuyển đi chính nhà tôi lo liệu. Rồi anh ấy ngã lăn dưới những nhát chém phũ phàng. Anh ấy ngỡ mình có thể làm được chuyện bảo vệ người yêu. Nhưng thời gian thiếu thốn đói khát trên ghe đã làm anh kiệt lực. Tôi sống như cái bóng ở đây đã hơn một năm, không tha thiết đến chuyện định cư sớm muộn. Anh ấy như ông, ít nói, nhiều suy tưởng, thích sống cho lý tưởng ...

H. tròn mắt ngạc nhiên. Lần đầu tiên được nghe một câu dài, tình cảm, kể lể ...

“Tôi nghĩ chúng ta còn cuộc sống trước mặt, phải hiện diện để nói lên niềm thống khổ của mình, những dã man tàn bạo mà mình là chứng nhân. Đó cũng là nhiệm vụ với người đã khuất.

Nụ cười đậu trên môi. Hàm răng dưới nhỏ đều xinh xinh có một cái thụt vào, phối hợp với ánh mắt tạo một vẻ đặc biệt như để che lấp bối rối, như muốn xóa tan một cách tàn nhẫn đến quyết liệt câu nói hàm chứa sự thuyết phục mới vừa được nghe.

“Nhưng ông cũng chưa giải quyết được vấn đề thực giả trong kho tàng kỷ niệm.”

Em thấy đó Th. Kiểu nói này xưa em thường dùng, trốn tránh một chữ hay trả lại anh một chữ. Càng lúc anh càng có cảm tưởng trước mặt anh là em ngày nào. Ai có can đảm nói yêu sau một vài lần chuyện trò lông bông? Vừa láo khoét với người được nói, vừa phũ phàng người đã mất. Ai có thể nói không với một người mình biết sớm muộn gì mình cũng sẽ yêu? Cái khó ở chỗ đó, nói không cũng không được, nói có cũng không xong. Lòng

anh bây giờ cũng vậy. Yêu em nhưng như không yêu em vì anh đang thấy thích thú, thoải mái bên nụ cười câu nói của người đối thoại, đang mở cửa lòng để đón người đó. Đang vui vì sự hiện diện của cô ta. Nhưng như là anh vẫn còn yêu em vì người khác chỉ đến được với anh bằng những hình ảnh thiết thân của em anh có từ lâu trong trí. Yêu em mà không, không yêu mà yêu. Phải chăng anh mặc cảm, anh chưa sống thực với lòng? Nửa anh muốn làm người tình Đông Phương chung thủy. Nửa anh học đòi làm kẻ Tây Phương khát tình. Thực sự anh đang bối rối. Tình yêu mới giả mà thực. Thực mà giả.

“Có thể lúc đầu mỗi cặp tình nhân đều không thể xác định tính chất của cuộc tình, nó có thể chỉ là sự phù hợp tính tình, sự ham muốn hay chỉ là sản phẩm của hoàn cảnh. Nhưng chắc chắn, nếu có, đoạn giữa sẽ luôn luôn thật.”

“Thế còn đoạn chót?”

“Không ai muốn có đoạn cuối hết. Cô thấy đó, đoạn cuối có ra gì đâu, một sầu thảm, một hận tủi. Chúng mình phải làm thế nào cho không có đoạn cuối.”

Lại nụ cười như vừa rồi.

“Ông gian thật. Chưa chi đã bàn chuyện đoạn cuối. Những phần còn lại đâu?”

Th., em thấy không, người đến sau em không khác em tí nào. Cũng ỡm ờ lúc có lúc không. Như lúc chúng mình mới quen, em tuy đã đồng ý nhưng nhiều khi vẫn phủ nhận. Đó là đặc tính làm cao cổ hữu của đàn bà con gái? Đó là thể hiện sự thẹn thùng khi đứng trước tình yêu chân thật?

H. chồm tới hôn phớt lên trán thiếu phụ, vàng trán có những nét hằn của năm tháng khổ đau. Một cái ngoảnh đầu né tránh lầy lẹ. Một câu phản đối hình thức:

“Ông này!”

“Đó là phần đầu cô vừa nói thiếu”

Th., anh đang học đòi “làm kẻ chụp lấy cơ hội”. Sợ trật một sát-na sẽ không còn dịp may. Anh đã mất đi sự lúng túng ngại ngùng đáng yêu với ... em lúc nào. Hồi đó mình ngượng nghịu. Đối tượng là tất cả, ngoài ra có gì đáng kể đâu. Nay anh mới biết hoàn cảnh bên ngoài đáng sợ hơn nhiều. Tội quỷ đất liền. Tội thú biển. Cuộc tình kết thúc ngoài ý chúng ta. Cắt bỏ đi đoạn thật quan trọng, nối kết tạm bợ cuốn phim gần như trở thành loạt choạc, gượng gạo.

H. đưa tay cho thiếu phụ nắm.

“Trời mát rồi, mình đi uống ly nước ngọt.”

Ánh mắt Th. nhìn H. như biết ơn.

“Cuộc tình nào cũng có bóng mát, nhất là sau khi đã cách biệt trong *thời gian*. Bắt được quá khứ không phải là chuyện dễ dàng. H. nghĩ rằng người vắng mặt đã nói câu đó qua cửa miệng người hiện diện, anh bóp chặt bàn tay nhỏ thó đang nắm gọn trong tay mình. Xa xa, chiếc camionette xích đồ, bỏ xuống những người đi chợ Unggat trở về, tay xách nách mang cười cười nói nói.

Gió chiều lộng mát thổi tung tăng những chiếc lá cao su vàng ánh nơi bìa rừng.

Indonesia 1979

NGUYỄN VĂN SÂM

**ÁNH TRĂNG TRÊN ĐÈO LÒ – XO
VÀ LY CÀ PHÊ Ở PHỐ NÚI**

Ly cà phê bốc khói
Tỏa hơi thơm khắp con phố về khuya
Người lữ khách chờ chuyến xe tiếp tục cuộc hành trình
Ánh trăng mười ba theo anh từ đỉnh Trường sơn cao ngất
Những đám mây đen đầy nước chợt dừng lại dưới chân đèo
Bầu trời bỗng trong cao lồng lộng
Trăng lành lạnh và núi rừng như đang chìm trong huyền ảo
Trong khi

Ở ngoài kia
Mưa vẫn rơi không ngừng với một
giọt nhỏ

Ly cà phê bốc khói
Ánh trăng đã nhạt dần khi ánh bình minh đang bắt đầu xuất
hiện
Cà phê và trời Tây Nguyên làm ấm người lữ khách
Nhưng anh vẫn nhớ đến ly cà phê trên giường bệnh viện
Trời xứ Huế mưa và lạnh buốt
Ly cà phê đã đi một vòng quanh các phố
Bách Đằng, Đông Ba, Trường Tiền, Lê Lợi
Mà hơi ấm vẫn còn bốc lên từ trong ly và trên cả khuôn mặt
rạng ngời của bạn

Những cái không và cái có
Của hai đầu con đường Trường Sơn thăm thẳm
Nhưng tình người... ai đó... vẫn như xưa!

AyunPa, tháng Chạp, Tân Mão

HÀ NGUYỄN TƯỜNG

truyện ngắn

ĐÊM LẠNH

VŨ NGỌC TRÁC

Trời đêm lạnh, lạnh muốn phát rồ. Phố toàn sương, cứ mờ mờ như nắp hắt vào thế giới cổ tích. Những ngọn núi chìm vào bóng đêm thanh vắng phố khuya, chỉ thấy những hình núi răng cưa lơ mờ khi ẩn khi hiện trên đỉnh, những thửa ruộng bậc thang ngoài trời đêm giá lạnh, chỉ còn là những nét vẽ ngoằn ngoèo của bàn tay tạo hoá trong cơn say tỉnh. Hơi thở có khói phả ra bên ngoài. Lạnh đến thế hả?

Đường khuya vắng. Hai kẻ rủ nhau đi bộ, không biết đến đâu. Sương đêm ướt lên mái tóc trên vai cô gái, chắc tóc Hương cũng thế. Hương hơi rùng mình, đưa tay kéo cái cổ áo khoác bằng len che kín chỗ hở ngực.

- Nhiều lúc chị nghĩ lại, thấy mình cũng không cần sống lâu, ba mươi, ba lăm hay hơn một chút là được. Khi mình không còn đẹp nữa thì chết cũng được, mình chỉ cần tuổi thanh xuân. Đàn bà luôn giống hoa, như thế là hoa.

Cô gái lớn, có gương mặt tròn tròn hơi gầy, bật lửa châm thuốc lá. Bóng hai kẻ chập chờn, cái đốm lửa đỏ nhỏ xíu là thứ sáng nhất trong đêm trong ánh đèn đường mờ ảo trong sương mù. Hương không nghiện thứ này, thuốc lá luôn đắng đến phát chán. Hương ở gần thấy rõ cái sống mũi cô cong cong như làm dáng, có lúc tối sẫm, đen đen, lúc đỏ nhòe nhọt nhạt, còn đôi môi tô son đỏ thắm lại.

- Người hôm nay đâu cả rồi?

Cả hai rẽ vào một nhà hàng bình dân. Bếp than hồng ấm sục, làm quên đi giá lạnh. Rượu uống chung trong một cái cốc thủy tinh to, Hương hớp một ngụm rượu trắng, rượu thóc Sahnlun cay xè, thỉnh thoảng đưa cái bánh mì có chút pa tê lên nhấm nháp, nó cay thật có lẽ bị bỏ nhiều ớt quá, không nuốt được. Cô gái nhìn chiếc bánh mì khô khảnh nham nhở dính cả son môi, dí điều thuốc vào đó, cô nói :

- Chị phải tìm được Hùng, gã nợ tình chị.

Hương không nói gì, Hùng và cô gái đã từng là một cặp, anh ta bảo cô ấy thật ấn tượng, thế là quen nhau, rồi “yêu” nhau. Họ đều là những đứa yêu vì sở hữu điên loạn và thế nào cũng đòi phải được lời tuột mọi thứ ra để sau đó nó mới đỡ yêu.

Họ không thích những đứa con gái hay hút thuốc lá. Họ không thích con gái có lúc lại yên lặng, còn biết uống rượu khi vui buồn. Đúng là không thể cùng tắt thở nhất là trong lúc cô đơn mà lại không thể tâm sự.

- Hùng cũng yêu chị, nhưng chị hay hút thuốc, Hùng bảo chị không phải là đàn bà.

Cô gái lại cười sặc sụa :

- Nhưng chị đảm bảo cái của trời cho ấy, không ai có được như chị đâu.

Tuy cô ấy là loại con gái thích bộc lộ cái dục vọng xác thịt thật, nhưng chỉ thế thôi. Cô còn có dáng bề ngoài bắt mắt của kẻ có học tuy không đến nơi đến chốn, nhưng cô ấy lại là người có duyên, nên thường thu hút tất hết cả về mình. Tất nhiên yêu nhiều, phải ngủ nhiều, ngủ miên man khi cặp má còn tròn trĩnh, cặp môi vẫn hồng mà không sợ chết sớm. Loại người như cô ấy, trước đây chỉ cần rơi nước mắt, tức là sẽ có kẻ chết hẵn rồi. Nước mắt lúc đó với cô, lại là thứ xa xỉ thật. Lúc đó cô còn quá trẻ mà hoàn cảnh cứ xô dục, đẩy ngang.

Hết kẻ này đến người khác ai cũng cần “yêu” và thích sở hữu. Tất cả đại loại đồng hạng, ná ná nhau. Họ là người có lúc chu đáo từng tý. Trước đó họ lần lượt thay nhau để cho cô được ngủ nhiều hơn cả vào ban ngày. Hùng có chung ham thích như họ, có nhiều cái giống họ. Nhưng bây giờ khác, cái màu son trên môi luôn phải tô đậm thêm để Hùng không nhìn thấy những vết dạn. Hùng còn có chút nhân tính như kẻ được ăn, biết cảm ơn.

- Thôi chị, đây không phải là lần đầu, chị biết được sẽ kết thúc như thế. Cố quên đi rồi sẽ qua.

- Chị khác em. Hùng là người chị cần, nếu không tìm được chị sẽ không về đây nữa đâu!

Loại người như cô sinh ra đã là để cô đơn, bởi quá nhiều tình. Đúng ra là bởi cô từ lúc lớn lên, đã có phần tử tế. Còn họ, khi chia tay họ đều nói những câu không cách gì để lắng vào tai được. Có lúc đến mức tận cùng, cả khinh bỉ. Họ toàn thể cả, miệt

thị nhỏ nước bọt ra đi, mà trước đấy họ hăm hở mê muội. Nước mắt cô lại rơi nhiều hơn, nhưng khi đó là của riêng cô nên không phải là thứ xa xỉ. Bây giờ cô cho là số kiếp, cô không khóc nữa và đang tìm chỗ trú ẩn tạm vì lạnh. Cô và Hường lại uống, uống đến khi rượu hết.

- Chị về đây, ngủ thôi. Buồn ngủ quá.

- Chị về đâu, hay cứ về chỗ em?

Hường thấy có nước mắt rơi. Bây giờ nó mới thật hiếm hoi.

- Chị đang khóc đấy, em không muốn nhìn à? Cả đời em sau này cũng không thấy được chị khóc nữa đâu.

Giọng cô sần sệt, hình như khóc ít quá, không khóc được, có cái gì không đủ để khóc. Cô lắc đầu :

- Chúng mình bị nhấn chìm trong cái, nhất định phải cuồng loạn, phải nhô ra, phải đưa ra hết. Có không điên mới lạ. Chúng mình là kẻ quá tầm thường, nhưng là cái họ ưa thích. - Cô cười thật to - Ai lại đi khinh bỉ cái mình ưa thích nhỉ ? - Tiếng cười của cô nghe thật lạ.

Cô gái đứng dậy chệnh choạng bước ra gọi xe. Hường không cản vì biết tính cô. Hường cũng đứng dậy vẫy xe ôm về nhà.

Căn nhà Hường thuê, như một đứa con gái độc thân luôn bị nằm chèn ép giữa những căn nhà khác. Nhà chỉ có một chút ánh sáng qua một lỗ thông bên trên cái cánh cửa ra vào bằng sắt, sát ngay con đường hẻm toàn mùi rác và cống rãnh.

Nhà chật như nêm chỉ vừa cái giường và một chỗ để rửa. Hường mở lỗ cửa trên, sương đêm ướt đầm, gió đột ngột tạt

vào, thốc lên từng hồi nhót nhát, ngọt ngạt. Hường lại đóng nó lại.

Hường kéo xéch cái áo khoác đến gần, vút lên trên giường, cái chăn nhăn nhúm lại theo chỗ người ngồi xuống. Hường thở dài, đứng dậy quay người lại, lột tuột áo quần ra chỉ để lại chút ít, nhanh như một lớp diễn quen thuộc. Hường kéo chăn trùm kín người, kín đầu để lộ ra mái tóc đôi chỗ bị chẻ ngọn loăn xoăn nhưng vẫn còn óng mượt, xõa ra trên gối. Hường chui vào trong chăn, tay chân lạnh ngắt, người thì vẫn nóng ấm, da thịt vẫn mịn trắng, sờ thật thích. Hường nắm lấy bên bàn tay kia, chạm phải cái móng tay nhọn, đâm vào lòng bàn tay nhoi nhói. Hường lại đẩy ngón tay mình vào sâu chút nữa, lần này thì mấy cái móng tay nó đâm vào lòng bàn tay đau đau, nhưng không sao.

Ngoài trời mưa nặng hạt, Chẳng ai cần mưa. Mưa nặng cho gió lạnh thêm, nhưng có nước lại chảy thành giọt trên má, thành đọng ở khoảng trống trong lòng. Hơi thở có mùi rượu. Hường lăn vào phía trong quay mặt vào tường, kéo chăn trùm kín lên. Hường kéo chăn lên trùm kín đầu, chập chờn những ý nghĩ.

Hường cũng đã có lần như cô gái ấy, đến hết sức trẻ được cuồng loạn đến hết mức đắm say. Trước đó Hường chỉ biết sơ sơ khi tình yêu cứ thế đến với một cô bé tuổi đời chỉ một dóm. Hường được cánh tay nổi loạn cuồng cuồng ghi xiết trên vòng ngực trong ham muốn sở hữu đến tột cùng hay trong cái giật lắc của kẻ táy máy ở khắp chỗ. Rồi Hường chợt nhận ra “yêu” với những cô gái chỉ đúng khi với cái nhan sắc trời cho, khi còn làm mê man họ. Cho đến lúc kẻ đã quá quen thuộc, được sở hữu mọi thứ, phụ tình Hường đi theo người khác.

Con người lạ thật, họ lôi kéo mò mẫm, để Hường đang thực sự chán chường trôi dạt vào cái khoảng chẳng bờ chẳng bến nào, lúc cha mẹ bỏ nhau. Thế nào là “yêu” thì Hường không rõ, con

người gọi thế thì biết thế, Cứ thế, Hường vồn vã, cô độc, thật thà dâng hiến cho ham muốn của họ theo bản tính từ lúc sinh thành, Họ đều gọi chung đấy là “yêu”. Còn Hường cũng đã có lúc cồn cào, lúc ngang ngửa trong tay họ, có khi xã ra như con chim xõa cánh, nhưng tất cả họ không bận tâm xem “yêu” có còn gì nữa không. Hường cũng là kẻ mềm yếu, chịu đựng đến khó tin. Không nhớ đến bao lần bên kẻ say sưa men rượu, hơi thở ướt mềm rớt rãi. Hường được “yêu” và được say, rồi lại tha thứ cho họ vì say. Họ nuốt trôi thân xác tươi tắn của Hường đến mức chính họ cũng tức tuổi, nhất là khi ham muốn của họ có thể lên đến độ tột cùng, như một con sói đói đòi phải ngẫu nhiên. Con sói có thể cắn cả đồng loại để giành giật. Có lúc con đực vờn quanh, đuổi theo, nó vờn cho tới khi kiệt hết mọi thứ ngăn nó lại mà không thềm để ý xung quanh. Nó ve vẩy ở cái đằng sau, cắn nhẹ lên, liếm nhẹ hơn lên. Nếu nó bị ngăn lại, nó biến thành con thú dữ vồ mồi, giữ con mồi ở hai chân trước, ghì chặt bằng hai chân sau. Nó cắn cổ con mồi, rồi lại liếm lên vết máu ứa ra cho đến khi không còn gì. Nó căng phồng cái hăm hở. Là con sói đực, nó còn biết cách để con cái không chạy được khi “yêu”. Chỉ biết nó rên rỉ khi được “yêu”. Còn Hường theo họ, phải biết cách nhô cái ham muốn lên, phải biết rít cuống cuống lên, ngược hẳn lên, cho đến khi hết sinh khí, cho đến khi mọi thứ phải tứa ra xẹp xuống. Họ vất đến khô kiệt mọi thứ ở Hường vốn sẵn mềm ướt dành cho tình yêu.

Bỗng Hường thấy cô gái ấy chạy về, trên người ướt sũng, đầy nước. “Có kẻ dìm chị phải không?”, “Không tự chị đấy”, “Mưa ướt quá hả”, “ Không nước mắt chị đấy!”.

Hường choàng dậy vụt chạy ra, mở tung cửa, gọi :

- Chị ơi!

Gió ào vào lạnh toát.

Một bóng bên ngoài mưa. Chỗ mái tôn ngăn tủ nhô ra một tí trên cửa. Có tiếng vuốt nước mưa trên mặt. Ướt nhèm.

Cái bóng hơi cao cao, tiếng con trai run run :

- Xin lỗi chị. Em trú nhờ một chút.
- Trời ! Sợ quá, anh làm tôi hết hồn.
- Chị cũng làm em hết cả hồn.

Bóng đêm đen sẫm, chỉ có mỗi một chỗ Hường đứng là trắng toát, lạnh ngắt từ trên xuống dưới. Cái bóng đen lướt thướt, vụng dại. Cái bóng run thật sự vì chưa bao giờ nó thấy như thế. Hường luống cuống, chạy sắp ngã vào, chui hẳn vào trong chăn.

Cái bóng vẫn đứng ngoài mưa, gió hắt nghiêng những giọt nặng. Chết rét. Cái bóng bị chìm ngập ngựa trong nước, toàn nước là nước. Nhưng hình như không phải là nước mắt. Hường tỉnh hẳn, không biết phải làm thế nào.

- Anh có thể vào trong trú tạm được không? - Vẫn cái tính yếu mềm.

- Em ...không.

Hình như có cái gì dồn dập, ngộ nguẩy gần đấy, trong ngực. Bóng tối che mắt cả, chỉ thấy lơ mờ. Chấn lại kéo lên trùm kín mít.

- Ướt cả nhà rồi, khép cửa lại được không?

- Vâng.

Cái bóng bên ngoài lặng lẽ khép cửa. Mưa, gió lạnh quá.

Hương nhồm lên, vớ vội cái áo khoác, rón rén lại gần. Không thấy gì. Nó bỏ đi rồi. Hương ra mở cửa lần nữa.

Tiếng nó ngay bên, nép chỗ khe cửa :

- Mưa to quá. Em chờ một chút nữa chị nhé.

Tự nhiên Hương nói :

- Vào trong đi. Ướt hết rồi.

Nó lúi húi lách qua cái khe hẹp, nó dừng ngay sát gần. Nhà chật, đồ đạc lung củng cùng nó vấp ngã, đồ chơi với.

- Chờ một tý.

Đèn bật sáng vội vàng. cái chăn trên giường một bên mép bị tụt xuống nền hẹp đầy nước. Ướt quá. Cái áo Hương khoác vội có cái vạt dài xuống, may quá.

- Chị...có mình à.

- Ờ!

Nó đang định tìm chỗ để ngồi, lại đứng dậy đi ra cửa.

- Đi đâu?

- Em về, hết mưa rồi

- Đang mưa to mà.

Nó lúng túng, mặt nghệt ra. Rõ là cái thứ gì tròn tròn căng căng vừa lộ hẳn ra. Nó sợ, nhưng không biết là sợ cái gì. Thật may tiếng nói ấm áp giữ nó lại:

- Không sao đâu cứ chờ một chút đi. Tạnh mưa rồi về!

Hường với chiếc khăn mặt đưa cho nó. Nó hiểu ra, vợ lấy và lau nhanh mặt khắp lượt. Tiếng Hương lẫn trong hơi thở :

- Lạ sao. ở lại một chút được không?

Nó đã lớn nhưng rõ ràng là còn bé, bé đến ngập ngọng. Nó chỉ có cao thôi, cao hơn cả Hương, còn lại tất cả đều mới lớn lên. Nó ngại ngùng ngồi xuống chỗ mép giường vì cũng không còn chỗ nào. Hương đã bình tâm lại, ngồi xuống bên dịu dàng, để nó đỡ sợ.

Hường quên mất nó sợ vì lạ, hay vì nó lạnh quá. Nó sợ chính cả nó. Nó run lên trong đống rế ướt. Tự nhiên nó lấy tay vuốt qua mặt vừa mới lau. Khi những ngón tay trượt qua, nó mở mắt ra rất nhanh, bừng sáng rồi những ngón tay dừng ở chỗ sống mũi. Chợt nó lả hắt đi gục đầu xuống. Nó không hiểu là cái gì càng làm nó run run. Cái đầu của nó vừa tựa phải vào thứ như mềm hắt, vừa tròn phồng ấm hắt, chạm vào má nó đang nóng rực lên. Đôi tay nó bị giữ trong đôi tay ấm, tựa y như tay mẹ nó.

Trời mưa to quá, gió càng thổi ào vào lạnh hắt. Có tay ai mềm ấm giữ tay nó lại.

Hương cũng không biết được từ đâu, biết được từ lúc nào mình đang làm gì. Mọi thứ đâu có thể dễ hiểu đến vậy. Cậu bé mới lớn như một đứa em ngoan, gục đầu trong lòng. Có cái gì như “yêu” đang dâng lên, lôi kéo. Có thứ gì đáng được trân trọng, yêu thương từ trong nỗi khắc khoải và cả chán chường, nhưng chắc chắn nó không như Hương đã biết. Cậu bé vẫn run vì lạnh. Hương kéo nó vào lòng vô thức, ngửa mặt nó lên nhìn thẳng vào mặt nó. Nó giật mình nhắm mắt lại.

- Em làm gì để sống?

- Dạ, Em đánh giầy.

Hương vẫn biết mình còn đẹp lắm, tuy nhiên chỉ là nhìn bề ngoài. Còn nó, thực ra nó không phải là đồng rẻ rách, nó còn lành lặn, nguyên vẹn tinh khôi, nó chỉ bị ướt thôi. Có gì ghen ghen, thế là “yêu” đấy, đúng không? Cũng chẳng biết nữa mà có sao đâu! Xót thương cho chính mình.

May quá, có cái gì kéo Hương lại, khi nó chưa tan ra, chưa kịp rã rời bởi Hương đang run lên như nó. Xót thương cho mình, thương cho cả cái đồng rẻ rách đang run lên, Hương kéo cái chăn lên lại như ẩn hẩn nó vẫn đang lầy bầy vào. Không thấy nó nói gì. nó là đứa trẻ ngoan thật.

Trời vẫn không ngớt mưa. Hương định nằm xuống bên mép giường. Cái lạnh ướt bên cạnh vẫn thỉnh thoảng run run, kéo cái chăn lên trùm kín đầu. Nó làm ướt hết cả. Hương lại kéo nó, dựng nó dậy, bỏ bớt cái đồng rẻ rách trên người nó ra. Nó hoảng lên cầm tay Hương :

- Chị. chị ! Em đánh giầy mà.

Hương cười như một đứa trẻ, mà thật ra Hương còn trẻ lắm. Bàn tay Hương nắm lấy tay nó, thấy cứng quèo, ram ráp. Thừa đôi nghèo, vốn dĩ ở quê cũng thế, chỉ khác bàn tay Hương cho dù thế nào chỉ sau một thời gian bị xây xát nó lại lành lặn xinh xắn đến mức hơn trước, nhất là đôi môi sau nhiều lần bị cắn nó lại càng đỏ hồng lên. Cha mẹ xa nhau, nhưng cho dù thế nào, dù bị bỏ quên Hương chưa bao giờ biết làm thứ gì bậy bạ như lần này. Hương phải cố vượt qua khỏi cái chính mình chứ không cố làm một việc quen thuộc. Vòng quanh một lượt trên người nó, cái gì mà làm nó sợ đến thế? Nó cũng đang bị tất cả như muốn chống lại nó căng cứng hết cả lên.

Hương ôm ghì lấy cái đầu, hơi ẩm truyền sang làm nó dịu bớt cái đang run. Nó thò đầu ra hỏi :

- Chị, sao lại thế này?
- Thì thế thôi.

Còn nó, bao lần nó còn là nạn nhân trong chuyện tranh giành lãnh địa. Bao lần nó tự nhủ phải cố gắng để ra khỏi cái chỗ ngập ngựa của từng bước chân đen đúa trên đường, như là da nó trong nắng sớm. Chân tay nó thô ráp dấp dính không chỉ bởi công việc mà bởi không có cả xà phòng để rửa, nó không thể còn trắng trẻo trở lại như thời còn bé. Nhưng lòng nó vẫn nhớ về một kỷ ức đã xa lâu. Người mẹ đã mất của nó ấm nồng những đêm đông áp ủ kín cho nó trong lòng như bây giờ, trong đông rơm khô nó còn nghe cả tiếng nước nở bởi mẹ không thể làm gì được nữa khi căn bệnh ung thư đưa mẹ nó đến chốn không còn có nó.

Nó như được động viên mà không biết được bị đánh thức từ đâu cái bản năng vốn sẵn. Nó đến trong lơ mơ và sợ hãi. Chẳng ai bảo nó, dạy nó. Lớn lên đã thế, nó đã thành một con người trưởng thành.

Cả hai nóng rực nồng nàn, màn đêm che chở cho nó, để nó chỉ có cái cảm giác ghê ghê chỗ bàn tay chạm phải. Nó muốn vò cái đầu một tí, cái đầu nó nhức như muốn nổ tung ra, nhưng lại đụng phải cái đầu khác. Mái tóc óng mượt xõa ra trên gôi trắng, khuôn mặt đang ngời lên. Nó cúi xuống và hôn cái hôn đầu tiên. Cái hôn làm lay bầy nó và run rẩy cả một con người đã dày dạn. Không muốn nghĩ đến cái gì nữa, tất cả đang quay cuồng. Tất cả chưa từng bao giờ có được.

Hường run hết lòng mà không phải vì bị nuốt chửng, Hương đang bay lên, bay tít lên coa mãi. Không chừng sẽ rơi. Bỗng có đôi cánh mọc ra lại nâng người lên. Hương thử vẫy vẫy cánh, hình như đôi cánh chưa quen, không nghe lời. Hương lại thấy rơi rơi. Bên dưới là vực sâu thẳm, không khéo tan ra, tan nát mất tất cả. Hương lo sợ sẽ mất đi đôi cánh, mong cho đừng mất, dù cứ bồng bênh, trôi dạt.

Sáng ra, nó không hiểu được những gì đang lấm tấm ran ran trong người đã làm ra nó hôm đó. Nó đang đứng trên chính đôi chân của nó vừa sợ sệt vừa vui mừng mà lao đao nhũn nhoẹt. Còn nó, còn có một đứa trẻ vừa mới tách ra, để lại nó mỗi một mình. Nó đang ở một thế giới khác. Ánh mắt thật lạ của ai nhìn nó ao ước. Cái ôm ghì thật chặt siết ngang ngực nó, làm nó không thở được. Nó chịu đựng, không thém rên rỉ, thậm chí nó còn muốn được hét lên.

Hương lấy cái áo dài quấn quanh người nó. Tất cả là hình như vừa vặn. Con người đang đứng trước mặt đúng là một con người thật, đúng là chẳng khác gì những động vật có xương sống trên đất liền, nhưng nó còn có cả cái đại dương hồng hoang.

Nó chạy vọt ra khỏi nhà chạy như bay biến vào khoảng trống con ngõ hẻm mới mờ mờ sáng.

Tháng 1 – 2010.

VŨ HỮU TRÁC



tiểu luận

**"AI" Trong Văn Chương
(Lắm cảm đọc lại truyện Kiều)**

**TUỆ CHƯƠNG
HOÀNG LONG HẢI**

Đã lâu tôi không đọc truyện Kiều. Lâu cũng là năm, ba năm nay mà đọc cũng có nghĩa là đọc một lèo từ câu đầu tới câu cuối. Còn như thỉnh thoảng thì cũng có lục tìm vài câu cần xem lại.

Kiều là một tác phẩm lớn của văn học Việt Nam, mỗi người đọc một cách. Một bác sĩ, đọc truyện Kiều, cũng thấy “chuyện của mình” trong đó:

*Khí thiêng khi đã về thần,
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng!
Trơ như đá vững như đồng,
Ai lay chẳng chuyển ai rung chẳng dờ.*

Ấy là việc Từ Hải chết đứng, đầu rơi rồi mà còn đứng trơ trơ giữa trời. Việc đó y học Tây phương có chấp nhận không hay là chuyện Thanh tâm Tài nhân bịa ra? Vậy rồi, ông bác sĩ tìm được giải pháp trong Tây y, cho rằng chuyện ấy có thể xảy ra thật, chứ

không phải là chuyện “phong trần” như trong tiểu thuyết của mấy chú Ba Tàu.

Vậy thì tôi thấy cái gì khi đọc Kiều?

Tò mò tôi tìm chữ “Ai” trong Kiều như câu “Ai tri âm đó mặn mà với ai!” chẳng hạn. Tâm lý chung, người ta thường thấy mình cô đơn. Có cô đơn thực không thì không ai biết được, nhưng hầu như nhiều người thường tự cho mình là cô đơn nên họ cũng thích câu thơ “Ai tri âm đó mặn mà với ai!”

Đó là một câu tán thán nhưng lại dùng tới hai lần chữ ai, là một đại danh từ nghi vấn, thường dùng để hỏi. Ví dụ: Ai đó? Ai lái xe này? Nhưng khi nói “Ai trồng khoai đất này” (là câu thường nghe sau 1975) thì tiếng ai không còn là nghi vấn xác định (xác định rõ rằng không biết là ai) mà lại là nghi vấn phiếm định (chưa định rõ là ai, nhưng đã hiểu là ai), có nghĩa người ta biết ai đó là ai nhưng lại không nói rõ ai đó là ai mà thôi.

Tiếng ai đó cũng có cái ý tương tự như câu ca dao sau đây:

*Khăn thương nhớ ai
Khăn rơi xuống đất
Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt trên vai
Khăn thương nhớ ai
Khăn chùi nước mắt
Đèn thương nhớ ai
Mà đèn không tắt
Mắt thương nhớ ai
Mắt ngủ không yên
Đêm qua em những lo phiền
Lo vì một nỗi không yên một bề!*

Nếu người nhớ là vợ nhớ chồng, thì người ta nói rõ “em thương nhớ anh” hay “khăn thương nhớ anh”, sao lại không nài rõ người

được nhớ là anh hay em mà gọi ai? Nói như thế, người được nhớ, người gọi là ai thì người đó là người tình, tình nhân. Vì là tình nhân, không chính thức là người chồng, người vợ nên người ta phải dùng chữ ai để nói tới người tình. Vậy, rõ ràng, chữ ai không phải khẳng định là ai, chưa rõ người chồng, mà là người tình.

Trong một vài trường hợp khác, người ta không biết rõ ai đó là ai. Đó là câu tiếng (hay câu nghi vấn). Ví dụ câu trong bài hát “Trăng mờ bên suối” của Lê Mộng Nguyên: “Nhìn trăng vừa lên, ai hay chia lìa. Sương khói biên thù hắt người đi xa trường sa...” Ý tác giả muốn xác định, “không ai” có thể biết trước được chuyện chia lìa.

Trong văn chương Việt Nam, người ta rất thường dùng chữ ai. Dùng để hỏi, để nghi vấn thì ít mà phiếm thị, tức là muốn nói tới một người nào đó, biết người được nói tới, nhớ tới là ai, nhưng không muốn nói rõ người đó là ai. Trong trường hợp đó, chữ ai không ở trong câu nghi vấn mà chính là ở trong một câu xác định, để làm ý nghĩa, nhân vật tác giả muốn nói tới.

Người ta cũng dùng tiếng ai, không phải để nghi vấn, mà để so sánh, để làm nổi bật đối tượng ý tác giả muốn nói tới. Đối tượng đó, có thể không ai sánh bằng, hoặc cũng ngang bằng như ai, hoặc thua sút hết mọi người.

Ví dụ bài thơ sau đây:

*Kể xuất thế đồ ai bằng anh Mán
Trải mùi đời khôn chán, giả làm ngây.
Hổ sinh ra lúc thời này,
An thân mệnh thế, giấu tay anh hùng.
Không danh cho dễ vẫy vùng
Mình không phú quý, mắt không công hầu.
Khi để chỏm, lúc cạo đầu,
Nghêu ngao câu hát nửa Tàu nửa ta.*

*Không đội nón, chịu màu da dãi nắng,
Chẳng nhuộm răng, để trắng dễ cười đời.
Chốn quyền môn luôn cúi mặt ai ai,
Ngoài cương toả thành thời ai đã biết ?
Chỉ ẩm ớ, giả câm giả điếc
Cứ vui tràn khi hát khi ngâm
Trên đời mấy mặt tri âm?*

(Nghèo mà vui)

Ngay câu đầu, Trần Tế Xương muốn xác định anh Mán hơn hết mọi người, không ai sánh bằng. Đối với xã hội Việt Nam ngày trước (có lẽ bây giờ cũng vậy, nhưng người ta che dấu đi) thì anh Mán hay anh Mọi phải thua người (Kinh). Họ thuộc nhóm chủng tộc nhỏ, không “văn minh”, khôn ngoan như người Kinh. Trần Tế Xương muốn nói ngược với mọi người. Sự thực không hẳn như thế, nhưng cách nói như Trần Tế Xương là một cách mai mỉa. Người đời ngu cả rồi, hạ mình xuống, nên anh Mán trỗi lên trên, thành người khôn. Người đời ngu vì người đời chạy theo danh lợi. Người đời ngu vì vào luôn cúi chỗ quyền môn, vì chui vào vòng cương tỏa. Còn tác giả, giả như anh Mán, không biết gì, thành ra khỏe. Thật ra, “anh Mán Trần Tế Xương” biết hết, biết khôn hơn người.

Trong bài thơ của Trần Tế Xương, chữ (hay tiếng - hiện nay ở trong nước CHXHCNVN gọi là “từ”) ở câu “đố ai bằng anh Mán” thì tiếng ai đó là đại danh từ nghi vấn xác định. Hai tiếng “ai ai” ở câu sau (luôn cúi mặt ai ai) thì nó không phải nghi vấn mà đó là đại danh từ phiếm định. “Ai ai” có nghĩa là những người nào đó, người ta, người đời. Nếu chúng ta thay vào hai tiếng “mặt ai ai” đó bằng “mặt người ta” hay “mặt người đời” thì nó vẫn có ý nghĩa như vậy.

Trong Văn chương Bác học hay Văn chương Bình dân (CHXHCNVN gọi là Văn học Dân gian), người ta rất thường dùng chữ ai, thông thường với hai trường hợp như trên. Một là để hỏi

(ngghi vắn), thể xác định hoặc là để chỉ người nào đó, phiếm định, nói tới một người nào đó, hoặc “người ta”, “người đời”, “kẻ ở đời” nhưng không muốn trực tiếp nói người đó.

Cách dùng chữ như thế là muốn nhấn mạnh đến ý muốn nói, khiến người nghe, người đọc phải chú ý tới chữ ai và biết rõ ai đó là ai!

Xin xét mấy câu ca dao sau:

*Ai ơi giữ chí cho bền
Dù ai xoay hướng, đổi nền mặc ai*

Ai ơi cũng có thể thay bằng người ời, bạn ời... Đó là tiếng gọi, xác định, không phải là nghi vắn đại danh từ. Chữ ai ở cuối câu cũng tương tự như vậy. Mặc ai, hoặc kệ ai, cũng như kệ người ta, kệ người đời, đừng quan tâm tới. Cả hai chữ ai trong câu này, không phải để hỏi. Tuy nhiên, bắt đầu câu là chữ ai, kết thúc câu cũng bằng chữ ai, là một cách nói khéo, nhấn mạnh ý muốn nói của tác giả.

Câu sau đây gồm 6 chữ, mà có những 3 chữ ai. Nhờ thế nó nói lên được quyết tâm, lập trường kiên quyết của tác giả,

*Ai về, ai ở, mặc ai
Ta thì ở lại đến mai mới về!*

Câu sau đây cũng tương tự như câu trên, xác định quyết tâm của mình như một ngọn đèn cháy sáng, mạnh (đượm) suốt cả thời gian dài tối tăm (đêm năm canh)

*Ai về ai ở mặc ai
Ta như dầu đượm thắp hoài năm canh*

Đây là câu tán thán, trách người bạc nghĩa, bạc tình, vong ơn. Nếu tác giả viết “Anh ời...” Hay “Em ời...” hay “Cô ời...” thì cái ý

đó không mạnh bằng khi dùng chữ ai. Dùng chữ ai là xác định mối quan hệ đã xa bớt đi, lỏng lẻo bớt đi.

*Ai ơi quên nghĩ khi nghèo
Buông tay buông lái ai chèo anh qua*

*Ai rằng ai chẳng biết ta
Ta rằng ta biết rõ ba bảy đường.*

So sánh sự biết giữa tác giả với người khác, tự cho rằng ai ai cũng biết tác giả. Có ai (nghỉ vấn) ai đó (nghỉ vấn) chẳng biết ta. Còn ta thì biết rõ người khác (ba bảy đường). Câu này, cũng dùng nhiều chữ ai để tỏ rõ lòng tự cao, tự phụ.

*Ai về em gửi bức thư
Hỏi người bạn cũ bây giờ nơi nao
Non kia ai đắp mà cao,
Sông kia ai bới ai đào mà sâu*

Người nào đó, ai đó (nghỉ vấn) gửi bức thư, kể cho người bạn cũ biết rằng trời (ai) đã đắp non cao, rằng trời (ai) đã có công đào sông sâu. Đắp núi đào sông là cách nói bóng, muốn nói tới công lao của tôi (nói khéo là trời) đã dựng nên cho người bạn cũ.

*Ai về Đồng Tĩnh Huê Cầu
Để thương để nhớ để sầu cho ai
Để sầu cho khách vắng lai
Để thương để nhớ cho ai chịu sầu*

Ai ở đầu câu là nói tới người tình cũ (Nếu chồng thì không gọi bóng là ai. Tiếng ai ở cuối câu 2 có nghĩa là tôi (hay em, nếu muốn nói cho dịu dàng hơn). Có thể viết là “Người về Đồng Tĩnh...”, và “...để sầu cho tôi” (hay cho anh, cho em,v.v...). Như trên đã nói, dùng tiếng ai, ý tưởng được nhấn mạnh hơn.

*Ai làm cho bướm lìa hoa
Cho chim xanh nở bay qua vườn hồng
Ai đi muôn dặm non sông
Để ai chứa chất sầu đông voi đầy.*

Câu này cách dùng tiếng ai cũng như câu trên, trách cứ ai (người nào đó) gây nên sự chia lìa, ai đó (người nào đó) bỏ đi xa, gây nên chia lìa. Tiếng ai ở câu cuối là tôi, người gánh chịu hậu quả.

*Ai đi đường ấy hỏi ai
Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm
Tìm em như thể tìm chim
Chim bay biển bắc đi tìm biển nam*

Nhấn mạnh ý có phải một người (ai) đang đi trên đường ấy (ai). Ấy là người (ai) đi tìm tôi (ai), có thể là anh hay em. Người đi một đường, người tìm một nẻo. Nói nôm na như thế, nhưng cách phô diễn thì rất bóng bẩy, hình tượng, rất hay.

*Ai về chợ huyện Thanh Vân
Hỏi thăm cô Tú đánh vần được chưa?
Đánh vần năm ngoái năm xưa
Năm nay quên hết nên chưa biết gì
Lưng trời tiếng sáo vu vi
Vẳng nghe ai học chữ l, chữ tờ*

Khoảng đầu thập niên 1940, phong trào học chữ quốc ngữ được khuyến khích và phát triển mạnh, ở thành thị cũng như thôn quê, ngoài Bắc. Tự Lực Văn Đoàn của Nhất Linh, Khái Hưng đóng góp công lao không nhỏ cho phong trào này. Các lớp Bình Dân Học Vụ được tổ chức nhiều nơi. Có lẽ cô Tú, nhà ở chợ huyện Thanh Vân, ghi tên học lớp Bình Dân này? Cô Tú đẹp người nên có người để ý hỏi thăm cô “đánh vần được chưa? Chữ ai ở đầu câu là tiếng nghi vấn hỏi thăm, muốn nhờ người nào đó, ai đó, có về chợ huyện, cho nhắc câu hỏi. Tiếng ai ở câu chót ám

chỉ cô Tú, bởi vì cô quên hết (năm nay quên hết) nên cô Tú (ai) lại phải bắt đầu học lại chữ l, chữ t (tờ).

Bây giờ xin coi đến những tiếng ai trong truyện Kiều.

*Nào người phượng chạ loan chung,
Nào người tiếc lục tham hồng là ai?*

Câu này nói tới số phận bạc bẽo của Đạm Tiên. Nào người (tức là ai) đã đến với cô Đạm, ai (người nào) đến chiêm ngưỡng, thưởng thức cái sắc đẹp của cô Đạm. Tiếng ai ở đây là nghi vấn.

*Rằng: Hồng nhan tự nghìn xưa,
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu.*

Bạc phận là số phận mỏng, gian nan, thiếu phúc đức (bạc là mỏng) trái với hậu là dày, nhiều phúc đức. Cái số phận bạc bẽo mong manh đó là do trời đặt cho, gán cho, không ai (bất cứ người nào) có thể tránh được. Tiếng ai này (chừa ai đâu) không phải nghi vấn mà xác định.

*Mặt nhìn ai nấy đều kinh,
Nàng rằng: Này thực tình thành chẳng xa.*

Ai nấy là tất cả mọi người (Thúy Kiều, Thúy Vân và Kim Trọng) “đều kinh” (hãi) lúc bóng ma Đạm Tiên hiện ra giữa ban ngày trong cơn gió mạnh (ào ào đổ lốc rung cây, ở trong đường có hương bay ít nhiều)

*Cho hay là giống hữu tình,
Đố ai gỡ mối tơ mành cho xong!
Chàng Kim từ lại thư song,
Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây.*

Cũng như mọi người (ai), Kim Trọng không gỡ được tình si mê, mối thất tình sau khi gặp Kiều.

*Lần theo tường gấm dạo quanh,
Trên đào nhác thấy một cành kim thoa.
Giơ tay với lấy về nhà:
Này trong khuê các đâu mà đến đây?
Gấm âu người ấy báu này,
Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm!*

Ai ở câu cuối ám chỉ Kim Trọng. Nếu không có duyên với Kiều, làm sao Kim Trọng lượm được cây kim thoa của Kiều vương trên hàng rào giữa nhà Kim Trọng và nhà Kiều. Vô tình cái trâm bị vương vào đó hay Kiều có ý để lại đó cho chàng Kim? Xin nhớ Kiều không phải là người thiếu sâu sắc và “mưu lược”.

*Sượng sùng giữ ý rụt rè,
Kẻ nhìn rõ mặt người e cúi đầu.
Rằng: Từ ngẫu nhĩ gặp nhau.
Thăm trông trộm nhớ bấy lâu đã chôn.
Xương mai tính đã rũ mòn,
Lần lữa ai biết hã còn hôm nay!
Tháng tròn như gởi cung mây,
Trần trần một phận áp cây đã liễu!
Tiện đây xin một hai điều,
Đài gương soi đến dấu bèo cho chẳng?*

Đoạn này Kim - Kiều gặp nhau và Kim tán Kiều rất khéo (Đài gương (Kiều) soi đến dấu bèo (Kim Trọng tự hạ mình, coi mình như bèo) cho chẳng? Anh chàng nào khi đi “cua”, “tán” thì cũng tự hạ mình khéo lắm, ngon lắm. Khi nó cưới xong rồi, cá vào oi thì mới biết sự đời chân giả ra sao???!!! Chữ ai ở giữa đoạn thơ này là nghi vấn: Ai (Kim Trọng cũng như Kiều) làm sao biết được có ngày gặp gỡ hôm nay.

Câu sau ý nói Kim Trọng. Trọng nói chàng yêu cô Kiều (tình si). Yêu là thiệt thòi - như Xuân Diệu nói “Yêu là chết ở trong lòng một ít!) nhưng đâu có thiệt thòi cho ai. Ai ở đây là ý nói Kiều. Kim hứa sẽ tìm người mối manh để xin cưới Kiều.

*Dù chẳng xét tấm tình si,
Thiệt đây mà có ích gì đến ai?
Chút chi gấn bó một hai,
Cho đành rồi sẽ liệu bài mối manh*

Khi Kim Trọng tỏ ra xàm xở với Kiều, bị Kiều “sửa lưng”. Tiếng ai trong câu này có thể là Kim Trọng, mà cũng có thể người ta, người đời. Tiếng ai ở câu cuối cũng có nghĩa là người đời:

*Ra tuồng trên Bộc trong dâu,
Thì con người ấy ai cầu làm chi!
Phải điều ăn xối ở thì,
Tiết trăm năm nỡ bỏ đi một ngày!
Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
Lừa đôi ai lại đẹp tà Thôi Trương.*

Đoạn sau, tiếng ai ở câu kể ám chỉ muốn trách Kim Trọng. Kim Đừng có vội (liều ép hoa nài). Kiều còn đây thì sẽ có ngày đáp ứng “đòi hỏi” của Kim.

*Gieo thoi trước chẳng giữ giàng,
Để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai?
Vội chi liều ép hoa nài,
Còn thân ắt lại đền bồi có khi!*

Đoạn sau, câu cuối có tới hai chữ ai. Tiếng ai trước ám chỉ Kiều, tiếng ai ở cuối câu là Kim Trọng.

*Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri.
Đừng điều nguyệt nọ hoa kia.
Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai.*

“Ôm cầm thuyền ai” là ôm đàn sang thuyền người khác, ý nói sợ Kiều không chung thủy. Đây là tích Bạch Cư Dị khi bị trích ra ở

đất Giang Châu. Một đêm ông tiễn bạn ra bến Tầm Dương, gặp một người đàn bà đã luống tuổi đàn hay lắm. Hai người mời người đàn bà sang dự tiệc rượu chung vui và đàn trên thuyền của Bạch. Việc làm ấy, người xưa cho là không đứng đắn, thiếu chung thủy với chồng.

*Đã nguyên hai chữ đồng tâm,
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.*

Đạm Tiên chết chôn ở đây (chỗ Kiều đi chơi thanh minh về) đã lâu ngày (thỏ lặn ác tà), người đời quen cô Đạm rồi, nên không ai (không có người nào) đến thăm.

*Trải bao thỏ lặn ác tà,
Ấy mỗ vô chủ ai mà viếng thăm!*

Mấy câu sau tả cảnh lúc Vương ông bị mắc nạn, bị vu oan giá họa. Tiếng ai ở đây chỉ người gây nên tai họa cho Vương ông.

*Đầy nhà vang tiếng ruỗi xanh,
Rụng rời khung dệt tan tành gỏi may.
Đồ tể nhuyển của riêng tây
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham.
Điều đây bay buộc ai làm,
Này ai đan giậm giệt giậm bống dưng?*

Tiếng ai sau đây cũng tương tự như câu trên:

*Nuôi con những ước về sau,
Trao tơ phải lừa gieo cầu đáng nơi.
Trời làm chi cực bầy trời!
Này ai vu thác cho người hợp tan.*

Đây là lời thề của Kiều, giữ lòng chung thủy, kiếp này không trả được thì kiếp sau tiếp tục vậy.

*Tái sinh chưa dứt hương thê,
Làm thân trâu ngựa đền nghi trúc mai
Nợ tình chưa trả cho ai,
Khởi tình mang xuống tuyền đài chưa tan!*

Mấy câu này có hai điển tích. Tích “làm thân trâu ngựa”. Xưa có người tên là Văn Định, mắc nợ chủ, không trả được. Chết xuống âm phủ xin với Diêm Vương cho sống lại đầu thai làm con trâu ở nhà chủ nợ để “kéo cày trả nợ”. Thứ hai là tích Trương Chi. Trương Chi yêu My Nương, đến khi chết, trái tim chàng biến thành đá. Khi Tể tướng, cha My Nương cho đào mồ lên, thấy hòn đá, bèn đẽo thành chén trà. Khi “rót nước vào chọt thấy bóng ngư lang (Trương Chi), quanh chén trà, thuyền trôi trong tiếng đàn” – (trích Trương Chi - Phạm Duy). My nương bèn khóc. Giọt nước mắt của My Nương rơi vào chén trà, khiến chén đá biến thành nước, tan ra.

*Rằng: Lòng đương thốn thức đầy,
Tơ duyên còn vướng mối này chưa xong.
Hở môi ra cũng thẹn thùng,
Để lòng thì phụ tấm lòng với ai!
Cậy em em có chịu lời,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa*

Kiều bán mình chuộc cha (khỏi bị tù) nên lỡ lời thề cùng Kim Trọng, “Để khỏi phụ tấm lòng với ai”. (Ai là chàng Kim) Kiều nhờ em là Thúy Vân thay cô ta kết duyên với Kim.

Kiều dặn dò Thúy Vân tiếp nối lời thề của cô và than phận mình “bèo nổi mây chìm” (có nghĩa là gian nan khổ ải) vì ai? Ai đây cũng là người vu oan giá họa mà cũng là trời bắt như vậy.

*Nỗi nàng Vân mới rĩ tai:
Chiếc thoa này với tờ bồi ở đây!
Này cha làm lỗi duyên mày,
Thôi thì nỗi ấy sau này đã em!*

*Vì ai rụng cái rơi kim,
Để con bèo nổi mây chìm vì ai?*

Mã Giám sinh rước Kiều về nhà trọ. Kiều thấy tủi thân vì phải lấy anh chàng thô lỗ này, tiếc rằng cô đã gìn giữ mà không trao tấm thân ngà ngọc cho người yêu cũ. Tay hèn trong câu là chỉ thằng điểm đàn Mạ Giám Sinh đấy. Tiếng ai ở cuối câu này, ám chỉ Kim Trọng.

*Rước nàng về đến trú phường,
Bốn bề xuân khóa một nàng ở trong.
Ngập ngừng then lục e hồng,
Nghĩ lòng lại xót xa lòng đòi phen:
Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
Hoài công nắng giữ mưa gìn với ai!*

Ý đoạn này cũng tương tự như trên. Tiếng ai ở câu thứ ba có nghĩa là trời.

*Biết thân đến bước lạc loài,
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.
Vì ai ngăn đón gió đông,
Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi.*

Đoạn sau tả tâm trạng Kiều đau đớn lắm khi phải theo Mã Giám Sinh về Lâm Chuy. Khung cảnh trời thu ảm đạm, Kiều bắt đầu cuộc đời phiêu bạt xa xôi, trong khi tâm hồn cô cũng đa cảm, đa tình trước cảnh trời nước mênh mông. Tiếng ai trong câu chính là nói về cô ấy.

*Góc trời thăm thẳm đêm ngày dăm dăm.
Nàng thì dậm khách xa xăm,
Bạc phau cầu giá đen rằm ngàn mây .
Vi lô san sát hơi may,
Một trời thu để riêng ai một người*

Bị Tú Bà bắt làm gái mãi dâm, tuyệt vọng, Kiều bèn tự tử. Đạm Tiên hiện ra khuyên Kiều phải sống để trả cho xong nợ. Kiều nghe lời. Đoạn thơ sau đây tả tâm trạng Kiều sau khi mộng thấy Đạm Tiên hiện ra, Tú Bà khuyên can Kiều. Kiều bình tâm, có chút hy vọng:

*Kề tai mấy mối năn nì,
Nàng nghe dường cũng thị phi rạch ròi.
Vã suy thần mộng mấy lời,
Túc nhân âu cũng có trời ở trong.
Kiếp này nợ trả chưa xong,*

*Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau!
Lặng nghe, thắm thía gót đầu,
Thưa rằng: Ai có muốn đâu thế này?
được như lời, thế là may,
Hắn rằng mai có như rày cho chẳng!
Sợ khi ong bướm đãi đàng,
Đến điều sống đục, sao bằng thác trong!*

Tiếng ai ở trên là Kiều tự nói mình, nàng không muốn tự tử.

Tú Bà giam Kiều ở lầu Ngưng Bích. Kiều nhớ cha mẹ, buồn vì khung cảnh sông nước nơi này. Tiếng Ai trong thuyền ai là tiếng nghi vấn:

*Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm?
Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa ?
Buồn trông ngọn nước mới sa,*

Kiều nghe lời Sở Khanh trốn đi cùng y, bị bắt lại. Kiều trách Sở Khanh là tay bạc tình.

Nàng rằng: Thề thốt nặng lời,
Có đâu mà lại ra người hiểm sâu!
Còn đương suy trước nghĩ sau,
Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào.
Sở Khanh lên tiếng rêu rao,
Rằng: Nghe mới có con nào ở đây.
Phao cho quuyến gió rủ mây,
Hãy xem có biết mặt mày là ai?

Ai là người nào, xem thử mặt có biết Sở Khanh là người như thế nào không?

Nàng rằng: Thôi thế thì thôi,
Rằng không thì cũng vâng lời rằng không!
Sở Khanh quát mắng dùng dùng,
Bước vào vừa rắp thị hùng ra tay.
Nàng rằng: Trời nhé có hay!
Quyến anh rủ yến sự này tại ai?
Đem người đẩy xuống giếng khơi,
Nói lời rồi lại ăn lời được ngay!
Còn tiên tích viết ở tay,
Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai?
Lời ngay đông mặt trong ngoài,
Kẻ chê bất nghĩa người cười vô lương!

Kiều tố cáo Sở Khanh là tên quuyến rủ Kiều. Tiếng ai ở đây ám chỉ Sở Khanh.

Buồng riêng riêng những sứt sùi,
Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân.
Tiếc thay trong giá trắng ngần,
Đến phong trần cũng phong trần như ai!

Kiều tủi thân vì bị gạt, nghĩ rằng phong trần (phong là gió, trần là bụi, nghĩa bóng là gian khổ) thì mọi người (ai) đều như nhau (ai).

Chữ ai trong mấy câu sau, cũng như câu vừa rồi.

*Nàng rằng: Mưa gió dập dìu,
Liều thân thì cũng phải liều thế thôi!
Mụ rằng: Ai cũng như ai,
Người ta ai mất tiền hoài đến đây?
Ở trong còn lắm điều hay,
Nỗi đêm khếp mở mỗi ngày riêng chung.
Này con thuộc lấy làm lòng,
Vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề.*

Nguyễn Du mô tả cuộc đời của Kiều ở lầu xanh, có làm thơ, có họa, có đánh cờ vui chơi nhưng không tìm được người nào để tỏ bày tâm sự. Câu “Ai tri âm đó mặn mà với ai” có nghĩa là không có ai, không có người nào cả.

*Đôi phen nét vẽ câu thơ,
Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa.
Vui là vui gượng kẻo là,
Ai tri âm đó mặn mà với ai?
Thờ ơ gió trúc mưa mai,
Ngẩn ngơ trăm mối dùi mài một thân.*

Kiều thương nhớ cha mẹ, không biết bây giờ ở quê nhà (sân hòe, sân có trồng cây hòe, tượng trưng cho cho mẹ) “đôi chút thơ ngây” là ý nói hai em của Kiều còn dại, không biết có ai (người nào) thay cô để chăm sóc cho cha mẹ. Hai câu cuối nói tới người tình là Kim Trọng. Hai chữ ai ở đây cùng nói tới một người là chàng Kim.

*Sân hòe đôi chút thơ ngây,
Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình?
Nhớ lời nguyện ước ba sinh,
Xa xôi ai có biết tình chẳng ai?*

Kiều gặp Thúc Sinh, coi như tài tử giai nhân gặp nhau, như cá gặp nước. Tiếng ai ở đây là nói tới cả hai người (Kiều và Thúc Sinh)

*Khách du bồng có một người,
Kỳ Tâm họ Thúc cũng nòi thư hương.
Vốn người huyện Tích châu Thường,
Theo nghiêm đường mở ngôi hàng Lâm truy.
Hoa khô một tiếng Kiều nhi,
Thiếp hồng tìm đến hương khuê gởi vào.
Trướng tô giáp mặt hoa đào,
Vẽ nào chẳng mặt nét nào chẳng ưa?
Hải đường mơn mớn cảnh tơ,
Ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng!
Nguyệt hoa hoa nguyệt nảo nùng,
Đêm xuân ai dễ cảm lòng được chẳng!
Lạ gì thanh khí lễ hằng,
Một dây một buộc ai giằng cho ra!*

Kiều muốn sống cuộc đời yên ổn, không còn phải ở chốn lầu xanh nữa, bày tỏ tấm lòng của nàng với chàng Thúc:

*Trăm điều ngang ngựa vì tôi,
Thân sau ai chịu tội trời ấy cho ?
Như chàng có vững tay co,
Mười phần cũng đắp điểm cho một vài .
Thế trong dầu lớn hơn ngoài,
trước hàm sư tử gửi người đằng la*

Đoạn thơ này có vài điển tích:

Hàm sư tử Đồi Tống, Trần Tháo, hiệu Long Khâu cư sĩ, hay nói chuyện đạo Phật, vợ là Liễu thị, tính dữ tợn mà cả ghen, mỗi khi Tháo thiết tiệc tân khách, có ca kỹ, thì ở trong nhà, Liễu thị lấy gậy đập vào vách, hò hét, khách phải giải tán. Tô Thức, bạn Tháo, viết mấy câu thơ đùa:

*“Thùy tự Long Khâu cư sĩ hiền,
Đàm không thuyết hữu dạ bất miên,
Hốt văn Hà Đông sử tử hồng
Trụ trượng lạc thủ tám mang nhiên”.*

Dịch nghĩa:

*“Ai giỏi như Long Khâu cư sĩ
Nói những thuyết không, thuyết có, đến không ngủ
Bỗng nghe sử tử Hà Đông rống lên
Tay rơi gậy chống, lòng bàng hoàng.*

Đăng la: Những loài dây leo (chính nghĩa là dây bìm bìm, dây tơ hồng) dây dùng như chữ cát đăng là dây bìm bìm, ví với phận lẽ mọn.

Thúc Sinh tạ tội với cha:

*Rằng: Con biết tội đã nhiều,
Dẫu rằng sấm sét búa rìu cũng cam.
Trót vì tay đã nhúng chàm,
Đại rồi còn biết khôn làm sao đây!
Cùng nhau vả tiếng một ngày,
Ôm cầm ai nỡ dứt dây cho đành.*

Ôm cầm có nghĩa là sống với nhau, ai nỡ dứt dây là có ý xin Thúc ông đừng chia cắt hai người (Thúc và Kiều) xa nhau. Câu chót có hai chữ ai. Tiếng ai trước ám chỉ Kiều, tiếng ai sau ý nói Thúc Sinh.

Thúc sinh khóc Kiều bị đánh ở cửa quan:

*Khóc rằng: Oan khóc vì ta,
Có nghe lời trước chẳng đà lụy sau.
Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu,
Để ai trắng tui hoa sầu vì ai?*

Đoạn này cũng giống ý như trên, nghe tiếng Kiều khóc, Thúc Sinh xin cha. Hai tiếng ai, chỉ Thúc Sinh và Kiều.

*Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu.
Để ai trắng tuổi hoa sầu vì ai.
Phủ đường nghe thoảng vào tai,
Động lòng lại gạn đến lời riêng tây.
Sụt sùi chàng mới thưa ngay,*

Tiếng ai trong mấy câu sau chỉ là hỏi ai, tức người nào:

*Tin nhà ngày một vắng tin,
Mặn tình cát lữ lạt tình tao khang.
Nghĩ ra thật cũng nên đường,
Tăm hơi ai để giữ giàng cho ta?
Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,
Ở vào khuôn phép nói ra mỗi giường.*

Những câu sau đây tả chia ly biệt giữa Kiều và Thúc Sinh, được coi là những câu thơ hay nhất trong truyện Kiều. Tiếng ai ở đây ám chỉ ông trời. Nhưng nếu nói “trời xẻ làm đôi” thì xác định quá, không hay bằng dùng chữ ai, không phải nghi vấn mà phiếm định.

*Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.
Vằng vặc ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường.*

Nghe tin Thúc sinh có vợ bé, Hoạn Thư tức giận muốn điên lên, sắp đặt mưu kế để trả thù cả hai người. Tiếng ai ở đây có nghĩa là người nào.

*Làm cho đầy đọa cát đầu chẳng lên!
Làm cho trông thấy nhẵn tiền,
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay.*

Nỗi lòng kín chẳng ai hay,

X

Tuần sau bỗng thấy hai người,
Mách tin ý cũng liệu bài tâng công.
Tiểu thư nổi giận dùng dùng:
Góm tay thêu dệt ra lòng treu người!
Chồng tao nào phải như ai,
Điều này hẳn miệng những người thị phi!
Vội vàng xuống lệnh ra uy,
Đưa thì vả miệng đưa thì bẻ răng.
Trong ngoài cửa kín mít như bưng.
Nào ai còn dám nói năng một lời!

Tiếng ai trên ám chỉ người đời, kẻ bình thường. Tiếng ai ở sau có nghĩa là không ai, tức là không có người nào.

Mưu kế tính toán xong xuôi, Hoạn Thư bình tĩnh coi như trong gia đình không có chuyện gì xảy ra. Tiếng ai trong câu sau có nghĩa là người nào đó.

Mấy phen cười nói tỉnh say,
Tóc tơ bất động mấy may sự tình.
Nghĩ đà bưng kín miệng bình,
Nào ai có khảo mà mình đã xưng?

Xấu chàng mà có ai khen chi mình!
Vậy nên ngảnh mặt làm thinh,

Tiếng ai sau đây cũng có nghĩa là người đời:

Mặn tình cát lữ lạt tình tào khang.
Nghĩ ra thật cũng nên đường,
Tăm hơi ai để giữ giàng cho ta?

*Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,
ở vào khuôn phép nói ra mỗi đường.*

Kiều đã được kẻ ăn người ở trong nhà Hoạn Thư dặn khéo. Nếu gặp “Ai người cũ” (có nghĩa là Thúc) thì cũng đừng nhìn nhau.

*Ở đây tai vách mạch rừng,
Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.
Kẻo khi sấm sét bất kỳ,
Con ong cái kiến kêu gì được oan?*

Hoạn Thư và Thúc Sinh trùng phùng, mở tiệc. Hai người có hai nỗi lòng riêng, không ai biết ai có ý đồ gì cả.

*Tẩy trần vui chén thông dong,
Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra.*

Ứng Khuyển được lệnh đi bắt cóc Kiều, đốt nhà rồi đem xác vô chủ bỏ vào trong lửa, để không ai (người nào) biết được.

*Thuốc mê đầu đã tưới vào,
Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì.
Vực ngay lên ngựa tức thì,
Phòng đào viện sách bốn bề lửa dong.
Sẵn thấy vô chủ bên sông,
Đem vào để đó lộn sông ai hay?*

Những tiếng ai trong mấy câu sau, nghĩa cũng tương tự:

*Chạy vào chốn cũ phòng hương,
Trong tro thấy một đồng xương cháy tàn,
Ngay tình ai biết mưu gian,
Hắn nàng thôi lại có bàn rằng ai!
Thúc ông sùi sụt ngắn dài,
Nghĩ con vắng vẻ thương người nét na.*

Thúc Sinh kinh hoàng khi gặp Kiều ở nhà Hoạn Thư, biết rằng đã mắc mưu ai rồi. Ai đó: Thúc Sinh có thể đoán là Hoạn Thư:

*Sinh đà phách lạc hồn xiêu:
Thương ôi chẳng phải nàng Kiều ở đây?
Nhân làm sao đến thế này?
Thôi thôi ta đã mắc tay ai rồi!*

Hai câu này có tới những ba chữ ai. Ai ra đường này là ý nói cả hai người: Kiều và Thúc Sinh. Hai tiếng ai sau cũng nói cả hai người. Người này (Thúc) không nhìn được người (Kiều) kia. Hoặc người kia (Kiều) không nhìn được người này (Thúc).

*Chước đâu rẽ thúy chia uyên,
Ai ra đường này ai nhìn được ai.*

Thúc ông tưởng Kiều đã chết cháy, khóc cho Kiều. Tiếng Ai là nghi vấn. Tiếng ai ở sau, ám chỉ chàng Thúc khóc vì thương Kiều đã qua đời.

*Ai hay vĩnh quyết là ngày đưa nhau!
Thương càng nghĩ nghĩ càng đau,
Để ai lấp thảm quạt sâu cho khuây.
Gần miến nghe có một thầy,
Phi phù trí quỷ cao tay thông huyền.*

Kiều gặp Bạc Hạnh lại bị đem bán vào lầu xanh lần thứ hai. Đây là mưu đồ của Bạc Hạnh: “Đâu ai biết ai” (người nào) mà sợ “bể mảnh”.

*Thế nào nàng cũng phải nghe,
Thành thân rồi sẽ liệu về châu Thai.
Bấy giờ ai lại biết ai,
Dầu lòng bể rộng sông dài thênh thênh.*

Nhân khi bàn bạc gần xa,
Thừa cơ nòng mới bàn ra nói vào.
Rằng: Trong Thánh trạch dồi dào,
Tươi ra đã khắp thấm vào đã sâu.
Bình thành công đức bấy lâu,
Ai ai cũng đội trên đầu biết bao.
Ngẫm từ đây việc binh đao,
Đổng xương Vô định đã cao bằng đầu.
Làm chi để tiếng về sau,
Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào!
Sao bằng lộc trọng quyền cao,
Công danh ai dứt lối nào cho qua?

Đoạn này có 4 chữ ai. Ai ai (mọi người) đều tôn kính. “Ai có khen đâu Hoàng Sào” là khẳng định chẳng có người nào (ai) cả. Tiếng ai ở câu cuối cũng ở thể khẳng định.

Khí thiêng khi đã về thần,
Nhon nhon còn đứng chôn chân giữa vòng!
Trơ như đá vững như đồng,
Ai lay chẳng chuyển ai rung chẳng dờ.
Quan quân truy sát đuổi dài.
Ù ù sát khí ngất trời ai đang.

Những tiếng ai trong đoạn trên là xác định chẳng có người nào làm được cả,

Kiều đàn cho Hồ Tôn Hiến nghe trong tiệc khao quân mừng công giết được Từ Hải. Kiều còn sợ cho tương lai của mình gán ghép không phải nơi. (Giây loan, đàn cầm). Thúy Kiều bị phê phán nặng nề nhất là ở đoạn này, góp vui với kẻ thù:

*Cung cầm lựa những ngày xưa,
Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây!
Nghe càng đắm ngất càng say,
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình!
Dạy rằng: Hương lửa ba sinh,
Dây loan xin nối cầm lành cho ai.*

Kiều bị gán cho thổ quan (quan ở xứ mọi). Không ai (người nào) dám cãi lệnh quan:

*Lệnh quan ai dám cãi lời,
Ép tình mới gán cho người thổ quan.
Ông tơ thực nhé đa đoan!
Xe tơ sao khéo vợ quàng vợ xiên?*

Kiều bị đưa xuống thuyền, ra giữa sông Tiền Đường:

*Chân trời mặt bể lênh đênh,
Năm xương biết gởi tử sinh chốn nào?
Duyên đâu ai dứt tơ đào,
Nợ đâu ai đã dặt vào tận tay!
Thân sao thân đến thế này?
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi!*

Tuyệt vọng, Kiều nhảy xuống sông tự vẫn. Hai tiếng ai ở trên ám chỉ ông trời.

Sư Giác Duyên khen Kiều, tiếng ai ở đây ám chỉ Kiều, không có ai bằng với cô Kiều được:

*Hại một người cứu muôn người,
Biết đường khinh trọng biết lời phải chẳng.
Thừa công đức ấy ai bằng?
Túc khiên đã rửa láng láng sạch rồi!*

Đoạn cuối của một kiếp người. Đạm Tiên báo mộng cho Kiều biết đã trả xong nợ. Tiếng ai cuối câu cũng ám chỉ Kiều.

*Mơ màng phách quế hồn mai,
Đạm Tiên thoát đã thấy người ngày xưa.
Rằng: Tôi đã có lòng chờ,
Mất công mười mấy năm thừa ở đây.
Chị sao phận mỏng phúc dày,
Kiếp xưa đã vạy lòng này để ai!*

Tỉnh giấc mơ, Kiều không thấy Đạm Tiên, chỉ có vãi Giác Duyên ngồi bên cạnh. Tiếng ai ở đây có nghĩa là người nào (nghĩ vẩn):

*Giật mình thoát tỉnh giấc mai,
Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
Trong thuyền nào thấy Đạm Tiên,
Bên mình chỉ thấy Giác Duyên ngồi kề.*

Thúc Sinh về Liêu Dương hộ tang chú xong, trở lại vườn cũ thấy cảnh vắng không, không biết hỏi thăm ai (nghĩ vẩn, làm tức tởm):

*Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.
Xập xè én liệng lâu không,
Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giày.
Cuối tường gai góc mọc đầy,
Đi về này những lối này năm xưa.
Chung quanh lặng ngắt như tờ,
Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai?*

Hai tiếng ai sau đây đều ở thể nghĩ vẩn:

*Kim từ nhẹ bước thanh vân,
Nỗi nằng càng nghĩ xa gần càng thương.
Ấy ai dặn ngọc thể vàng,
Bây giờ kim mã ngọc đường với ai?*

Sau mười lăm năm lưu lạc, Kiều được gặp lại gia đình. Tiếng ai trong câu cuối ám chỉ Kiều.

*Từ con lưu lạc quê người,
Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm!
Tính rằng sông nước cát lằm,
Kiếp này ai lại còn cầm gập đây!*

Kiều muốn tiếp tục đi tu, không muốn trở lại nhà, nhưng Vương Ông còn nhắc cô Kiều tới lòng hiếu thảo với cha mẹ, biết ai (người nào) giữ công việc đó:

*Sự đời đã tắt lửa lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!
Dở dang nào có hay gì,
Đã tu tu trót quá thì thì thôi!
Trùng sinh ân nặng bể trời,
Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi?
Ông rằng: Bĩ thử nhất thì,
Tu hành thì cũng phải khi tòng quyền.
Phải điều cầu Phật cầu Tiên,
Tình kia hiếu nọ ai đền cho đây?*

“Ai ngờ” là tiếng tán thán, nói việc không tin tưởng mà lại xảy ra:

*Ai ngờ lại hợp một nhà,
Lọ là chẵn gối mới ra sắt cầm!
Nghe lời sửa áo cài trâm,
Khấu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng:*

Tiếng ai trong câu sau có nghĩa là mọi người:

*Chuyện trò chưa cạn tóc tơ,
Gà đà gáy sáng trời vừa rạng đông.
Tình riêng chàng lại nói sòng,
Một nhà ai cũng lạ lòng khen lao.*

*Cho hay thực nữ chí cao,
Phải người sớm muộn tới đào như ai?*

Tôi không nghĩ rằng cụ Nguyễn Du ngồi tần mẩn xem thử cụ đã viết bao nhiêu tiếng ai trong truyện Kiều. Tôi có ngồi đếm từng chữ cũng chưa hẳn đã hết, đã đủ, có thể còn sót. Tuy nhiên, tôi nghĩ, nếu Nguyễn Du không đem chữ ai mà thay vào những chỗ cần thiết thì Truyện Kiều mất đi cái hay nhiều lắm. Một chữ ai trong một câu là cụ thường dùng. Câu có hai chữ ai, thậm chí một câu có ba chữ ai, nghe không “điệp tự” mà thấy cái ý cụ muốn nói được nhấn mạnh, được rõ ra nhiều lắm.

Viết như vậy, tôi cũng mong được bạn đọc, không chê tôi “dài lưng tốn vải” mà thông cảm cho công việc cặm cặm của tôi khi đọc Kiều. Còn nếu như không ai thông cảm tôi cả, thì tôi đành đọc lại một câu Kiều, học thói của Kiều hay của cụ Nguyễn Du mà than thầm:

“Ai tri âm đó muộn mà với ai!”

Lời 1:

Ai về bến Ngự cho ta nhắn cùng
Nhớ chẳng non nước Hương Bình!
Có những ngày xanh,
Lưu luyến bao tình,
Vương mối tơ mảnh!

Hàng cây soi bóng nước Hương,
Thuyền xa đậu bến Tiêu Tương
Lưu luyến thay phút say hương dịu buồn.
Nhưng thoảng nghe khúc ca Nam Bình sầu than!
Như nước nở khóc duyên bể bàng!
Thấp thoáng trăng mờ,

Ai than ai thở đời vui chi trong sương gió.

Ai nhớ thương ai!

Đây lúc đêm tàn, tình đã lạt phai.

Thuyền ơi đưa ta tới đâu ?

Tìm trăng, trăng khuất đã lâu,

Sương xuống trên bến cô liêu, thêm sầu.

Bèo nước gió mây đêm ngấn tình dài.

Có ai nhớ, ai nơi giang đầu.

Lời 2:

Ai về bến Ngự cho ta nhắn cùng.

Bến xưa non nước Hương Bình

Những phút tàn canh

Vương vấn bao tình,

Ai rút sao đành.

Thuyền mơ trong khúc Nam Ai,

Đàn khuya trên sông ngân dài.

Ai luyến ai tiếc khúc ca Tần Hoài!

Ôi! vắng nghe tiếng ai âm thầm trầm ngân

Như nhắn nhủ mối duyên thờ ơ,

Sông nước lững lờ,

Ai mong ai chờ đời vui chi trong sương gió.

Đây phút cô đơn

Ai oán cung đàn sầu vọng trần gian.

Thuyền ơi, đưa ta tới đâu!

Hồn thơ vương vấn canh thâu,

Thương tiếc chi phút bên nhau thêm sầu.

Bao kiếp giang hồ ly biệt thường tình.

Có ai nhớ ai nơi Hương Bình.

TUỆ CHƯƠNG HOÀNG LONG HẢI

TÌNH TRONG HAI NHÀ VĂN MÀ TÔI BIẾT

LẠI QUẢNG NAM

Người ta thường nói, văn thi nhân thường rất đa tình, đành là như thế!, có người rất “hạ”, có cơ hội, đụng trợn là xáp vô liền, có người thì nhát bởi không biết làm sao mà mở lời tỏ tình với nàng cho dù trong lòng họ rất đổi yêu thương. Quái lạ ! họ viết văn thì hay “bá cháy” mà sao lúc này, cần thì nó lặn đâu mất tiêu! .Tại sao như thế? có lẽ vì vai vế, có lẽ vì công vụ, có lẽ vì đạo đức, mà cũng có lẽ vì “nàng phải tự biết chứ !”,rằng ta đang yêu nàng. Họ dấu kín trong lòng chờ nàng tỏ tình trước, à mà! người nữ Đông phương thì làm sao mà tỏ tình trước bao giờ. Kẹt cả đám!. Nhà văn nhà thơ thuộc tạng này chỉ có thể thể hiện qua tấm lòng lo lắng với ý trung nhân, với sự chăm sóc đặc biệt, chờ văn thi nhân nói trước lời “anh yêu em” nàng “hoài công chờ đợi “ . Nàng mỗi mòn chờ đợi, nàng sợ tuổi xuân của nàng qua mau, nàng sợ như nhà thơ Đường Thôi Huệ Đồng trong bài Yển Đông thành Trang “nước trôi như sắc xuân bay, hôm qua hoa nở hôm nay hoa tàn” .Nàng phải tính cho mình trong sự ngậm ngùi,“bay! bay! “.chàng ơi , chàng ơi

Hạnh phúc thay và khôn ngoan thay cho cô nàng nào tìm đến các chàng trai thi nhân không quen thi “oral” (vấn đáp) này , thi nhân ,văn nhân chỉ quen “ecrit” (bút vấn) qua các bài thơ trữ tình mà thôi , thơ văn thay cho lời con tim của họ đương hướng về . Đa phần họ chung thủy và đa tình, nếu không đa tình thì làm sao họ làm thơ và viết văn cho được. Họ sống trọn đời cho văn chương và không “ lộn xộn “, con cái nay thành danh, sau khi họ đã được thần Eros ưu ái bắn mũi tên trúng ngay con tim của họ.Họ đã gặp người phụ nữ mà nay họ âu yếm gọi là :” Mình ơi!”

Về già , nay ngồi hoài niệm, nhớ lứa tuổi hai mươi sôi nổi của mình, nàng ấy ngày xưa “ ám mình trong giấc ngủ “ thìnay “hồng” biết nàng ta giờ này ra sao?, lòng nay bỗng nhiên sùi sụt! Còn gì nữa đâu !

*hỏi đâu miền nhớ khói sương ?
_miền hoa đương sắc! ! _ miền vương hoa nhàu!.*

(ý thơ Đường của Bà Tiết Đào)

Ai thương nhớ ai ?

Xin mời các bạn đọc thử hai bài thơ dịch sau đây, ngày xưa cách đây 1300 năm , nàng Tiết Đào cũng “ khổ “ với các chàng thi nhân cứ dấu mãi trong lòng, họ không chịu vào oral. Hết biết ! , Hết biết ! . Sao họ cứ “ecrit” miết dzậy. Chờ sao nổi mà chờ! .

Trong số các ông anh của tôi bây giờ hiếm gì người đã có một thời “ bển lên !” như thế .

Thơ Đường

Tiết Đào

薛濤

Đôi dòng về tác giả

Tiết Đào 薛濤 (768-831), tự Hồng Độ, người Trường An.. Bà là một trong số các nữ thi nhân đời Đường hiếm hoi được giới thiệu trong các bản dịch thơ Đường thời nay. Là con một vị quan tại chức trên đất Thục ,là người có nhan sắc nên Bà được các thi nhân lừng danh đương thời như Nguyên Chấn, Bạch Cư Dị, Lệnh Hồ Sở, Bùi Độ, Trương Tịch, Lưu Vũ Tích, Đỗ Mục thường đến nhà chơi và kết bạn thơ văn. Là người khéo tay ,bà đã sáng tạo một loại giấy hoa văn màu đỏ thắm rất đặc trưng được mang tên bà là giấy hoa văn Tiết Đào. Bà có bài được lưu truyền đến nay là bài Vọng xuân từ .

LaiQuangNam xin chọn dịch hai trong số bốn bài ấy để giới thiệu cùng khách thơ gồm hai bài Vọng xuân từ I & IV

Bài I

Nguyên tác

春望詞 (其一)

花開不同賞，
花落不同悲。
欲問相思處，
花開花落時。

Phiên âm

Vọng xuân từ (kỳ 1)

Hoa khai bất đồng thưởng,
Hoa lạc bất đồng bi.
Dục vấn tương tư xứ,
Hoa khai hoa lạc thì.

Chú vài từ và tạm dịch nghĩa

bài thơ các chữ Hán Việt không quá xa lạ trong Việt ngữ .

Dịch thơ quốc âm

I

Lời vọng xuân (Kỳ I)

Hoa khai chẳng tưởng cùng nhau
Hoa tàn chẳng tưởng cùng đau nỗi buồn
Hỏi đâu “Miền nhớ” khói sương?
_Miền hoa đương sắc!, _Miền vương hoa tàn!

LaiQuangNam

Tâm tình cùng khách thơ

1-tưởng 想 ,có bộ tâm sâu hơn là chữ thương là ngắm bằng mắt.
Tưởng là ngắm bằng cả tấm lòng, bằng cả cái tâm của mình .
“Tình thương mến thương” nằm ở hai thái cực trong câu cuối, nó
là mắt thơ. Nàng đẹp ta thương nhớ thì đã hẵn, nàng già thì ...ta
“cũng” thương! . Ô là là ! .

Bài II

Nguyên tác

春望詞 (其四) 那堪花滿枝 ,
翻作兩相思。
玉簪 垂朝鏡 ,
春風知不知。

Phiên âm

Vọng xuân từ (kỳ 4)

Na kham hoa mấn chi
Phiên tác lưỡng tương tư
Ngọc trâm thùy triều kính
Xuân phong tri bất tri.

Chú vài từ và tạm dịch nghĩa

Vài từ Hoa ngữ và Hán Việt có thể xa lạ với người Việt mình :

- 1-na kham (Hoa ngữ) là nào có thể , có thể nào
- 2-thùy (Hoa ngữ) là rũ xuống
- 3-phiên là chuyển (Hán việt) như trong phiên dịch ,
- 4- tác là làm , Hán việt có chữ tạo tác
- 5- triều là buổi sớm mai trong cổ văn Việt Nam có dùng như *Ba hồi triều mộ chuông gầm sóng (thơ BHTQ)* tiếng Việt ta nay còn dùng cụm “tiếng chuông triều mộ “(tiếng chuông sớm chiều).

Tạm dịch xuôi toàn bài :

lòng nào (nhìn) hoa đầy cành,
luân phiên (chia) hai ngả tương tư.
Ngọc trâm rũ (trong) gương buổi sớm mai,
Gió xuân biết hay không biết ?
Câu ; “Ngọc trâm thùy triều kính”, Hàm ý : buổi sáng mai người phụ nữ đứng trước gương chải lại mái tóc nhàu nát qua đêm, nhìn lại dung nhan mình, đâm sợ !. Ngày xưa hoa bướm vờn quanh “mệt nghĩ !”, mà nay thì!

Dịch thơ quốc âm

Kỳ IV

Vọng xuân từ (kỳ 4)

Lòng nào thấy sắc hoa khai
Tương tư nhóm dậy chia hai phương hoài
Trước gương trâm rũ sớm mai
Gió xuân có biết lòng ai như dzây!

LaiQuangNam

Ghi thêm

Nếu khách thơ thấy chưa đã có thể đọc thêm hai bản này, các khách thơ thấy kết "moden" thì dịch tưới xươi, sợ gì !

1

Hoa khai chẳng thường cùng nhau
Hoa tàn chẳng dặng cùng màu thở than
Khi nao hồn thả mơ màng ?
Là khi hoa nở, hoa tàn là khi !

LaiQuangNam

2

dịch theo giọng Quảng

Sao không đồng cảm ... hoa khai?
Sao không đồng sốthoa phai , _thầm thì ?
_Miền thương miền nhớ? ..._miền chi ?.
_Miền khi khoe sắc, Miền khi hoa nhàu!

LaiQuangNam

LẠI QUẢNG NAM

VÀNG MÂY KHOẢNG CHO MẶT TRỜI TỚI ĐẬU

ĐẶNG DÌNH TÚY

Mỗi ước mơ coi là “thành công” khi nó thể hiện được, *dưới bất cứ hình thức nào*, sự thèm khát bị ru ngủ trong con người. Ý kiến này của Freud nhưng có thể không hoàn toàn Freud, vì tôi nhớ tôi đã đọc nó đâu đó, rồi tự chính tôi tôi thêm thắt giải thích, theo tầm hiểu của tôi, theo kinh nghiệm của tôi. Hồi mới lớn, trong những đêm trằn trọc, mơ ước khám phá những sâu kín nơi người nữ, tôi thường nhớ tới mấy bức ảnh khỏa thân chụp vụng các thiếu nữ Á châu dẫu trong ví (tôi cố ý chọn lựa vì cảm thấy xa lạ với các

nàng vệ nữ Tây phương). Trong đêm đen, đôi khi muốn vùng dậy bật đèn ngắm các cơ thể trần truồng ấy nhưng thật bất tiện vì không có đèn kế bên giường ngủ, thay vì, tôi bèn nhớ đến những mẫu văn, những đoạn thơ mà tôi cho là nhạy cảm nhất vì chúng đánh thức những rối rắm sượng sùng, những tê mê hoảng loạn khi tuổi dậy thì chưa cho phép tôi nhìn rõ hiểu rõ hơn. Phải chăng đó là bước đầu để tôi nhận ra *huyền lực* của nghệ thuật ? Như vậy những lời viết trắng trợn dung tục, những hình vẽ thô thiển trên tường các nhà vệ sinh công cộng không “thể hiện” đủ nỗi khát thèm của tác giả chúng sao ? Tôi không có câu trả lời. Chỉ biết rằng người họa sĩ tài hoa chỉ cần vạch đôi nét đã tượng trưng được cả con người, khi là con người ưu tư phiền muộn khi hồ hởi vui tươi ; chỉ biết rằng khi đọc nhà văn Võ Phiến ví bắp chân người đàn bà với bụng con cá thu tôi bỗng thấy rờn rợn nhột nhột, cảm giác khó phai (nên nhớ rằng những xúc động loại đó phai rất nhanh và khó gọi lại để đạt đến cường độ cảm nhận lần đầu) ; và, mới đây, trong một tiểu luận thơ, có người nhắc Từ Thế Mộng trong *Một phương quỳ* :

*Không phải xuôi
Không phải sông
Mà ướt đầm mái tóc
Không phải rục vàng
Một màu hoa cúc
Mà đơn sơ áo ướt một đôi vùng
Em tắm biển về ướt ở sau lưng
Vàng mấy khoảng cho mặt trời tới đậu
Em đạp xe về
Dáng hiền thực quá
Đơn giản vậy mà sao lòng anh lạ
Nghiêng theo em như thể đóa hoa quỳ*

Cái làm tôn thêm vẻ đẹp chính là sự không ý thức về nó. Người con gái đi tắm xong rồi đạp xe về. Nàng hửng hờ mặc áo không

hề để ý rằng thân thể hãy còn ướt nước, những giọt nước rịn ướt thấm ra cả chiếc áo khô bên ngoài. Ngó vậy chứ mặt trước không gọi tình bằng mặt sau, dù mặt trước trực tiếp hơn. Cái ướt sau lưng chỉ có hai khoảng nhỏ hai bên vai bởi đường sống lưng lõm xuống không bao giờ chạm làn vải nhưng nghệ thuật không ở chỗ hiển lộ mà ở nơi che dấu, *vàng mấy khoảng cho mặt trời tới đậu* ! Sở dĩ tôi trích hơi dài vì muốn cho tròn ý tác giả. Tôi cam đoan rằng trong mỗi cuộc sống của chúng ta, ta có vạn lần nhìn thấy chiếc áo *ướt một đôi vùng* trên thân thể đàn bà, cũng có thể nhiều lần hình ảnh ấy khiến ta chột dạ nhưng chắc chắn cái ấn tượng sâu đậm gây bởi chiếc áo ướt chưa lúc nào mạnh mẽ và hằn dấu cho bằng lối gợi ý trong thơ Từ Thế Mộng. Lại xin nói thêm rằng không hẳn thi sĩ chỉ bị quyến rũ bởi chiếc áo ướt một đôi vùng đó thôi, tức là hoàn toàn vật dục ; không ! Phải có một cảm hứng cao hơn thế mới viết ra được những lời thơ đẹp như vậy. Một đam mê rất quân bình vừa hồn vừa xác. Dục tình trong yêu đương đúng nghĩa là dục tình chia xẻ, không phải chỉ dục tình dâng hiến. Không chia xẻ được thì một trong hai sẽ phải chối từ và ra đi :

*Ta thấy gì sau nhan sắc yêu kiều
Mà ta siết giữa đôi tay thất vọng*
(Xuân Diệu)

Có hai khuôn mặt mà vị trí tuyệt đối của họ không ai có thể phủ nhận được : Xuân Diệu làm thơ tình hay nhất. Và Trịnh Công Sơn viết nhạc tình hay nhất. Đã có không biết bao nhiêu giọng chữ tìm hiểu phân tích phê phán ca tụng họ, một thằng tôi nhỏ bé tầm thường chẳng tô vẽ thêm bớt được gì những vòng hào quang tôn vinh. Có chăng là thêm một dấu hỏi...

Đặc tính muôn thuở con người là che dấu. Chúng ta che dấu cái nhìn kẻ khác, đã đành ; chúng ta che dấu cả cái nhìn của chính ta. Phục sức, trang điểm là để che dấu cái bất toàn của thân xác và của nhan sắc ; còn nghệ thuật chẳng qua chỉ là cách che dấu

nổi khốn khổ nhân sinh. Viết, vẽ, ca hát là tìm cách làm đẹp cuộc đời ; nhất là tự làm đẹp mình. Đối chọi với khuynh hướng văn nghệ hiện thực là khuynh hướng lãng mạn. Lãng mạn là lối biểu hiện hiệu quả nhất để lừa người và lừa mình. Dù tôn trọng người đàn bà đến đâu, toan tính chinh phục của người nam vẫn hàm ý chiếm đoạt, nếu không chiếm đoạt được cả hồn lẫn xác thì ít ra cũng phần xác. Chí ít thì cũng trong vài phút hạn hẹp trước khi mồ hôi toát ra. Chỉ đến khi nào thực sự bị trói tay trói chân lúc đó thì ta phải đành mơ tưởng -tình trạng tưng bấn của việc nhìn trái cấm mà không đụng tới được như con chồn của La Fontaine với chùm nho. Tôi chạnh nhớ tới Nguyễn Trọng Trí :

*Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió xuân về để lả lơi*

Cũng một sóng soãi, nhưng sóng soãi của Hoàng Cầm là sóng soãi *vécu* :

*Thuyền ơi tóc xỏa đêm vàng
Giai nhân sóng soãi hai hàng chiêm bao*

Hai sóng soãi đều «đắc» nhưng hai tính chất khác nhau xa.

Tôi xin trở lại với ý tưởng nhân đạo Từ Thế Mộng rằng lãng mạn hóa yêu đương là từ chối yêu đương -một yêu đương toàn vẹn, không phải chỉ yêu đương một nửa. Bởi người con gái là lựa là hương sắc nhưng bên dưới cái lựa là hương sắc còn những hỗn hển ẩm ướt dấu che. Phải đi đến cùng mới biết thế nào là hạnh phúc với khổ đau. Xin chọn lựa.

Và người ấy đã chọn lựa. Gọi người là thi sĩ cũng được ; mà nhạc sĩ cũng được, tài hoa ấy bao trùm nhiều lãnh vực. Và thừa mứa cơ hội để diễn đạt nữa : hơn sáu trăm ca khúc chớ ít sao ! Ông giáo sư đại học Cao Huy-Thuần viết một bài đặc sắc. Vì

chọn bình một bài đặc sắc, *Đóa hoa vô thường*. Theo ông đó là một bản trường ca, gồm nhiều thể điệu thích hợp với từng tâm cảm. Dựa trên chính lối giải thích của kẻ sáng tạo, gồm bốn tâm trạng và *lời bạt* : khúc thứ nhất, đi tìm tình, nhạc thông dong ; khúc hai, gặp tình đưa tình về, nhịp hớn hỡ ; khúc ba, bốn mùa yêu nhau trong lẽ vô thường của trời đất ; khúc bốn, tình phai pha, nhạc hiu hắt ; rồi đoạn kết, nhạc mạnh (vì sao lại mạnh nhỉ ? Có phải cần mạnh để tự đánh thức mình?) rồi êm dịu lại : *Từ đó ta là đêm nở đóa hoa vô thường...* Tâm lúc ấy không còn vọng động nữa, sắp đạt tới chân như. Tuyệt ! Tuyệt cả hai, kẻ sáng tạo cũng như người phẩm bình.

Nhưng tôi là một kẻ phàm phu. Kẻ phàm phu suy nghĩ theo kiểu phàm phu. Rằng thì là thèm muốn là đầu mối của khổ đau, nhưng nếu chối từ thèm muốn thì là chối từ phất cái sống rồi còn gì ? Là một nỗi đau rất người, tránh nỗi đau đó là tránh làm người. Ngược lại với thái độ này, các nhà tu, các hiền triết, *dự kiến* về một lối tránh né khổ đau bằng cách không chịu đối đầu với nó. Lý luận của hầu hết các tôn giáo và triết học đều như vậy. Cho nên, để đụng chạm thân xác đàn bà, Trịnh Công Sơn chọn những sợi tóc và đôi vai, những bộ phận ít phụ thuộc nhất (và ít gây thương tổn nhất) đối với chủ nhân : *Tóc em từng sợi nhỏ/Rót xuống đời thành sóng lênh đênh* ; còn vai thì phải vai gầy để *như cánh vạc về chốn xa xôi* (hơn nữa để còn ái ngại bởi nét mỏng manh mà không nỡ nặng tay nặng chân) . Lộng giả và lộng chân đến hết còn hiểu được đâu là thật và đâu là ảo. Đọc thơ TCS cũng tựa như xem người làm ảo thuật. Ông mới vừa bảo :

*Muốn một lần tạ ơn với đời
Chút mặn nồng cho tôi*

Rồi ngay tức khắc ông phủ nhận :
*Có những lần nằm nghe tiếng cười
Nhưng chỉ là mơ thôi*

Vậy thì có gì nồng mặn để phải tạ ơn ? Tương tự :

*Tình như nắng vội tắt chiều hôm
Tình không xa nhưng không thật gần
Tình như đá hoai những chờ mong
Tình vu vơ...*

Tình ấy ờ ghê quá, tôi mà làm ông Trịnh thì tôi giận ừ hơi. Giận cô gái mang hoa đến tặng (cử chỉ tình tứ biết bao) than ôi, với nụ cười khúc khích : cười kiểu nào cũng mở vòng tay ra được nhưng nụ cười mà khúc khích thì dễ chạm tự ái lắm. Với nhạc sĩ lại khác, người cảm nhận theo một phương cách đặc biệt : tôi rất tin khi nghe người bảo rằng tình không xa nhưng không thật gần –platonique mà làm sao *thật gần* được ! Ông Cao Huy Thuần còn phát giác rằng nơi nhạc sĩ không có trục *anh* và *em* mà chỉ *tôi* và *em*. Đây cũng là cách *dự kiến* về một lối tránh khổ đau. Người Việt ta có cách cam kết bằng ngôn ngữ, nói rõ hơn, khi sử dụng danh xưng người đàn ông đã định bụng ký giấy cam đoan rồi đó : thuở đầu anh ta đứng xa xa “*thưa cô*” ; sau thấy có mồi hứa hẹn nên rằng “*tôi/em*” ; khi được nàng chấp nhận thì thân mật “*anh/em*” ; và lúc thành đôi thành lứa bèn “*mình*” . Cố ý hay vô tình không biết (tay phù thủy ngôn ngữ không lý lại hớ hênh ?) nhạc sĩ chỉ chấp nhận vị thế số hai mà tôi dẫn trên đây, quả thật là *không xa nhưng không thật gần*. Loài người quanh nhạc sĩ (bọn thể nhân thường tình chúng tôi) hễ thấy có cơ hội áp sát người đẹp thì chúng sấn tới ngay không chần chừ. Nếu thành công chúng ca hát nhảy múa, chúng vui thật tình, vui như điên, vui mà không dự kiến về một nỗi bất hạnh có thể đang núp lén rình chờ đâu đó. Rồi giá bất hạnh có đến thật thì chúng cũng buồn khổ như nhạc sĩ là cùng. Đâu phải như nhạc sĩ với một tinh thần chủ bại ngay cả khi chưa kịp ra quân. Tinh thần ấy nó bàng bạc trong mọi lời viết, bao giờ người bước tới một bước thì người cũng lùi lại một bước ; có khi chỉ một bước tới mà đến hai bước lùi... để bảo toàn lực lượng. Không phải người chưa hề biết say đắm. Chỉ mới cái nhìn đối khác trước cùng một đối tượng mà người đã hân hoan ngàn này :

*Từ khi trăng là nguyệt
Đèn thấp sáng trong tôi*

Vì trăng hay là nguyệt thì *tự bản chất* không hề có đổi khác, duy chỉ có cái nhìn của người đổi khác thôi. Cũng may là đối tượng cũng chịu hòa nhập :

*Từ khi trăng là nguyệt
Em mang tim bồi rối*

Chút tín hiệu từ đối tượng gửi đi, dù vậy, không đủ khuyến khích người chịu thừa thắng xông lên. Lòng người cũng đầy ắp hân hoan, nhưng vội vàng lánh mặt ăn chay:

*Từ khi trăng là nguyệt
Vườn xưa lá xanh tươi
Đàn chim non lặn hạt
Cho câu kinh bước tới
Từ khi trăng là nguyệt
Tôi nghe đời vỗ về tôi
Từ khi em là nguyệt
Câu kinh đã bước vào đời*

Chưa chi cả mà người đã dự kiến buổi chia tay :

*Từ bao la em đã đến
Hay em sẽ ra đi
Vườn năm xưa còn tiếng nói
Tôi nghe những đêm về*

Bắt đầu từ đoạn này thì là *nghề của chàng* rồi . Người tha hồ khóc than và triết lý. Từ chỗ trăng biến thành nguyệt tới chỗ trăng thôi là nguyệt, tất cả đều là hư chiêu. Nó có có không không, nó Lão tử Trang tử Thiền học, thôi thì thứ nào cũng hiện diện. Người

thơ có lợi thế là có quyền nói lên ngay cả những điều mình chưa rõ lắm chỉ mới chợt bắt gặp trong mập mờ cõi mộng, người không nói bằng lý trí mà bằng cảm tính như tay họa sĩ vẽ tranh thủy mặc, nước là chỗ chân không, hàng cây là nét mực loang tình cờ, bầy chim xa chỉ là vài nét bút lông vung vẩy ! Biết sao. Những gợi ý chúng có cái rộng lượng cho phép ta tham gia sáng tạo và tái tạo bằng chính cảm hứng và kinh nghiệm riêng ta, cho nên chúng đi xa lắm : mỗi người đều có một-Trịnh-Công-Sơn-của riêng-mình. Điều đó giải thích niềm yêu mến của mọi tầng lớp quần chúng đối với họ Trịnh. Tất nhiên là còn những lý do khác nữa, chẳng hạn con người vẫn hàng ngày sống sà sà mặt đất (có khi còn lún sâu xuống tầng dưới nữa) nhưng chính vì vậy mà thương mơ ước bay cao. Có đôi cánh nào nâng chúng ta lên cao cho bằng đôi cánh triết lý hoặc tôn giáo ? Nhưng trước nhất phải gạt bỏ hòn chì dục vọng đã.

Hương hồn thi sĩ chắc bay cao lắm rồi đến mấy tầng trời đầu suất mà tôi thì cố đi tìm dấu vết thương nhân, để thấy một lần ông thực sự ngã xuống. Không, ông không hề ngã xuống. Ông nhẹ nhẹ ông thênh thênh, thật gần với tiên thánh trong khi tôi thì cứ suy luận theo đũa tục tử, tự nhủ rằng thà không được gì nhưng đừng uống thuốc trừ hậu hoạn trước khi ngã vào tình yêu (Tây Mỹ nó cũng cho là như vậy : to fall in love / tomber amoureux).

Lộng ngôn cho vui nhân khi cao hứng đọc bài thơ Từ Thế Mộng, nhưng xin tin tôi đi, những ý nghĩ nhảm nhí trên đây không hề làm tôi kém yêu Trịnh Công Sơn cũng như **bớt ngưỡng mộ thiên tài của người nghệ sĩ.**

ĐẶNG ĐÌNH TÚY

MỐI QUAN HỆ GIỮA HỌ MẠC VỚI HỌ NGUYỄN, CHÚA NGUYỄN, NHÀ NGUYỄN

THÁI KẾ TOẠI

Họ Mạc và họ Nguyễn có quan hệ duyên nợ với nhau từ khi Mạc Đăng Dung và Nguyễn Hoàng Dụ cùng làm quan bảo vệ lợi ích triều Lê.

Đại Việt thông Sử của Lê Quý Đôn chép rằng năm 1516 sau khi dẹp xong loạn Trần Cảo, Trịnh Tuy và Nguyễn Hoàng Dụ mâu thuẫn, thanh toán nhau ngay tại Thăng Long. Nguyễn Hoàng Dụ đánh Trịnh Tuy không thành bèn xuống thuyền lánh vào Thanh Hóa. Bấy giờ thông gia của Mạc Đăng Dung là Trần Chân, phe cánh của Trịnh Tuy gửi thư khuyên Mạc Đăng Dung đang trấn thủ

Sơn Nam nên chặn giữ lại. Nhưng Mạc Đăng Dung không giữ để cho Nguyễn Hoàng Dụ đi thoát.

Đầu năm 1517 vua Lê Chiêu Tông nghe lời Trần Chân sai Nguyễn Công Độ đem quân bộ, Mạc Đăng Dung đem quân thủy đuổi Hoàng Dụ chạy vào huyện Thuận Hựu. Hoàng Dụ hội quân chống nhau với triều đình, ông gửi một bức thư và bài thơ cho Mạc Đăng Dung khuyên Đăng Dung đừng bức bách mình. Mạc Đăng Dung nhận được thư và thơ đó liền đóng quân không tiến đánh. Hoàng Dụ được toàn quân chạy về.

Cuối năm 1518 Trịnh Tuy và văn thần Nguyễn Sư làm phản, lôi kéo Nguyễn Kính định hạ Lê Chiêu Tông, lập Lê Do. Chiêu Tông phải vờ Hoàng dụ cùng Đăng Dung đem quân đánh Nguyễn Kính. Quân của Hoàng Dụ không địch nổi Nguyễn Kính, ông lui về Thanh Hóa và ốm chết.

Như vậy họ Nguyễn ít nhiều chịu ân tình của họ Mạc

Xung đột thực sự xảy ra giữa hai họ khi họ Mạc phế truất vua Lê, lập nên Vương triều nhà Mạc năm 1527.

Lê quý Đôn chép rằng một người con của Nguyễn Hoàng Dụ là Nguyễn Kim (1) không hợp tác với nhà Mạc mà chạy sang Lào năm 1533 lập tôn thất Lê Duy Ninh lên làm vua hiệu là Lê Trang Tông chống lại nhà Mạc.

Trong cuộc chiến chống nhà Mạc, Nguyễn Kim phải dựa vào con rể là Trịnh Kiểm để giành lại quyền cai trị đất nước từ tay họ Mạc. nhưng bất hạnh cho Nguyễn Kim là ông đã chọn phải người con rể có tài thao lược nhưng cũng đầy tham vọng, mưu mô phản bội. Trịnh Kiểm đã thôn tóm quyền lực, đầu độc Nguyễn Uông, con cả của Nguyễn Kim và cũng có thể đầu độc cả Nguyễn Kim (2).

Do sự phản bội của họ Trịnh, Nguyễn Hoàng người con út của Nguyễn Kim cùng chị gái là vợ Trịnh Kiểm đã tính đến việc lánh xa về phía Nam để bảo tồn tính mệnh. Có lẽ họ Nguyễn đã tính đến việc liên kết với người họ Mạc để xây dựng căn cứ ở phía Nam. Tuy vậy cho đến hiện nay không còn sử liệu nào nói rõ nguyên nhân việc này.

Trước hết phải kể đến mối quan hệ đặc biệt giữa Nguyễn Hoàng (1525- 1613) và Mạc Cảnh Huống (1542 – 1677).

Hai người là anh em cọc chèo, vợ Mạc cảnh Huống là bà Nguyễn Thị Ngọc Dương em gái của phu nhân Đuan quốc công Nguyễn Hoàng. Theo gia phả của tộc Nguyễn Trường gốc Mạc làng Trà Kiệu xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam thì Mạc Cảnh Huống là con của Mạc Phúc Hải, em trai của Mạc Kính Điển và là chú ruột của Hoàng hậu Mạc Thị Giai, hậu của chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên.

Theo *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn Ngay từ khi Nguyễn Hoàng vào Nam lần thứ nhất 1558 Mạc Cảnh Huống đã có mặt ở dinh Ái Tử cùng với Nguyễn U' Dĩ và Tống Phước Trị (3).

Nhà nghiên cứu Nguyễn Phước Tương đánh giá rằng Mạc Cảnh Huống là một tài năng quân sự đã hoạch định chiến lược quân sự và góp phần to lớn trong việc xây dựng và củng cố nền thống trị của nhà Nguyễn trong buổi ban đầu vào đầu thế kỷ XVII. Mạc Cảnh Huống là người phục vụ ba đời chúa Nguyễn kể từ chúa Tiên Nguyễn Hoàng, rồi chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên tới chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan trong suốt 38 năm từ 1600 đến 1638. Với cương vị là chỉ huy tối cao của quân đội Đàng Trong ông là người vạch kế hoạch để chống quân Trịnh ở mặt phía Bắc, bình quân Chiêm mở rộng bờ cõi về phương Nam, giữ yên cương vực phía Tây. Để ghi nhận công lao của ông năm 1617 chúa Tiên Nguyễn Hoàng tấn phong ông chức Nguyên huân Sư Thống thủ Thống Thái phó. Sau này ông được nhà Nguyễn tôn

vinh là một trong ba khai quốc công thần với sự nghiệp của các chúa Nguyễn.

Trên thực tế thời cuộc quan hệ của Mạc Cảnh Huống và Nguyễn Hoàng là rất éo le. Chúng ta biết rằng ông đi theo Nguyễn Hoàng ngay từ lúc nhà Mạc còn tương đối vững chắc, còn Nguyễn Hoàng hiển nhiên đang là thù địch của họ Mạc, là người góp phần đáng kể vào sự diệt vong của nhà Mạc với các chiến dịch càn quét tàn quân nhà Mạc ở Sơn Nam, Hải Dương, Yên Quảng từ 1593 đến 1600. Trong thời gian đầu Mạc Cảnh Huống đi với Nguyễn Hoàng, vẫn còn có những cuộc đánh phá của quân Mạc vào Thuận Hóa, mà điển hình là cuộc tiến binh thảm bại 1572 của tướng Lập Bạo.

Vậy thì việc Mạc Cảnh Huống sớm rời bỏ nhà Mạc đi về phía Nam có phải xuất phát từ chiến lược lâu dài của họ Mạc chống lại chúa Trịnh hay chỉ là ý thích nhất thời bông bột của một chàng thanh niên và trong thời gian đầu chúa Nguyễn còn phải chống cả nhà Mạc, Mạc cảnh Huống đã phân thân với vai diễn éo le như thế nào. Đó là những câu hỏi đến nay vẫn không có cứ liệu nào giải đáp được.

Có một sự kiện có thể biết được sự hợp tác giữa chúa Nguyễn với vua Lê, nhà Mạc đang ở Cao Bằng để tiêu diệt họ Trịnh. *Đại Nam Thực lục* chép rằng : Cuối năm 1655 tướng nhà Nguyễn là Nguyễn Hữu Dật đã cho người mang mật thư đến các trấn Bắc Hà để chiêu dụ hào kiệt hện cùng nổi lên. Ở Cao Bằng thì có Mạc Kính Hoàn, ở Hải Dương thì có Quận công Phấn, ở Sơn Tây thì có Phạm Hữu Lễ... Kế hoạch là hể quân chúa qua sông Lam thì xin phát binh hưởng ứng. Hải Dương thì không nộp thuế để cho tuyệt lương, Cao Bằng thì tiến chiếm Đoàn Thành (nay là tỉnh lỵ Lạng Sơn) để chia thế lực, Sơn Tây thì nguyện làm nội ứng để cướp lấy thành. Rất tiếc kế hoạch đầy tham vọng này không thành vì tháng 4- 1657 Trịnh Tráng chết, chúa Nguyễn Phúc Tần đã ra đến Nghệ An nhưng do dự vì họ Trịnh đang có tang bèn cử người đi viếng và hồi loan (4).

Sau quan hệ của Mạc Cảnh Huống với Nguyễn Hoàng còn có quan hệ của Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Hậu Mạc Thị Giai (1578 – 1630) với họ Nguyễn.

Theo gia phả của chi họ Nguyễn Trường gốc Mạc mà thủy tổ là Mạc Cảnh Huống, Mạc Thị Giai là con gái trưởng của Khiêm vương Mạc Kính Điển. Năm 1592 sau khi Mạc Kính Điển qua đời, vào lúc nhà Mạc rút chạy khỏi Thăng Long, Mạc Thị Giai quyết định đi vào Thuận Hóa để nương tựa vào chú ruột. Thời gian đầu Mạc Thị Giai được đưa về sống với cộng đồng họ Mạc đã đổi ra họ Ngô ở làng Cổ Trai gần Cửa Tùng trong ngôi chùa Lam Sơn Phật Tự do vợ chồng Mạc cảnh Huống giúp xây dựng nên. Có thể do vai trò của bà Nguyễn Thị Ngọc Dương Quận chúa Mạc Thị Giai đã trở thành Hoàng hậu của chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Các con của bà đã có nhiều đóng góp cho đất nước. Người con trai thứ hai trở thành Chúa Nguyễn Phúc Lan. Con gái trưởng của bà là Nguyễn Thị Ngọc Liên lấy Mạc Cảnh Vinh con trưởng của Mạc Cảnh Huống. Công chúa thứ hai Nguyễn Phúc Ngọc Vạn năm 1620 tình nguyện lấy nhà vua Chân Lạp Chey Chetta II để giúp cha anh giữ yên bờ cõi phía Nam đối phó với chúa Trịnh phía Bắc. Công chúa thứ ba Nguyễn Phúc Ngọc Khoa năm 1631 được gả cho vua Chiêm Thành là Pô rô Mê để giữ hòa hiếu Việt Chiêm.

Cùng với cha, Mạc Cảnh Vinh cũng là một tướng giỏi có nhiều công trạng với nhà Nguyễn nhất là việc mở mang bờ cõi phía Nam. Ông đã được chúa Nguyễn phong Phó tướng giao cai quản dinh trấn Phú Yên từ năm 1629 đến năm 1641. Hai vợ chồng ông đã giúp đỡ các cố đạo phương Tây phát triển đạo Thiên chúa ở vùng này (5) .

Ngoài gia đình Mạc Cảnh Huống, còn nhiều gia đình họ Mạc đã triển khai chiến lược lâu dài ở phía Nam.

Từ 1530 vua Mạc Đăng Doanh đã cử hai người em của mình vào trấn giữ miền đất mới phía Nam. Khang vương Mạc Nhân

Phủ quản trấn miền Trị Thiên. Quảng vương Mạc Quang Khải quản trấn miền Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Từ 1558 nhà Lê giao cho Đoàn quận công Nguyễn Hoàng vào bình định trấn thủ Thuận Hóa, hai ông không chống đỡ nổi phải phân tán lực lượng, di tản vào vùng sâu, cho con cháu thay tên đổi họ. Theo gia phả của các họ gốc Mạc vùng này con cháu Mạc Quang Khải đổi ra họ Huỳnh (Mộ Đức), họ Hoàng (Ngũ Hành sơn), con cháu Mạc Nhân Phủ đổi ra họ Ngô (Vĩnh Linh), họ Thái (Cam lộ, Hải Lăng). Sau 1593 lúc thất thủ ở Thăng Long, sau 1677 lúc thất thủ ở Cao Bằng và trong dịp nhà Nguyễn đánh ra Nghệ Tĩnh nhiều con cháu họ Mạc đã chạy vào phía nam để sinh sống.

Con cháu họ Mạc phía Nam cũng chịu ảnh hưởng lớn của hai sự kiện.

Sự kiện thứ nhất là trong thời gian họ Trịnh đánh chiếm Thuận Hóa, Quảng Nam 1774 – 1786. Con cháu họ Mạc lại phải chạy trốn, thay tên đổi họ lần nữa. Có lẽ vì thế, các di tích của họ Mạc ở làng Cổ Trai Vĩnh Linh bị tàn phá và con cháu họ Ngô gốc Mạc phiêu bạt hết đến mức số còn lại hiện nay không giữ được ấn tượng gì về quá khứ tổ tiên. Sự kiện thứ hai là những lần nhà Tây Sơn tiến đánh cai quản các vùng đất từ Phú Yên trở ra 1785 – 1802, những con cháu họ Mạc có quan hệ thân thiết với chúa Nguyễn cũng không tránh khỏi sự trả thù. Điều này được ghi lại trong gia phả họ Nguyễn Trường Duy Xuyên.

Thời gian đã làm nên nhiều chi họ gốc Mạc lớn có truyền thống như chi họ Thái Quảng Trị, chi họ Huỳnh Đức, Nguyễn Công Đà Nẵng, chi họ Hoàng Điện Bàn, Quảng Nam, chi họ Phạm Đăng ở Tư Nghĩa, chi họ Phạm Công, chi họ Bùi ở Mộ Đức, chi họ Huỳnh Đăng ở Đức Phổ Quảng Ngãi, chi họ Mạc ở Bình Định...

Con cháu các chi họ gốc Mạc ở phía Nam đã nhanh chóng hòa vào cuộc sống mới, xây dựng quê hương mới. Nhiều người đỗ đạt cao, có vị trí cao trong bộ máy quan lại nhà Nguyễn, nhiều chi

họ đã có công trạng trong những ngày đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nước ta. Có thể kể ra những nhân vật gốc dòng họ Mạc có tên tuổi như Quốc công Huỳnh Đăng Khoa, Phạm Đăng Dinh, Phạm Đăng Hưng, Phạm Văn Nga, Hoàng Diệu, Thái văn Toàn...

Sự hợp tác của họ Mạc ở phía Nam trong suốt quá trình lịch sử đã góp phần giúp cho họ Nguyễn thực hiện các mục tiêu xây dựng được một hậu phương rộng lớn có nguồn lực kinh tế mạnh mẽ, đứng vững trước các cuộc tấn công của quân đội Lê Trịnh, làm suy yếu họ Trịnh, đánh bại nhà Tây Sơn, thống nhất đất nước, lập nên Vương triều Nguyễn.

Để đáp lại, họ Nguyễn đối xử với họ Mạc như thế nào?

Trước hết là quan hệ thông gia hòa hiếu. Điển hình nhất là mối quan hệ của gia đình Mạc Cảnh Huống với các chúa Nguyễn. Cha con Mạc Cảnh Huống, Mạc Thị Giai và em gái là Mạc Thị Lâu đều được ban quốc tính họ Nguyễn Phúc (6). Sau này chỉ họ Phạm Đăng Gò Công, một chi nhánh của họ Phạm Đăng Quảng Ngãi cũng có Hoàng hậu Từ Dũ. Những người con dâu như thế đã góp phần làm đẹp gia thế dòng họ Nguyễn Phúc tộc.

Các chúa Nguyễn và vua Nguyễn đã phong tước trọng dụng nhiều nhân tài họ Mạc, gốc Mạc như các vị đã nói đến ở trên.

Sau khi nhà Mạc thất thế, các sử gia của vua Lê Chúa Trịnh đã tiến hành viết lại lịch sử đất nước với quy mô lớn như bộ Đại Việt sử ký toàn thư. Nhưng nhìn chung dưới con mắt các nhà sử học thời Lê Trịnh nhiều sự kiện lịch sử về nhà Mạc, nhiều tác gia văn học Mạc đã bị đánh giá không đúng hoặc bị bỏ qua hoặc coi là chép phụ, nhuận triều, ngụ triều.

Nhà Nguyễn đã chú trọng đầu tư tổ chức viết lại sử nước nhà. Đáng chú ý là ba bộ sử lớn *Khâm Định Việt sử Thông giám Cương mục*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Đại Nam Thực lục*.

Trong các bộ sử này phần viết về nhà Mạc, họ Mạc tương đối khách quan hơn, đầy đủ hơn. Các sử gia nhà Nguyễn đã có ý thức phê phán những mặt tiêu cực của thời kỳ vua Lê chúa Trịnh.

Như nhiều sử sách đã nói, sau sự kiện nhà Mạc thất thủ ở Thăng Long nhiều di tích của nhà Mạc, họ Mạc đã bị quân chúa Trịnh tàn phá. Sau khi triều đình Lê Trịnh sụp đổ, con cháu họ Mạc trốn đi các nơi xa mới quay về quê cũ lập lại nơi thờ tự. Ở một số cơ sở chính như Cổ Trai, Long Động họ đã được các vua nhà Nguyễn cho phép xây lại từ đường họ Mạc.

Nhà Nguyễn cũng đã cho khôi phục lại các di tích thời nhà Mạc đã bị Lê Trịnh tàn phá như đền miếu, đình chùa ở Hải Dương, Hải Phòng, Cao Bằng, như Lam Sơn Phật tự ở Vĩnh Linh, đền thờ Mạc Cảnh Huống ở Ngũ xã Duy Xuyên Quảng Nam...

Bước đầu tôi có nhận xét như sau :

Quan hệ giữa họ Mạc với họ Nguyễn, chúa Nguyễn, nhà Nguyễn là mối quan hệ phức tạp trong lịch sử, từ hợp tác bảo vệ nhà Lê đến đối kháng đối đầu trong xung đột lợi ích giữa nhà Lê Trung hưng với nhà Mạc và cuối cùng lại hợp tác khi nảy sinh xung đột giữa họ Nguyễn với họ Trịnh để bảo vệ họ Nguyễn, họ Mạc.

Đánh giá mối quan hệ phức tạp này thế nào, tác động của lịch sử đến đâu, quan hệ cá nhân đến đâu rất cần được nghiên cứu nghiêm túc và tiếp tục sưu tầm tư liệu. Dù sao mối quan hệ này đã có tác động tích cực vào tiến trình lịch sử đất nước.

Hiển nhiên là mối quan hệ này đã tạo các điều kiện thuận cho quá trình phục hồi danh dự và phát triển của dòng họ Mạc trong thời kỳ cận hiện đại.

CHÚ THÍCH :

1- Có tài liệu sau này, chẳng hạn gia phả họ Nguyễn ở Gia Miêu, Tống Sơn, Thanh Hóa ghi rằng Nguyễn Hoàng Dụ chỉ là em họ của Nguyễn Kim. Xem Wikipedia.

2- Sử cũ có chép Nguyễn Kim bị hàng tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất đầu độc nhưng cũng có sách cho rằng ông bị chính con rể hãm hại để chiếm quyền.

3- Đại nam thực lục, tập I NXBGD 2004, trang 28.

4- Đại Nam thực lục, đã dẫn trang 67 đến 70.

5- Về việc này có gây ra hậu quả xấu sau này về thái độ nhà Nguyễn đối với vợ chồng Mạc Cảnh Vinh và Mạc Cảnh Huống, có thể gây ra chia rẽ ở dòng họ Nguyễn Trường. Tham khảo thêm trong các tài liệu về những ngày đầu của Giáo hội Việt Nam. Tác giả sẽ bàn riêng trong bài Thái độ của nhà Mạc và người họ Mạc đối với các tôn giáo, sẽ giải đáp câu hỏi Tại sao trong Lăng gia đình Mạc Cảnh Huống ở Duy Xuyên không có mộ thật của vợ chồng Mạc Cảnh Vinh.

6- Xem thêm bài của ông Nguyễn Phước Tương về Mạc Cảnh Huống và Mạc Thị Giai đã đăng trên Mactoc.com

Hà Nội Tháng 9 – 2011

THÁI KẾ TOẠI

MODIGLIANI HOẠ SĨ KHÔNG-HÓA

VÕ CÔNG LIÊM

Gởi: Những văn nghệ sĩ.

Không-hóa là gì? Là vai trò hoán triệt toàn diện để đi tới Như-nhiên. Tận triển mọi khả năng tri thức để đưa tình cảm của mình vào tác phẩm, nhờ đó mọi người cảm nhận được cái siêu lý nghệ thuật. Một thứ nghệ thuật phi nghệ thuật ; đặc biệt nghệ thuật hội họa. Modi đại diện cái gọi là không-hóa đó : 'Neither / Aucune, ni l'un ni l'autre, non plus, neither...nor'. Nghĩa là không có ai mà chẳng có ai như Modi. Modigliani đi từ Không sang Có và đi từ Có sang Không. Cái ấy chính là con đường 'tối-thượng-thừa' mà xưa nay không ai có thể dấn lên bước đi đó, dù ảnh hưởng ít nhiều cái uyển chuyển, khéo léo (gesture) như Modi đã làm và đã sống.

Modi quan niệm như Van Gogh (1853-1890) : « May mắn cho tôi, tôi chẳng mong đợi vào sự chiến thắng, vinh hoa nào, mà tôi chỉ tìm kiếm qua hội họa một phương cách thoát khỏi cuộc đời ».

Nếu vẽ là đóng băng trên một bình diện nghệ thuật 'nhai lại' thì đó là cái chết của nghệ thuật (The death of Art). Modi chính thức vượt thoát ra khỏi mọi khuôn thước cố hữu để có một tâm như siêu thoát, nhờ đó mới dựng lên toàn cảnh từ trí tuệ đến hiện thực. Ngắm tranh của Modi với một tâm hồn rộng mở, bao dung, một tinh thần độ lượng mới hài hòa tiết điệu đó. Bởi Modi có hai bề mặt của trạng huống con người ; vừa khách thể vừa chủ thể là hai phạm trù phiến diện tách ra khỏi dòng sống như nhiên, tức một cái gì an nhiên tự tại trong đáy linh hồn của Modi, chính cái đó là phương tiện thoát ly cuộc đời, thoát ly thế giới qui ước, tàn tích, bó rọ này. Tất cả là gò đồng là đi tới cái chết (la mort de).

Amedeo không thể chấp nấp cái thứ nghệ thuật như thế dù chấp nấp miễn cưỡng hay tạm bợ. Xin nhớ cho Modi không đuổi theo hư danh, ảo vọng của một nghệ sĩ chân chính, làm thế không dễ đời được. Modigliani hiểu điều đó.

Modi cần sống, sống nhanh sống vội, sống quên mình dù đương đầu với cái chết trong chén rượu truy hoan, trong độc dược (drugs) suy tàn, trong dục vọng sa đọa với đàn bà (womanizing), trong đam mê với nghệ thuật (passion of art) , Modi phải mượn tất cả những thứ đó để tìm thấy cái tuyệt mỹ của hội họa, cái đẹp của cuộc đời, trong đó cái đẹp của người phụ nữ là một liên hệ trung gian và đó cũng là cái nhìn khát vọng, cái khát vọng vô tình để đưa Modi đi vào hiện thực -realy life- tạo cuộc đời thêm một vũ trụ, vũ trụ của dự cuộc, vũ trụ của khát vọng là nhu cầu cần thiết cho họa nhân ; Modi nằm trong vị trí ấy.

Cái sự vẽ của Modi là không hướng tới cái hy vọng ngày mai mà hướng tới một sáng tạo nghệ thuật ; sự cơ đó chính là sự phiêu lưu của hình ảnh, với hình tượng trong một tư thế chủ động để tan chảy (fusion) vào họa phẩm (work of art)). Ấy là yếu tính vô thức mà Modi nhận ra như một tương quan giữa những họa sĩ cũng như những nhà điêu khắc khác.

What seemed important was the subject matter of the unconscious which he recognized as part of the identity of the artist.

Trời sinh Modigliani có-con-mắt như thế mới trông thấy thứ nghệ thuật đó. Modi đối diện với cái ĐẸP để thưởng thức trọn vẹn cái đẹp, ông đã trút bỏ tất cả, những khái niệm khô khan, đưa thể xác dục vọng vào cái gọi là 'mưu đồ' mà chỉ tập trung tinh thần vào đối tượng, quên mình vào sự vật, vào hình tượng, hoàn toàn quên hết ngoại giới xung quanh để đi vào thế giới mê-hồn-trần của thế giới "vật ngã đồng tâm" là kinh nghiệm muôn thuở của Amedeo Modigliani . Có thể thời của Modi hay của Picasso người ta cho là ngông cuồng(?) It mean a mad intoxication! Chắc chắn

là không; bởi tranh của Modi không nằm trong đề tài cái đẹp, cái đẹp trong tranh của Modi là đường nét, là bút pháp, là màu sắc, là yếu tố đích thực, cái đó là ‘reality physique’ một hiện thực về tâm sinh lý, một ‘body language’ mà ở đây Modi diễn tả bằng một nội lực qua nét cọ của đường nét, của màu sắc như một tiếng nói của thân xác, một biểu hiện về hình thái sáng tạo nghệ thuật; vì thế mà đời nhìn dưới một nhãn quang không được đẹp như đời từng thấy qua nét đẹp. Modi không thể làm thỏa mãn cái ‘nhãn quang’ đó, không thể chạy theo thị hiếu mà làm mất đi những bước tiên khởi ‘avant-garde’ của hội họa. Nhưng quên rằng cái đẹp trong tranh của Modi là một cái gì thuộc về nội quan hơn là ngoại quan.

-Le laid peut etre beau, le joli jamais- (P. Gauguin). Vậy tranh của Modi là gì? Là một triết lý thuộc về phân-tâm-tính-dục ‘psychosexual’; quả là tư tưởng và hình ảnh vĩ đại cho một họa nhân như Modi.

Ngắn ấy lý giải cũng đủ cho chúng ta thấy được chân tướng bản-lai-diện-mục của Modigliani, một giá trị như nhiên bất tận và trường cửu mà Modi để lại cho thế gian như một chứng tích giữa hồn và xác của con người.(1)

Amedeo Modigliani sinh năm 1884. Dòng dõi ông có chất máu Do Thái (Sephardic Jews). Ra đời tại Livorno, Leghorn miền bắc Ý-Đại-Lợi (Italy). Gia cảnh trung lưu ở Tuscan. Modi định cư ở Pháp (1906) gặp gỡ và kết thân với Picasso, Utrilo, Soutine, Bracusi và một số văn nhân nghệ sĩ khác ở Paris.

Modigliani chỉ ở với trần gian 36 năm (1920). Sống ngắn nhưng đầy đủ; cái phận thiên tài đều chung số “phong vu bĩ sắc vu tử” thì lạ gì ‘bĩ sắc tư phong’ (ND).

Pháp là trung tâm của văn hóa nghệ thuật đã trải qua nhiều thời đại mà mỗi thời đại sản sinh ra những thiên tài xuất chúng qua từng bộ môn. Những tài nhân tụ về đây để phát huy cũng như

sáng lập nhiều trường phái khác nhau. Những biểu tượng xảy ra trong hiện trường của đời sống ông đã ảnh hưởng ít nhiều nhịp sống trong tâm hồn ông. Modigliani sa đọa từ đấy. Âm ảnh lớn lao cho Modi là phụ nữ, luôn luôn nghĩ đến xác thịt, một bức xúc gần như tâm bịnh. Ông điên loạn chính ông, vẽ đủ thể loại khác nhau, từ khối (cubist) ấn tượng (impress) dã-thú (fauves) tượng Phi châu (African sculpture) Cái thời kỳ mà các họa sĩ bắt đầu làm mới, Picasso đã đem nghệ thuật đại dương và da đen Phi châu, đập nát hội họa cũ để thành lập trường phái lập phương (cubisme). Từ đó hội họa và điêu khắc lên đường để tìm hiểu cách diễn đạt mới, Modi đi đúng thời thượng về đường nét 'dài' (elongated figures), một đường nét có âm hưởng da đen Phi châu. Modigliani hồ hởi tìm hiểu, học tập về điêu khắc, tất cả đổi mới đó, gọi chung là Chủ nghĩa Hiện đại (Modernisme) rồi đến Hậu Hiện đại (Post-Modernisme). Một đánh dấu lớn lao cho Modi; ông gặp Bracusi điêu khắc gia gốc Bảo-Gia-Lợi (Bul) giữa năm 1910 và 1913, điêu khắc đã làm say mê người thưởng ngoạn. Kể từ đó Modi bắt đầu nhúng tay đục chạm gỗ và đá. Chỉ trong vòng 2 năm; Amedeo đành bỏ rơi điêu khắc vì lý do sức khỏe để trở lại hội họa 1915. (2)

Thời gian sống ở Pháp Modi la cà khắp phố phường Paris, trao đổi hay thảo luận về hội họa với những bậc tài hoa, hay những bậc thầy mà Modi một thời ngưỡng mộ, ông thường ngồi cà phê nơi tụ hội văn nhân nghệ sĩ hay những hộp đêm, hầm rượu, say sưa tửu điểm. Modi ham vẽ như ham sống, đến đâu cũng vẽ, ông vẽ những đường nét như 'vết chém' qua chân dung của các nghệ sĩ như Diego Rivera,



Reclining Nude (on Her Left Side), 1917, set a record for Modigliani when it sold for \$26.9 million at Christie's New York last November.

Picasso, Juan Gris, Jacques Lipchitz, Moise Kisling và Chaim Soutine... với những nét bung phá đó, dần dần ông chuyển hướng qua đường nét 'cổ-dài' (long-necked nude) khởi từ đó Modi nghiên cứu và dồi mài đường nét 'dài' để tạo cho mình thể đứng riêng biệt. Qua những hình ảnh trong tranh người ta gán cho ông cái tên gọi họa-sĩ-phỉ-báng (le peintre maudit). Nhưng chính trong cái xấu xí (damnable) là cả một ngạc nhiên sau này khi mà người ta tìm thấy 'chất liệu' đó như một bản chất riêng biệt về cái bồi nhỏ, chê bai mà Modi đã vẽ lên những hình tượng như thế.(3)



Blue Eyes (Portrait of Madame Jeanne Hébuterne), 1917, one of many portraits Modigliani painted of his last lover.

Đời bỏ quên Modi, những đứa con tinh thần của Modi trở nên vô thừa nhận; điều đó có khác gì Van Gogh. Modi ngậm đắng lao vào đời như kẻ khốn cùng; mặc dù những năm gần đây tiếng tăm Modi đã trở thành 'huyền-sử-ca' trong giới văn nhân ở Paris cũng như ở cổ quốc.(nước Ý mắc cái nợ di sản của Modigliani) nhưng không phải những thừa nhận đó mà kéo Modi ra khỏi vũng tối, có những đêm say mướt dưới cơn mưa ở

Montparnasse, lạnh, đói, thiếu thốn 'poverty-stricken' sống nương nhờ như kẻ vô gia cư vô địa táng, một đời phóng đảng phủ quanh ông để rồi buột miệng: "Tôi say ngất ngư cho tới chết" (I am going to drink myself to death) Tiếng nói đó như thồn thức cho thân phận mình. Modigliani chấp nhận mọi thương đau để hoàn thành những tác phẩm mà Modi nuôi dưỡng từ khi dán thân vào con đường hội họa, người đã trải qua những chặng đường khốc liệt nhất, kể cả những cuộc tình đi qua trong đời Modi. Những tác phẩm của ông chính là đời ông. Qua bao cuộc triển lãm từ xưa cho đến nay, người ta nhìn ngắm cái đặc thù của Modi là cả một

suy tưởng trong những hình ảnh vẽ lên, nó không thuần chất như những họa phái khác. Modigliani đã tạo cho mình một cõi riêng từ tranh sang tượng. Modi thành công trong hai lãnh vực đó, cũng vì đam mê tạc mà đưa tới cho Modi nhiễm bệnh hiểm nghèo lao phổi và suy thoái lần mòn cho tới ngày nhắm mắt. (4)

Cuộc đời là thế; cái thừa nhận thường đi sau cái chết. Modi là nạn nhân của sự phủ phàng : chối bỏ, khinh khi cả đời ông, cái cố gắng của Modi là cái chống lại mọi manh tâm trục lợi; Modigliani chẳng được lợi gì chỉ còn lại cái tiếng thơm muôn thuở mà đời truy phong khi người ta tìm thấy ánh hào quang trong tranh của Modi với một nỗi buồn thánh thiện 'L'Ange au visage grave / The sad-faced Angle' là cả một nội tâm chất chứa, phản ánh cụ thể, một sự tĩnh lặng của nhân thể 'human still lifes'. Thật thế; Modi không phô trương, không chứng tỏ cái hay của mình. Không!

Mà đời phô trương và chứng tỏ cho ông. Cao quý vô cùng, nên suy ngẫm.

Dưới huyết mộ Modigliani mỉm cười cho mình cho đời. Modi đã sống và đi trước thời đại hơn cả niên kỷ, con người ngày nay chỉ tìm thấy cái sự đã rồi, e rằng vẫn còn một số người chưa hiểu thấu cái siêu lý vô tận của Modi để lại.

Có biết, có nói chỉ là lập ngôn một cách mơ hồ về chân tướng sống thực của Amedeo Modigliani mà thôi. Khổ cho những kẻ còn chạy theo những đám bụi mờ không thấy ánh sáng của nghệ thuật hội họa để định nghĩa và minh định thế nào là chân thiện mỹ của 'nghệ-thuật-thứ-bảy'. Hầu hết nghệ danh đều có nỗi khổ riêng cũng như kiếp nghèo riêng, có sa đọa riêng, có lẽ; họ tìm thấy nguồn cảm hứng xuất thần từ trong đó. Modi dùi mài, lòng kiếm cái sáng tạo, âm thầm và không bao giờ tự hào, mãn nguyện dù một thỏa mãn nhỏ, Modigliani ý thức được điều đó. Người nghệ sĩ tự mãn là nghệ sĩ chết. Chết hẳn. Xin đời nhớ cho!

Giờ đây và mãi mãi; Modi đón nhận hạnh phúc của mình đang ngự trị trong những viện bảo tàng nghệ thuật thế giới hơn là những cuộc đấu giá rầm rộ .

Cái đó chính là cái Không-hóa cho cả một đời dần thân của Modi; để làm nên những gì là không-hóa trong tranh, trong đời mà Modi để lại cho hậu thế.

Một sáng tạo kỳ vĩ. Người ta đang 'line-up' để nhìn cái sống thực, cái hào quang của Modigliani với những gương mặt buồn trong tranh như chính nỗi buồn của mỗi chúng ta đang sống giữa cõi đời này ./.

* Amedeo Modigliani: sinh ở Ý 1884.
Chết bệnh lao ở nhà thương thí Paris, Pháp 1920.

1915/16 mở đầu trường phái 'dài' qua tranh và tượng.

1918: Triển lãm cá nhân ở Paris.

1918/19 Triển lãm ở Cannes và Nice (Pháp)

(ca.ab. tiết sương giáng 10/2011)

VÕ CÔNG LIÊM

DƯƠNG QUÍ PHI
Người Đẹp Làm Nghiêng Ngựa Nhà Đường

HUYỀN VIÊM

Dương Quý phi tên thật là Dương Ngọc Hoàn , người Hoa Âm , nay thuộc tỉnh Hà Nam, sau dời đến huyện Vĩnh Lạc, thuộc Bồ Châu, nay là tỉnh Sơn Tây, cha làm Thục châu Tư hộ. Nàng sinh ở đất Thục , cha mẹ mất sớm , ở với chú là Lập Khuê (1), có lần bị ngã xuống hồ, về sau người ta gọi hồ ấy là hồ Lạc phi (hồ bà phi ngã) . Đến tuổi dậy thì, nàng đẹp rực rỡ , đẹp lộng lẫy , thật là khuynh quốc khuynh thành , tuyệt thế giai nhân :

*Xuân chớm song ngoài, hoa nở cả ,
Ứng hồng e lệ với Đông quân .
Hải đường hoa ngủ còn chưa dậy
Vì cả trong lòng chan chứa xuân .*

(J. Leiba -Cảm đề Dương Quý phi)

Năm Khai Nguyên thứ 22 (734) dưới triều Đường Minh Hoàng (tức vua Huyền Tông - Lý Long Cơ) nàng được tuyển vào cung làm vương phi của Thọ vương Lý Mạo , con trai của Đường Minh Hoàng . Chẳng may người ái phi của Đường Minh Hoàng là Võ Huệ phi qua đời , vua thương nhớ lắm mà trong hơn ba ngàn cung nữ không ai có thể làm cho vua khuây khoả được nỗi buồn . Năm Khai Nguyên thứ 28 (740) nghe đồn Thọ vương phi nhan sắc khác thường , Đường Minh Hoàng bèn sai Cao Lực Sĩ sang cung Thọ vương đoạt nàng về . Để tránh tiếng cha cướp vợ của con, Đường Minh Hoàng đã làm một đường vòng. Trước hết, ông bắt Ngọc Hoàn làm đạo sĩ, lấy hiệu là Thái Chân, một thời gian sau mới đưa nàng vào cung, phong làm Quý phi. Nàng chẳng những tuyệt đẹp , tư chất thông tuệ , lại còn biết làm thơ, giỏi âm nhạc và ca múa nên nhanh chóng chiếm được lòng yêu của đấng quân vương . Nàng được sủng ái nhất trong cung , vua yêu nàng hơn hết thấy mọi vật quý trên đời nên thường nói với quần thần rằng : "Trẫm được Quý phi như được viên ngọc quý vậy " . Thật là :

*Ba nghìn cung nữ bao người
Mà lòng yêu dấu riêng nơi một nàng .*

(Bạch Cư Dị - Trường hận ca)

Còn ngoài dân gian thì có bài "Dương thị dao" :

*Làm trai chẳng được phong hầu,
Phi tần làm gái lại giàu lại sang.*

Vào thời Văn Đường , Lý Thương Ẩn rất ghét hành vi loạn luân của Đường Minh Hoàng (cha cướp vợ của con) nên làm bài thơ " Long Trì " để châm biếm :

*Long Trì ban rượu mở bình phong ,
Tiếng trống vang lên, tiếng nhạc ngừng .
Đêm khuya khắc lậu triền miên nhỏ ,
Tiết đã say vui,Thọ thức chong .(2)*

(Bích Hải dịch)

Nhan sắc kiều mị của Dương Quý phi đã làm tổn biết bao giấy mực . Thi hào Lý Bạch đã làm ba bài “ Thanh bình điệu “ để ca tụng nhan sắc của nàng :

*Thoáng bóng mây hoa , nhớ bóng hồng ,
Gió xuân dui dặt giọt sương trong .
Vĩ chẳng non Ngọc không nhìn thấy ,
Dưới nguyệt đài Dao thử ngóng trông .*

(Bài I – Ngô Tất Tố dịch)

Lý Bạch có ngờ đâu bài “ Thanh bình điệu “ lại gây họa cho mình . Nguyên Cao Lực Sĩ không ưa Lý Bạch (vì có lần Lý Bạch bắt hấn tháo giày trước mặt vua) nên tìm cách báo thù . Nhân trong bài II có câu : “*Khả liên Phi Yến ỷ tân trang* “ (Thương cho Phi Yến phải cạy vào trang sức) , Cao Lực Sĩ bèn xuyên tạc, nói với Dương Quý phi rằng Lý Bạch có ý khinh thường nàng khi ví nàng với Triệu Phi Yến , ái phi của vua Thành đế nhà Tây Hán, đã từng tư thông với Xích Phượng . Một lần vua vào cung Chiêu Dương bắt được Xích Phượng đang trốn trong tủ áo bèn đem giết ngay trước mặt Triệu Phi Yến . Bấy giờ Dương Quý phi đang đàn dều với An Lộc Sơn nên chột dạ bèn tâu với Đường Minh Hoàng rằng Lý Bạch kiêu ngạo, không chịu giữ lễ của kẻ nhân thần nên vua lạnh nhạt với Bạch , thế là Bạch phải ra đi .

Trong bài “ *Trường hận Ca* “ thi hào Bạch Cư Dị cũng đã ca tụng nhan sắc của Dương Quý phi :

*Một cười trăm vẻ thiên nhiên ,
Sáu cung nhan sắc thua hờn phấn son .*

Lúc mới vào cung , Dương Quý phi hay ghen, nói lời xúc phạm khiến Đường Minh Hoàng nổi giận, sai lấy xe trả nàng về nhà , nhưng rồi vua nhớ quá , sai Cao Lực Sĩ đến thăm , Dương Quý phi cắt tóc gởi dâng vua . Vua trông thấy tóc thương quá , lại vời nàng vào cung . Đoàn Phú Tứ xúc động vì chuyện này nên đã viết:

*Tóc mây một món , chiếc dao vàng ,
Nghìn trùng e lệ phụng quân vương .
Trăm năm tình cũ lia không hận ,
Thà nép mày hoa thiếp phụ chàng .*

(Màu Thời Gian)

Năm Thiên Bảo thứ 10 (751) , giữa đêm thất tịch (mùng 7 tháng 7 âm lịch) vua cùng Quý phi ngồi hóng mát ở điện Trường Sinh , vua nhắc chuyện Ngưu Lang Chức Nữ mỗi năm chỉ được gặp nhau có một lần, sao bằng ta luôn gần gũi bên nhau thì Quý phi buồn rầu nói :

- Chúng ta tụ họp chỉ có chừng thôi , không như hai sao trên trời cùng nhau mãi mãi .

Vua cảm động nói :

- Hai ta nghĩa sâu tình nặng , nỡ nào xa nhau . Vậy hãy thề rằng :

*Ở trên trời nguyện làm chim liền cánh,
Ở dưới đất nguyện làm cây liền cành.*

(Tại thiên nguyên tác tị dục điều,
Tại địa nguyên vi liên lý chi).

Thề xong, hai người cùng vui vẻ.

Từ khi say đắm Dương Quý phi, Đường Minh Hoàng chiều chuộng nàng rất mực. Ở núi Ly Sơn (tỉnh Thiểm Tây) có một suối nước nóng, nhiệt độ trung bình 43 độ. Năm 644, dưới đời vua Đường Thái tông, nơi đây được xây dựng thành Ôn Tuyền cung (cung suối nước nóng). Năm 747 vua Huyền tông sai xây dựng, sửa chữa Ôn Tuyền cung và đổi tên là Hoa Thanh cung. Mỗi năm, cứ đến mùa đông, Đường Minh Hoàng lại đem ái phi của mình đến nghỉ ở đây và nhà vua lấy làm vui thú khi thấy nàng thích tắm ở suối nước nóng này.

*Ao Hoa Thanh gặp chiều xuân lạnh,
Rửa ngọc ngà tắm cảnh Ôn Tuyền.
Con hầu nâng đỡ khôn lên,
Ấy là buổi được ơn trên yêu dùng.*

(Bạch Cư Dị - Trường hận ca)

Biết Dương Quý phi rất thích ăn trái vải (lệ chi) mà vải ở miền Bắc không ngon bằng ở miền Nam, nên cứ đến mùa vải là Đường Minh Hoàng sai quân vào lấy. Ở Huệ Châu cách Quảng Đông khoảng 100 cây số, có thứ vải ngon mà Quý phi rất thích đến nỗi mong ngóng từng ngày, khi thấy bụi bay theo chân chàng kỵ sĩ thì phi tử nở nụ cười khoan khoái:

*Nhất kỵ hồng trần phi tử tiểu,
Vô nhân tri thị lệ chi lai.*

(Đỗ Mục)

Tương Như dịch:

*Bụi hồng ngựa ruổi, phi cười nụ,
Vải tiến mang về, ai biết đâu.*

Việc đi lấy vải về để làm vui lòng mỹ nhân đã khiến bao người phải vất vả phi ngựa suốt ngày đêm bất kể thời tiết để cho vải khỏi hư thối và nhiều người chết vì ngã hang sa hố nên Tô Đông Pha (1037-1101) đời Tống đã làm bài thơ “ *Lệ chi thán* “ (Lời than về quả vải) để trách Đường Minh Hoàng :

*Muội dặm một trạm, chạy tung bụi ,
Năm dặm một chòi, lính giục vội .
Ngã hang , sa hố chết chồng nhau ,
Để cho vải quý được mang tới .
... Người đẹp trong cung một tiếng cười ,
Nghìn năm máu bụi còn tung mãi .*

(Hoàng Tào dịch)

Vì Dương Quý phi rất được vua yêu nên anh họ của nàng là Dương Quốc Trung được phong làm tướng , rồi tể tướng, ba chị em gái của nàng được phong làm Hàn quốc phu nhân, Quắc quốc phu nhân, Tần quốc phu nhân, bà con họ hàng của nàng nhiều người được cất đất phong quan , ân sủng không bút nào tả xiết , đến nỗi người dân Trung Hoa thời ấy thích sinh con gái hơn là con trai, làm đảo lộn cả phong tục cũ :

*Khiến nên nổi thói thường cha mẹ ,
Trọng gái hơn, chẳng kể sinh trai .*

(Bạch Cư Dị - Trường hận ca)

Bảy giờ Đường Minh Hoàng đã lớn tuổi , lại say đắm Dương Quý phi nên giao hết việc triều chính cho Lý Lâm Phủ , nhà vua ít khi ra thị triều . Nhưng tình yêu và sự chiều chuộng của vua vẫn không làm cho nàng thỏa mãn , bèn tìm cách dan díu với An Lộc

Sơn. Lộc Sơn nguyên là người Hồ , được Đường Minh Hoàng tin yêu và trọng dụng , cho giữ chức Tiết độ sứ ba trấn 'Bình Lư' , Phạm Dương và Hà Đông , trong tay có 20 vạn quân, thế lực rất mạnh . Dương Quý phi xin Đường Minh Hoàng cho nàng nhận An Lộc Sơn làm con nuôi dù tuổi mẹ và tuổi con suýt soát nhau. An Lộc Sơn nhân đấy ra vào cung cấm rất tự do , tha hồ tư thông với Dương Quý phi .

Năm 755 , An Lộc Sơn khởi loạn, kéo quân về Nam, đánh chiếm Hà Bắc, Hà Nam, hãm thành Lạc Dương , tự xưng là Yên Đế rồi kéo quân về Trường An , thề quyết chiếm cho kỳ được Dương Quý phi , nhưng Đường Minh Hoàng đã đem nàng chạy vào đất Thục . Đến Mã Ngôi (3) , ba quân nổi giận , không chịu đi tiếp , bèn nhau giết bọn Dương Quốc Trung và ép vua thắt cổ Dương Quý phi vì cho rằng chính anh em nàng là nguyên nhân của mối loạn này .

Vua nghe nói, rụng rời tay chân , ra năn nỉ ba quân tha chết cho Dương Quý phi. Quân sĩ tung hô vạn tuế nhưng vẫn cứ đứng im , không chịu đi tiếp . Cao Lực Sĩ và tướng Trần Huyền Lễ phải hết sức khuyên vua nên dẹp bỏ tình riêng để chiều lòng ba quân , bằng không , giặc đuổi đến đây thì khó lòng toàn mạng . Vua đành chịu , chỉ đứng yên mà khóc . Cao Lực Sĩ đưa Quý phi vào một ngôi chùa, chờ cho nàng lễ xong mới sai quân thắt cổ nàng trên một cành liễu trước sân chùa . Bảy giờ nàng mới 37 tuổi (719-756).

Dương Quý phi tuy có tội làm nghiêng ngửa nhà Đường nhưng tài sắc của nàng và cái chết trẻ của giai nhân cũng làm cho người đương thời và đời sau thương tiếc . Thi hào Đỗ Phủ (712-770) , người sống cùng thời với Dương Quý phi đã làm bài thơ “ Ai giang đầu “để tỏ lòng tiếc thương nàng :

*Đời nhan sắc nay đã oan thác ,
Máu đào rơi, hồn lạc về đâu ?
Sông Vị thẳm , núi Gươm sâu ,*

Đường kia, ngã ấy , dễ hầu thông tin .

(Ngô Tất Tố dịch)

Sách “ *Đỗ thi kính thuyên* ” chép rằng :“ *Khi An Lộc Sơn chiếm thành Trường An, Đường Minh Hoàng phải chạy vào đất Thục , Dương Quý phi phải thắt cổ ở trạm Mã Ngôi, Đỗ Phủ trốn đi không kịp , bị nghiền trong đám quân giặc. Nhân lúc đi qua Khúc giang (sông Khúc) là nơi Minh Hoàng và Quý phi hay ra chơi, trông thấy quang cảnh hiu quạnh, ông có ý cảm động, thương vua và nàng mới làm bài thơ này .”*

Lý Thương Ẩn (813-858) cũng sống dưới đời Đường , nhưng sau Đường Minh Hoàng và Dương Quý phi hơn nửa thế kỷ , làm bài thơ “ *Mã Ngôi* ” tỏ ý thương tiếc Dương Quý phi nhưng lại chê Đường Minh Hoàng có người đẹp mà không bảo vệ nổi :

*Buổi ấy sáu quân đều buộc ngựa ,
Bấy giờ thất tịch cột Khiên Ngưu .
Bốn mươi năm lẻ làm Thiên tử ,
Mà kém chàng Lư có Mạc Sầu (4).*

(Trần Trọng San dịch)

Ôn Đình Quân (813-870) sống cùng thời với Lý Thương Ẩn làm bài thơ “ *Quá Mã Ngôi Dịch* ” (Qua trạm Mã Ngôi) cũng tiếc thương Dương Quý phi chết thảm một mình . Chiến tranh qua rồi , xe vua vẫn trở về điện Trường Lạc , tiếng chuông sớm ở lầu Cảnh Dương vẫn ngân nga , nhưng vua và Quý phi không thể nào còn gặp nhau trong cung Cam Tuyền được nữa . Trong cung, mọi việc vẫn như xưa , chỉ thiếu có một người !

*Xe ngự hương về Trường Lạc điện ,
Tiếng chuông sớm xuống Cảnh Dương lầu .
Cam Tuyền chẳng gặp nhau lần nữa ,*

Ai nói Văn thành là cổ hầu ? (5)

(Trần Trọng San dịch)

Sang đến đời Tống , Lý Cầu (1009-1059) viết bài " Độc trường hận từ " (Đọc bài trường hận) tỏ ý trách Đường Minh Hoàng. Trong bài " Trường hận ca " của Bạch Cư Dị có đoạn tả nỗi đau xót của Đường Minh Hoàng sau khi Dương Quý phi chết , trong lúc đó quân sĩ có nhiều người chết trận mà lòng vua chẳng chút xót thương :

*Đêm mưa vào Thục tựa lên trời ,
Chuông rộn càng xui hạt lệ rơi .
Thưở ấy trong quân bao kẻ chết ,
Lòng vua sao chẳng chút thương ai ?*

(Hoàng Tạo dịch)

Ở Việt Nam , nhà thơ Ngô Thì Sĩ (1726-1780) sống dưới thời Lê Trịnh đã viết trong " Anh Ngôn thi tập " bài thơ " *Minh Hoàng ước Quý phi* " (Minh Hoàng nhớ Quý phi) chứa chan tình cảm và mệnh mang nỗi buồn thương luyến tiếc :

*Thái Dịch (6) trăng xưa tròn lại khuyết ,
Mã Ngôi gió cũ vẫn đi về .
Nhớ nhau mượn giấc Trầm hương mộng ,(7)
Những tường tiêu phòng vẫn Quý phi .*

*Gió gió mưa mưa hoa Thượng uyển
Mã Ngôi phương thảo những âu sầu .
Khúc Nghê thường đó , người đâu vắng ?
Ân ái may từng đã có nhau .*

(Băng Thanh dịch)

Chuyện cũ đã hơn nghìn năm, nhưng mỗi khi nhắc đến vẫn còn làm cho người đời sau thương cảm.

(1) Có sách ghi người chú của Dương Ngọc Hoàn tên là Huyền Ngao.

(2) Trong bữa tiệc ở dinh Long Trì do Đường Minh Hoàng khoản đãi các hoàng thân, Thọ vương Lý Mạo gặp lại vợ cũ (Dương Ngọc Hoàn) bây giờ đã trở thành kế mẫu (Dương Quý phi). Tiết vương là em con chú của Thọ vương . Vì Tiết vương không có điều gì ray rứt nên tan tiệc là ngủ say , còn Thọ vương mất vợ, đau đớn tủi nhục nên suốt đêm không ngủ được .

(3) Mã Ngôi : Ở phía tây huyện Hưng Bình , tỉnh Thiểm Tây .

(4) Mạc Sầu : nàng mỹ nữ ở Lạc Dương , 15 tuổi về làm vợ nhà họ Lư , 16 tuổi sinh con trai đặt là A Hâu . Vợ chồng sống rất hạnh phúc , ý nói vua Đường Minh Hoàng còn kém xa chàng họ Lư, không giữ nổi vợ.

(5) Văn thành là danh hiệu của tướng quân ; cố hầu là tước hầu thời trước. Câu này có ý nói tướng Trần Huyền Lễ bị vua Đường Túc Tông (con của Đường Minh Hoàng) cho về nghỉ hưu khi Đường Minh Hoàng phải dời từ cung Hưng Khánh vào ở trong Tây nội năm 760 (chú thích của Trần Trọng San)

(6) Thái Dịch : một cái hồ trong cung vua .

(7) Đình Trầm Hương là nơi vua và Quý phi xem hoa nở .

HUYỀN VIÊM

MỤC LỤC

lời mở	– trang 4.
mùa mận – bảo lễ	– trang 5 – 13.
mong manh cúc quỳ – minh nguyên	– trang 14 – 31.
trên giòng sông thủy triều - ngô đình miên	- trang 32 – 55.
thi sĩ – phạm phú hải	– trang 56.
tờ di chúc – từ vũ	- trang 57 - 63.
lênh đênh giòng đời - vương hoài uyên	- trang 64 – 70.
xứ lạ quê người – nguyên thị dị	– trang 71 – 76.
những đóa hồng mong manh -phan	– trang 77 – 82.
tôi, em và lão – lãng hiên xuân	– trang 83 – 96.
mưa buồn – nguyên thị thụy khánh	– trang 97.

hôm nay trời se lạnh – hồ thủy – trang	98 – 104.
nghe tiếng chim tu hú – nguyên khôi – trang	105.
em có về hà nội – hoàng gia cương – trang	106 .
phận – khái nguyên – trang	107 – 117.
ngành thu nhớ người – vũ lưu xuân – trang	118 - 141.
điều ru tình – hồng vinh – trang	142.
bóng mát cuộc tình – nguyên văn sâm – trang	143 - 152.
ánh trăng trên đèo lò xo và ... – hà nguyên tường – trang	153.
đêm lạnh – vũ hữu trác – trang	154 – 165.
"ai " trong văn chương – tuệ chương hoàng long hải – trang	166 – 193.
tình trong hai nhà văn mà tôi biết – lại quảng nam – trang	194 – 199.
vàng mấy khoảng cho mặt trời tới đậu – đặng đình túy – trang	200 - 207.
mối quan hệ giữa họ mạc với họ nguyên ... – thái kế toại – trang	208 – 216.
modigliani, họa sĩ không hoá – võ công liêm – trang	217 – 223.
dương quý phi ... – huyền viêm – trang	224 – 233.
mục lục – trang	234 – 235.

nguyệt san việt văn mới số 5
phát hành ngày 15 tháng 11 năm 2013
tủ sách việt văn mới newvietart xuất bản

chủ trương :

từ vũ - nguyễn mai

newvietart@gmail.com

biên tập : từ vũ & nguyễn thị di
bìa và trình bày : nữ họa sĩ emily carlier

238 trang - khổ 13,5 x 20 cm

với chủ trương bảo vệ, củng cố và phát triển văn hoá truyền thống
việt nam nguyệt san việt văn mới được phổ biến miễn phí –
người đọc có thể ghi thu về máy vi tính
hoặc ebook cá nhân của mình hay tự in ấn để lưu trữ .

.Tuyệt đối
không được phổ biến
bằng tính cách thương mại.



tủ sách việt văn mới

văn học nghệ thuật

việt văn mới

số 5 tháng 11 năm 2013

. bảo lễ . ngô đình miên . minh nguyên . từ vũ .
phạm phú hải . vương hoài uyên . hồ thủy .
nguyễn thị dị . nguyễn khôi . phan . lăng hiền
xuân . nguyễn thị thụy khánh . vũ lưu xuân .
hoàng gia cương . khái nguyên . hồng vinh .
nguyễn văn sâm . vũ hữu trác . huyền viêm .
hà nguyên tường . tuệ chương hoàng long hải
. lại quảng nam . đặng đình túy . thái kế toại .
võ công liêm . huyền viêm .

tủ sách việt văn mới
2013